



Vườn Tao-đàn — Saigon

PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc : **NGUYỄN - VỸ**



1-11 - 1964

indung

ĐỆ - LỤC CHU - NIÊN 1964
Vă kỷ-niệm cách-mạng 1-11.

CARDIOCORINE

Thuốc giọt



BỘ TÂM
ĐIỀU-HOÀ
HƠI THỞ

DÙNG CHO NGƯỜI LỚN và TRẺ EM

Cardiocorine

TRỊ: YẾU TIM, LƯU NHƯỢC
MỆT, MỎI, NGẤT SÚC



Viện bảo-chữ NGUYỄN-CHÍ
Số 2, Tự-Đức Saigon

ĐAN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

CARDIOCORINE

LE SECOURS

Công-Ty Bảo - Hiểm và tái Bảo-Hiểm những
tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chánh :
30-32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông
16, đại-lộ Nguyễn-Huệ — Saigon
Điện-Thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liên chớ ngần ngại — Mọi sự
dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

Xổ Số Kiến-Thiết Quốc-Gia
Giúp nước thêm nhà ta thêm của
3 LO ĐỘC ĐÁC
mỗi lô

1.000.000 \$

XỔ THỨ BA HÀNG TUẦN, MỖI VÉ 10 \$

THẦN-TÀI CHẴNG VỊ RIÊNG AI
CỨ MUA VÉ SỐ
THÌ THẦN-TÀI SẼ ĐẾN THĂM

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM CỎ

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn : 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ VI ★ SỐ 137 ★ 1-11-1964

1.— Hai lễ kỷ niệm.	Nguyễn-Vũ	7 — 9
2.— Tuyên bố giải thưởng Tao-Đàn 1964	T.Đ.B.N.	10 — 11
3.— Thơ trúng giải Tao-Đàn Bạch-Nga	T.Đ.B.N.	12 — 18
4.— Bí mật của mặt trời (khoa học)	Lê-quang-Chu	19 — 27
5.— Một loại chim thời tiền sử	Lưu-Bằng	28 — 36
6.— Mirabeau một nhân vật kỳ dị.	Hoài-Thương	37 — 39
7.— Trời đã sáng (truyện ngắn).	Hoàng-Thắng	40 — 46
8.— Kỷ niệm 1-11 (thơ).	Thi-Hoài	47
9.— Nhà toán học Nicolas Bourbaki.	Võ quang Yên	48 — 52
10.— Người yêu tội nghiệp (truyện ngắn).	Trần-Tuấn-Kiệt	53 — 56
11.— Những chuyện tình đầy máu và nước mắt.	Tôn-nữ Ngọc-Lan	57 — 61
12.— U-uất (TĐBN).	Thanh-Nhung	62
13.— Tuổi chàng trai nước Việt.	Nguyễn-Vũ	63 — 66
14.— Pasis ngày hội	Ernest Hemingway	67 — 74
15.— Hoa thể hệ (TĐBN).	Phương-Đài	75

16.— Người chiến-quốc	Thiếu-Sơn	76	—	81
17.— Chuyện con chó chết (truyện ngắn).	Nguyễn-Thu-Minh	82	—	86
18.— Ghana : một đêm tựa đây nguy hiểm	Nguyễn-Hồng	87	—	95
19.— Nhân cuộc bầu cử Tổng Thống Mỹ	Từ-Trầm-Lệ	96	—	106
20.— Bức thư Paris	Nguyễn-văn-Cồn	107	—	110
21.— Bushmen, sắc dân cổ nhất	Trịnh-văn-Tiến	111	—	115
22.— Di chúc của người sống (TĐBN)	Lâm-Vị-Thủy			116
23.— Bi thương (thơ)	Phượng-Duyên			117
24.— Chiếm lại quê hương (kịch ngắn)	Minh-Đức	118	—	126
25.— Bí mật trong đệ nhị thế chiến	Thiếu-Sơn	127	—	131
26.— Ba vạn 6 nghìn môn hồi lộ	Trọng-Tấu	132	—	138
27.— Tiếng nói gái trai thế hệ	Đình-Thư	139	—	141
28.— Minh ơi ! Ngủ	Diệu-Huyền	142	—	151
29.— Thần thoại Hy-lạp La-mã	Đàm-Quang-Thiện	152	—	156
30.— Mẹ lau nước mắt (thơ)	Kiên-Giang			157
31.— Phở-Thông phỏng vấn : T.T. Thiệu	Thái-Dương	158	—	162
32.— Cái chết bí mật của Nhu-Diệm	Nguyễn-Vỹ	163	—	165
34.— Vô-dịch quốc-lễ Nhu-Đạo	P.T	166	—	167
33.— Một bài toán treo hòng	Nhi bát Uẩn	168	—	169
35.— Bài thơ gửi cho thế hệ (thơ)	Huy-Lục			170
36.— Bước chân lịch sử (thơ)	Hoài-Khanh			171
37.— Vài nét về lịch sử Đông-Kinh	Châm-Vũ	172	—	179
38.— Tuyên ngôn của Tao Đàn Bạch Nga	T.Đ.B.N	180	—	185
39.— 5 phút quyết định (truyện quốc tế)	N. H.	186	—	194
40.— Người tù 69	Nguyễn Vỹ	195	—	198
41.— Vào cuộc phiêu lưu (thơ)	Hoà-Tĩnh-Linh			199
42.— Ông Hoàng Bé	Mạc Triều Linh	200	—	212
• Trình bày	Nguyễn-Minh			
• Tranh vẽ	Ngọc Dũng			



- ✱ Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ✱ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- ✱ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ✱ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- ✱ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỒ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

O một ngẫu - nhiên thích - thú,
ngày Đệ-Lục Chu-Niên của PHỒ-
THÔNG Tạp-chí lại trùng vào ngày
toàn Dân hân-hoan Quốc-Kkánh 1-
11-63. Và Phở-Thông tạp-chí có lý
do tha-thiết để trọn hưởng hai kỷ-
niệm ấy, vì lễ Cách-Mạng 1.11-63
cũng giải - thoát cả Phở - Thông
tạp-chí.

1963, *Phổ-Thông* tạp-chí đăng truyện dài « *Lợi-Ngược* » là một chuỗi cười trường-hận về thời cuộc dưới thời mụ Nhu.

Tuy bề ngoài các nhân vật trong truyện không có liên hệ gì đến ai, nhưng 50.000 độc giả của *Phổ-Thông* tạp-chí cho đến cả những độc giả ở Hải-ngoại, đều trực-nhiên đoán biết những nhân-vật ấy là ai. Cho nên bạn đọc theo dõi truyện « *Lợi-Ngược* » với một hứng-thú say-mê, vừa khoái-trá, vừa hồi-hộp lo âu cho *Phổ-Thông* tạp-chí, nhất là cho tác-giả. Suốt mấy tháng trời, Ban kiểm-đuyệt của Bộ Thông Tin vẫn tưởng là câu chuyện di-dỏm ngây-thơ... Cho đến một hôm bọn Mật vụ của mụ Nhu hăm-he nhân-viên phụ-trách kiểm-đuyệt *Phổ-Thông* tạp-chí, và tố cáo tất cả hậu-ý trào-lộng và cay chua của « *Lợi-Ngược* ».

Một nhân vật cao-cấp của Nha Thông-Tin, một người bạn tốt, bảo khế với tác-giả như một lời cảnh cáo trầm trọng : « May cho anh, là bà Nhu vừa mới đi ngoại-quốc. Nếu bà ấy ở nhà thì họ đã tâu lên vụ « *Lợi-Ngược* », và anh sẽ không tránh khỏi một cuộc phiêu-lưu ghê-gớm.. Chúng tôi cấm anh đăng tiếp-tục truyện « *Lợi-Ngược* » là đề cử vớt cho anh phần nào. Bà Nhu về đây, rồi anh sẽ biết »

Thế là « *Lợi-Ngược* » phải tạm thời chấm-dứt, khiến bạn đọc *Phổ-Thông* xôn-xao quá chừng.

Rồi đến ngày Phạt-dân. Phật-giáo bị đàn áp dã-man ở Huế. *Phổ-Thông* tạp-chí là cơ-quan ngôn-luận duy-nhất dám kêu lên những lời đả-kích phẫn-nộ, bị thương. Bài này đăng bằng chữ đậm trên trang đầu, lại đóng khung tang. và *Phổ-Thông* tạp-chí liền bị Bộ Thông Tin của Nhu vạch mặt là nguy-hiểm, là phản động.

Suốt thời-gian kể đó, tác-giả đã phải trốn tránh, ban đêm không dám ngủ ở nhà.

May quá, ngày 1-11 tiếng súng Cách-Mạng đã nổ.

Toàn dân được giải-phóng. *Phổ-Thông* tạp-chí cũng trưng bưng mừng luôn ngày kỷ-niệm Giải-phóng Đệ Ngũ Chu-Niên.

Từ đây, *Phổ-Thông* Tạp-chí trưởng thành trong Cách-Mạng, tiếp-tục đeo đuổi nhiệm vụ Văn hóa dân-tộc, Văn-hóa tiến bộ song-song với Cách-Mạng, và xây dựng trong lòng Cách-Mạng.

★ N.V.



★ DANH NGÔN

Khi nào mình thấy khổ sở, hãy nghĩ đến kẻ khổ sở hơn mình, đây là một liều thuốc rất thần diệu.

(Quand vous vous trouvez malheureux, pensez aux plus malheureux que vous, la recette est infaillible)

Tư tưởng Tây phương

TUYÊN - BỐ

về GIẢI THƯỞNG

TAO - ĐÀN BẠCH - NGÀ

1964

Trong Phê-Thông số 120 phát hành ngày 1-2-64, Đặc-biệt Xuân Giáp-Thìn, chúng tôi có rao về thể lệ những giải thưởng Tao Đàn Bạch Nga. Mục đích của giải thưởng là :

- 1.— Khuyến khích những thi sĩ có chân tài của thế hệ trẻ.
- 2.— Nâng cao tinh thần và kỷ luật Thơ Việt-Nam.

Giải thưởng đầu tiên của Tao Đàn Bạch Nga (1964), đáng lẽ đã được tuyên bố kết quả vào ngày lễ Trung Thu 1964. Nhưng vì tình hình rối loạn trong nước nên trong Phê-Thông số Trung Thu vừa qua chúng tôi đã loan-báo dời cuộc tuyên bố kết quả ấy vào ngày 1-11-1964, là ngày lễ kỷ niệm Đệ-Lục Chu Niên của Tạp chí Phê-Thông.

GIẢI THƯỞNG TAO ĐÀN

Vậy hôm nay, chúng tôi xin tuyên-bố kết-quả những Giải-thưởng Tao Đàn Bạch-Nga 1964.



Các bạn dự giải có trên 50 người. Hầu hết là những thi sĩ trẻ tuổi của thế hệ mới, có chân tài, có căn bản vững chãi về văn hóa, và đã có thơ đăng khá nhiều trên các tạp chí văn nghệ như *Bách Khoa, Văn Học, Tin-Sách, Văn, Phê Thông v.v...*

Ngoài ra còn có hai thi sĩ trẻ ở Hải ngoại cũng đã sốt sắng gửi thi phẩm về tham gia giải thưởng.

Chúng tôi vô cùng cảm động trước sự hưởng ứng nhiệt thành của các bạn; và vì vậy chúng tôi rất thận trọng trong việc định đoạt giải thưởng. Các bạn trong Tao Đàn Bạch-Nga ở Paris, Tokyo, Manille, cũng đã gửi về những bản nhận xét rất xác đáng. Chúng tôi đã phải đọc đi đọc lại nhiều lần những tác phẩm dự thi và đã đồng ý hoàn toàn trong việc định đoạt cuối cùng về các giải thưởng. Nhân tiện, chúng tôi xin nhắc lại đây rằng, theo thể - lệ đã công bố trong Phê Thông số Xuân 1964, giải thưởng Tao Đàn Bạch Nga được ấn định :

- Giải nhất 10.000 đồng
- Giải nhì 8.000 đồng
- Giải ba 6.000 đồng



Hôm nay chúng tôi xin trân trọng tuyên bố sau đây Giải Tao-Đàn Bạch-Nga 1964 :

Bạn *Thùy-Dương-Tử* giải nhất
 Bạn *Trúc-Li* giải nhì
 Bạn *Lạc-Thủy* giải ba

Đồng thời, chúng tôi xin thành thật cảm ơn toàn thể các bạn thi sĩ đã vui lòng hưởng ứng giải Tao Đàn Bạch Nga. Dù lần này các bạn không có chân trong giải, nhưng giữa các bạn và Tao Đàn Bạch Nga vẫn còn tồn-tại mãi một mối duyên văn-nghệ chân-thành và thân-ái.

Chúng tôi rất mong sẽ được hân-hạnh gặp lại các bạn trong giải Tao Đàn 1965, mà thể-lệ sẽ được tuyên-bố trong PT số tới.

Tao-Đàn Bạch-Nga

Hiện-diện trong buổi thảo-luận đặc-biệt tại Tao-đàn, chiều Chủ-nhật 11-10-1964 quyết định giải Tao-Đàn Bạch-Nga 1964 :

Nguyễn-Vỹ ★ Phương-Đài ★
 Tuệ-Mai ★ Minh Đức ★ Trần-Tuấn-Kiệt ★ Lâm-Vị-Thủy ★
 Nguyễn - Thu - Minh ★ Tôn-Nữ Hỷ-Khương ★



● Ngày và nơi phát giải sẽ công bố trong P.T. số tới.

Giải Tao-dàn Bạch-Nga 1964

Chúng tôi xin trích đăng sau đây một bài thơ của mỗi Thi-sĩ vừa trúng Giải Tao-dàn Bạch-Nga 1964. Trong Phổ-Thông số sau, chúng tôi sẽ xin đăng đầy đủ tiêu-sử của mỗi nhà Thơ ấy.



★ GIẢI NHẤT :

THÙY - DƯƠNG - TỬ

Tên thật : NGUYỄN-KIM-TUẤN
(1773, ấp Tây III — Phú-Nhuận)

● hai mươi

— Anh ở đâu ?
— tôi ở mười phương đất trời giông bão
tháng năm rồi lần dạo làm thuê
— anh ở đâu ?
sao nói chuyện buồn ghê !
Tôi cũng vậy — quê hương đầy tang tóc
đã khóc ?
— Vâng, có những lần tôi đã khóc
khóc loài người đem máu lửa khăn tang
đem chiến tranh tạo khúc nhạc điêu tàn
hai thế chiến — chứng minh ngày sự thật
anh ơi !
quê hương mình xương chất
hận Sông Gianh
buồn Bến Hải ngàn năm của thời thế điên cuồng hiện tại
— Anh ở đâu ?
— sao nụ cười hoang dại ?
giọng người điên của thế kỷ hai mươi !

Giải Tao-dàn Bạch-Nga 1964 ★ Giải Tao-dàn Bạch-Nga 1964

tôi là tôi ngàn năm mãi vẫn cười
say chuẩn choáng — mong địa cầu tan vỡ
— anh ở đâu ?
— tôi là tôi đầu Ngô mình Sở
phận con người viết mướn làm thuê
yêu văn chương
yêu sự thật những nghề: của nước mắt — của mồ hôi tận-tụy
— anh là ai ?
— tôi là tôi từng yêu từng sống
từng lao tù đầy đoạ tháng năm
từng đau thương — từng đọc sử ngàn năm
cần đập đổ thành trì nô lệ
Anh và tôi
cùng chung thế hệ
lệ đau buồn !
— anh có nói gì không ?
— một con sông...
tim óc đôi giòng
giòng tang tóc — nhịp cầu chưa giao nối
Anh ơi ! nhà tôi bên kia — mang tên Hà-Nội
chín năm rồi lòng thấy bơ vơ !
— quê anh đâu ?
— đã tang tóc đôi bờ !
thành Đà-nẵng mây dâng mờ ngổ hẹp
Ái-Vân-Sơn đã mòn bao nhiêu dếp
áo mẹ già khâu năm tháng sờn vai
anh và tôi mang một kiếp trai
của thời thế
đảo điên
quay cuồng chong chóng
Anh ơi ! quê hương tôi : Hà-Nội tôi buồn tôi ngóng
biết bao giờ nối lại tình thương ?

hận không anh ?
— Ừ. Có chớ sao không !
đất căn cỗi — miền Trung tôi xơ xác
anh ơi ! cuộc đời sao bi đát !
cảnh chiều đông ảm đạm mưa phùn
quê hương tôi — tôi nhớ tôi buồn
nghèo chấy túi lại càng thêm chấy túi
và anh ạ,
đất Saigon bạn bè một tụi
thằng lang thang — thằng đập nước xích-lô
cũng có thằng : Áo vết, ô-tô
cũng có chị buôn rau ngoài chợ
giữa trần gian,
mỗi người mang món nợ
chàng Sinh viên,
cô áo trắng học-trò
mỗi một người — mang mỗi một niềm lo
lo hiện tại
mai sau...
— ừ — sao nhỉ ?
Anh gọi tôi là chàng thi-sĩ
nhưng không đâu — tôi viết mượn làm thuê
tháng năm lên
ngày lại ê-chề
ôi ! hiện tại ?
ngày mai — sau trước ?
tiếng Hòa-Bình (?)
người vẫn giết nhau
giang sơn chữ «S» một màu
Việt-Nam mẹ hơi sầu đau thế nào ?
bây giờ gục mặt xin chào
niềm suy-tư lại — đi vào hai mươi.

★ GIẢI NHÌ :

TRÚC - LI

Tên thật : NGUYỄN-HÙNG-TRÁT
(269/20 Võ-Tánh — Saigon)

• nỗi buồn đầu tiên

Con nghe buồn dằng đau tâm hồn,
Tim chừng se thắt mỗi hoàng hôn
Khi nhìn heo hút phương trời thăm
Nhớ mẹ quê nhà nơi cuối thôn.

Mây trời chiều nay khơi u buồn,
Sụt sùi mái ngói giọt mưa tuông
Con ngỡ là tiếng tim con khóc
Khi mắt con cay lệ chảy đôn.

Đêm mưa sầu đau lên lê thê ;
Sấm buồn xa dậy chuyển sơn khê,
Ngàn cây trở gió run run lá
Nghiêng gối con nghe lạnh nã nê.

Ngày qua ngày con sầu bơ vơ.
Thời gian trôi chậm phút mong chờ,
Một tuần ở trọ dài dằng dẳng
Mà chẳng đêm nào con chẳng mơ.

Con nghe buồn dằng đau tâm hồn,
Tim chừng se thắt mỗi hoàng hôn
Khi nhìn heo hút phương trời thăm
Nhớ mẹ quê nhà nơi cuối thôn.

★ GIẢI BA :

LẠC - THỦY

Tên thật : ĐỖ-QUÍ-BÁI

(518 Việt-nam đại học xá S.V. Y-Khoa và Luật Khoa Saigon)

• mẹ

Cha tôi chết lúc tôi lên ba tuổi
Giữa một đêm buồn muối ở Phòng về
Còn nhỏ nhoi nên tôi chẳng biết gì
Chỉ òa khóc lúc mẹ tôi nức nở
Mưa xối xả ! ...
Gió gào man rợ !
Chớp liên hồi rạch vỡ vũng trời đen
Tự ấu thơ đêm ấy đêm đầu tiên
Tôi biết sợ !
Tôi lớn lên trong lo sợ !
Thân góa bụa... Mình mẹ tôi soay sở
Không bước thêm : Không nở xa tôi.
Hai mẹ con heo hút sống lẫn hời,
Bữa khoai sắn cho qua thời kinh-tế
Nạn đói tràn lan !
Đê Đông Lao bẽ !
Cả hoa màu đành để lấp lòng sông !
Tưởng tầm tang cũng bớt cảnh long đong
Bỗng giáp Tết Thăng-Long bùng khói lửa :
Làng tôi đẩy bom thù reo đồ vỡ !
Theo xóm giềng vội vã tản cư.
Đồng chiêm sâu !
Con gái, lúa ôm bờ,
Mẹ chập choạng gánh con trong thúng gạo
Xếp Vinh-Phúc bữa ngô bữa cháo !
Rau khúc tươi rào rạc dọn xanh cơm !
Tản cư về
Mưa nắng
Mẹ đi buôn !
Khắp La-cả, La-Kê, Hà-Đông, Hà-Nội
Bút máy, đồng hồ
Vải bông vải sợi

Giải Tao-dàn Bạch-Nga 1964 ★ Giải Tao-dàn Bạch-Nga 1964

Một thân cề lặn lội vạn gian truân ;
Khóc thầm luôn mắt mẹ tối tăm dần,
Tôi mãi sống chưa một lần an ủi
Xuống Hải-Phòng vẫn thân cò thui thủi
Lo cho con học hỏi nên người ;
Nước mặn, đồng chua nhuộm tóc màu vôi
Da trứng bóc nắng phơi màu mái mái.
Bao đêm lạnh bỗng dựng sầu tê-tái,
Ôm mẹ già ôn lại thuở xa xôi
Lòng ngùi ngùi rặng rập cần đôi môi
Tủi thân phận chẳng hề nguôi tắc dạ

Tôi tự hứa :

Dù muôn vàn vất-vả
Phải hy-sinh tất cả cũng không lui
Tôi chỉ cần chỉ muốn mẹ tôi vui

Ôi ! Định-mệnh !

Mấy ai tròn mộng ước ?

Hiệp-dịnh Genève chia đôi đất nước
Hàng triệu người bắt buộc phải ra đi
Khắp ruộng đồng thồn-thức điệu từ ly
Mẹ lo lắng giục con đi tản trước
Mẹ khóc lóc, làm sao cưỡng được ?
Lìa mẹ hiền cắt bước vô Nam ;
Tiễn chân con; mẹ dặn : « Cứ yên tâm,
Mẹ đã định về thăm mộ Bố
Rồi thu xếp việc nhà việc cửa
Chừng độ dăm ba bữa mẹ vào ngay. »
Tàu hạ mồm nghiêng lái nặng chưa cạy
Đôi tay vẫy đôi tay cùng gạt lệ
Đã mấy phen toan nhào xuống bờ
Bơi trở vào theo mẹ viếng mồ cha,
Sợ mẹ buồn đành gạt tủi xót-xa
Dối bóng mẹ nhòa nhòa trên bến Muối
Buổi chia tay có ngờ đâu buổi cuối
Bầy năm trời chờ đợi bạc đầu con
Hai ngàn ngày đằng đẳng héo-hon
Có ai biết mẹ còn hay đã khuất ?

Gửi mẹ thù ố hoen màu nước mắt.
 Áo mẹ may con vẫn cất trong rương
 Mần mẹ khâu chưa dám mắc lên giường
 Con chỉ sợ hơi hương tàn rã hết
 Đêm đêm ngắm sao tàn trắng khuyết
 Tưởng nhớ ngày ly-biệt quặn lòng đau
 Ôi Hiền-Lương ai nỡ ngăn cầu !
 Cho mẹ tủi con sầu ngơ ngần ?
 Chiến - tranh ơi ! Chiến - tranh ơi !
 Tàn nhẫn !
 Mẹ hiền ơi !
 Con lỗi phận làm con !
 Mẹ tôi già bóng xế đầu non
 Sao nỡ để hao mòn trong tưởng nhớ ?
 Sao nỡ bắt đêm đêm nức nở ?

Liệu tôi còn gặp gỡ mẹ tôi không ?
 Tôi có còn thấy lại mái đầu bông ?
 Có thấy lại chiếc lưng cong chờ đợi ?
 Có được nghe mẹ tôi trấn trời ?
 Được giơ tay vượt vệt lớp mi sâu ?
 Hảo-huyền mà !
 Hy-vọng gì đâu ?
 Mẹ ơi mẹ ! Gặp nhau đành kiếp tới ?
 Trời cao !
 Trời cao !

Mẹ tôi vô tội !
 Đừng bắt người hấp-hối vắng con yêu
 Tôi chẳng cầu chẳng dám xin nhiều,
 Chỉ mong được chiều chiều thăm mộ mẹ
 Ôm mộ chí giữa tha-ma quạnh-quê
 Mà thở than lặng-lẽ với trăng trong :
 Con cò lặn lội bờ sông
 Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non
 Sô tang nuôi cái nuôi con
 Bao năm xa cách héo hon cõi lòng.



BÍ MẬT CỦA

MẶT
TRỜI

NẾU hỏi 100 người câu hỏi sau đây :

« Ngôi sao nào ở gần chúng ta nhất ? »

95 người sẽ trả lời rằng không biết, 3 người sẽ nói : « Ngôi sao gần chúng ta nhất là Alpha Centauri », 2 người còn lại « Ngôi sao Proxima Centauri ».

Tất cả 100 người đó đều sai, kể cả 2 người biết rằng ngôi sao Proxima Centauri gần chúng ta hơn Alpha Centauri.

Thực ra, ngôi sao gần chúng ta nhất là Mặt Trời. Nó là một ngôi sao cỡ trung bình trong hằng tỷ ngôi sao trong « Milky Way Galaxy » (Ngân-hà).

Con người đã nghiên cứu trong mấy nghìn năm mới tìm ra được sự kiện này. Chúng ta hằng ngày thấy mặt trời sáng

★ Lê-Quang-Chu

rực, nóng bỏng, khác hẳn các ngôi sao lấp lánh, có vẻ lạnh lẽo ở xa, vì mặt trời quá gần chúng ta — chỉ 149.500.000 Km mà thôi. Nhưng nếu xê dịch mặt trời đến một nơi cách xa chúng ta hằng triệu lần khoảng cách hiện tại, nó sẽ trở thành một ngôi sao nhỏ, lấp lánh khó phân biệt với các ngôi sao khác.

Thực ra, các nhà thiên văn học chỉ mới có vài ý niệm về mặt trời trong vòng hai mươi năm trước mà thôi. Ngày nay, nhờ những sự tìm tòi, thí nghiệm của biết bao khoa học gia, chúng ta không những đã biết rất nhiều bí mật của mặt trời,

mà còn dùng cả những tia sáng của nó để làm những hỗn hợp nguyên tử, với những kết quả phi thường cho nhân loại trong tương lai.

Ngày xưa, học một vài chi tiết về mặt trời chẳng những không có kết quả, mà còn bị xem là tự kiêu, tự đại nữa.

Thí dụ trường hợp một nhà triết học ở thế kỷ XVIII nói: «Có một điều chắc chắn là chúng ta sẽ không bao giờ biết ngôi sao làm bằng chất gì?». Ngày nay, nhờ những kính quang phổ, chúng ta biết nhiều về sự cấu tạo của các ngôi sao cách xa ta hằng tỷ dặm (1.610m) hơn trái đất ngay dưới chân ta.

Kính quang phổ (spectroscope) phân tách ánh sáng mặt trời thành những tia sáng đủ màu, chiếu trên một băng dài. Nhìn những tia sáng đủ màu trên cái băng ấy, người ta biết được rõ ràng, đích xác sự cấu tạo của mặt trời.

Mọi chất thường thấy đều có trong mặt trời. Nhưng mặt trời được cấu tạo bởi hai chất chính: Hydro và Helium — có rất nhiều, chiếm gần hết mặt trời.

Trái đất chúng ta được cấu tạo bởi hai chất chính: Oxy và Silicon. Như vậy sự cấu tạo trái đất khác hẳn sự cấu tạo mặt

trời. Và đây là một bằng chứng chống lại giả thuyết cho rằng trái đất là một phần của mặt trời tách ra trước kia.

Mọi nguyên tử, khi được nung nóng đầy đủ, sẽ trở thành những máy — rất nhỏ — phóng ra những tia sáng trong không trung. Chiều dài làn sóng của tia sáng của mỗi nguyên tử thì đặc biệt như dấu tay của mỗi người.

Ba thế kỷ trước, sau khi tìm được đích xác đường kính của mặt trời (vào khoảng 1.390.000 km, hơn 100 lần lớn hơn đường kính của trái đất) và do đó tính được thể tích của nó, các nhà thiên văn học lại gặp một vấn đề nan giải khác: Số năng lượng (energy) phát xuất từ mặt trời mà ta nhận được thực là vĩ đại, vô lường. Trên mỗi m² (trên trái đất) chúng ta nhận được một số năng lượng tương đương với lò sưởi điện 1 kilowatt. Tuy vậy, số năng lượng mà trái đất chúng ta nhận được, so với tất cả năng lượng phát xuất từ mặt trời, chỉ như một hạt cát trong sa mạc: chúng ta chỉ ngăn chặn được 1 phần rất nhỏ các quang tuyến của mặt trời. Hầu hết năng lượng của mặt trời đều đi vào không

gian, phung phí hết (waste), không dùng vào việc gì cả. Số năng lượng phung phí này, nếu anh muốn số hẳn, vào khoảng 501.000.000.000.000.000.000 mã lực tức là vào khoảng 368.000.000.000.000.000.000 kilowatts.

— Năng lượng ở đâu mà có nhiều thế? Và bao giờ mới hết.

Ở Victorianera đã xảy ra 1 cuộc đấu khẩu kịch liệt giữa các nhà thiên văn học và các nhà địa chất học. Đây là vấn đề: Trong khoa học, chưa có một nguồn nào có thể giúp mặt trời phát xuất số năng lượng lớn, như thế trong khoảng thời gian mà các nhà địa chất học tìm ra. Nếu mặt trời hoàn toàn làm bằng thứ than tốt nhất, nó cũng chỉ có thể đốt cháy hết trong vài ngàn năm mà thôi.

Các nhà khoa học moi óc, cố tìm một giải đáp. Sau cùng họ tưởng đã tìm được. Các nhà khoa học này nói rằng mặt trời phát xuất năng lượng vì nó tự co rút thể tích lại từ từ. Nhưng nếu mặt trời tự co rút lại, thì dĩ nhiên trước kia nó đã lớn hơn thể tích lúc bấy giờ. Và lúc đó tính khoảng thời gian từ khi mặt trời to lớn, ôm cả trái đất, cho đến lúc bấy giờ, không còn là một việc khó. Các nhà khoa học gia đó tính

toán khoảng thời gian nói trên và trả lời «Vào khoảng 50 triệu năm». Như thế ta đã giới hạn tuổi của trái đất. Các nhà địa chất học đem những bằng cứ như «Những ngọn núi bị xoi mòn gần hết; những lớp phấn dày hàng ngàn dặm nằm ở lòng những biển bí mật», để chứng minh rằng trái đất chúng ta có từ lâu hơn thời gian đó rất nhiều.

Mãi sau, sự tìm ra năng lực phóng xạ nguyên tử (radioactivity) mới giải đáp vấn đề. Lúc bấy giờ các nhà khoa học mới biết rằng có số năng lượng khổng lồ ẩn trong các nguyên tử, và mặt trời đã lấy năng lượng trong nguyên tử (atom) để cháy sáng đều đều hằng tỷ năm.

Mấy chục năm nay, các khoa học gia nghiên cứu để tìm biết cái phương tiện đích xác mà mặt trời dùng để tỏa ra năng lượng. Các thành phần — radium chẳng hạn — dĩ nhiên không bền; nó sản xuất năng lượng liên tục cho đến khi trở thành các chất không phát ra nhiều năng lượng nữa. Thí dụ như «chì». Giả thử rằng mặt trời làm bằng chất Radium, nó vẫn không thể phát ra đủ số năng lượng khổng lồ ấy trong khoảng thời gian lâu như vậy. Như thế, mặt trời chắc đã tỏa

BÍ MẬT CỦA MẶT TRỜI

năng lượng từ các chất «thường» khác.

Trong lịch sử thế giới, có lẽ chưa có sự tìm kiếm nào quan trọng hơn sự tìm kiếm chất «thường» ấy. Đầu mối quan trọng đầu tiên đến vào năm 1868: kính quang phổ vừa bày ra lần ánh sáng màu của một chất mới mà người ta chưa khám phá ra. Chất đó được đặt tên là «Helium». Sau một cuộc tìm kiếm, người ta đã tìm ra một số lượng Helium rất nhỏ trong khí quyển của trái đất.

Mặc dầu «Helium» đã đem đến cho các nhà khoa học sự chú ý vì đã được tìm ra một cách hơi khác thường, người ta chỉ mới xem nó như một chất mới lạ mà thôi. Nhưng thực ra, «Helium» là viên đá đầu tiên trên con đường dẫn đến, 84 năm sau, đám «mây» bom H (bom Hydro) dài hàng trăm dặm trên thành phố Eniwetok Atoll, và đến sự hứa hẹn: năng lực vĩnh cửu cho tất cả các máy con người làm ra.

Chúng ta biết rằng Helium là «tro» còn lại khi Hydro bị «đốt cháy» trong «lò nguyên tử Mặt trời»: cứ 4 nguyên tử (atom) Hydro tác dụng với nhau (fuse together), ở nhiệt độ rất cao cho một nguyên tử He-

lium. Nhưng khi 4 nguyên tử của Hydro tác dụng để cho một nguyên tử Helium, Hydro mất một phần nhỏ khối (mass) của nó, nên trọng lượng của một nguyên tử Helium chỉ gần bằng trọng lượng của 4 nguyên tử Hydro. Số lượng Hydro hao hụt này đã biến thành năng lượng, được tính theo công thức của nhà đại bác học Albert Einstein:

$$E : MC^2$$

E (energy) : năng lượng

M : trọng khối (Mass)

C : vận tốc của ánh sáng (300.000Km/S)

Như vậy, theo thuyết của Đại bác học Einstein, 1 khối rất nhỏ vật chất tương đương với 1 số lượng năng lượng rất lớn (chỉ dùng 4.000.000 tấn Hydro mất trong phản ứng ở mặt trời, nó đã sản xuất được số năng lượng khổng lồ : 500.000.000.000.000.000.000 mã lực). Và nếu ta có thể đốt tất cả vật chất ở trong 1 viên thuốc Aspirine ra năng lượng, ta sẽ được một số năng lượng tương đương với sức mạnh của 10 ngàn tấn thuốc nổ TNT. Nhưng tiếc thay, ta không thể làm được như vậy! Ở mặt trời, sự biến đổi vật chất từ Hydro sang Helium, với số năng lượng phát xuất khổng lồ, là một sự tiến triển nguyên tử

BÍ MẬT CỦA MẶT TRỜI

rất phức tạp, qua nhiều giai đoạn trung gian, và xảy ra ở nhiệt độ hàng triệu độ. Sự tiến triển này khác hẳn phản ứng trong bom H mặc dầu kết quả giống nhau.

Chúng ta biết rằng năng lượng của mặt trời được phát ra khi Hydro phản ứng với nhau để biến thành Helium : ở mặt trời mỗi giây có chừng 600 triệu tấn Hydro phản ứng với nhau và biến thành 596 triệu tấn Helium. Hydro mất một số lượng là 4 triệu tấn mỗi giây (như đã nói, nguyên tử Hydro mất một số ít trọng khối khi biến thành Helium).

4.000.000 tấn Hydro này đã biến thành số lượng năng lượng khổng lồ của mặt trời. Số năng lượng từ mặt trời mà trái đất chúng ta ngăn chặn được, chỉ tương đương với số năng lượng mà 2kg Hydro, trong số 4 triệu tấn Hydro, ở mặt trời phát ra. Và chúng ta phải cho nổ 10 tỷ bom H mỗi giây nếu muốn có số năng lượng tương đương với số năng lượng của mặt trời.

Khi Hydro tác dụng để biến thành Helium ở trung tâm mặt trời, số năng lượng tỏa ra — gồm có nhiều dạng ánh sáng, nhiệt, và các phóng quang (ra-

diation) khác — thoát lên trên mặt của mặt trời, cách xa tâm hàng trăm ngàn dặm, rồi mất vào không gian. Trái đất của chúng ta và các hành tinh khác chỉ nhận được một phần rất nhỏ.

Khí quyển của trái đất là một cái lọc loại bỏ các tia tử ngoại tuyến (ultraviolet) và quang tuyến X phát ra từ mặt trời. Khi chúng ta rời bỏ khí quyển, đi vào không gian chúng ta phải được che chở bằng võ, cửa sổ của phi thuyền — một người trong không gian nếu không được che chở — giả thử anh ta thở được — sẽ chết vì các tia phóng quang nói trên.

Một trong những lý do khiến chúng ta cố gắng làm những hỏa tiễn là để tìm hiểu thêm về các phóng quang trước khi vào khí quyển. Khi các phóng quang của mặt trời được nghiên cứu kỹ, ta sẽ biết rõ thêm rất nhiều về đặc tính của mặt trời. Công việc này sẽ có những kết quả rất có ích, thực tế.

Những quang tuyến từ mặt trời, khi vào khí quyển của trái đất, có những ảnh hưởng chưa biết rõ lắm — đối với khí hậu và sự giao thông của làn sóng radio ngắn. Đôi khi mặt trời phát ra thành linh những tử ngoại tuyến rất mãnh liệt, khiến tất cả các

mạch vô tuyến điện dài trên mặt đất đều bị phân tán (disrupted).

Trong mấy năm gần đây, các nhà bác học khám phá ra rằng mặt trời còn là một máy phát thanh rất mạnh nhưng không chừng.

Vùng ánh sáng huy hoàng và bí mật chung quanh mặt trời (được gọi là Corona), mà chúng ta thấy rõ ràng khi nhật thực, cũng là một máy phát ra làn sóng radio.

Mặt ngoài của mặt trời thường bị « phá rầy » bởi các trận bão lớn gọi là « Sunspot », đôi khi lớn bằng mấy lần trái đất. Qua thiên văn kính (telescope), người ta thấy các trận bão này chỉ là những vùng đen trên mặt trời. Sở dĩ ta thấy các « Sunspot » này như những vùng đen trên mặt trời, là vì nhiệt độ các « Sunspot » này kém thua nhiệt độ của các chỗ khác trên mặt của mặt trời (surface of the sun) đến những 2.000°C. Mặt của mặt trời nóng vào khoảng 6.000°C. Mỗi « Sunspot », được chia làm hai phần :

a) phần ở trung tâm của « Sunspot » rất đen tối (qua thiên văn kính) được gọi là « Umbra »;

b) phần ở phía ngoài ít đen tối hơn phần trong, được gọi là « Penumbra ».

Các « Sunspot » phát ra những làn sóng radio rất mạnh, và đến bây giờ người ta vẫn chưa biết lý do.

Nhìn các « Sunspot » di chuyển trên mặt trời, người ta biết rằng mặt trời quay chung quanh trục của nó, từ Tây sang Đông (như trái đất). Nó quay chậm : phải sáu tuần mới quay hết một vòng.

Ở trên mặt trời, gần các « Sunspot », thỉnh thoảng một vùng đột nhiên cháy sáng dữ dội, gấp trăm lần các chỗ khác, và sau đó trở lại sự sáng bình thường. Sự cháy sáng này gọi là « Flare » một trong những hiện tượng kỳ lạ, bí mật của mặt trời.

Ngoài ra, còn có những đám mây hơi (gas), sáng, được gọi là « prominence », ở trên mặt trời. Các năm gần đây, chúng ta đã có thể quay phim những gì xảy ra trên mặt trời. Rồi khi chiếu ra, chúng ta sẽ thấy những biến chuyển sống động trên mặt trời. Nhiều phim thật là khủng khiếp : nó cho ta thấy những ngọn lửa vọt lên cao hàng trăm ngàn dặm (ở mặt trời); những

cầu lửa (bridge of fire) khổng lồ (có thể băng qua hàng chục trái đất), kết tạo và bề ra từng mảnh, bắn lên không gian, y như sự nổ của bom A.

Có nhiều việc xảy ra trên mặt trời mà ta đã quay phim được, không những chỉ khủng khiếp, mà còn « không thể giải thích nổi » (inexplicable). Chẳng hạn như một tia khí cháy đỏ rực, được bắn ra trên một lộ trình, sau khi đến tới cùng của lộ trình, nó sẽ quay trở lại, dọc theo đường cũ — như 1 trái phá, đến tận cùng của đường bay, muốn quay về cây súng. Thỉnh thoảng từ « hàng ngàn dặm cao trên (above) mặt của mặt trời (surface of the sun), những « suối » vật chất cháy đỏ, sẽ đổ xuống mặt trời, không từ một nguồn nào cả, như thể các « suối » này được cấu tạo ở trong khí quyển (atmosphere) của mặt trời (khí quyển — hay còn gọi là « outer envelope » (bao ở ngoài) — của mặt trời có thể chia làm 2 phần : phần sát mặt trời gọi là « Chromosphere » dày chừng 15.000 dặm và 1 phần ở ngoài « Chromosphere » gọi là « Corona »).

Vì mặt trời hoàn toàn ở thể

khí (gaseous) chúng ta rất ngạc nhiên khi nhận thấy mặt của mặt trời rất bằng phẳng, không gồ ghề, trừ những vùng có bão (sunspot). Nhìn qua thiên văn kính mặt của mặt trời phẳng tròn đến nỗi chúng ta có thể lầm tưởng rằng mặt trời ở thể lỏng. Một lý do khiến nó phẳng là trọng lực khổng lồ của mặt trời, 28 lần hơn sức hút của trái đất. Một người ở trái đất nặng 70 kilô, sẽ cân nặng gần 2 tấn ở mặt trời.

Mặc dầu nhiều ngôi sao khác cháy sáng không chừng, cường độ của ánh sáng và nhiệt (sức nóng) mà mặt trời sản xuất, thay đổi rất ít — hầu như không thay đổi — từ khi loài người có mặt trên trái đất.

Thuở trái đất mới thành hình, chưa có khí quyển như bây giờ. ánh sáng, nhiệt đến mặt đất chúng ta là những phóng quang hết sức mãnh liệt (có thể làm khô sông được), vì nó không bị lọc, ngăn chặn bớt bởi vòng khí quyển như bây giờ.

Trên đây là những sự kiện trong quá khứ và hiện tại. Còn trong tương lai, mặt trời sẽ ra sao ? Mặc dầu thể tích lớn lao, với số lượng Hydro quá sức tưởng tượng, mặt trời vẫn

không thể giữ mãi số năng lượng nó sản xuất bây giờ. Tuy nhiên mặt trời có thể giữ mức sản xuất này trong vài tỷ năm nữa. Nhưng, gì sẽ xảy ra cho mặt trời khi nó bắt đầu hết nhiên liệu Hydro vào khoảng năm 10.000.000.000 (10 tỷ) sau Tây lịch (có thể xê dịch vài tỷ năm)? Người ta đã phỏng đoán mặt trời sẽ từ từ nguội dần, rồi sau cùng tắt hẳn. Một chương trong kiệt tác phẩm « Máy thời gian » (The time Machine) của văn hào H.G. WELLS tả cảnh mặt trời « chết » cũng dựa vào giả thuyết trên.

Nhưng trong khoa học, các sự phỏng đoán thường sai. Mặt trời sẽ không từ từ nguội đi, mà trái lại, sẽ nóng lên.

Nhưng ảnh hưởng thời tiết sẽ không còn đáng chú ý trong vòng 10 tỷ năm nữa. Sau đó mọi việc sẽ xảy ra một cách hấp tấp. Bây giờ, mặt trời sẽ dùng số Hydro còn lại và sẽ đốt tất cả « tro » Helium — bấy lâu vẫn chôn cất tại Trung tâm mặt trời ra năng lượng. Như đã nói, trừ 4 triệu tấn Helium được đốt ra năng lượng trong phản ứng biến Hydro thành Helium, mỗi giây mặt trời còn 596 triệu tấn Helium chôn cất tại trung tâm của nó) và vì thế, mặt trời sẽ nóng, sáng hơn lên. Có lẽ hơi lạ khi

chuyện này xảy ra lúc mặt trời bắt đầu hết Hydro, nhưng thực ra số lượng Helium khổng lồ sẽ là nhiên liệu thế cho Hydro, để phát ra năng lượng. (Hiện giờ, Hydro phản ứng với nhau để biến thành Helium, và số lượng Hydro hao hụt đã được biến đổi ra năng lượng. Nhưng lúc hết Hydro, chính Helium sẽ tự biến thành năng lượng). Số Helium, lúc bấy giờ sẽ tăng sức cháy sáng của mặt trời. Như một người đánh bạc, khi gần cạn túi, lại càng đánh lớn một cách điên cuồng, mặt trời sẽ cháy sáng mãnh liệt lần cuối cùng. Trong khoảng thời gian năm triệu năm, mặt trời sẽ dùng tất cả số lượng Helium để cháy sáng nóng hơn lên gấp trăm lần, làm nóng chảy trái đất chúng ta và các hành tinh gần mặt trời, thành những khối dung nham. Rồi sau đó, vì gần hết Helium, mặt trời sẽ biến đổi hình thù, trở thành một ngôi sao nhỏ, đường kính chỉ vài ngàn dặm.

Nó sẽ vẫn còn sáng, nhưng sẽ cho ta ít ánh sáng và nhiệt (sức nóng) hơn mặt trăng cho chúng ta ngày nay. Chúng ta sẽ không thể nhận ra ngôi sao nhỏ, mà sau cùng tắt ngấm giữa các hành tinh, là mặt trời.

Đó là kết cuộc của giả thuyết hiện thời về sự tiến triển của mặt trời. Nhưng nếu nói đó đúng là những gì sẽ phải xảy ra cho mặt trời thì thật là thiếu suy nghĩ. Đối với sự hiểu biết của chúng ta ngày nay, các hiện tượng của mặt trời càng ngày càng trở nên khó hiểu. Và mặc dầu chúng ta đã biết rõ sự tiến triển ở trong mặt trời, chúng ta vẫn không thể chắc chắn rằng các yếu tố, phần tử ở ngoài mặt trời — những đám mây bụi bặm ở giữa các ngôi sao (clouds of interstellar dust) mà có thể sẽ đụng mặt trời, chẳng hạn — lại không thể viết những chương bất ngờ

trong lịch sử Mặt trời.

Rất nhiều việc có thể xảy ra cho mặt trời trong mười triệu thế kỷ nữa, nhưng chắc, chắc mặt trời sẽ không nổ hoặc tắt thành lình trong vòng vài ngàn năm sau này.

Và sau đó, nếu mặt trời bắt đầu « dở chứng », ta sẽ tìm một « mặt trời » khác.

Theo tài liệu của các tác giả:

- Arthur C. CLARK
- Robert W. BUCHHEIM
- Lee GOLDBERG
- Joseph KAPLAN
- Lincoln P. BLOOMFIELD

và vài tác giả khác



★ CẦN THẬN

Trong thành phố rối loạn, quân đội cách-mạng đã ào ạt vào dinh Thủ-tướng để hoàn thành cuộc đảo chánh.

Thủ-tướng cuống quýt, điện thoại cho viên bí-thư :

— Chúng ta nên thoát thân gấp.

Giọng nói run run, bí thư hỏi :

— Thưa... Thủ... Tướng, có cần... đốt... các giấy tờ trước khi... đi... không ạ ?

— Cần đốt lắm, nhưng nhớ hãy sao lại đã trước khi đốt.



BÍ-MẬT CỦA TẠO-HÓA ➤

MỘT LOẠI CHIM THỜI TIỀN-SỬ CÒN SỐNG SỐT

* Lưu-Băng

THỀ kỷ 20 này một trong những bí-mật làm say mê nhân loại và nhất là làm cho người Mỹ chú ý đặc-biệt, đó là « đĩa bay ». Nhưng gần đây có những báo-cáo ghi nhận một sự xuất hiện đáng sợ khác : một giống chim ăn thịt to lớn kinh khủng, khỏe đến nỗi có thể mang đi một con người và đâm mạnh vào một chiếc máy bay khiến máy bay phải rớt. Con ác điều đó thường được gọi là « chim sấm » không phải chỉ có trong tưởng-tượng. Nhiều người đã từng trông thấy nó và sống vài giây phút thật gần gũi với nó tuy không ai quyết chắc được nó thuộc loài gì...

Năm 1933, y-sĩ của một trại mò gần Ivanpah, California, cho biết ông có được mời đến một nông-trại lẻ-loi để săn sóc cho một người đàn ông, một người đàn-bà và một đứa trẻ ba tuổi, tất cả đều bị trầy trụa nặng trên đầu và trên lưng. Người đàn-ông và vợ tuy cảm-xúc mạnh nhưng vẫn còn tỉnh-táo kể cho ông y-sĩ nghe một câu chuyện khiến ông phải rờn tóc gáy.

● **Ác-chiến với chim không lồ**

Anh chồng đang làm việc ngoài đồng bỗng nghe vợ kêu la thất-thanh. Vợ vã chạy trở về nhà, anh trông thấy một cảnh tượng khủng-khiếp. Cách nhà chừng 40 thước, nơi đứa con anh chơi, vợ anh đang chống trả kịch-liệt với một con chim to lớn anh chưa từng thấy. Đứa con đâm dĩa những máu, nằm giữa hai chân vợ anh, kêu khóc trong khi vợ anh cầm que sắt vung lên cò đánh lại con quái-vật. Con chim trông giống như một con ó hay một con kền-kền không lồ, dùng cái mỏ to tướng mổ lên người đàn bà. Kề, nó quạt đôi cánh dài ít nhất 4 thước khiến nàng té bò càng. Anh chồng chụp

cây rìu nằm ở ngưỡng cửa xông vào trợ chiến. Anh dùng tận lực bỏ một nhát « trúng ngay bả vai, có lẽ nhằm phải một động mạch vì máu vọt ra như vòi nước ». Nổi nóng vì vết thương, con chim lồng lộng tàn công. Nó dùng mỏ gắp cây rìu, mảy vuốt sắc bầu lầy vai anh kia nâng lên.

Theo lời người đàn ông, con chim không lồ nâng anh lên cao chừng ba bốn thước thì đột nhiên bỏ anh rớt xuống rồi bay mất. Anh cho rằng có lẽ vì nó bị vết thương làm suy yếu. Ông y-sĩ đến nơi xảy ra trận ác chiến thấy trên mặt đất lênh láng máu, nhiều gập bội số máu của ba người chảy ra, cho dù chảy đến chết. Ông cũng nhìn nhận vết thương trên ba nạn nhân — tất cả đều còn sống — chỉ có thể gây nên do những cái vuốt to lớn.

Cách đây hai năm lại thấy có lần chim không lồ xuất hiện trên bờ biển đông của nước Mỹ.

Tháng 5, 1961, một thương gia ở Nữu-ước lái một chiếc máy bay nhỏ hiệu Piper Cub trên không phận đối Hudson River, bỗng có một vật mà ban đầu ông tưởng là một chiếc máy bay khác từ mặt

trời xà tới phía ông « như một khu trục cơ đang lượn ». Lúc ấy vì chóa mắt, ông không thể nhận định một cách rõ rệt. Tức giận, ông quay phi cơ lại và ngạc nhiên trông thấy bầu trời trông không, trừ một con chim to tướng cách chừng năm trăm thước đang lượn lơ, cánh như không buồn đập. Trên không, nếu không có vật gì sẵn để so sánh, rất khó mà ước lượng kích thước, nhưng ông nhìn nhận đó là một con chim to lớn vô cùng, to hơn chim ó nhiều. Trông nó như một con vật sống sót từ thời tiền sử.

Hoảng sợ, ông lại quay đầu phi cơ, xả hết tốc lực. Con chim bay theo ông, trong mười phút giữ đều khoảng cách một cách dễ dàng. Cuối cùng như đã thỏa mãn sự tò mò, nó chao cánh bay đi hướng khác.

Những chuyện tương tự vẫn thường được các phi công, tài tử cũng như chuyên nghiệp kể lại. Để cập đến việc khó ước lượng kích thước và khoảng cách trên không-trung, một phi công nói :

— Bạn trông thấy một chiếc phi cơ khác ở đằng xa, trông nó không to hơn con chim bồ câu. Đối với giống chim cũng

vậy. Trên không trung, không thể nào nhận định được tầm vóc của một vật gì trừ phi nó ở ngay trên đầu ta. Năm 1947, tôi suýt đụng phải một con chim trên trời Arizona. Tôi và người phụ lái không tài nào tin ở mắt mình. Con chim từ bên trái bay tới, phía dưới chúng tôi, chỉ cách phi cơ có một sợi tóc. Nhờ gần như vậy, tôi có thể thấy rõ cánh nó đang rộg ít nữa là 9 thước.

★ Đụng rớt phi cơ phản-lực

Câu chuyện trên nhắc người ta nhớ đến những vụ phi cơ và chim đụng nhau. Năm 1960, một bầy chim bị hút vào trong máy của một chiếc phi cơ vừa cất cánh rời phi trường Logan của Boston khiến cho phi cơ phải rớt nát tan.

Nhưng sôi nổi nhất và bí mật nhất là vụ sau đây. Khoảng trưa ngày 23-11-1962 một phi cơ phản-lực kiểu Viscount của công ty United Airlines chuẩn bị đáp xuống phi trường International ở Hoa-thịnh-đôn. Hôm ấy trời quang đảng, và sự liên lạc vô tuyến giữa phi cơ và đài kiểm

soát vẫn bình thường, không có một dấu hiệu trục trặc nào. Thế rồi chiếc Viscount đột nhiên biến khỏi màn radar của đài kiểm-soát.

Ở một nông-trại tại Ellicott City, Maryland, một cậu bé ngừng đầu lên chứng-kiến một cảnh tượng chưa từng thấy : một chiếc phi cơ to lớn đâm thẳng xuống khu rừng phía tây bắc nông trại. Phi cơ đụng và nổ giữa lùm cây làm cho mặt đất phải rung chuyển.

Phái đoàn điều-tra đến tận nơi thấy trên đuôi phi cơ có dính máu, lông và thịt của một giống chim lạ. Giống chim nào mà lại có thể chạm ngã một chiếc phi cơ to-tướng kiểu Viscount được chề-tạo chống lại sức nóng của tốc-độ siêu thanh, sức mãnh-liệt của gió bão ? Các chuyên viên và các nhà cầm-loại-học rất thắc-mắc về điểm đó. Nhiều giải đáp được đưa ra, nhưng không làm thỏa mãn được mọi người.

Nhiều trực thăng bay đôi theo đường bay của chiếc Viscount từ Baltimore đến Hoa-thịnh-đôn cố tìm xác chim hay một dấu vết gì khác nhưng chẳng thấy có gì lạ.

Các nhà cầm-loại-học nghĩ rằng con chim không lồ đụng phải chiếc Viscount là một giống kền-kền tên Condor hiện nay vẫn còn tồn tại trên dãy Hi-mã Lạp-sơn. Có thời giống condor này sống rất nhiều ven bờ biển tây của Bắc Mỹ. Hiện nay giống chim này gần như tận diệt, chịu cùng một số phận với những quái-vật thời tiền sử. Nó không thích nghi được với khung-cảnh thay đổi tận gốc rễ của thế-kỷ trước. Theo ước lượng, trung bình cánh con condor dài 4 thước, mình nó dài một thước rưỡi, đầy thịt và gân guộc. Đầu và cổ nó tròn tru chỉ có chút lông măng trắng phía dưới, mỏ nó dày, khỏe và quặp một cách hung ác. Một con condor kiểu mẫu trong vườn thú xứ Chili có cặp cánh dài 4 thước rưỡi và đều đặn mỗi ngày tiêu thụ 9 kí thịt sống.

Ta cứ thử tưởng tượng tình trạng thâm não của con ác-điều cần 9 kí thịt mỗi ngày và phải chiến-đấu để sinh-tồn giữa nền văn-minh hiện đại của chúng ta, trong đó những con thịt, những miếng mỗi thiên-niên của nó đã biến mất nhanh chóng. Từ nhiều thế-kỷ

CHIM KHÔNG LỖ

giống condor, từ các ổ vạt vèo trên những đỉnh núi cao bốn năm ngàn thước đáp xuống đồng bằng, xuống thung lũng để giết con thịt. Nhưng ngày nay các đô thị mọc lên khắp nơi, thu hẹp dần cuộc sống man rợ nên giống condor dần dà lâm vào cảnh chết đói. Tuy vậy vẫn còn những con lớn nhứt, khoẻ nhứt sống sót trên các đỉnh núi ngút ngàn.

Các bộ lạc da đỏ ngày nay vẫn còn truyền cho nhau những câu chuyện ghê sợ về giống chim không lỗ được họ mệnh danh là chim sấm. Giống chim này rời ổ trên các đỉnh núi xuống đồng kiếm ăn. Do đó, có chuyện chim nhấc bổng con trẻ và cả người lớn khi không tìm được thú vật nào khác.

Ở miền nam California gần đây, trong khi đào xới, các nhà địa chất học tìm được nhiều bộ xương của người da đỏ và một con bò tót nằm cạnh bên bộ xương của một giống chim, nếu ráp lại với nhau sẽ giống những con kền-kền to tướng, cánh dang ra dài hơn 7 thước. Các truyền cổ vùng ấy thường kể chuyện chim Sấm tấn công cá mập rút từng miếng thịt to nặng bay

lên núi. Thổ dân tin rằng chim sấm có thật và xem nó như là một giống chim « siêu đẳng » một loại thần.

Tuổi đời đó không có gì khó hiểu. Các tiên nhân ở Mỹ cũng như những người đồng thời với họ ở Hy-lạp, La-mã và Scandinavia hề gặp một hiện-tượng thiên nhiên nào không các nghĩa nói là gắn liền cho danh vị thần. Vì vậy, sau vài thế kỷ, họ có thần biển, thần mưa, thần lửa và dĩ nhiên thần sấm. Trong cách lý luận đơn giản của người Da đỏ và người Eskimo, Sấm và chớp phát sinh từ trên trời và con chim không-lỗ cũng từ trên trời bay xuống. Cánh nó quạt một cái gây nên tiếng sấm; con mắt vàng của nó nhập nhánh tạo ra chớp, đó là những sự việc hết sức tự nhiên,

● Biến mất trong không-khí

Hai thế kỷ 18 và 19 sản-xuất vô số chuyện những con chim không-lỗ tấn công súc-vật và người. Phần lớn những chuyện đó được kể giữa những người thợ săn ngồi quây quần quanh ngọn lửa hay

CHIM KHÔNG LỖ

những người miền núi suốt đời sống trên dãy Rocky hay dãy Appalachians. Nhà Hướng đạo danh tiếng Jim Bridger tả chuyện một con chim « lớn gấp bội con ó hay con kền-kền » đáp xuống mỏ một con lửa và nâng nó lên khỏi mặt đất. Ông và một người bạn chạy tới giữ ghệt lấy chân lửa, nhờ đó con chim mới buông thả bay đi mất.

Năm 1886, tờ báo Epitaph ở Tombstone, tiểu-bang Arizona, có đăng ảnh một con chim to tướng bị đóng đinh vào tường. Bài báo cho biết chim bị hai người khản mỏ bắn chết chở xe ra thành-phố. Sáu người lớn đứng dang tay ra trước con chim mới phủ hết bề dài hai cánh nó xòe ra. Từ đầu cánh này qua đầu cánh nọ tính ra dài 12 thước.

Năm 1889, một nhóm người chèn choáng hơi men trong quán rượu Oriental tại Tombstone kể lại chuyện bức ảnh con chim và cho là hai người khản mỏ đã giết chim là bịa điều nói láo. May sao một trong hai người có mặt trong quán lúc đó, ông ta mới thách :

— Nếu các anh không tin, tại sao các anh không đích

thân đến tận nơi chúng tôi bắn được chim. Có hàng lô chim như vậy làm ổ trên các đỉnh núi. Rồi chính mắt các anh sẽ trông thấy.

Bọn người kia bị men rượu hành, lập tức nhận lời thách đố. Họ đến nơi chim bị bắn lúc trời hừng sáng. Chắt rượu trong người họ khi ấy đã tan hết. Họ đốt một ngọn lửa, nằm lăn ra ngủ. Họ vừa thiu thiu ngủ thì một người chỗi dậy ra buội cây để giải quyết cái nặng của dạ dày, vài phút sau, có tiếng thét kinh-hãi làm cả bọn gồm 4 người giật mình ngồi nhòm dậy. Họ nghe tiếng bạn của họ kêu từ trong rừng :

— Cứu tôi với ! Nó bắt tôi rồi !

Họ chụp súng chạy tới hướng có tiếng kêu, định-ninh bạn họ bị gấu hay một ác-thú nào khác làm hại. Dưới ánh-sáng ngọn đèn bấc, họ trông thấy được dấu chân của anh ta trên mặt đất mềm dần dần một khoảng đất trống giữa rừng. Thành linh họ đứng chờ người ra. Các vết chân chấm dứt một cách đột ngột giữa khoảng đất trống. Một người lo âu lắm bầm :

— Gì mà lạ vậy ! Chẳng lẽ

hắn biến trong không khí.

Tự động, họ ngừng đầu lên. Và liền đó tiếng thét hãi hùng bật đi trong một lát, lại nổi lên — phen này nó phát ra ngay trên đầu họ, trong không khí:

— Bỏ tao xuống... bỏ tao xuống... bỏ tao...

Tiếng kêu yếu dần rồi im hẳn.

Trở về thành phố, tất cả bốn người cùng nhau ký tờ khai thề rằng những chuyện đã xảy ra là có thật.

Một trong những vụ kỳ quặc nhất về chim không lồ xảy ra năm 1944 trong một trại giam ở California, nơi những người Nisei (người Mỹ gốc Nhật) bị câu thúc vào lúc thề chiến thứ II. Trong thời gian mấy tháng, có chừng 7 tù nhân biến mất khỏi trại. Người ta tưởng họ vượt ngục. Trong cuộc thẩm-vấn ráo-riệt san đó nhằm tìm biết bọn Nisei đã làm cách nào để vượt ngục và ai đã giúp đỡ họ, các thẩm-vấn-viên chỉ nghe được một lời khai duy nhất là một « con chim không lồ » đã mang mấy người kia đi. Lĩnh gát thì tức giận bảo là mình bị « qua mặt » và khai rằng tù binh thường giao du thân mật với

những dân da đỏ làm việc ở chung quanh trại. Mấy người da đỏ này thường kể những chuyện quái-dân về một giống chim không lồ họ gọi là chim sấm (thunderbird) sống trên các đỉnh núi cao. Một sáng nọ có hai người da đỏ chạy vào trại cuống quýt cho biết họ có trông thấy một con Chim Sấm giết chết và mang đi một người dèm trước.

Lâu nay, sự canh phòng trong trại được nói lỏng, nhưng từ khi xảy ra các vụ biệt tích khó hiểu, sô lính gát tăng gấp đôi, súng máy trên các tháp canh luôn luôn sẵn sàng nhả đạn và đêm đèn rọi thật sáng quạt qua quạt lại trên thành. Từ đó không thấy ai biến mất nữa.

Thường thường khi các tù nhân Mỹ lai Nhật vượt khỏi ngục, họ lên vào những nhà của bọn bè hay lẫn lộn vào các khu phố người Trung-hoa, hy vọng được các người đồng màu da vàng tiếp nhận. Nhưng họ ít khi thành công và vài ngày hoặc vài tuần sau là họ bị bắt lại.

Điều lạ lùng là không một ai nào trong số bảy người thoát khỏi ngục bị bắt trở về suốt trong thời kỳ chiến tranh

cũng như sau này. Họ đã biến tan trong không khí đúng như lời của các bạn đồng ngục và mấy người da đỏ.

Những chuyện tương tự thường xảy ra luôn ở các tiểu bang miền núi. Đặc biệt ở tiểu bang Pennsylvania, người ta trông thấy chim không lồ thường hơn đâu khác. Gần đây một độc giả ở Pennsylvania viết về cho nguyệt san SAGA kể... « tháng 4, 1922, tôi đứng một mình trước cửa khi mặt trời khuất bóng sau núi bỗng trông thấy một con chim mà ban đầu tôi tưởng là một con cò màu xanh bay chậm chậm trên đầu tôi. Nó bay ngang qua một cây thông cành rộng những mười lăm thước. Cánh nó dang ra choáng mặt hai phần ba cành thông.

Suốt 35 năm, tôi không hề kể lại chuyện này sợ rằng người ta bảo tôi quáng gà. Thề rồi ngày 27-3-1957 một thanh niên chạy vào nhà tôi thét to rằng : « Có một con chim bay quanh đây, trông nó như là con ác-điều ».

Lúc tôi ra khỏi nhà, chim đã biến mất, vì thế tôi trở vào điện thoại cho ông quận trưởng cảnh-sát hỏi ông ta có nghe thấy gì về một con chim to lớn bay về phía con sông Susquehanna không. Ông bảo ông chẳng nghe thấy gì nhưng ông ra hỏi đám đông ngoài đường. Tất cả đồng thanh trả lời có thấy con chim bay qua sông ở Westport, Pennsylvania cánh nó rộng ít nhất 7 thước. Tuần sau có một con chim sấm khác bay ngang nhà tôi. Truyện truyền-khẩu của người da đỏ thuật lại rằng khi các bộ lạc thổ dân Bắc Mỹ di-thực sang phía đông tránh gió lạnh từ tây-bắc thổi tới, họ gặp rất nhiều chim sấm lúc họ vượt núi. Chim sấm hung dữ giết chết của họ nhiều người, đàn ông, đàn bà lẫn con trẻ. Vì thế để trả thù, các đoàn người đi săn tìm hủy diệt trứng và các chim con cho kỳ hết.

Dĩ-nhiên không ai dám nói chắc là họ đã tận diệt giống

PHONG-THỦ

Đông **NEUROTONIC** *BỘ ỚC*
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 29-11-65

CHIM KHÔNG LỖ

Chim Sầm. Rất có thể, còn mười con, hoặc ít hơn nữa, khỏe mạnh nhứt, giỏi chịu đựng nhứt vẫn còn sống sót trên các đỉnh núi cao chót vót trong khi các đồng chủng chết dần. Một số người sống ngay trên vùng có những người bị giống chim không lỗ làm hại vẫn không tin sự hiện hữu của chúng tuy họ không cắt nghĩa nổi nguyên-lai các vết thương kinh-khủng mà họ thấy tận mắt. Họ cho chim không lỗ cũng như Người Tuyết ở Hi-mã-lạp-sơn hay

con quái vật ở Loch Ness, nghĩa là những vật không ai trông thấy bao giờ. Sự thật như thế nào còn phải chờ một cuộc điều tra thấu đáo mỗi lần chim không lỗ xuất-hiện và một sự phân tích các sự kiện một cách tỉ-mỉ. Và biết chừng đâu trong khi con người tính chuyện lên thăm một hành tinh khác vẫn còn rơi rớt lại một hình thức của sự sống từ quá vãng xa tít xem chừng vẫn chưa muốn tuyệt chủng.

● ★



★ CHỈ CÒN MỘT CÁCH

Một chàng lính thủy, gia nhập vào Trung-tâm huấn luyện Thủy-quân đã 3 tháng mà vẫn chưa biết lội. Các sĩ quan huấn luyện gia hạn cho anh ta thêm 2 tháng nữa nhưng rồi... xuống nước, anh ta cũng vẫn chìm lĩm như cục đá. Giận quá, sĩ quan huấn luyện vỗ vai anh ta mà khuyên rằng:

— Chú mi ơi, nếu chẳng may tàu của chú bị trúng thủy-lôi mà chìm thì chú mi ráng nhảy xuống bể, rơi cho tận đáy rồi cố gắng chạy bộ cho thật lẹ vô bờ. Chỉ có cách đó chú mi mới sống mà thôi, nghe chưa?

MIRABEAU

tỏ ra, ngay từ lúc đầu cuộc cách mạng, là một chính khách có tiết độ tập trung tất cả lực lượng tinh thần và vật chất của mình vào công cuộc bài trừ và cải cách những thói tham nhũng, bảo vệ tự do và đem đến cho nước Pháp một thứ Hiến pháp quân bình mà mãi về sau nước Anh mới có, khi những chính trị gia tào bạo của Anh-quốc bắt đầu thủ tiêu bớt những quyền hành của Nguyên Lão Nghị Viện.

★ HOÀI-THƯƠNG

**một nhân vật
kỳ dị
của cuộc**

Cuộc đời cách mạng của Mirabeau bao giờ người ta cũng nhắc lại mà không chán. Nó luôn luôn kêu gọi những người cảm lậ lòng, say sưa, ghé gò về thân phục.

Một đặc điểm về cá tính của Mirabeau là khôn ngoan xuất chúng và sáng suốt trong một thời đại mà hầu hết các nhà hoạt động chính trị đương thời đều bị lôi cuốn bởi làn sóng tự do bạo hành, quá khích.

Người đương thời coi Mirabeau như một nhân vật « ôn hòa tốt bụng », và đó là một tấm gương kỳ lạ nhất trong lịch sử cách mạng Pháp. Người đã

CÁCH-MẠNG PHÁP

Không ai có thể phủ nhận cuộc đời hư hỏng lúc thiếu thời của Mirabeau, và lỗi hoàn toàn do thân phụ ông.

Không một chàng trai nào giàu tình cảm lại muốn có một

Người cha theo kiểu cha của Mirabeau.

Ông là một nhà kinh tế học, đã từng viết một quyển sách tựa là « *Bạn hữu của Loài người* » mà người đời thường coi ông như bạn thân của nhân loại. Nhưng trái lại, ông không là « bạn thân » của gia đình : Trong lúc ông đang lúng túng với mớ lý thuyết của ông thì cậu quý tử Mirabeau đâm ra chơi bời phóng đảng, trụy lạc hết chỗ nói.

Không biết cách nào cứu vãn, ông bèn đem Mirabeau nhốt vào một nơi.

Về sau, ông cưới cho Mirabeau một người vợ giàu có và trang trải tất cả nợ nần cho chàng, nhưng cũng vẫn giam lỏng chàng một cách khéo léo.

Sau đó không lâu, vì phải xa vắng con ít ngày, dùng một cái, ông được tin Mirabeau đã bẻ khóa bốn đào, dắt theo vợ của một người khác, và bị lên án tử hình vì tội bắt cóc và cưỡng dâm.

Ông đã thừa rõ con ông sẽ sống một cuộc đời như thế nào sau khi bỏ gia đình trốn đi.

Cậu Mirabeau sống một cuộc đời dăng dặc, viết sách về loại « huê tình » và khiêu dâm đồi sinh nhai. Nhưng sau đó vài tháng, ông không còn sống để

thấy con mình bỗng trở nên một nhà hùng biện xuất chúng, mặc dầu phần nhiều những bài diễn văn của ông chỉ là do người khác viết dùm. Mirabeau đã trở thành « bạn thân của nhân loại » hơn cha của mình khi xưa.

Mirabeau biết rõ rằng nước Pháp sẽ không còn là nước Pháp nữa nếu nó thiếu một nền quân chủ mà do đó nước Pháp được thống nhất lãnh thổ và liên kết các giai cấp trong xã-hội.

Ông đã sống một thời gian dài dặc bên Anh-quốc, thân cận giới thượng lưu trí thức Anh và đôi khi... làm cho họ bất mãn vì chung quanh ông có quá nhiều đàn bà !

Đời « làm chính trị » của Mirabeau luôn luôn bị những nỗi khó khăn, trở ngại, nhưng nếu ông sống lâu thêm nữa, chắc ông đã thành công nhờ ở tài hùng biện và sức hấp dẫn mãnh liệt của ông đối với cử tọa và quần chúng.

Nếu ông thành công, nước Pháp đã hoàn toàn trở lại một nước Pháp quân chủ với một chế độ lập hiến như bên Anh.

Nhưng ông đã chết sớm vào năm 42 tuổi và theo như sách chép lại, đó là kết quả của một đời sống phóng túng, trụy lạc. Mirabeau đã đón tiếp cái chết

nét mặt thần nhiên không sợ hãi hay hối tiếc.

Những khía cạnh nào của lịch sử hậu cách mạng làm cho dân Pháp ngó lại một cách bất mãn và hối hận ? Chắc chắn là nền chính trị bấp bênh, sự rối rắm đảng phái, giai cấp mà nước Pháp đã gặp phải từ năm 1793 đến giờ.

Trong vòng một thế kỷ rưỡi, nhất đã có tám chánh thể khác biệt mà tất cả đều suy sụp và chết hẳn. Thật là một sự hoang phí lãng phí lòng mà nước Pháp đã hưởng trong nhiều thế kỷ dưới thời đại quân chủ. Văn móng cộng hòa Na Phê-lôn và Hoàng gia Bourbons đều có những kẻ nhiệt tâm trung thành với mình, nhưng từ khi vua Louis XVI sụp đổ đến

giờ thì không có một triều đại hay một chính thể nào có thể đủ sức trồng cấy vào sự ủng hộ nhiệt thành của toàn dân. Tình trạng bất hạnh ấy, Mirabeau có thể cứu vãn nước Pháp thoát khỏi, và bởi vì ông tranh đấu cho sự bình đẳng giữa các giai cấp dưới một nền quân chủ cổ truyền, cho nên mặc dầu có sự xuyên tạc làm hoen ố thanh danh của ông và làm cho ông thất bại, hình ảnh và tên tuổi của ông luôn luôn được nhắc nhở và chói rạng đời đời.

Đến ngày nay, chúng ta vẫn còn có thể sống để một ngày nào đó, thấy những vị Hoàng Đế sẽ trở lại ngôi vàng ở Pháp, Ý, Y-Pha-Nho... Nhiều việc kỳ dị có thể xảy ra, nhưng chắc không có gì lạ lẫm cho bằng Mirabeau.



* NGOẠI GIAO LÀ GÌ ?

Ông Dean Rusk, Bộ Trưởng Ngoại-giao Hoa-Kỳ, hồi còn là Giáo-sư đại-học, đã cưới một cô học trò làm vợ. Ông ta đã định-nghĩa « CON NGƯỜI NGOẠI-GIAO » là gì, như sau :

« Con người ngoại giao là một ông Giáo-sư có thể « tán » một người học trò của mình để lấy làm vợ mà không hăm dọa là sẽ đánh hỏng nếu bị cô ta cự tuyệt ».



TRUYỆN NGẮN

* Hoàng-Thắng

Vientiane ngày... 1961
Anh Biên mến,

ĐÃ mấy năm rồi nhì, khi chúng mình xa nhau. Nhận được thư này chắc anh ngạc nhiên lắm, em đoán chắc như vậy.

Không ngạc nhiên sao được khi mà anh nhận được thư của em trong khi anh không hề nghĩ tới em — có đúng vậy không — và nhất là địa chỉ hiện tại của anh không phải là địa chỉ mà anh đã cho em.

Vậy mà em biết! Anh có phục em không?

Đã mấy năm rồi, em không viết thư cho anh, bởi em

nghĩ rằng, qua những lời khuyên của anh, em muốn, chỉ khi nào em đã thoát xác — từ bỏ nghiệp chướng cũ — để vươn lên, đứng ngay hàng với mọi người một cách hiện ngang thì em mới viết thư cho anh.

Và bây giờ, lá thư đầu tiên đã tới anh. Lẽ dĩ nhiên là em gái nhỏ của anh đã sống một cách hiện ngang rồi.

Em biết, khi cầm bao thư trong tay, nhìn con tem của xứ Lào, nhìn nét chữ éo lá của người con gái viết, anh phải nghĩ ngay tới em.

Không phải là bắt buộc như vậy, nhưng em biết, ngoài gia đình anh ruột của anh ra,

TRỜI ĐÃ SÁNG

anh đâu có quen biết một ai nữa — chưa kể em, thì người viết thư với chữ đàn bà phải là em rồi. Em nói đúng chứ?

Thôi cứ nói vòng vo tam quốc hoài, anh lại phiền, em vô để ngay để cho anh biết lý do của em khi viết thư cho anh.

Anh Biên,

Em nhớ lắm, cái đêm hôm đó, khi em say, anh đã đưa em về tận nhà em, săn sóc em, khuyên em, em quên làm sao được. Anh bảo « Sau cơn mưa trời lại sáng! » Với em. Trời Đã Sáng Rồi! Sáng tỏ lắm anh à!

Em chỉ không làm đúng như anh khuyên « Là nên quay về quê hương » nhưng dù sống ở xứ người mà tâm hồn, trí óc vẫn luôn luôn hướng về quê nhà, theo dõi từng nhịp thở của đất nước, thì người con dân đó cũng chưa đến nỗi vất vả phải không anh?

Anh có ngạc nhiên là em đã viết một cách văn hoa không? Em cũng tự nhận như thế. Bởi vì em đã tự học hỏi thêm. Kim của anh bây giờ khác Kim hồi xưa rồi anh à! Kim đã giàu! Kim đã có chồng!

Anh Samthone, tên chồng em.

Dĩ vãng xa xưa kia đã tàn lụi để hiện tại chói lòa ánh sáng. Kim đang sống với một hiện tại mãn nguyện nhưng vẫn không quên cái dĩ vãng đau khổ, tủi hận. Trong cái đau khổ tủi hận đó đã được lóe sáng bởi lời khuyên của anh, Kim ghi ơn anh mãi mãi.

Chồng em là chủ một hãng xuất nhập cảng lớn nhất nhì Vientiane, Samthone có biết dĩ vãng của em, nhưng chàng bỏ hết, chàng chỉ mong em trong hiện tại và tương lai đừng bao giờ giả dối với chàng. Chỉ có thể thôi.

Với em, còn gì bằng nữa. Em đã hứa, và hứa mãi mãi trung thành với chàng.

Hiện nay bọn em đã có một cháu trai, lên hai. Cháu xinh lắm anh à!

Tháng tám ta này, bọn em sẽ về Saigon chơi và đến thăm anh. Em muốn chàng và con biết Saigon vào mùa tháng tám ra sao, với những cây đèn ông sao, con cá, với những con lân giấy, những bánh nướng, bánh dẻo.

Anh nhớ chờ bọn em nhé! Khi nào đi, em sẽ đánh điện tín sang anh.

Người em của anh,
Kim

Biên đặt lá thư xuống bàn. Một niềm vui dâng lên làm anh rạo rức. Anh quên sao được người con gái có tên Kim kia, dù mấy năm rồi anh không được tin nàng.

Kim bây giờ đã có chồng có con, có một tương lai vững chắc. Không phải một Kim trụy lạc, dĩ vãng đen tối nữa.

Biên nhớ tới lần anh gặp nàng ở Vientiane. Đã mấy năm rồi. Hồi đó là tháng tư dương lịch. Biên tới Vientiane đúng vào ngày đầu năm mới của nước Lào. Trên bờ sông Cửu-Long, hoa phượng nở đỏ ối và hoa đại cũng trở hoa trắng ngát dưới ánh nắng mặt trời. Với xứ Lào, chỉ có hai mùa : mùa nắng kéo dài từ tháng 11 dương lịch đến cuối tháng tư dương lịch và mùa mưa tiếp theo trong những tháng còn lại.

Vientiane không rộng lắm. Thành phố chỉ nổi bật lên qua những ngôi chùa nguy nga, rộng lớn. Khi màn đêm buông xuống, kinh thành được ồn ào bởi mấy rạp chiếu bóng chuyên chiếu phim Thái Lan cùng vài ba tiệm nháy rung lên nhạc điệu Cha Cha Cha !

Khi Biên tới Vientiane, anh được tiếp đón nồng nhiệt

bằng những gáo nước lạnh ở các ngã tư. Một sự tiếp đón lạ lùng. Nhìn bộ quần áo trắng ướt sũng nước, Biên đã ngạc nhiên các cô gái Lào xinh xắn đôi môi hơi đầy tình tứ nở những nụ cười duyên dáng, tay cầm gáo đứng bên những lu nước. Biên thấy mình lạc lõng giữa khối màu sắc của chiếc khăn quàng vắt ngang vai, của những chiếc « sin » thêu kim tuyến.

Khi hiểu rõ tục lệ chúc nhau bằng cách tưới nước vào người nhau trong những ngày đầu năm, Biên đành vui vẻ nhận lãnh và cũng vui vẻ tưới nước đáp lễ.

Đêm Vientiane chẳng biết đi đâu ngoài mấy dancing. Vì thế đêm đầu tiên của Biên đã dành ra để « tiêu » tại một tiệm nháy thuộc khu Talat Nhay. Biên chọn một chiếc bàn nơi góc phòng để được nhìn bao quát cả tiệm nháy.

Một cô « Taxi girl », tóc túm sau ót và thả xuôi xuống nom như cái đuôi ngựa, rung rinh theo nhịp bước của đôi giày cao gót, nhún nhảy theo nhịp nhạc, tiến lại phía Biên ngồi. Nàng mặc chiếc áo sơ mi màu xanh lơ và chiếc quần jean màu xanh đậm.



Cô gái mỉm cười chào rồi kéo ghế ngồi, tự giới thiệu :

— Em tên là Kim !

Biên khẽ cúi đầu chào lại nàng nhưng anh cũng sững sờ khi nhận ra khuôn mặt hơi quen thuộc. Anh nhắm mắt lại để tập trung trí nhớ rồi vụt hỏi :

— Phải em là Liên, trước ở Saigon và ở...

Biên không dám nói hết câu vì sợ mặt lòng người thiếu nữ. Anh đã nhớ rõ, người con gái ngồi trước mặt anh đã có một thời ở xóm Bình Khang. Không hiểu sao nàng lại phiêu bạt sang tận xứ Lào và làm vũ nữ.

Cô gái hơi nhủ mày nghĩ ngợi. Nàng như ngẩn ngại. Biên vội nói :

— Tôi đã gặp Liên trong Bình Khang hồi 55. Nếu Liên nhớ kỹ lại sẽ không quên người đã đọc cho Liên nghe bài thơ « gửi cô gái Vườn Lài » và Liên đã chép cả bài đó.

Rồi không chờ nàng trả lời, Biên khẽ đọc lại bài thơ đó :

Tất cả những người gái mãi
đam,
Trên những nẻo đường trụy lạc
Áo đỏ tươi màu máu « né-ông »
Quần đen kịt bóng đêm huyền
uất,
Đều có tên rất đẹp như Liên,

Đều có làn môi gò má
Rướm đầy máu đắng đỏ lờm,
Đều có tóc đen cánh quạ
Mắt quầng sâu như đáy huyết

tối om
Tất cả những người gái mãi dâm
Đêm đêm nằm thồn thức :

« Vì uất ức... ba tiếng máu đơn
sơ.

Bao giờ thoát khỏi bùn nhơ ?
Bao giờ hết những lâu xanh
hắc ám ?

Bao giờ vươn mình lên ánh
sáng ?

Liên ơi, em cứ tự do mơ (1)
Biên đọc xong, cô gái reo
lên :

— A, em nhớ ra anh rồi !
Chớp mắt, nàng nói nhỏ :
— Đã mấy năm rồi anh
nhì. Cũng lâu mà cũng chóng.
Đời em cũng biến đổi không
ngừng như giòng nước chảy
mạnh dưới chân cầu.

Đôi mắt Liên chợt bừng ánh
lửa căm hờn. Nàng quay gọi
bồi lấy rượu mạnh rồi tiếp :

— Không ngờ gặp anh ở
đây, nhất là lúc này, nơi đất
khách quê người trong một
tiệm nhậu với không khí pha
trộn mùi rượu, mùi thuốc lá,
nước hoa. Em muốn kể cho
anh nghe tâm sự của em. Em
phải kể với anh để em người
được cơn sầu. Chung quanh

em xa lạ quá. Em muốn anh
sẽ là người thân của em
những lúc này.

Liên ngược mắt nhìn Biên
dò hỏi. Anh lặng lẽ gật đầu.
Hớp một ngụm rượu mạnh,
Liên bắt đầu kể :

— Em còn nhớ mãi bốn
câu thơ cuối cùng :

Bao giờ thoát khỏi bùn nhơ ?
Bao giờ hết những lâu xanh
hắc ám ?

Bao giờ vươn mình lên ánh
sáng ?

Liên ơi em cứ tự do mơ.

Bao giờ thoát khỏi bùn nhơ ?
Trời, em mong mỗi chuyện
đó hết sức. Không cứ em mà
là tất cả. Bởi có ai thích làm
nghề đó đâu. Chỉ vì bị bắt
buộc, lỡ sa lầy rồi không biết
làm sao rút được chân ra.

Liên mơ tưởng một ngày
nào đó Liên được trở về nhà,
bên con lạch nước chảy lững
lờ, có hai hàng dừa nước
mọc sát nhau, cạnh cánh đồng
mênh mông lúa chín.

Nhưng ai học được chữ
ngờ. Sau khi Bình Khang giải
tán, em trở về đồng ruộng
nhưng quê nhà đã bị bọn
phiên loạn đốt phá. Em phải
trở lại chôn phần hoa đầy

(1) thơ Hoàng-Nguyên

ánh sáng quyền rũ. Không có
một số vốn học thức kha khá
để xin một chân bán hàng,
muốn đi ở đợ lại bị những
ánh nhìn nghi kỵ trên mái tóc
uốn, trên bộ mặt còn vương
sốt lại nét thời gian của
quá khứ.

Không biết làm sao để mà
sống thì có người rủ em sang
Lào làm ăn. Em xuôi tai vì
thầy nói đời sống dễ dãi, tiền
bạc kiếm như nước. Nhưng
em đã bị lừa. Kẻ dẫn em sang
là đưa buôn người. Nó đã
bán em cho một nhà chứa
bên này.

Tiền không có, giấy tờ cũng
không, em đành cần rặng nhần
nhục chịu đựng. Cũng nhờ có
nhân sắc, được nhiều người
chú ý tới, em đã có tiền để
trả món nợ máu cho chủ.

Không tìm được cách về
nước, em phải làm vũ nữ cho
qua ngày đoạn tháng. Kể nghề
này cũng chẳng đẹp để gì
nhưng em biết làm gì hơn
khi chung quanh em toàn là
người xa lạ.

Bây giờ em chỉ ước mong
được trở về Saigon, dù phải
đi ở đợ, làm việc quần quật
suốt ngày trong bếp hay gánh
đôi quang đi bán chè đậu đen
khắp hè phố em cũng thích.

Đôi mắt Liên quắc lên vì
tủi hận, vì rượu mạnh. Trông
nàng đẹp một cách man rợ.
Liên dần mạnh ly rượu xuống
mặt bàn :

— Đời Liên nhục nhiều quá
rồi. Liên ơi, em cứ tự do mơ.
Ha Ha ! Em cứ tự do mơ !
Ha Ha !

Tiếng cười bất ngờ của
Liên nghe rợn tai như tiếng
thủy tinh vỡ. Cười xong,
Liên gục mặt xuống đôi bàn
tay mở rộng, khóc nức nở.

Bao con mắt của khách nhậu
đều hướng về phía Liên và
Biên ngạc nhiên. Một cảnh
không đẹp mắt chút nào ở
chỗ ăn chơi chỉ có tiếng
cười và tiếng sột soạt của
giấy bạc.

Biết thế nên Biên vội gọi
bồi tính tiền rồi đưa Liên ra
về. Khi đó người nàng lả vào
người anh nặng trĩu. Nàng đã
say !

Liên lẻ nhè nói :

— Đời Liên nhục nhiều quá
rồi anh ơi.

Biên vẫy tay gọi chiếc sầm
lọ :

— Pay. Talat Noi bỏ ? (Có
đi về chợ Nhỏ không ?)

— Pay ! (Đi !)

Biên đỡ cô gái ngồi vào xe.

Gió lạnh ban đêm làm nàng
hồi tỉnh. Trên trời, muôn ngàn
ngôi sao nhấp nháy.

Liên mở mắt hỏi :

— Chúng mình đi đâu thê
anh ?

— Về nhà Liên ạ. Thôi em
ngồi yên kéo gió lạnh.

Liên thở dài nói nhỏ :

— Anh đừng buồn vì câu
chuyện của em vừa qua nhé.
Anh cũng đừng nên khinh em
nhé.

Biên vội an ủi :

— Không Liên à. Không bao
giờ tôi lại khinh em. Liên chỉ
đáng thương thôi. Em cứ an
tâm. Sau cơn mưa trời lại
sáng. Biết đâu một ngày gần
đây em sẽ về được quê nhà
như em hằng mong. Em sẽ
lấy chồng và đẻ con như mọi
người con gái khác.

Liên dụi đầu vào ngực Biên
thủ thủ :

— Ừ, phải. Sau cơn mưa
trời lại sáng anh nhĩ.



★ MẮT CẢ THỜI-GIAN TÍNH

Văn sĩ Ernest Renan được một phu-nhân thích văn-chương
mời đến dự tiệc. Trong bữa ăn, Renan muốn mở miệng nói thì
một ông khách ngồi kế cận cướp mất lời. Ông này nói, nói mãi
cho đến khi người ta bưng đồ tráng miệng ra mới chịu ngừng.

Bấy giờ bà chủ nhà mới quay lại nói với Renan :

— Hồi nãy ông định nói nhưng chưa nói được. Vậy bây giờ
xin ông nói đi. Chúng tôi đang chờ đợi để được nghe lời vàng
ngọc của ông .

— Thưa bà, Renan trả lời, điều tôi muốn nói bây giờ không
ích lợi nữa. Nó mất cả thời gian tính.

— Sao thế ? Lời hay bao giờ cũng hay, xin ông cứ nói.

— Thưa, lúc nãy tôi muốn xin thêm mấy muông đậu.

kỷ niệm ngày 11-1

★ THI - HOA!
(người lính-chiến)

Xa Đô-thành những chiều hoang biển biệt
Nhớ Đô thành tha thiết lắm thành đô
Nhớ Đô thành muôn vạn tiếng «Hoan hô»
Cùng «Tiếng súng» trong ngày giờ Lịch-sử.

Rồi chiều nay, bạn cùng tôi xem thử
Đã năm tròn. Quốc sử tiến về đâu ?
Hay vẫn còn trong khói lửa thương đau ;
Phô-diễn mãi một màn tang tóc ấy!

Nơi trận-mạc chắc rằng anh đã thấy :
Cảnh, tương tàn huynh đệ vẫn chưa thôi
Khắp chiến trường, và khắp cả nơi nơi.
Nào ai gục ? Nào ai cười, mai-mữa

Nhưng không hẳn nơi này là chiến địa.
Mà vẫn còn, kia lẫn cả phố phường
Họ giết nhau trên khắp mọi nẻo đường

Bằng dao, rựa, bằng tầm-vông sỏi đá...

Nhìn thế sự lòng ta thêm buồn bã
Thao thức hoài không ngủ đã bao đêm
Cuộc đời thay, thay đổi biết bao phen
Lòng dân mãi mãi chìm trong bể hận !

Cực chẳng nhẽ ách độc tài vương bận
Hai mươi năm rồi lần bỏ từ đây
Chẳng biết rồi ai, hay dở, dở hay
Ra buồn lái con thuyền cơn sóng gió ?

Nơi sa trường ta vẫn chờ đợi đó
Chung bàn tay vui mở hội Tương lai
Cho Quê Hương, cho Tộc-Quốc ngày mai...

(Tiền tuyến, mùa thu 1964)



Ở Pháp, hằng năm, trước độ hè về, sinh viên các lớp dự bị vào lúc thi vào các Trường lớn. Ngoài các Trường Quốc gia Cao đẳng đào tạo các kỹ sư, các Trường lớn còn gồm có Trường Bách Khoa danh tiếng lẫy lừng và một loạt tám Trường Cao đẳng Sư phạm mà trường lâu đời và thi vào khó nhất dành cho phái nam, nằm ở đường U-m, Paris quận năm. Cũng như ở Trường Bách-khoa, sinh viên trường Normal Sup. này (có khi chỉ gọi Ecole Normale) rất hãnh diện và sau này, khi ra khỏi trường, dù ở Thạc sĩ hay Tiến sĩ, chỉ chưa thêm một hàng « Cựu sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm » trên tấm thiệp là mở ra được biết bao cánh cửa thường đóng kín mít trước mắt những người tốt nghiệp các trường khác.

● Nhà toán học bịa đặt

Không ai chối cãi được sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm là bông hoa của thanh niên trí thức Pháp. Họ thông minh, học giỏi, nhưng đáng khác họ cũng

PHÁT SINH TỪ MỘT CUỘC ĐUA GIỜN :

NICOLAS BOURBAKI
NHÀ TOÁN HỌC BẤT-TỬ

✱ Võ-Quang-Yến
(Paris)

NHÀ TOÁN HỌC BẤT TỬ

là những người thích đùa giỡn như các sinh viên trẻ tuổi khác. Nhưng họ không chỉ chịu nghịch phá giữa sinh viên với nhau, nhiều khi còn tổ chức, dàn cảnh ra những trò đùa lớn lao mà chỉ danh từ « canular » là có thể bao hàm tất cả những ý nghĩa sâu xa.

Vậy thì đây, vào đầu thế kỷ 20 lúc tình hữu nghị hai nước Pháp Nga đang lên cao và chế ngự nền chính trị ngoại giao, một nhà toán học có tiếng người Phần-lan (thuộc Nga), ông Nicolas Bourbaki, lại thăm nước Pháp. Lẽ tất nhiên ông không thể không lại viếng Trường Cao đẳng Sư phạm và được tiếp đón ngay trong giảng đường của Trường với sự hiện diện của một đại biểu ông Tổng thống Cộng Hòa và một đại biểu ông Đại sứ Nga. Theo truyền thống, ông Bourbaki lên diễn đàn trình bày về những lý thuyết toán học mới mẻ nhất. Trong lúc các nhà báo, các nhà chính trị có mặt chăm chú nghe, tuy không hiểu gì lắm nhưng vẫn lễ phép ngồi yên, các sinh viên của Trường khúc khích cười và tiếng cười dần dần càng lâu càng lớn lan ra khắp giảng đường. Vẫn biết ông Bourbaki điệu bộ lúng túng và có phần lơ đãng như biết bao nhà toán

học trứ danh khác, nhưng có gì đâu quá khôi hài để các thính giả tuổi trẻ phải cười ầm lên như vậy. Sau cùng, bài diễn thuyết vừa xong, không đợi các đại biểu tỏ lời cảm ơn nhà toán học đã có công làm tiến bước nền khoa học thế giới, ông Bourbaki biến mất...

Câu chuyện này chẳng có gì kỳ lạ nếu được giải thích ngay : ông Bourbaki chỉ là một nhà toán học do sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm bịa đặt ra ! Bài diễn thuyết của ông ta do các sinh viên viết trước : lời lẽ với thể thức toán học trừu tượng khó hiểu đã che dấu biết bao lời giỡn cợt mà chỉ có các sinh viên trong Trường là hiểu được. Câu chuyện được truyền tụng gần một nửa thế kỷ nay, chỉ tiết bây giờ chẳng còn được rõ ràng lắm. Người ta còn kể lại không phải các đại biểu mà chính ngay ông Tổng thống Cộng hòa và ông Đại sứ Nga đã bị giễu cợt. Rất có thể đây chỉ là điều thêm thắt để cho trò đùa được nhiều hứng thú.

● Một tập sách phi thường

Câu chuyện Nicolas Bourbaki nếu dứt ngang đây thì chẳng có

gì là nghiêm nghị. Nhưng chuyện chưa hết vì nếu nay ta đi vào xem các nhà hàng bán sách khoa học, ở Pháp cũng như ở Nhật, bên Mỹ cũng như bên Nga, một tên Nicolas Bourbaki đã ký vào nhiều sách toán học. Đi hỏi các vị giáo sư toán học, họ sẽ cho ta biết Nicolas Bourbaki là nhà toán học cận đại giỏi nhất vì ông ta đang sửa đổi lại tất cả nền móng một môn khoa học lâu đời. Vậy thì Bourbaki có thật hay không? Câu chuyện đùa giỡn trên kia phải chăng là hoàn toàn bịa đặt?

Thật ra, sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm không khi nào quên câu chuyện Nicolas Bourbaki. Ông chính là một con người bịa đặt nhưng hình ảnh nhà toán học đã in sâu vào tường vách của nhà Trường. Người ta bảo bây giờ mỗi khi một sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm không biết rõ xuất xứ một sự tích khoa học thì thường cứ xỏ bừa Bourbaki ra. Người ta còn có kể chuyện một vị giám khảo nọ một hôm hỏi thêm chi tiết về một chứng minh toán học không

đầy đủ. Cậu thí sinh lẽ tất nhiên sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm, liền cứ khăng khăng: « Theo định lý Bourbaki thì thấy rõ ràng ... » Sau cùng, ông giám khảo sợ mất mặt, không dám thú thật mình không biết một định lý mà sinh viên đã đưa ra, đành chịu bỏ qua.

Nhưng còn có chuyện đứng đắn hơn: một nhóm các nhà toán học xuất thân từ Trường Cao đẳng Sư phạm, cách đây 30 năm, bắt đầu cho xuất bản một tập sách và ký tên chung là Nicolas Bourbaki. Phát sinh từ một trò đùa, Bourbaki đã trở thành một nhà toán học bất tử. Lúc ban đầu nhóm Bourbachiste gồm có 25 nhân viên, 5 người mất đi, nhưng lại có nhiều người khác thế vào và nay số Bourbachiste lên đến 30 nhân viên. Các cuốn *Eléments de Mathématiques* đã ra rất điều hòa, trung bình hai cuốn mỗi năm. Trong số các nhà toán học điều khiển nhóm hiện nay, ta thấy có nhiều tên có tiếng: Dieudonné, Weil, Cartan, Schwartz, Godement, Chabauty, Ehresmann,

Passel, Kossul, Delsartes...

Người ta cũng thường hỏi vì sao các nhà toán học này đã lấy tên Bourbaki làm biệt hiệu cho nhóm. Không lý đã trưởng thành, những ông này còn liên tưởng đến trò đùa của thời trẻ tuổi. Một người có lẽ có thể giải thích được là ông Enrique Freymann, giám đốc nhà xuất bản tập sách. Nhưng ông Freymann đã mất. Theo người ta biết về ông, một người không nề hà cho xuất bản những sách khoa học khó hiểu, bán ít chạy, một người cũng thích đùa giỡn đã đặt ra Viện Đại học Nancago (vì có một nhà toán học viết sách dạy vừa ở Nancy vừa ở Chicago) chắc ông ta có nhúng tay ít nhiều đến vụ đặt biệt hiệu Bourbaki cho nhóm các nhà toán học của trường Cao-Đẳng Sư-Phạm.

● Một đại diện xứng đáng

Đã nói đến BOURBAKI, tưởng cũng cần biết qua trình độ tập sách đã xuất bản. Đề tựa *Eléments de Mathématiques* thật

ra đã chứa đựng nhiều khiêm tốn: tập sách đã vượt quá những khái luận giản yếu để xây dựng nền tảng một môn toán học rộng lớn. Trong tập thứ nhất, tác giả đã không quên khuyến khích độc giả: « Sách luận giải toán học từ đầu và chứng minh đầy đủ. Như vậy không cần phải hiểu biết nhiều về toán học mới đọc được tuy phải quen với lý luận toán pháp và cần có khả năng trừu tượng ». Thật là dễ dàng nhưng qua khỏi trang đầu, những ký hiệu lạ lùng mọc ra như nấm, những danh từ ghê rợn đưa độc giả vào một thế giới hoàn toàn khó hiểu nếu độc giả có may mắn vào được thế giới ấy: vật thể giao hoán, bất đẳng thức lính lồi, ... Theo những nhà toán học: BOURBAKI đang đào bới, xây dựng nền tảng môn toán học như chưa ai từng làm từ trước: BOURBAKI làm việc cho lai thế. Mà chỉ có ông là làm được một việc như vậy vì ông là nhà toán học bất tử độc nhất.

Môn toán học là một biểu thức hoàn toàn trừu tượng sau những thực thể khác từ nguyên tử tí hon cho đến dải ngân hà lớn. Trừu

PHÒNG-PHỤ

NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-65

PHÒNG-PHỤ

NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-65

tượng và cụ thể chung dụng với nhau như linh hồn và thể xác. Người ta có thể bảo toán học là linh hồn của thể xác vũ trụ. Mà trong một môn khoa học trừu tượng như môn toán học, ai có thể làm đại diện xứng đáng hơn một nhà toán học cũng trừu tượng là NICOLAS BOURBAKI?

Mà thật ra, Nicolas Bourbaki trừu tượng đến mức nào? Người ta kể chuyện gần đây, một nhà bác học người Nga (một nhà

toán học thực sự) lại viếng Trường Cao đẳng Sư phạm. Nhà bác học được tiếp đãi long trọng diễn văn chúc tụng chẳng thiếu gì. Người thay mặt ông Giám đốc Trường để tiếp đón tự xưng là Nicolas Bourbaki, Phó giám đốc khoa học của Trường. Và nhà bác học Nga ra về sung sướng, định ninh đã có dịp bàn cãi lý thuyết toán học với một nhà toán học giỏi nhất của thời đại



* LÝ LUẬN TRẺ CON

Một em bé rất có tài bắt chước tiếng kêu của chim chóc thú vật. Một hôm em đi vườn Bách-thú với mẹ, đến chỗ nuôi chim để xem những con công trắng của Úc-đại-Lợi mới gởi tặng.

Con công kêu lên «túc túc». Mẹ em bảo:

— Đó con bắt chước nó đi.

Em nhìn mẹ, lém lỉnh:

— Nó kêu bằng tiếng Úc, con đâu có biết.

NGƯỜI YÊU TÔI NGHIỆP



★ TRẦN-TUẤN-KIỆT

TRONG tôi dầy dặt bóng tối, những bước chân rầm-rập ban đêm, và rất nhiều ảo vọng.

Cái căn nhà tôi ở không bao giờ lọt vào được một chút ánh sáng của buổi chiều. Buổi sớm thì có. Nắng sớm ngào-ngạt những làn hương trong ngọn gió, trong mộng mị của ban đêm, trong sự hồi sinh của cơ thể người. Tuy thế, tôi không hề thích buổi sớm, sự thật thì khác. Tôi rất mong được nằm yên, nhắm mắt nhẹ nhàng thả hồn trong ánh nắng chiều tà sau một trưa trời nóng bức này. Buổi chiều qua thật mau, có lúc tôi khép mắt giữ thật bền lòng yên tĩnh. Tôi không thích như một lão thầy tu phái Thiền ngồi u-ì cả chục năm để ngộ mãi một

bức vách mà « cách vật trí tri ». Hẳn là giáo lý cùng suy niệm, đặt đạo của họ khác điều tôi nghĩ. Nhưng tôi đã có biết được chút tình tôi không thể không khoái thích và nghĩ ngợi sung-sướng vì tình, tất cả thứ tình của bè bạn của cha mẹ tôi và của người thiếu nữ tôi nuông chiều, hôn hít đó.

— Anh!

Tôi biết Thủy đến từ lúc nàng bước chân lên gác này. Nhưng bạn nghĩ-ngợi cái hình ảnh ngay thẳng rất nghiêm của một bức tượng trong chùa tôi không để ý tới nàng nữa. Nàng gọi, tôi xoay lại đưa mắt cho nàng ngồi xuống ghế bên cạnh. Thủy là hình ảnh của nghệ-thuật trong đầu tôi. Nàng choán rất nhiều tình yêu

thương và sự sống của tôi lắm. Tuy nhiên mỗi lần thấy người con gái đó, tôi lại thấy một hình ảnh khác đi cặp kè bên nàng. Hình ảnh đó không hiển hiện vốc đáng thật ra nhưng hầu như có lúc làm lu mờ cả ánh mắt Thủy vì Thủy là cô gái có đôi mắt long-lanh ngời sắc tình yêu.

Đôi mắt Thủy đẹp lạ lùng đến mỗi lúc tôi nhớ nàng thì y như có đôi mắt đó ngó vào tâm hồn tôi, đôi mắt lăm tròn, soi suốt trong khoảng thâm-u nhất của lòng mình. Cái hình ảnh đi cặp kè với Thủy là người yêu của nàng từ lâu. Tôi biết Thủy đến với tôi, yêu tôi nhưng người con trai nọ còn say sưa nàng lắm, mặc dầu Thủy đã tỏ thái độ dứt khoát.

Tôi có tật làm biếng, và lo sợ không đâu nhưng ưa nói cứng với Thủy mỗi lúc cần tỏ bộ-dạng hào kiệt. Nghĩ lại điều đó, tôi lại muốn như mấy ông thầy tu, dọn sửa mình-mây, trí-tuệ lòng chân thật với Thủy lại.

Thủy đến với tôi buổi tối nay ắt là mượn tôi dạy về âm-nhạc. Tôi chán điều đó, tôi nghỉ học và bỏ chơi đàn từ lâu. Các thầy dạy

nhạc, ngày xưa mến tôi bao nhiêu bây giờ khinh và ghét tôi chừng ấy. Tôi biếng nhác, ưa lờ gái nhưng học mỗi ngày một lùi, hay chằm biếm thầy là khác.

Thủy ngồi yên cúi đầu, chiếc nón vành rộng kết bằng rơm che bít khuôn mặt nàng không để tôi thấy nàng vui hay buồn. Thủy là nữ sinh âm nhạc, hay khóc sụt sùi như mưa dầm và luôn làm núng đến tôi phát chán. Có điều là Thủy hiểu cái tính cộc lốc dễ thương của tôi nên nàng tỏ ra *đàn chị*, bao tiền cho tôi đủ ci-nê, ăn kem, và dạo phố.

Nàng mù quáng vì yêu tôi thật sự. Cho tới những lúc tôi bắt cần nàng, Thủy càng bám riết theo, sợ tôi bỏ.

Thủy tiến tới bàn, quàu móng tay lên giấy đàn tranh, bỗng nàng gục đầu xuống cạnh cây đàn mà khóc. Ngồi dậy nhìn vào nét mặt Thủy, nét mặt của cô gái tươi đẹp bây giờ trông thiếu náo, tóc rối-rắm trên trán nàng, nước mắt chảy xuống ròng-ròng. Nàng buồn lắm đấy! Tôi hỏi:

— Vì sao em khóc?

Thủy không ngược lên. Tôi đoán có một sự gì sắp tan vỡ xảy ra giữa chúng tôi. Bỗng nhiên tôi thấy yêu Thủy lạ lùng, tôi đứng nhón lên kéo Thủy xuống ghế bố, ôm siết thật chặt thân thể nàng, hôn nàng, ghì đầu nàng vào ngực. Cả tấm thân nuốt nà đó cuộn tròn trong lòng tôi. Nàng vẫn đề yên không chống cự và cũng không lộ vẻ gì bằng lòng hay khoái cảm.

Một lát Thủy nói:

— Em không thể đến đây được anh à!

— Tại sao em?

Thủy ăm-ừ:

— Mẹ em!

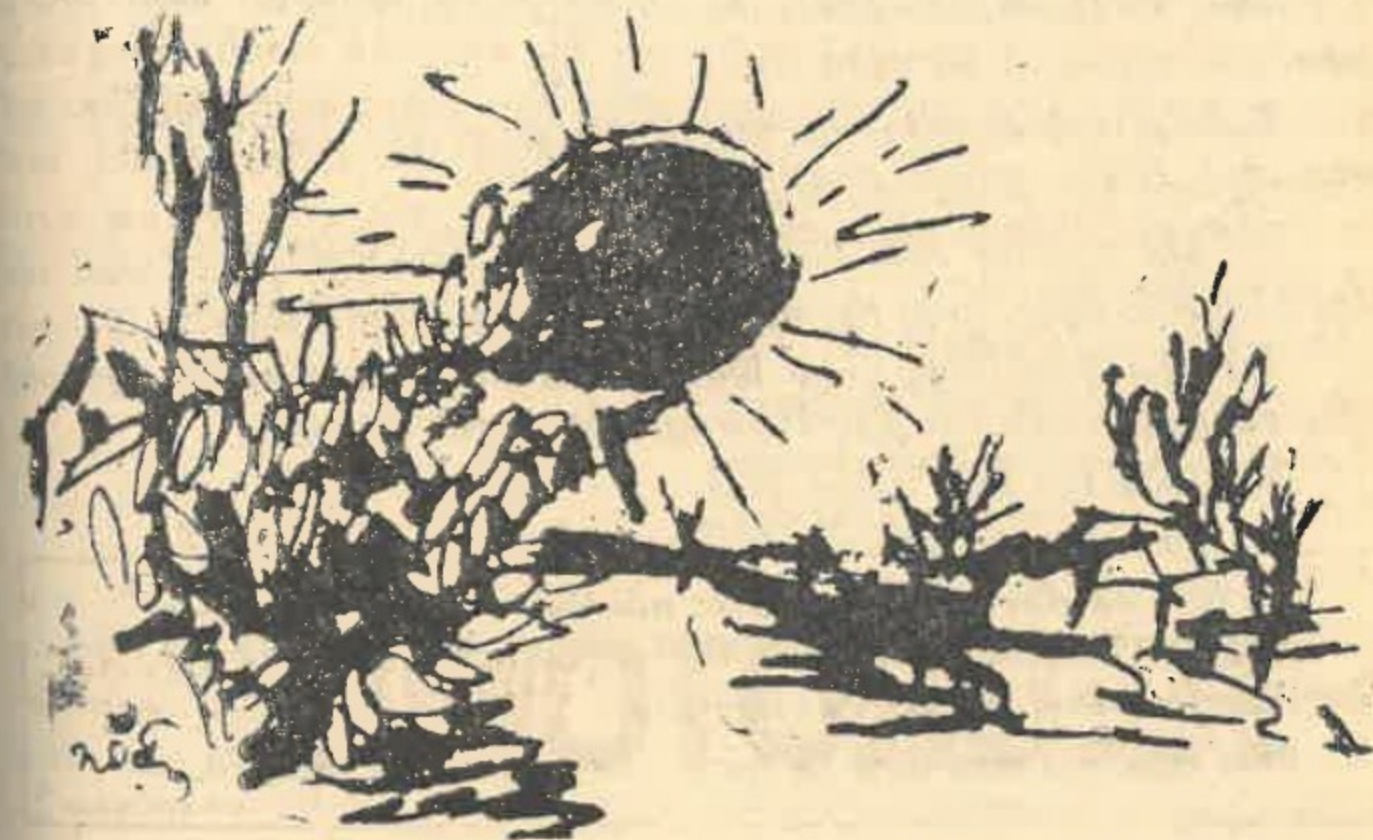
— Gả em?

— Không! Thủy nghẹn ngào

đáp, rồi nói tiếp:

— Mẹ em khinh anh, em nói gì mẹ cũng bắt ra, em quý yêu anh lắm, em không thể xa anh như ý mẹ được, em khổ quá, anh cứu em, em muốn tự tử cho rồi, sống như vậy khổ thân em nữa! Tôi chờ ra nghe Thủy tỏ than, và xét lại mình. Quả thật tôi không có diễm gì cao quý trong người để bảo vệ hay nâng cao tình yêu, tạo lập giá trị cho người mình yêu. Tôi cảm thấy se lòng thương Thủy quá đời!

— Không đâu Thủy! em đừng trách mẹ. Mẹ lo cho em, anh biết mình không đủ bảo vệ tình yêu của Thủy. Hãy bình tĩnh mà chỉ cho anh những gì mẹ muốn có ở anh. Thủy lặng thinh, nàng lắc đầu:



PHONG-PHÚ

NEUROTONIC

Đông
Bổ óc
Tăng cường trí nhớ

ST. BYT 20-11-65

— Không, anh đủ cả, em yêu anh. Mẹ đòi ở anh một danh vọng, điều đó em hiểu, anh không ưa.

Tôi cũng mừng-tượng ý-nghĩ đó, tôi không thể sống hạnh phúc nếu tôi cố sức chiều mẹ nàng và lôi cuống Thủy về mình.

— Hãy để anh sửa mình cho hợp ý mẹ. Tôi biết tôi nói thật câu đó với Thủy, lần thứ nhì, sau lần trước, tôi bảo Thủy là người đẹp!

Tự nhiên tôi cảm thấy trơ trẽn

một lúc. Thủy thỉnh-thoảng với tay lên quàu giầy đàn tranh và âm ỉ trong lòng tôi.

Nhưng bây giờ Thủy đã có chồng, tôi nhớ và buồn vì xa cách nàng. Nhưng tôi vẫn không chừa được tính biếng nhác và gian-dối. Căn bệnh đó tôi chưa diệt được để nhận lấy sự đau-dớn vì mất người tình. Tôi muốn diệt ngay bản tánh dối trá của mình trước đã...



★ BỀ NỮA CÁI ĐĨA

Mai ăn chậm, còn bánh mà không cho Hương ăn nên Hương giận.

Lại đại thế nào Mai lỡ tay đánh vỡ chiếc đĩa. Đề trả thù, Hương lơn tợn chạy lên mách má:

— Má ơi, con Mai đánh vỡ cả chiếc đĩa. Vừa mách, Hương vừa hí-hửng nghĩ bụng thế nào Mai cũng bị má đánh đòn.

Từ nhà dưới Mai chạy lên, tay cầm chiếc guốc, rồi bất thần Mai cầm guốc cốc vào đầu Hương một cú rất đau.

Má thấy thế liền mắng Mai:

— Tại sao con đã làm vỡ đĩa và lại còn đánh chị?

— Má đã dạy là không được nói thừa. Mai trả lời. Chị Hương đã nói thừa cho con. Con chỉ đánh vỡ có nửa chiếc đĩa mà Hương đã mách là con đánh vỡ cả chiếc đĩa.

Mai vừa nói vừa đưa ra nửa chiếc đĩa còn nguyên và nhiều mảnh vụn.

NHỮNG
CHUYỆN
TÌNH
ĐÂY MAU
VÀ
NƯỚC MẮT



HÉLOÏSE

★ TÒN NỮ NGỌC-LAN

NÀNG là Héloïse.

Du khách đến viếng nghĩa trang Père Lachaise hẳn không quên dừng lại nhìn ngôi mộ có ghi tên của hai nhân vật đặc biệt ấy. Mặc dầu các nhà viết sử còn đánh nhiều dấu hỏi không tin rằng ngôi mộ đã chứa đúng hài cốt của đôi lứa yêu mà không được gần lúc sống, để chết mới nằm bên nhau.

Nàng sinh trưởng ở Nogent sur Seine gần Paris (1101-1164). Cháu gái của thầy tu Fulbert. Mồ côi bố mẹ từ thuở nhỏ nhưng

nàng may mắn được người cậu rất yêu quý. Từ thuở bé Héloïse tỏ ra thông minh, ưa tìm tòi, hiểu biết và hiếu học. Ngoài những đức tính ấy nàng còn là một thiếu nữ xinh đẹp, nhan sắc hứa hẹn từ thuở bé, mà nhan sắc thường đi đôi với tình cảm nên người cậu rất chiều chuộng, sẵn sàng hy sinh tất cả để nuôi cháu, cho cháu được ăn học đầy đủ.

Cách năm thế kỷ trước, một người đàn bà được ăn học đầy đủ kể cũng là một sự hiếm có.

Ngày còn bé, người cậu không thể chăm sóc được nên Héloïse phải

vào nhà kín ở Argenteuil ăn học cho đến 16 tuổi.

Chàng là Abélard, vừa chuyên về khoa triết học vừa chuyên về khoa thần học. Abélard sinh ở gần Nante năm 1079. Con của một vị lãnh chủ đất Pallet, người cha muốn con trai sẽ đi về ngành võ là ngành của giới quý tộc nhưng Abélard chỉ ham kinh sách.

Chưa đầy hai mươi tuổi chàng đã lìa bỏ gia đình, từ chối số gia tài to lớn để lên Paris học hỏi thêm. Abélard xin vào làm học trò của Guillaume de Champeaux một nhà triết gia kinh viện, nhưng Abélard là người học trò đặc biệt nhất. Năm 22 tuổi chàng xin cáo thầy, cáo luôn cả trường Saint Victor của thầy để trở nên kinh dịch với thầy. Chàng bắt đầu mở trường ở Melun, Corbeil và ở ngay Paris tại Montagne de Ste Geneviève.

Vì muốn khảo cứu thêm về khoa thần học Abélard đã đi xuống Laon cách Paris 130 cây số để học hỏi thêm với Aselme nhưng rồi chàng không đồng ý với thầy ở nhiều quan điểm — Fumus sine Flammis (khói không có lửa)

Abélard đành lại phải trở về Paris.

Một thầy một trò

Trở về Paris, tài giảng dạy của giáo sư triết học trẻ tuổi đã được mọi người biết tiếng, nên học trò đến nghe giảng rất đông. Tiếng đồn vang đến tai Fulbert người thầy tu, người cậu luôn luôn nghĩ đến tương lai của đứa cháu gái thông minh. Fulbert muốn rằng cháu mình cũng phải được học hỏi nên tìm đến Abélard Fulbert nghĩ ý định mời chàng về ăn ở tại nhà mình và mỗi ngày giảng dạy thêm cho đứa cháu gái. Abélard bằng lòng, vì cuộc đời một người giáo sư cô, độc không gia đình cũng chẳng có gì quyến rũ.

Trong gian phòng học vắng vẻ, mặc dầu người thầy lớn hơn cô học trò những 22 tuổi nhưng cảm tình không bao giờ biết tính toán, biết phân chia biên giới, tuổi tác. Nhất là khi hai tâm hồn còn tươi trẻ mới biết; gặp gỡ nhau. Chàng gặp ở nàng một thứ nhan sắc trong trắng và thông minh, nàng thì chỉ biết cúi đầu phục thiện.

Từ sự mến cảm đến yêu đương không cách xa nhau mấy đường đất. Cái hôn đầu tiên có lẽ là cái hôn đẹp đẽ và chân thành nhất từ thuở loài người biết yêu nhau và biết hôn nhau.

Nhưng ngày giờ đáng lẽ để dành cho sự học vấn thì lại bị tình yêu chiếm đoạt hết, những lời giảng dạy về triết lý đã thành những bài học yêu đương. Abélard đã mù quáng, tình yêu làm cho chàng kém sút rất nhiều, các học trò đều nhận thấy. Những bài giảng kém hào hứng, kém sâu sắc, so với ngày trước và học trò cũng thưa thớt dần.

Người ta muốn tìm hiểu lý do vì sao? Nhưng rồi lý do rõ ràng, tình yêu đã làm cho người giáo sư ấy trở nên tầm thường mất sáng suốt.

Abélard đã mấy lần ngỏ lời với Héloise để xin cưới nàng làm vợ mà người con gái từ chối, nàng không muốn chàng sẽ mất uy tín nếu chàng lập gia đình.

Nhưng ở đời có sự bí mật nào giữ được lâu, người cậu không ngờ rằng cô cháu gái của mình lại hư đồn như thế. Trong khi

ông đặt hết tin tưởng vào cô cháu gái và vị thầy giáo thông minh xuất chúng nhất thì hai cô cậu đã phản bội lòng tin của ông và tệ hơn nữa... Biết ra thì đã lỡ làng, Héloise đang có thai.

Muốn dấu kín mọi sự đàm tiếu Abélard đành mượn bộ quần áo tu cho nàng cải trang và đưa nàng đi trốn ở Bretagne. Mấy tháng sau Héloise sinh được một đứa con trai, đứa con yêu đương nhưng cũng là của lo sợ của nước mắt, vì nàng biết rằng Fulbert sẽ không bao giờ tha thứ và mặc dầu đã khoác áo tu, ông là một người trung trực ngay thẳng. Tha thứ cho người ngoài thì dễ nhưng Héloise là đứa cháu gái mà ông đã đặt bao nhiêu tin yêu, Héloise đã phản bội.

Đợi Héloise sinh xong, Abélard đến nài nỉ cậu nàng để xin được làm lễ cưới nàng, hy vọng rằng một khi danh chính ngôn thuận rồi thì người cậu khó tính ấy sẽ vui lòng bỏ qua đi cho.

Fulbert bằng lòng nhưng Héloise vẫn không muốn cho danh tiếng người yêu bị hạ xuống vì mình, nàng xin chỉ làm lễ cưới một cách kín đáo mà thôi. Tưởng như thế là cậu nàng hết giận.

PHONG-PHÚ

NEUROTONIC BỔ ỨC
Tăng cường trí não

575 BYT 20-11-63

PHONG-PHÚ

NEUROTONIC BỔ ỨC
Tăng cường trí não

575 BYT 20-11-63

● Sự trả thù của người cậu

Làm sao mà hết giận, người đàn ông trung trực ấy chỉ giả vờ ưng thuận nhưng trong lòng vẫn sắp sẵn một chương trình để rửa thù. Fulbert đợi cho người ngoại bót, khi mọi người không ngờ đến, ông mới thuê tiền thằng bé ở của Abélard để nó bằng lòng mở cửa phòng ngủ của vị giáo sư này; cho một người vào hành động cái chương trình rửa hận của ông. Abélard đang ngủ bỗng thức tỉnh vì một cơn đau đớn, thì ra có người đã vào cắt mất bộ phận sinh dục của mình.

Biết than làm sao, mạch sống ngừng mất một phần từ đó, và đáng lo sợ nhất là tật nguyên như thế rồi liệu nhà thờ có còn chấp thuận mình nữa không?

Abélard đành khuyên vợ mình hãy vào nhà tu ở Argenteuil và chàng cũng vào nhà tu ở Saint Denis.

Từ đây đôi bạn chỉ còn có thể thư từ với nhau. Những bức thư nồng cháy yêu đương của Héloise, mặc dầu đã vào nhà tu nhưng mối tình của người đàn bà không thể dập tắt. Nàng viết: « Xin anh hãy gửi thư cho em, anh nên nhớ rằng em đâu có được ơn trên kêu gọi nếu em đi tu là vì nghe lời anh. Em

nhắm mắt nghe theo tất cả những gì anh dạy bảo. Nếu anh tưởng rằng mặc được chiếc áo tu mà con người trở nên lương thiện thì anh lầm. Nếu ban ngày em có nhiều công việc làm để có thể lãng quên thì ban đêm em đã khổ sở vì phải tranh đấu với muôn nghìn kỷ niệm.

Nước mắt, chỉ có nước mắt đến với em... Anh hãy viết thư cho em... »

Abélard trái lại, lòng chàng đã nguội lạnh hẳn, chàng khuyên nàng: « Nếu yêu tôi thì xin hãy dâng mình hoàn toàn cho Chúa. ở dưới chân Chúa chúng ta sẽ gặp nhau... »

Làm sao Héloise có thể quên được những ngày vui ân ái xưa trong gian phòng học, một thầy một trò. Abélard vẫn tiếp tục giảng dạy, học trò đã trở lại với chàng. Nhưng chàng bị các giảng sư khác ganh ghét vu cho chàng đã gieo những dị thuyết trái với đường lối của nhà thờ. Chàng đau khổ khi thấy tác phẩm Introduction à la théologie của mình bị hội nghị Tôn giáo ở Soisson (1121) kết án buộc phải đốt đi vì nói phạm đến thánh Tam-Vị (la Sainte trinité).

Từ đây chàng đành lang thang hết tu viện này đến tu viện khác, còn nàng vẫn sống trong nhớ tiếc kỷ niệm. Chờ đợi ngày được giải thoát.

Mỗi lần nghĩ lại cuộc tình duyên cũ mà đối với nàng vẫn luôn luôn thấm thiết, nàng muốn từ bỏ hết để đi tìm một chốn khác nhưng Abélard đã trách móc, chàng bảo: « Nếu muốn nhận thư của tôi thì đừng nên đề cập những tội lỗi cũ... » Và nàng lại đành cúi đầu vâng lệnh.

Thời gian qua, tuy lòng vẫn chưa thể quên nhưng nàng đã tỏ ra rất xứng đáng với lòng yêu của Abélard. Nàng đã lên chức lớn nhất trong tu viện và đã noi gương sáng cho tất cả các nữ tu sĩ khác.

Abélard chết âm thầm trong một tu viện năm 1142 cái chết của Abélard đã giúp Héloise

thêm hăng hái trong công việc hy sinh tinh thần và cả thể xác để làm việc cho viện, để xây cất những viện tu khác.

Héloise sống thêm 22 năm nữa mới được giải thoát.

Ngày nay ở nghĩa trang Père Lachaise có hai nấm mộ nằm song song, chung quanh có hàng rào sắt. Mặc dầu chết cách nhau 22 năm nhưng mối tình của họ chẳng mấy người không biết. Họ được dịch lại gần nhau, tuy chỉ là hai nấm mộ, nhưng người sống muốn cho họ được ở bên nhau để đền bù lại những năm tháng dạt bằng nước mắt ngày họ còn sống.



★ CHƯA XONG MÀ !

Một buổi sáng chúa nhật, một ông già làm ruộng đang hì hục xốc rơm, bụi bay cùng người và mồ hôi của ông tuôn ra ướt đầm lưng áo.

Một vị tu sĩ đi ngang thấy vậy, khuyên rằng :

— Ông ơi, ông có biết rằng thượng đế dựng lên muôn loài chỉ có 6 ngày và nghỉ ngày thứ bảy không?

Ông già nghỉ tay, nhìn lên trời, thấy mây đen u ám, lại càng hì hục xốc rơm và trả lời :

— Tôi biết lắm chớ, nhưng Ông thì làm xong việc ngày thứ sáu, còn tôi tôi chưa đây nè.



Kính thương về đất Mẹ

u - uất

Mây ngửa nghiêng trời một phương gió loạn
Những bóng chim màu sữa lạc về đâu ?
Lòng đất quê hương quặn niềm ly-tán
Cho nỗi hờn căm ngùn ngụt tình-cầu.

Từng lớp người đi vào trong bóng tối
Mắt mở trừng không nhìn thấu tương lai
Lưỡi hái vô tâm tử-thần đến vội,
Đất Mẹ rung rưng ôm những hình hài

Rừng mới âm u ngậm mùi tử khí
Và những anh hồn chưa kịp siêu-linh
Đã thấy gươm dao trong lòng huynh đệ
Hồn nước nghìn xưa tan nát sao đành ?

Ôi những anh-linh thuở Trần Lê Nguyễn
Công đức làm nên trang sử huy-hoàng !
Có ngậm ngùi thương một thời chinh chiến
Tâm-thức trôi vào vực thẳm hoang mang ?

Giấc ngủ chập chờn niềm đau tê tái
Đêm lại từng đêm thăm ước nguyện ngào :
Cỏ lá quê hương xanh rờn trở lại
Bầy trẻ thơ cười ôm cánh chim câu.

Tokyo, 10-1964

* THANH-NHUNG

(Trong Tao Đàn Bạch Nga)



Tuấn DÂN CHÚNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI
CHÀNG TRAI 1910-
NƯỚC VIỆT 1960

* Nguyễn-Vỹ

(Tiếp theo P.T. 136)

TỪ thuở bé, Tuấn rất ghê-tởm những người ghiền thuốc phiện. Nguyên-nhân là ở ngay trong làng của Tuấn có một người chú họ xa, làm nghề buôn quế, thường đi tỉnh này tỉnh nọ, mà Tuấn rất ghét và luôn luôn xa lánh vì người ấy nghiện thuốc phiện lại còn đau bệnh « tim-la ». Mỗi lần về quê nghỉ hè, Tuấn đi dạo chơi trong xóm hễ trông thấy « ông ghiền » ấy chỗ nào là Tuấn vội vàng lánh đi chỗ khác. Cho nên Tuấn có thành-kiến ngay - thơ rằng chỉ hạng người bần-tiện, những kẻ ăn

chơi, đi điểm, bọn thất học mới ghiền thuốc phiện.

Không ngờ ông chủ-nhiệm *L'Argus Indochinois*, một nhà cách mạng Pháp tranh đấu không ngừng cho nền Độc-lập của Việt-Nam, một người mà Tuấn rất kính phục, tôn sùng mỗi khi đọc những bài xã-luận danh thếp trên tờ báo Pháp văn của ông, người ấy, hôm nay chính mắt Tuấn trông thấy, lại là một tên ghiền thuốc phiện !

Ôi, Tuấn thất vọng xiết bao !

Đĩ-nhiên là cảm-tình của Tuấn đối với ông Amédée Clé-

menti bị sút đi nhiều, và Tuấn cứ thắc-mắc mãi về cá-nhân của nhà viết báo cách-mạng ấy. Trẻ tuổi và ngây thơ, Tuấn cứ tưởng rằng một người làm cách-mạng, có những tư tưởng siêu-việt, tất nhiên phải là một người hoàn-toàn đáng kính đáng quý, một vĩ-nhân siêu-quần bạt chúng.

Tuy nhiên Tuấn vẫn tiếp-tục đọc báo *L'Argus Indochinois* và nhờ đó mà hấp-thụ được rất nhiều tư-tưởng mạnh mẽ, trong sạch, cao siêu, về chính-trị, về cuộc tranh-đấu chống Bất-công và Áp-bức, chống chủ nghĩa thực dân. Tuấn quý tờ báo đó cho đến nỗi mỗi tuần nhận được nó, vào lúc 8 giờ sáng mỗi ngày thứ Tư, do người phát thư Chà-và của nha Bưu-điện đưa đến tận nhà, là Tuấn bỏ buổi học, nằm nhà đọc nghiền-ngẫm cho hết bốn trang báo lớn. Cái đặc-điểm của báo *L'Argus Indochinois* là in trên giấy satiné xanh, trong lúc tất cả các tờ báo khác đều in trên giấy trắng.

Mỗi tuần xuất bản một lần, và số nào cũng đăng toàn những bài cách mạng, chữ Tây kịch-liệt, công kích chánh sách thực dân Pháp thậm tệ, và luôn luôn hăng hái hô hào cho Việt-Nam độc-lập. Có một số báo đăng

kín cả 8 cột trang nhất một bài dài của ông Amédée Clémenti, nhan đề là : « **Le parti de l'Indépendance Annamite** » (Đảng Độc-lập An-Nam) Trong bài ấy, ông chủ-nhiệm kiêm chủ-bút người Pháp đưa ra đề-nghị thành lập một Chính-phủ Độc-lập An-Nam với những nhân-vật như sau đây :

Tổng-thống : Phan-bội-Châu, Thủ-tướng : Huỳnh-thúc-Kháng, và các Bộ-tướng : **Dương-Bá-Trạc, Nguyễn-thế-Truyền, Nguyễn-an-Ninh, Phan-văn-Trường, v.v...**

Toàn là những nhà cách-mạng « An-Nam », danh tiếng nhất lúc bấy giờ.

Bài báo đó làm xôn xao dư luận, các giới trí-thức và sinh-viên cả Tây lẫn An-Nam, không những ở Hà-nội, mà cả ở Huế và Sài-gòn. Sau đó, xảy ra hai vụ mà báo *L'Argus Indochinois* đăng bài quyết liệt đả kích Phủ Toàn-quyền, Phủ Thống-sứ và ty Mật-thám Bắc-kỳ. Vụ thứ nhất là đêm thứ Bảy tuần đó có người lên đến dán trên cổng tòa báo một tờ « cảnh cáo » của một bọn người vô-danh tự xưng là « nhóm người ái quốc » hăm giết Amédée Clémenti.

Ông Chủ-nhiệm báo *L'Argus Indochinois*, làm bản kèm tờ

« Cảnh cáo » ấy đăng lên báo, và nhất quyết rằng tác giả mạo danh « một nhóm người ái quốc », không ai khác hơn là viên Chánh Mật-Thám Bắc-Kỳ với sự đồng lõa của Phủ Toàn Quyền và Phủ Thống-Sứ.

Vụ thứ hai, là một buổi sáng thứ Bảy ông Amédée Clémenti được tin đêm hôm trước người Chef Typo (người cai ê-kíp thợ sắp chữ) của báo *L'Argus* « bị mè-mìn dụ-dỗ đem đi mất tích ». Ông Clémenti loan tin ấy trên báo của ông, và cũng quả quyết rằng tên « Mè-Mìn » ấy không ai xa lạ hơn là viên Chánh Mật-Thám Bắc-Kỳ.

Nên nói thêm rằng lúc bấy giờ Hà-Nội đang xôn-xao về phong trào « Mè-Mìn ». Mè-Mìn là những « con mè đàn bà » bình dân, đi lang-thang các phố, và dùng một thứ bùa ngãi bí mật gì đó làm mê những người đi đường, khiến những người này tự-dưng đi theo họ. Đó là một hình thức bắt cóc bằng bùa ngãi. Thường thường Mè-mìn hay bắt người lao-động đem bán cho các « Hội Đồn-Điền Cao-Su và Hầm

Mỏ » để các Hội này chở họ qua « Tân thế giới », dùng làm nhân công rẻ tiền. Nguyên nhân phong trào Mè-Mìn, theo dự luận các giới cách mạng « An-nam » là người Pháp mộ phu đồn-điền khó-khăn lẫn, vì bị đi làm phu đồn-điền (các đồn-điền cao-su của Pháp ở Nam-kỳ), không khác nào bị đi đày khổ sai chung thân vậy. Đó chỉ là một luồng dư-luận ở Bắc kỳ. Tỉnh-thoảng Mè-mìn cũng bắt trẻ con đem đi bán ở nơi xa. Nhưng chưa ai nghe Mè-mìn bắt đàn bà con gái.

Phong-trào Mè-mìn chỉ sôi nổi một dạo, rồi dần dần biến mất vì một số « Mè-mìn » đã bị « lính mã-tà », tức là « lính mật thám » theo dõi, bắt được quả tang, và bị vào tù.

Đặc-biệt về vụ anh cai thợ sắp chữ của báo *L'Argus Indochinois*, thì dư luận cho rằng anh ta bị lính Mật-thám bắt rồi phao tin là bị Mè-Mìn. Có lẽ anh bị Mật-thám bắt để điều tra về tờ báo *L'Argus* và ông Amédée Clémenti.

Nhưng tờ báo này vẫn tiếp tục ra đều-đều mỗi tuần, không

PHONG-PHU

NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-65

TUẤN CHÀNG TRAI

bị lỗi thời hay thiệt hại gì cả.

Tuấn đề dành báo *L'Argus Indochinois* trọn bộ, không mất một tờ. Vấn đề các bạn bè truyền tay nhau xem, nhưng rồi Tuấn cũng cố đòi lại cho kỳ được, để giữ đủ số. Nghĩ hèn, Tuấn bỏ hết mấy chồng báo ấy vào va-li đem về quê, giấu kín trong cái rương lớn của gia đình, rương này Mẹ của Tuấn dùng để cất những vật được coi như quý giá: Tiền, bạc, đồ đồng, đồ vàng, quần-áo đắt tiền, v.v...

Tuấn yên trí rằng cất mấy chồng báo *L'ARGUS* cũ trong cái rương rộng lớn và đóng kín này, thì chắc-chắn không bao giờ mất được, đề ngày sau, khi Tuấn lớn lên sẽ coi lại và sẽ dùng làm tài liệu lịch-sử.



★ ĐỊNH NGHĨA

Ông Hàn-Lâm và cũng là nhà đại-văn-hào Pháp Jean Cocteau đã định nghĩa một thành phố lớn và một thành phố nhỏ như sau: « Một thành phố lớn là nơi mà người ta được thấy rất nhiều và một thành phố nhỏ là nơi người ta nghe rất nhiều. »

Nhà tài-tử trứ danh Pháp Maurice Chevalier, định-nghĩa « CON NGƯỜI PHONG LƯU MÃ THƯỢNG » (gentleman) là một người có thể tả hình dạng cô đào nguyên tử Marilyn Monroe mà không phải dùng tay vẽ trong không-khí để tả các đường cong nét thẳng của thân hình nàng ».

Ba năm sau, Tuấn đang học ở Hà-nội, được giầy thép trong nhà gởi ra báo tin cha của chàng qua đời. Tuấn vội vàng về đến quê nhà thì gặp ngay lúc người ta đang liệm xác cha. Mẹ chàng vô tình đã lấy tất cả chồng báo *L'argus* trong rương, trên 200 tờ, đưa hết cho mấy người dân làng dùng lót trong quan-tài và đêm hai bên đề cha chàng được nằm « chặt-chẽ ấm-cúng » trong hòm. Trông thấy thế Tuấn không dám phản-đối. Nhưng, trong lúc chàng đau đớn khóc cha, gục đầu trên nắp quan-tài, chàng khóc luôn cả 200 tờ báo quý của chàng sẽ bị chôn vùi với cha và mục nát thành ra đất bụi...



tiểu thuyết cuối
cùng của

HEMINGWAY



Paris
ngày hội

★ Hoàng-hải-Thủy
dịch

N NGÀY 2 tháng 7-1961, tại Sun Valley, trong một cái Villa, vào khoảng bảy giờ sáng, một tiếng nổ lớn đã làm bà Mary Hemingway choàng tỉnh giấc. Bà chạy ra ngoài hành - lang. Ông chồng bà vừa ngã chết vì một viên đạn vừa phát ra từ khẩu súng ông cầm nơi tay. Một nhà văn lớn, mạnh nhất của Mỹ Quốc và của cả thế giới vừa qua đời với 62 tuổi. Không ai có thể quả quyết được rằng Ernest Hemingway chết vì tai nạn hay vì tự tử. Trước ngày cuối cùng bị thương ấy, nhà văn già và sáng chói danh vọng ấy đang viết lại một cuốn sách về những kỷ niệm sống của đời mình. Trên những trang giấy, ông sống lại những ngày năm xưa, khi ông mới là một người viết chuyện ngắn trẻ tuổi sống đói rách và đang thêm sống ở Paris. Năm đó là những năm trước sau 1920. Hemingway đã quyết định viết cuốn sách kỷ niệm này vào năm 1956, sau khi tìm thấy trong hầm chứa đồ của khách sạn Ritz hai cái rương được ông bỏ lại đây ba mươi năm về trước. Ngoài những đồ dùng vật vụn, hai cái rương đó có chứa nhiều cuốn vở học trò bìa xanh, những cuốn vở ông đã dùng để ghi chép các cảm nghĩ và viết truyện ngắn năm xưa trên những chiếc bàn của các tiệm cà-

phê Dômes. Closerie de Lilas. Hemingway vẫn tiếc những ngày tháng của những năm ấy. Đó là những năm ông sáng tạo ra một lối viết mới, một thể thức diễn tả cách mạng cùng với những nhà văn nổi tiếng khác như James Joyce, Sherwood Andersen, Ezra Pound và Scott Fitzgerald. Hemingway rất yêu mê Paris. Ông đã viết — « Nếu anh có cái may mắn được sống ở Paris những năm anh trai trẻ, thì sau đó dù sống ở đâu đi chăng nữa tất cả cuộc đời anh cũng thấm nhuần Paris mãi mãi. Vì Paris là một cuộc vui di động ».

Những trang hồi ký kỷ niệm của Ernest Hemingway mà các bạn sắp đọc dưới đây được trích trong Tập văn cuối cùng viết về tuổi trẻ và Paris của ông.



Một quán cà-phê Công - trường Thánh Michel

Đó là một quán cà-phê xinh xắn, sạch, ấm và chào đón, tôi treo chiếc áo đi mưa cũ của tôi lên móc áo để phơi cho khô, tôi móc chiếc mũ dạ nát và bạc màu lên một cái mắc trên thành ghế, rồi gọi một ly cà-phê sữa. Anh bồi mang món uống đến, tôi rút cuốn vở và cây bút chì

PARIS NGÀY HỘI

trong túi ra và bắt đầu viết. Tôi viết một truyện ngắn đặt khung cảnh ở trên cao kia, trong vùng Michigan, và vì ngày này trời lạnh và khó sống, gió nhiều, tôi tả y hệt cảnh ngày như vậy trong truyện ngắn của tôi. Tôi đã được sống nhiều mùa cuối thu, hồi tôi còn nhỏ, rồi lớn lên, và trong thời trai trẻ, tôi biết rằng có những nơi mà chúng ta có thể diễn tả được hay, đẹp, hơn những nơi khác. Đó là tình-trạng tự đặt mình vào một nơi khác, tôi nghĩ như vậy, và loài người cần tự đặt mình qua một chỗ khác cũng như bất cứ một sinh vật nào vậy. Trong truyện ngắn, tôi tả những chàng trai trẻ uống rượu. Sự việc ấy làm tôi đâm ra khát, tôi gọi một ly rượu rum Saint James. Chất rượu thật là tuyệt diệu trong buổi chiều lạnh ấy, tôi mãi mê viết, tôi cảm thấy dễ chịu, thân thể và tâm trí được sưởi ấm vì chất rượu của đảo Martinique ấy.

Một thiếu nữ bước vào quán cà-phê, nàng ngồi một mình, bên một chiếc bàn gần cửa kính. Nàng rất xinh, khuôn mặt tươi

như một đồng xu mới, mái tóc nàng đen tuyền như màu cánh quạ, cắt ngang trên má.

Tôi nhìn nàng và cái nhìn ấy làm tôi xúc động, tâm thần tôi như mê loạn. Tôi muốn đưa nàng vào cái truyện ngắn tôi đang viết hoặc vào một truyện khác tôi sẽ viết sau này. Nhưng nàng chọn một chỗ ngồi có hướng nhìn ra đường phố, tôi hiểu là nàng đang chờ đợi một người nào đó. Tôi lại viết tiếp.

Cái truyện tôi đang viết tự động dần trải trên giấy, đến nỗi tôi phải vất vả mới theo kịp cái nhịp thoát thai của nó. Tôi gọi một ly rum Saint James nữa và mỗi lần tôi ngước mắt lên, tôi nhìn người thiếu nữ, nhất là lúc tôi dừng lại để gọt bút chì, khi những vòng gỗ mỏng rơi vào lòng chiếc đĩa trước mặt tôi.

Tôi đã trông thấy em, em xinh, em đẹp, từ đây phút này em thuộc về tôi, dù em đang chờ đợi ai, dù sau đây, không bao giờ còn gặp lại được em nữa, tôi nghĩ thầm. Em thuộc về tôi, cả Paris thuộc về tôi, còn tôi.

PHONG-PHÚ

NEUROTONIC

BỘ OC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-63

tôi thuộc về cuốn vở này, cây bút chì này.

Sau đó, tôi lại viết tiếp, tôi chìm đắm và lạc mất trong câu truyện của tôi. Câu truyện không tự động trôi ra mặt giấy nữa. Tôi không ngước mắt nhìn lên, tôi quên thời gian, và không gian tôi không gọi rượu Saint James nữa. Rồi câu truyện được viết xong và tôi cảm thấy rất mệt mỏi. Tôi đọc lại đoạn văn cuối cùng rồi nhìn lên tìm người thiếu nữ, nhưng nàng đã đi rồi. Hy vọng nàng đi với một gã đàn ông, tôi nghĩ thầm. Nhưng tôi cảm thấy tôi buồn.

● Khi tôi ngồi viết

Tôi ngồi viết trong một căn phòng nhìn ra những mái nhà, những ống khói trên ngọn đồi khu tôi ở. Lò sưởi cháy đều trong căn phòng ấm, nơi tôi làm việc một cách dễ dàng. Tôi đem về nhà những trái quýt và những trái hạt dẻ rang bọc trong những gói giấy, tôi gọt vỏ, tôi ăn những trái cam nhỏ giống như quýt, nhỏ hột vào lò sưởi, tôi ăn hạt dẻ khi tôi đói. Tôi cảm thấy tôi đói luôn vì trời lạnh, vì đi bộ

nhieu và làm việc nhiều. Ở trên cao ấy, tôi có một chai rượu Kirsch do chúng tôi mang từ trong núi về, tôi uống một hớp rượu Kirsch mỗi khi tôi viết đến đoạn kết một truyện ngắn, hoặc sau một ngày làm việc.

Thật là tuyệt diệu khi đi xuống những bậc thang bắt tận tôi nghĩ rằng tôi đã gặp nhiều may mắn trong công việc. Tôi làm việc liên tiếp cho đến lúc tôi viết xong một đoạn truyện, tôi ngừng lại khi tôi đã tìm ra ý viết đoạn truyện tới. Như vậy, tôi chắc chắn là tôi có thể viết tiếp được hôm sau. Nhưng, đôi khi, tôi bắt đầu viết một truyện mới mà không có hứng, tôi ngồi trước ngọn lửa, tôi cầm miếng vỏ cam dứa lửa đốt và ngắm chút ánh sáng xanh leo của nó bốc lên. Hoặc tôi nhìn những mái nhà Paris và tôi nghĩ — « Đừng lo. mình sẽ viết được đều từ trước đến nay. Mình sẽ viết được mãi. Điều cần là mình viết được một lời thực. Hãy viết một lời nào thực nhất mà mình được biết ». Cứ như vậy, sau cùng, tôi viết được một câu sống thực và viết liền được sau đó.

Căn phòng này là nơi tôi học được lối không nghĩ gì hết về câu truyện tôi viết dở từ lúc tôi ngừng viết cho đến lúc tôi bắt đầu viết tiếp sáng hôm sau. Nhờ vậy, tiềm-thức của tôi được nghỉ ngơi, cũng nhờ vậy, tôi có thể nghe được những gì người ta nói chung quanh tôi, nhìn thấy được sự việc. Ít nhất, tôi cũng hy vọng được nghe, được nhìn. Tôi học thêm bằng lối đó. Tôi cũng đọc sách để khỏi phải nghĩ nhiều đến tác phẩm của tôi, nghĩ nhiều đến cái độ tôi không có thể viết được nó nữa. Khi đi xuống thang lầu, sau những giờ làm việc đích đáng, nhờ may mắn và nhờ có kỷ-luật, tôi cảm thấy dễ chịu, vui sống và tôi tự do đi chơi bất cứ nơi nào trong Paris.

Nếu tôi đi xuống, qua những phố mỗi hôm một khác, về phía vườn Luxembourg, buổi chiều, tôi có thể đi dưới những hàng cây và sau đó, vào Bảo Tàng Viện Luxembourg. Nơi ấy ngày đó có nhiều họa phẩm mà ngày nay đa số đã được đưa về Louvre hoặc Jeu-de-Paume. Tôi tới đó gần như mỗi ngày để xem những họa phẩm của Cézanne,

Manet, Monet, những họa sĩ mà tôi đã tìm thấy lần đầu tiên tại Viện Nghệ Thuật Chicago. Những bức họa của Cézanne cho tôi thấy rằng nếu tôi chỉ viết những câu thường và thực thì chưa đủ để các tác phẩm của tôi có được những điện-tích lớn và tôi muốn chúng có. Tôi học được rất nhiều khi nhìn những họa-phẩm của Cézanne, nhưng tôi chưa biết cách diễn tả những ý nghĩ của tôi cho người khác hiểu. Hai nửa, đó là một sự bí mật.

● Đó là một kỷ-luật

Khi người ta ăn không đủ no, người ta cảm thấy đói một cách ghê gớm, nhất là ở Paris, nơi có những món ăn ngon pher bày trong các tủ kính, nơi người ta ngồi ăn trên vỉa hè, nơi bạn bị ám ảnh vì mắt nhìn thấy thức ăn hoặc mũi ngửi thấy mùi thức ăn. Khi bạn đã tự ý bỏ nghề viết báo, khi bạn chỉ còn viết toàn những truyện ngắn và những truyện của bạn không được ai ưa ở Mỹ, khi bạn đã nói ở nhà rằng tôi đi ăn cơm khách với một người bạn,

PHONG-PHÚ

Đúng NEUROTONIC BỔ ỨC
Tăng cường trí não

ST5 BYT 20-11-63

PHONG-PHÚ

Đúng NEUROTONIC BỔ ỨC
Tăng cường trí não

ST5 BYT 20-11-63

nơi tốt nhất mà bạn có thể tới để khỏi bị ám ảnh vì thức ăn là vườn Luxembourg. Tới đó, bạn có thể vào Bảo Tàng Viện, và những họa phẩm sẽ trở nên rõ hơn, đẹp hơn, khi bụng bạn trống rỗng và bạn đang bị đói hành hạ. Khi tôi đói, tôi hiểu Cézanne hơn và biết được ông ta đã vẽ như thế nào. Tôi tự hỏi khi vẽ, không biết Cézanne có đói không. Rồi tôi nghĩ rằng có thể, ông ta quên cả ăn khi vẽ. Sau đó, tôi nghĩ rằng Cézanne phải đói khát một cái gì khác.

Thỉnh thoảng, tôi bán được một truyện ngắn cho một tờ tuần báo ở Đức. Khi có tiền, tôi đi ăn và nghĩ thầm « Lo ngại làm chi? ». Tôi biết rằng những truyện tôi viết đều có giá trị và tôi sẽ tìm được một nhà xuất bản ở Mỹ. Khi tôi bỏ nghề viết báo, tôi chắc chắn rằng những truyện tôi viết sẽ được đăng. Nhưng sau đó, tất cả những truyện tôi gửi đăng đều bị trả về. Việc làm tôi tự tin là việc Edward O'Brien lấy truyện ngắn « Cha tôi » đăng vào tuyển tập « Những truyện ngắn hay nhất » trong năm và tặng tôi

tập truyện đó. Tôi ngồi trong một quán ăn, uống la-de và nghĩ đến chuyện đó. Truyện « Cha tôi » chưa từng được đăng ở một tuần báo nào cả. O'Brien đã làm một việc ngoại-lệ để cho truyện vào tuyển tập. Có một điều buồn mới nữa là trong truyện, O'Brien đã in sai tên tôi. Truyện đó là một trong số vài truyện tôi giữ được sau khi tất cả các bản thảo truyện ngắn của tôi, để trong va-li của Hadley, bị mất cắp tại nhà ga Lyon, trong ngày nàng muốn làm cho tôi ngạc nhiên bằng cách mang hết sách vở cùng bản thảo của tôi đến Lausanne, để tôi có phương tiện viết tại đây nhân những ngày nghỉ hè ở núi. Nàng mang hết bản thảo, bản đánh máy và bản phụ, xếp trong các tấm bìa dày. Tôi chỉ giữ được mỗi truyện « Cha tôi » vì lý do Lincoln Steffens gửi truyện đó đến một nhà xuất bản và nhà xuất bản này gửi trả lại. Nhờ đó, bản truyện được bưu cục chuyển đi trong lúc tất cả những bản truyện khác bị mất. Một truyện khác mà tôi giữ được là truyện « Trên miền cao Michigan ».

PHONG-PHU

NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí

STG BYT 20-11-43

viết trước ngày cô Siten đến thăm căn phòng của chúng tôi. Tôi không đánh máy truyện đó làm nhiều bản vì cô Stein nói rằng truyện đó không thể nào đọc được. Nó được bỏ quên trong một ngăn bàn nào đó.

Nhờ vậy, sau khi rời Lausanne, trong chuyến du-lịch qua Ý-Quốc của chúng tôi, tôi đưa cái truyện ngắn về loài ngựa đua đó cho O'Brien coi O'Brien là một người e thẹn, dễ dãi, trắng trẻo, mắt xanh lử, tóc dẹt và cứng do anhtự cắt lấy — Anh ở trọ trong một tu-viện trên núi Rapallo. Lúc đó, tôi trải qua những phút khó chịu, tôi nghĩ rằng không bao giờ tôi còn viết được nữa, tôi đưa cho anh coi truyện ngắn đó như một vật lạ. Nhưng sau khi đọc truyện ngắn ấy, tôi thấy O'Brien còn xúc động hơn tôi nhiều. Tôi chưa bao giờ thấy một người nào xúc động đến như vậy, trừ khi bị xúc động vì cái chết hoặc vì một nỗi đau đớn không thể nào chịu đựng nổi, xúc động cũng như Hadley khi nàng nói rằng hành lý của nàng đã thất lạc hết. Nàng khóc, nàng khóc đến nỗi nàng không nói được cho tôi hiểu có chuyện gì vừa xảy ra. Tôi nói với nàng rằng dù có chuyện ghê gớm đến thế nào xảy ra đi chăng

nữa, cũng không đáng để nàng tuyệt-vọng đến nỗi thế. Hai nữa, chẳng có gì quan-trọng và nàng đừng buồn nữa. Sau cùng, nàng kể cho tôi nghe chuyện mất đồ. Tôi cho rằng nàng không mang tất cả đi, nghĩa là tôi vẫn còn những bản phụ đánh máy ở nhà. Ngày đó, tôi đang làm báo và kiếm được nhiều tiền. Tôi đáp tàu về Paris. Nhưng đúng như nàng nói, tôi mất hết. Tôi còn nhớ tôi làm những gì trong cái đêm tôi về phòng và thấy là tôi mất hết cả các bản truyện. Những cái đó đã qua rồi, Chink dạy cho tôi biết rằng người ta không bao giờ nên bàn cãi về những sự mất mát của mình sau một trận đánh. Tôi nói với O'Brien rằng anh không nên xúc động như thế. Có lẽ việc mất những tác-phẩm viết hồi còn trẻ đó lại là một sự may mắn cho tôi, tôi nói với anh tất cả những lời người ta có thể nói với các binh-sĩ để lấy lại tinh thần cho họ. Tôi nói với anh rằng tôi sẽ tiếp tục viết truyện ngắn, và trong lúc tôi chỉ cốt nói dối để làm anh đỡ buồn, tôi hiểu là tôi nói sự thực.

Rồi tôi nghĩ đến lần đầu tiên tôi lại viết được một truyện ngắn sau khi đã mất hết. Tôi viết trên núi cao Cortina d'Ampezzo, khi tôi về đây sống với Hadley, sau

chuyển đi công-tác ở Rhénanie và Ruhr. Đó là một chuyện rất thường, nhan đề là « *Trái mùa* ». Tôi cố tình bỏ không viết đoạn cuối, nghĩa là bỏ đoạn ông già trong truyện treo cổ tự tử. Sự thiếu sót ấy là do lỗi viết mới của tôi. Theo lối ấy, tôi có thể bỏ không viết bất cứ một đoạn nào trong truyện, miễn là cố ý, vì sự thiếu sót làm cho câu chuyện có sức mạnh, độc-giả sẽ cảm chuyện nhiều hơn là hiểu chuyện.

Đúng, tôi nghĩ. Giờ đây, tôi sẽ viết để cho không ai hiểu tôi cả. Không còn nghĩ ngờ gì nữa. Không người nào cần thứ văn chương ấy. Nhưng sau cùng, người ta sẽ hiểu tôi. Cũng như sau cùng, người ta hiểu những họa-sĩ. Chỉ cần có thì giờ, và sự việc đó chỉ đòi hỏi ta phải có lòng tin.

Tôi biết tôi cần viết một truyện dài. Nhưng lúc đầu, việc đó, đối với tôi như là

một việc không thể nào thực hiện được, tôi đang khó khăn khi viết những đoạn văn ngắn, những đoạn văn có chứa đựng văn liệu của một truyện dài. Trước hết, tôi cần viết những đoạn thiên dài hơn, như người tập dượt để chạy những cuộc xa hơn. Trước đây, khi tôi viết một truyện dài — cuốn truyện bị mất ở nhà ga Lyon — tôi vẫn còn sự trứ-tình dễ dàng của tuổi trẻ. Sự trứ-tình đó cũng dễ mất và mờ hồ như tuổi trẻ. Tôi thấy rằng có lẽ tôi mất cuốn truyện đó lại là hay, nhưng tôi cũng biết tôi cần phải viết một truyện dài. Tôi chỉ bắt tay vào việc sau này, khi tôi không còn lùi được nữa. Tôi viết vì tuyệt vọng, vì không còn cách nào khác để nuôi gia đình tôi. Sự cần dùng bắt buộc người ta phải làm việc. Trong khi chờ đợi, tôi viết một truyện ngắn khá dài về một đề-tài mà tôi biết kỹ nhất.

* DANH NGÔN

Cây càng cao thì ngã càng nặng
(*The highest tree had the greatest fall*),
Tục ngữ Anh



hoa thế - hệ

* PHƯƠNG-ĐÀI
(Trong Tao-Đàn Bạch-Nga)

Một đoàn trẻ hiên ngang hùng-dũng
Tuổi đôi mươi bất-chấp tù-đày
Nghe non sông rên xiết
Mở vòng tay tranh đấu hôm nay

Hoa Thế-Hệ bừng lên
Yêu nòi giống
Yêu quê-hương, dân tộc
Các anh, các chị, thư-sinh son trẻ
Tuy ngây-thơ nhưng can-đảm kiêu-hùng
Tay đan tay xây dựng thành-trì
Cứu Tổ-quốc
Không tham-lam, mong địa-vị
Không cúi mình cầu chút hư-danh
Không lợi dụng cơ-dở để hưởng quang-vinh
Đây ! những tấm can-tràng bất-khuất
Quyết đấu-tranh theo tiếng gọi hôm nay
Dù ngã gục không bao giờ nhân nhượng

Đoàn tuổi trẻ tâm-hồn trong sáng
Xin tuyên ngôn
Với tất cả những ai ai
Đừng dụng ý bạo tàn, bóc lột
Đừng gông cùm lên cổ người dân
Đừng tham vọng xâm-lăng đất Việt
Đoàn tuổi trẻ xem thường sự chết
Quyết bảo toàn Tổ quốc non sông
Với lẽ phải
Khi đã ý-thức trong một niềm tha-thiết

NHẠC DƯƠNG



NGƯỜI CHIẾN QUỐC

★ Thiệu-Sơn

BA họ Triệu, Ngụy, Hàn thi đua phát-triển thế-lực ở trên đất nước của nhà Tấn. Sau họ xin tấn phong ở Triều-dình nhà Châu và họ đều được phong-hầu như tất cả những nước chư hầu khác. Họ Triệu định-dô ở Trung-Mâu. Họ Hàn định-dô ở Bình-Dương. Họ Ngụy định-dô ở An-Ấp. Họ nào cũng lập tôn miếu, xã-tắc riêng như một nước. Các nước khác gởi sứ tới mừng cũng như là đã nhìn-nhận và lập quan-hệ ngoại-giao với 3 nước. Vua nước Tấn bị bọn họ đẩy đi một nơi hẻo lánh, bao nhiêu đất còn lại của nhà vua, 3 họ lại chia nhau. Nhà vua

xấu số đó là Tấn-Trịnh-Công, vua thứ 29 và cũng là ông vua chót của nhà Tấn.

Ngụy-hầu tỏ ra có tài trí hơn hết, biết chiêu hiền đãi-sĩ và đã làm cho nước Ngụy thành nên một cường quốc. Ngụy-hầu muốn đánh nước Trung-Sơn lấy cơ là chúa nước này ham rượu trà truy-lạc, tin dùng bọn sàm thần để cho dân nghèo đói và đau khổ. Trọng-thần là Địch-Hoàng tiến cử một người văn võ toàn tài đương du học ở nước Vệ tên là Nhạc-Dương có tài làm đại-tướng. Có người can ngăn Ngụy-hầu không nên dùng

NGƯỜI CHIẾN QUỐC

Nhạc-Dương vì Nhạc-Dương có con là Nhạc Thơ hiện làm quan ở nước Trung-Sơn. Cha con họ gặp nhau làm sao Nhạc-Dương có thể hết lòng với Ngụy-chúa?

Nhưng Địch-Hoàng cương quyết bảo đảm cho Nhạc-Dương nói rằng chính nước Trung-Sơn đã mời ông mà ông chê là hôn quân không chịu thì không có lý nào vì tình đối với con mà lỗi đạo với chúa!

Ngụy-hầu nghe lời Địch-Hoàng cho mời Nhạc-Dương phong cho làm tướng nhưng ông vẫn không quên nêu thắc mắc để thử lòng Nhạc-Dương. Nhạc-Dương liền thẳng thắn trả lời rằng: « *Trượng-phu ra đời phải hết lòng vì chủ mới lập nên công nghiệp, không thể vì tình riêng mà bỏ việc công. Như tôi không đánh phá được nước Trung Sơn thì xin cứ phép quân trị tội.* »

Ngụy-hầu yên lòng cấp cho Nhạc-Dương 5 vạn quân lên đường và cử Tây-môn-Bảo làm tiên phong nhắm Trung-Sơn trực-chỉ.

Chúa Trung-Sơn là Cơ-Quất cử Đại-Tướng là Cồ-Tu đem quân đối chiến. Quân Cồ-Tu đóng ở Thu Sơn. Quân Nhạc-Dương đồn ở Văn-Sơn. Hai quân chống cự với nhau hơn

một tháng thành, lĩnh Nhạc-Dương sai Tây môn Bảo lên đốt rừng bên địch làm cháy lan tới dinh trại Cồ-Tu, quân Trung-Sơn vỡ chạy, kẻ tới lại bị phục-binh của Nhạc-Dương đón đánh làm cho Cồ-Tu phải tháo gáp tàn quân chạy về tâu với Cơ-Quất là chàng không thể nào địch lại Nhạc-Dương là kẻ trí dũng hơn người.

Vừa lúc đó thì quân Nhạc-Dương ập tới sát bên thành làm cho vua, tôi Trung-Sơn cuống-quýt lo cổ thủ. Nghe lời quần thần Cơ-Quất kêu Nhạc Thơ tới bảo phải kiếm thế lui giặc. Nhạc Thơ thối thác không được buộc lòng phải lên thành mời cha ra nói đã đời chuyện. Nhạc-Dương mừng chửi nhưng rồi cũng bằng lòng ngưng chiến một tháng để Nhạc-Thơ khuyên Cơ-Quất xin hàng. Nhưng hết một tháng Cơ-Quất lại bắt Nhạc-Thơ xin gia hạn thêm một tháng nữa. Và Nhạc-Dương đã chấp thuận luôn 3 kỳ làm cho tướng sĩ phải dị nghị và có những tin đồn đại thêu tới triều đình. Triều thần vốn có lòng ghen ghét Nhạc-Dương còn thêm dệt ra những chuyện động trời viết vào sổ tâu lên chúa Ngụy. Nào là Nhạc-Dương nghe lời con đã tư thông với giặc, bằng lòng chia nửa nước Trung-

Sơn. Nào là Nhạc-Dương đương chuẩn bị cùng với quân-đội Trung-Sơn sẽ kéo về đánh Ngụy. Ngụy-Hầu thấu tất cả những bức sớ gièm pha rồi bỏ vô 2 cái tráp khóa kín lại. Ông còn sai sứ ra mặt trận phủ ủy Nhạc-Dương rồi cho cất dinh thự sẵn đề khi Nhạc-dương về có chỗ ở.

Nhạc-Dương cảm-kích ơn chúa càng quyết-tâm báo đáp. Hết kỳ hạn ba tháng, ông truyền lệnh đánh khắp bốn mặt thành, Cồ-Tự đem quân ra ngăn bị trúng tên mà thác. Tình hình nguy ngập từng giờ, từng phút. Công Tôn-Tiêu, một sàm-thần hiền kế cho Cơ-Quất nên bắt trói Nhạc-Thơ ở cửa thành, may ra Nhạc-Dương sẽ thương con mà nói tay chút đỉnh. Y kể Cơ-Quất cho trói Nhạc-Thơ lại treo lên một ngọn cây cao. Nhạc-Thơ vừa khóc vừa la : « Thân phụ ơi ! Cứu con với ! »

Nhạc-Dương xem thấy mắng rằng :

« *Mày là một đứa con khốn-nạn, tới làm quan nước người, không giúp chúa làm cho nước giàu dân mạnh. Tới khi thế nước khuyh nguy lại cũng không biết khuyên chúa nên nghị hòa để cứu dân, cứu nước. Mày lại học làm trò trẻ con, kêu khóc*

làm gì cho mỗi miệng. »

Nói rồi dơ cung muốn bắn nhưng thấy Nhạc-Thơ năn-nỉ coi bộ sợ hãi lắm nên Nhạc-Dương lại không nỡ.

Xuống thành Nhạc-Thơ tới yết-kiến Cơ-Quất mà lầu rắng : « *Cha tôi lòng lo vì nước không nghĩ tới tình cha con. Chúa Công nên lo giữ nước. Phần tôi xin liều mình trước mặt Chúa Công.* »

Cơ-Quất liền trao gươm cho Nhạc-Thơ. Nhạc-Thơ lãnh gươm mà tự tử.

Nghe lời Công-Tôn-Tiêu, Cơ-Quất lấy thịt Nhạc-Thơ nấu canh rồi cho người đem thủ cấp Nhạc-Thơ với một tô canh đưa qua cho Nhạc-Dương mà nói : « *Chúa tôi lấy thịt Tiều-Tướng-quân nấu canh đem dâng cho Nguyên Soái. Nếu Nguyên-Soái không chịu lui quân thì vợ con Tiều-Tướng-quân sợ không toàn tánh mạng.* »

Nhạc-Dương thấy đầu con diêm mặt mà mắng rằng : « *Đứa con khốn-nạn mày thờ hôn quân vô-đạo thì có chết cũng đáng đời.* » Nói rồi liền bưng tô canh húp hết trước mặt sứ-giả và nói rằng :

« *Chúa người đã đem canh cho*

ta thì ta xin cảm ơn. Sau này phá được thành trong quân cũng có sanh vạc rồi sẽ tạ ơn Chúa người. » Sứ giả về thuật chuyện Nhạc-Dương làm cho Cơ-Quất hoảng sợ, e sau này chịu nhục mà chẳng được toàn thân, liền vào trong tự-tử.

Công-Tôn-Tiêu mở cửa ra hàng. Nhạc-Dương kể tội sàm-nịnh rồi chém đầu. Ông đề Tay môn-Báo với năm ngàn quân ở lại giữ thành, phủ ủy nhân-dân rồi truyền lệnh ban sư.

Ngụy-Hầu thân ra ngoài thành đón rước Nhạc-Dương và nói : « *Cũng vì ta mà tướng-quân phải bỏ con vì nước.* »

Ngụy-Hầu thiết tiệc đãi Nhạc-Dương, thân hành bưng rượu thưởng Nhạc-Dương. Nhạc-Dương lãnh chén rượu với khí sắc vui tươi, bước mạnh chân có vẻ hiêu hiêu tự-đắc. Lễ yến rồi Ngụy-Hầu cho người bưng hai cái tráp niêm-phong tới tự-đệ giao cho Nhạc-Dương. Nhạc-Dương tưởng rằng trong tráp có vàng ngọc trân châu của Ngụy-Hầu ban thưởng khi mở ra thấy toàn những bức sớ vu-cáo của các bạn đồng-liêu. Nhạc-Dương thất-kinh tự-nghĩ : « *Xưa nay trong trào vẫn có nhiều lời hủy báng. Nếu Chúa*

ta không thiệt lòng tin dùng ta thì ta đã bị họa từ lâu làm sao thành công được ? » Ngày sau vào trào tạ ơn được Ngụy-Hầu hậu thưởng.

Nhạc-Dương quì lạy từ chối mà tâu rằng : « *Đặng nước Trung-Sơn cũng nhờ Chúa-công hết sức phò-hộ, tôi ở ngoài mới làm thân khuyển mã đề đền đáp ơn sâu, có công lao gì mà chúa công ban thưởng ?* » Ngụy-Hầu nói : « *Không phải ta thì dùng người không được. Mà không phải người thì ta cũng không được yên lòng. Nhưng Tướng-quân đã có công-lao cũng nên lãnh đất phong rồi trở về yên nghỉ.* »

Nói rồi liền lấy ấp Linh-Thọ phong cho Nhạc-Dương gọi là Linh-Thọ-quân rồi bãi binh-quyền cho về hưu-trí.

Địch-Hoàng hỏi : « *Chúa-công đã biết Nhạc-Dương là tướng tài sao không giữ lại mà dùng lại cho về yên nghỉ ?* »

Ngụy-Hầu cười mà không đáp. Lý Khắc nói : « *Xưa Quán-Trọng vì sao mà ngờ Địch-Nhà thì nay chúa-công cũng không thể trọn tin Nhạc-Dương được. Con còn không thương thì làm*

sao có thể thương người khác được ? »

Người ta lấy làm lạ sao Dịch-Hoàng là người biết tà Nhạc-Dương, tiến-cử Nhạc-Dương, binh-vực Nhạc-Dương mà không biết tại sao Ngụy-Hầu lại bãi chức Nhạc-Dương sau khi đã phong-ấp và thưởng công xứng đáng. Dịch-Hoàng chỉ ở cái địa-vị của người trung-thần muốn cho nhà vua có nhiều nhân-tài để giữ nước. Nhưng ở địa-vị vua chúa Ngụy-Hầu còn phải nghĩ thêm rằng : Bây giờ họ giúp mình được việc nhưng rồi sau họ có phản mình không ? Chính Lý-Khắc mới thấy rõ lòng dạ Ngụy-Hầu và đã giải-dáp thắc-mắc cho Dịch-Hoàng.

Ở thời-đại Xuân-Thu, Tề-Hoàn-Công tuy dùng được Quản-Trọng nhưng cũng dùng lầm bọn tiểu-nhân trong số đó có Dịch-Nha đã giết con lấy thịt làm đồ ăn đem dâng cho vua Tề. Hoàn-Công đã thưởng-thức đủ cả sơn hào, hải vị nhưng ông than phiền rằng chỉ còn món thịt người là ông chưa từng thưởng-thức. Dịch-Nha có tài nấu bếp liền giết con làm thịt dâng vua và được vua khen là

trung-nghĩa và thương vua vì dám hy-sinh đứa con là máu thịt của mình thì còn hy-sinh nào hơn được ? Nhưng chính Quản-Trọng trước khi chết đã khuyên Tề-Hoàn-Công nên xa lìa bọn nịnh-thần trong đó có Dịch-Nha. Quản-Trọng nói : *Con nó nó không thương làm sao nó thương Chúa công được ?* Quả nhiên bọn Dịch-Nha đã phản-bội Hoàn-Công và làm sụp đổ bá nghiệp của nước Tề.

Ngụy-Hầu đã do-dự trước khi dùng Nhạc-Dương vì có con Nhạc-Dương làm quan cho Trung-sơn. Nhưng tiếc tài Nhạc-Dương ông đã lỡ dùng nên phải ráng dùng cho xong việc. Vì thế mà ông đã đối-xử rất khéo léo khi ông được tin ở mặt trận gọi về, nhứt là những bức thư sàm-tấu của một số quần-thần. Chính ông đã khoe với Nhạc-Dương : *« Không phải ta thì dùng người không được. Mà không phải người thì ta cũng không được yên lòng. »* Ông nói đúng vì ông đã khéo tránh-thủ Nhạc-Dương cho ông này phải đoạn tình cốt-nhục để làm tròn nhiệm vụ đối với nhà vua. Trong khi ông còn lưỡng lự dùng dăng thì được vua cho người tới ủy lạo ban thưởng và

ban khen. Hơn nữa, chính nhà vua còn cho xây cất tư dinh cho ông để sau khi ban-sư có nhà ở xứng đáng. Thật ra không phải Ngụy-Hầu thương kẻ viển-chinh mà thật ra ông chỉ muốn đem bả công-hầu trói chẹn người chiến-sĩ. Ông cũng đa nghi như tất cả bọn vua chúa nói chung nhưng ông kín đáo và thâm hiểm hơn. Nếu ông nông nổi và có những hành động nông nổi thì những lời sàm tấu của quần thần rất có thể biến thành sự thật. Ngụy-Hầu có thể tự hào : *« Không phải ta thì dùng người không được. »* Nhưng rốt cuộc ông cũng chỉ dùng Nhạc-Dương được có một lần. Vì chỉ có một lần mà ông đã tổn đến già.

Còn Nhạc-Dương không chịu khuất thân thờ chúa Trung-Sơn vì ông chê là hôn-quân vô-đạo. Nhưng nếu ông biết rõ tâm thuật

của Ngụy-Hầu thì chưa chắc ông đã tận trung được như thế. Rất có thể ông đã về phe với Cơ-quất để cứu sống mạng con và đề ngừa trước một ngón đòn phản bội. *« Thà phụ người chứ đừng để người phụ ta. »* Có thể là châm-ngôn của con người chiến-quốc. Khi con người không còn biết tới tình dân tộc và nghĩa quốc gia thì họ cũng coi nhẹ cả nghĩa quân thần và tình phụ tử.

Nhạc-Dương là một danh-tướng đã thắng nước Trung-Sơn và chinh-phục nước này cho Ngụy-quốc. Nhưng ông đã thất bại trước Ngụy-Hầu vì ông đã để cho ông này lợi-dụng. Ông ăn thịt con để xây mộng công-hầu nhưng rồi mộng công-hầu cũng tan vỡ vì ông đã thấp cơ thua trí một ông vua gian hùng và nhiều thủ đoạn



PHONG-THU

NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-63

PHONG-THU

NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-63



Truyện ngắn

* Nguyễn-Thu-Minh

HOÀNG giật mình thức giấc giữa những tiếng cãi-vá, chửi bới lẫn nhau của hai nhà hàng xóm, quện lẫn trong bầu không khí oi - nóng, ngột - ngạt đến độ khó thở của buổi trưa miên năng. Nhìn lên đồng hồ để ở mặt bàn viết, đôi kim chỉ hai giờ kém mười bảy phút đúng. Cái thì giờ còn nửa tỉnh nửa mơ này làm Hoàng hơi khó chịu đôi chút nhưng cũng qua ngay, không đến nỗi bức bối cho lắm như ngày đầu xảy ra cuộc chiến... «bằng mồm» ấy, mà nhường chỗ cho giấc

ngủ trở lại với Hoàng đầy thoải mái, say sưa. Sờ dĩ Hoàng chịu đựng được sự ồn-ào, thô lỗ đang diễn ra xung quanh cũng vì nghe mãi suốt ba ngày nay nó đã quen tai mất rồi.

Nhưng, chớp mắt được gần nửa tiếng đồng hồ, Hoàng lại bị đánh thức trở dậy lần thứ hai, cũng không ngoài tiếng chửi rủa, xô xiêng lẫn nhau của mấy nhà hàng xóm đáng quý kia. Hoàng định dậy lấy bông-gòn nhém tai lại để ngủ tiếp thì một việc đã đưa Hoàng đến sự chú ý vắn đề cãi và khá lạ lùng ấy mà mấy hôm nay

CHUYỆN CON CHÓ CHẾT

Hoàng không cần để ý tìm hiểu nguyên-do vì đâu, khi nghe tiếng xầm-xì bàn tán của hai cô con gái bà chủ-nhà chàng trọ ở phía nhà dưới.

Không cần phải trời dậy để nhìn rõ người, Hoàng vẫn có thể đoán chắc là cô Hai và cô Tư đang tranh luận chứ chẳng ai khác lạ. Tuy tiếng bàn cãi rất nhỏ và bị khung cảnh ồn-ào lẫn át một phần nào, Hoàng vẫn nghe lóm được câu chuyện giữa hai người lắm lý thú và đáng suy gẫm...

Cô hai với giọng đầy vẻ hiểu biết hỏi cô Tư :

— Theo mấy nghĩ thì ai phải?

Cô Tư trả lời nhanh nhẩu thường nhật :

— Kể ra thì ai cũng quấy cả.

— Sao lại kỳ-cục vậy ? Phải có người đúng người sai chứ ! Chẳng nhẽ ai cũng trái và ai cũng phải sao ?

— Nhưng chuyện người ta hơi đâu mình bàn cãi, tìm hiểu cho mệt đã chứ. Không khéo mình nói đây mà nghe rồi bị lây vào... cuộc chiến thì thật là cả một vấn đề.

— Mình nói trong nhà mà nghe chứ ai ra ngoài nói đâu. Mấy khéo sợ huyền. Và lại, cả xóm đều xôn-xao chứ bộ !..

— Vậy theo chị thì ai phải hơn ? Chả nhẽ bà Ba ?

Nghe cô em hỏi ngược trở lại, cô chị làm ra vẻ bí mật, hiểu rõ chuyện, im lặng giây lâu mới trả lời.

— Tao cho rằng bà Ba Nghĩa phải hơn. Ít ra bà ta không phải là người khởi đầu gây gỗ.

Cô em hình như không chịu cái lý-luận ấy của chị, liền hỏi vặn :

— Tại sao chị quyết đoán như vậy được ? Tôi cho rằng chính bà Sáu phải. Biết đâu chừng bà Ba.Nghĩa chơi xỏ, khiến bà Sáu tức mình nên lên tiếng.

— Nhưng mấy nên biết rằng, mũi hơi thúí lây ra cả xóm phát nguồn từ đâu không ? Hơn nữa, một khi không biết chắc là người ta nói ai thì đừng nên « ra miệng ».

— Chị nói vậy sao được. Hết đi ra đi vào chửi xiêng chửi xỏ người ta mà bảo không ra miệng... ? Kéo đầu ra mà đánh cho nữa chứ. Bà Sáu thế mà hiền đó. Chị cứ nhìn con người của bà Nghĩa cũng biết là không mấy tốt lành, tử tế gì. Chực đợi cơ hội là « hạ » người ta ngay. Thấy ai giàu, có vẻ mới thì nịnh hót ra phết.

CHUYỆN CON CHÓ CHẾT

Người chị chừng như cũng không bằng lòng sự xét đoán của người em nên cãi lại :

— Mấy hạp bụng lắm ! Ai lại nhìn bề ngoài để xét đoán bao giờ. Bà Nghĩa tuy thế mà tốt vô cùng. Hàng xóm láng giềng ai có chuyện gì là bà ta chạy lại hỏi thăm, giúp giùm mau nhất, chứ ít khi thấy mặt bà Sáu hiền lành của mấy bao giờ.

Đền đây cô em có lẽ hơi tức vì lời « xỏ ngọt » của chị Hai liền móc lại :

— Thề « người hiền » của chị như vậy là tốt ư ? Chính ở chỗ chạy tới chạy lui hỏi han sẵn đón như thề là cốt để nhờ vả, lợi dụng người khác sau này đó... Chị không thấy, cái gì cũng chạy lại mượn của mình hoài đây sao ? Vậy là tốt ư ?

Cô chị biết điều hơn, nên nghe cô em nói thề đã không đáp trả, với giọng nhỏ nhẹ dễ nghe :

— Vậy theo mày thì bà Sáu phải, đúng không ?

— Có lẽ thôi. Nhưng nói gì thì nói chứ không hiểu sao

càng ngày mũi hôi thúi càng nhiều và lan ra cả xóm... thật là khó chịu. Kéo dài tình trạng này thì nguy vô cùng.

Hai chị em nói đến đây thì sự cãi vã của hai bà hàng xóm đang hồi trở nên ác liệt hơn trước, và hình như có thêm hai ba người cũng lòi xóm, xen vào nữa. Thật là dậy trời dậy đất, không còn biết nghe ai phải trái, hòa lẫn với mũi hôi thúi nồng nặc mỗi lúc mỗi tăng lên gấp bội.

Thiên hạ lòi xóm chỉ biết hòa nhau chửi bới, chê bai, trách cứ lẫn nhau mà không ai nghĩ đến việc tìm kiếm mũi hôi thúi ấy ở đâu, do đâu mà ra cả.

Hoàng định nằm nán lại chốc nữa, nhưng sự ồn ào và mũi hôi cứ gia tăng đến độ khó chịu, nôn mửa, nên vội dậy sửa soạn đi ra đi, quên cả lắng nghe tiếp câu chuyện của mấy chị em cô con gái bà chủ nhà, dù lúc này có thêm cô Ba và cô Út.

Hoàng ra đi như chạy trốn. Không buồn nán lại thử còn

CHUYỆN CON CHÓ CHẾT

quên gì không ! Hoàng đi luôn suốt hai ngày hôm sau mới trở về nhà trọ, trước sự xôn xao lo âu, buồn nản của lòi xóm.

Bước vào cửa, Hoàng gặp ngay cô Ba, con bà chủ nhà đang ngồi thờ thần trước hiên nhà đọc báo, nhìn Hoàng khẽ chào, Hoàng gật đầu chào lại và đi thẳng về phòng mình, nhưng được vài bước đã nghe tiếng cô Ba hỏi giạt lại :

— Anh Hoàng đi tránh mấy hôm nay mới về phải không ? Hoàng đành quay lại tươi cười đáp :

— Nói đi tránh thì không hẳn, mà tình cờ gặp mấy người bạn thân mới nên...

— Nên... tránh luôn !

Cô Ba vừa nói tiếp câu của Hoàng đang bỏ lửng và mỉm cười rất duyên dáng dễ yêu, khiến Hoàng cũng vui vẻ cười theo, và hồi đột ngột :

— Châm dứt « chiến tranh » hôm nào, vậy cô ? Hình như mũi hôi bây giờ cũng hết thì phải.

Cô Ba vừa cười vừa đáp :

— Mới sáng hôm nay đó. Giá anh về sớm một chút mà xem. Vui đáo để.

Hoàng cười xã giao :

— Chuyện xảy ra thế nào hả cô ?

— Đồ anh biết !

Ngừng một lúc ra điều bí mật cô Ba nói tiếp :

— Cũng may nhờ mấy đứa trẻ nhỏ đá banh mà khám phá ra, chứ không, đến bây giờ chưa chắc đã yên đâu. Lòi xóm thôi thì như giặc dậy. Chửi rủa lung tung. Càng chửi nhau mũi hôi càng lúc càng nhiều không thể tả...

Hoàng xen lời cho vui thêm câu chuyện :

— Rồi sao, mà gọi là nhờ mấy em nhỏ vậy cô ?

— Mấy em đá banh, quả đá tung vào bụi nên chạy kiếm, không ngờ gặp ngay một con chó nằm chết ở giữa bụi rậm, nhờ đó mà phát giác ra mũi hôi thúi mấy hôm nay.

Bây giờ thì khỏi ai cãi ai nữa, đành chung nhau thuê người đem chôn, vì thật ra chả lòi ai hết, con chó của người nào

PHONG-PHU

NEUROTONIC BỔ ỨC
Tăng cường trí não

575 BYT 20-11-65

PHONG-PHU

NEUROTONIC BỔ ỨC
Tăng cường trí não

575 BYT 20-11-65



xa lạ đâu đến nằm chết, thê mà sinh ra xô-xát lời xóm. Cuối cùng ai nấy chỉ nhìn nhau không biết nên nói với nhau những gì cho phải lẽ. Anh nghĩ chuyện như vậy không buồn cười sao được. Cả một chuyện khôi hài.

Nghe vậy, Hoàng cười đùa :

— Đúng là chuyện... con chó chết ! Thê mà dậy lên như giặc. Giá lúc đầu mọi người biết điều chia nhau tìm kiếm thì đâu đến nỗi, phải không cô ? Đâu phải bị chịu đựng mùi hôi thúi cả xóm thê kia !

Cô Ba cũng cười theo :

— Nhưng còn một chuyện nữa mà anh chắc chưa rõ là...

— Thêm chuyện gì nữa sao... ?

— Tùy sự yên lặng đã trở lại

trong xóm, nhưng có điều không ai ngờ là nhà nào cũng có người đau đầu, cảm sốt... chẳng nhà nào tránh khỏi.

Hoàng nghe vậy lại càng buồn cười thêm cho lời xóm và lại nhắc đùa với cô Ba :

— Có vậy mới đúng là « Chuyện... Con chó chết » Cô Ba nhỉ ?

Giữa lúc ấy, trong nhà có tiếng cô Tư vừa cười vừa nói vọng ra :

Anh Hoàng nói gì đó? Lại chuyện con chó chết phải không ?

Hoàng chỉ cười mà không đáp, hòa với tiếng cười của cô Ba, cô Tư từ nhà trong vọng ra đầy khôi hài, lý thú.

Seigon, cuối thu 1964



★ Một quốc-gia non ngày

TỌA lạc giữa một vùng lục địa khô khan với những bãi sa mạc cằn cỗi mệnh mông, những sức nóng kinh khủng khiến màu da con người đen xạm lại, thêm vào đó cái vẻ sập « lên cơn sốt chính-trị » bất cứ lúc nào, đã khiến một quốc-gia non ngày được nổi bật lên và đang là đề tài để khôi tự do suy gẫm, đây là : Ghana.

Nằm bên bờ vịnh Guinea thuộc Tây Phi, Ghana là một quốc-gia non ngày vì vừa mới độc-lập từ tháng 4 năm 1957 sau mấy năm vùng lên tranh thủ tự do bằng máu, bằng xương, bằng nhân mạng và chí.

Là thuộc địa của Anh-quốc, một quốc-gia Bạch chủng nằm chơ vơ giữa bể khơi trên một hải đảo to lớn, Ghana phải chịu một thời kỳ đô-hộ ngót ba thế kỷ, kể từ 1650. Ngày nay Ghana đã từ trong bóng tối của sự nô-lệ vượt ra, tiến lên vùng ánh sáng tự do, góp mặt với thế giới và dù là quốc gia chậm tiến mới xuất hiện. Ghana đã khiến người ta lưu tâm, khiến khôi Phi

một điểm tựa
đầy nguy-
hiểm...
ở Phi - Châu

GHANA

SAU 7 NĂM ĐỘC-LẬP,
GHANA BẮT ĐẦU TRỞ
MÌNH DƯỚI CHIỀU
HƯƠNG CHỦ TRƯỞNG
CỦA VỊ LÃNH TỰ QUỐC
GIA : BÁC SĨ KWAME
NKRUMAH.

★ Nguyễn-Hồng



Châu nể mặt cũng như viên
Tổng-thống quân phiệt Nasser
âm mưu cầu kết khối Á-Rập
Phi-Châu đã một phen điều
đứng vì âm mưu bất thành.

Sở dĩ Ghana được « đời »
biết tên, nghe tiếng nhiều vì
một bàn tay kiến tạo, vì khối
óc bất tuyệt của một con
người giàu nghị-lực, giàu tình
xứ sở quê hương, con người
đó chính là bác sĩ Kwame
Nkrumah; đương kim Thủ
tướng lãnh đạo guồng máy
hành chánh, quân sự và toàn
dân Ghana. Ông chẳng khác
nào một vị cứu tinh anh minh
cho quê hương ông vậy.

Có điều người ta đã phải e
ngại khi thấy chịu hưởng
chánh-trị của ông càng lúc
càng thiên tả rõ rệt, ông biểu
lộ một con người lãnh tụ ảnh
hưởng rất nhiều về chủ thuyết
Mác-Lê. Điều này khiến giới
quan sát tự hỏi :

—Kwame Nkrumah là một
vì sao lạc giữa vòm trời Cộng
Sản hay là một tay mưu-sĩ phục
vụ cho tổ quốc Ghana
bằng đòn phép khuynh tả?

Muốn tìm ra một giải đáp
chúng ta thử mở xẻ những
việc đã làm của Nkrumah cho
quốc-gia Ghana và tìm hiểu
sự hoạt động của hai khối Tự
do — Cộng Sản trên lãnh thổ
phong phú tài nguyên này.

BÀN CỜ CHÍNH TRỊ

★ CHÁNH-TRỊ

Kể từ ngày được quận-công
Edimbourg tức hoàng-đế Philip
trao bản hiến-pháp đầu tiên
công nhận chủ quyền Ghana
thuộc Liên-hiệp Anh, Quốc-gia
này theo chế độ Thủ Tướng
chê, cầm đầu chính phủ cai trị
quốc gia dân tộc là một vị anh
hùng trẻ tuổi tài ba xuất chúng
bác sĩ Kwame Nkrumah.

Ngay sau khi sự độc-lập đã
được ban hành, vị thủ tướng
đầu tiên của Ghana nghĩ liền
tới việc phát triển và canh tân
xứ sở, một phái đoàn hơn ba
trăm chuyên viên Nga gồm
chuyên môn về kỹ-thuật và
hành chánh tức tức được viện
trợ trong chương trình giúp
Ghana, đã cấp tốc rời Mạc
tư-Khoa nhập cảnh Ghana. Ai
cũng hiểu đó là món quà của
Cộng Sản dùng làm «sính lễ»
để ve vãn một quốc-gia mới.

Mặt khác Ghana gia nhập
vào khối Tây Phi với các bạn
láng giềng để đón nhận các kế
hoạch viện trợ giúp đỡ về nhân
lực và kinh tế. Chưa hết, Nkr-
umah cũng đã bắt tay thân
thiện với Tây Phương, lẽ dĩ
nhiên với Anh Quốc là nền
tảng, kế đó là Mỹ, Pháp.

Vì nhà lãnh tụ Ghana nghĩ

rằng giai đoạn giao thời của
quốc-gia là chấp nhận mọi sự
giúp đỡ mà không phân biệt
cộng sản hay tự do. Yêu
tổ cần và đủ là làm sao
biến Ghana từ một quốc gia
bé nhỏ nghèo nàn thành một
quốc gia trù phú tiên bộ.

Nhưng về phương diện
chính trị, con đường của Gha-
na đã bị Cộng sản lung lạc
quá nhiều, nhất là các khối óc
« chung sống hòa bình », tại
Mạc-tư-khoa không bỏ lỡ cơ
hội nào nêu thầy-tiện và hữu
ích là họ tàn công, tuyên
truyền ngay để hy vọng có
một thế đứng vững chắc tại
Ghana, vì quốc gia này mà
lọt vào tay Cộng sản là kẻ
như họ có bàn đạp, có điểm
tựa mới, tiền khắp Phi-Châu
dễ dàng.

Điểm chính trị đó khiến giới
quan sát Tự do lo ngại, nhưng
với Nkrumah, con người thấp
nhỏ, có vầng trán rộng, đôi
mắt sáng cương quyết, nét
môi cuồng vọng với ý chí
phụng sự dân tộc quốc gia,
ông không e-dè, không sợ hãi
khi bắt tay thân thiện với...
chủ nghĩa xã-hội lao-động với
các đồng chí Mác-Lê.

Làm mới... thay cũ... tiến không lùi

Với đường lối chính trị khẳng định như thế, châm ngôn của Nkrumah là: « Làm mới, thay cũ để tiến không lùi ».

Như chúng ta đã biết, năm 1957 Ghana độc-lập, quốc gia này còn nghèo-nàn, chậm tiến, vậy mà hiện nay, sau bảy năm làm việc không ngừng, sau những cố gắng và nỗ lực nên quốc-gia này đã trở nên quan trọng hơn chẳng những trên bình diện chính-trị mà còn về các mặt kinh-tê, thương mại, kỹ-nghệ nữa.

Có một dịp nào đó ghé lại thủ đô Accra qua đường hàng không, bạn sẽ ngạc nhiên thấy rằng mới ngày nào dân-tộc này chỉ là một tiểu-quốc không biết phi cơ là gì mà nay họ có những 18 phi cơ phản lực cũng như bạn sẽ ngạc nhiên thấy phi-cảng của họ tối tân, tiện nghi không kém bất kỳ phi-cảng quốc-tê nào trên thế giới kể cả... Nga-Mỹ.

các đường bay thịnh hành nhất của Ghana hiện nay là Accra đi Liên-hiệp-Anh, Nga, Viễn-Đông qua Âu châu v.v... Dân chúng Ghana cũng rất thích « du hí du thực » bằng chứng là con số du khách xin chiếu khán đi nghỉ các kỳ hè tại ngoại-quốc rất đông đảo. Và không vận của Ghana nhờ đó ngày nay đã có một chỗ đứng vững chắc.

Chưa phải như vậy là đủ Ghana đã rước các giáo sư tâm-tiêng của Tây-phương, đã mời các chuyên viên cơ khí, kỹ-nghệ sang quốc-gia họ để huấn-luyện, để làm cò vắn giúp quốc-gia họ mở mang công-kỹ-nghệ nặng, và về phương diện kỹ-thuật phải công-nhận Ghana đã chịu ảnh hưởng của Tây-phương rất nhiều.

Nhưng hiện nay điều đáng buồn là chính phủ Nkrumah bắt đầu chống-đôi lại Tây-phương nhất là vùng Viễn-Tây như Hoa-kỳ, trục xuất các người Tây-phương thuộc

khởi-tự do vì họ đã công-kích hưởng-thân cộng của chánh phủ Ghana.

Mặc dù biết rằng thị trường Tây-phương đã giúp cho quê hương mình rất nhiều về kinh-tê nhưng Nkrumah vẫn có thái độ cương-quyết khi cần, trái lại đối với khối Cộng-sản ông ta lại tỏ ra nhún-nhường, dễ dãi.

Đứng hàng thứ ba trên thế giới về sản xuất cây Cỏ-ca mà quốc-gia tiêu-thụ mạnh nhất chính là Hoa-kỳ, hằng năm Ghana bán cho nước này đến 37 triệu đô-la. Ngoài ra Mỹ cũng đầu tư vào hầm mỏ của Ghana 110 triệu đô-la khai mỏ Aliminium và 210 đô-la khai mỏ vàng, quặng kim khí (sắt, đồng, thép).

Thổ sản quan trọng : cỏ-ca và vàng

Đi vào chi tiết, người ta phải giạt mình mà thấy rằng khối cộng-sản quả... « thính mũi và thính tai, rõ mắt » khi nhìn thấy nguồn tài nguyên phong phú của xứ này ; họ đã

không ngại ngừng gì khi tấn công vào xứ non ngày Ghana đầy những triển vọng tương lai rực rỡ vô tả. Với một dân số quá ít — 7 triệu người — so với diện tích hơn 500.000 cây sô vuông, đa số sống bằng các nguồn lợi như khai-mỏ, khai rừng và trồng cỏ-ca trung bình lợi tức hằng niên của một người dân là 200 bảng Anh, (khoảng gần 50.000\$, VN) một mức sống không phải là thấp so với vài quốc-gia Phi châu khác hoặc tại Á châu và Nam-Mỹ La-tinh.

Bên hai tài nguyên chính là Cỏ-ca và Vàng, Ghana còn có các mỏ quan trọng khác như Măng-gan, gang, hột xoàng, kim cương, cẩm thạch, đồng, chì, thép, kẽm và Aliminium.

Chính nhờ đó đời sống của dân Ghana không đến nỗi thiếu thốn, vả lại chánh phủ của Nkrumah là một chính-phủ đem lại cho dân các hoàn cảnh thiết thực, xây dựng cuộc sống do đó sự khuynh tả hay khuynh hữu của chánh phủ không còn là điều quan trọng hay đáng kể.

PHONG-PHÚ

NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí não

575 BYT 20-11-55

PHONG-PHÚ

NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí não

575 BYT 20-11-55

● Thủ - đô Accra

Tuy khí hậu nóng bức và không mấy tốt nhưng tại thủ đô Accra, dân số vẫn đông đảo — ngót bốn mươi ngàn người, bên cạnh những rừng dừa thơ mộng một đời sống tân tiến đã phát triển mạnh; những tòa nhà chọc trời nổi bật giữa nền trời xanh lơ, những căn phòng máy lạnh, máy điều hòa không khí biểu hiện cho sự « đám xài và biệt xài » của dân chúng thủ-đô.

Trên các nẻo đường phố những phụ nữ xinh xắn trong chiếc áo dài (theo kiểu Tây phương) đủ màu sắc, cổ hở đưa đôi bờ vai ra trong ánh nắng, trong màu da đen sẫm nhưng họ cũng có những sắc đẹp khuynh thành như phụ nhân Thủ tướng là một hoa khôi quốc-gia.

Người Ghana cũng rất ăn tiêu, họ có thể phung phí hoặc tiêu hoang không thua gì các nước giàu có văn minh, bên cạnh hằng ngàn sinh viên, hằng triệu trẻ em ngày ngày cắp sách tới trường (mỗi năm có hơn ba trăm sinh viên Ghana được cấp học bổng du học ở Nga, Anh và các quốc gia thuộc khối Tây Phi, ngoài ra

hiện có khoảng ba ngàn sinh viên, 1.200.000 học sinh.)

Thủ đô Accra cũng có các vũ-trường đêm đêm tiếng nhạc lời ca vang dậy, cũng có những tờ báo « dám nói, dám viết », cũng có những hiệu ăn, những khu đặc biệt và các hí-viện kịch nghệ rạp chiếu-bóng chiếu suốt ngày suốt đêm.

Thủ đô Accra còn có điểm đặc biệt, các cảnh binh chỉ làm việc về đêm, một người dân đã nói :

— « Cảnh sát thường đèn nhà bạn vào lúc nửa đêm và bạn bị... xúc đi liền ! ».

Vì Thủ tướng Nkrumah từng bị cảnh binh Anh bắt một cách nhục-nhã do đó ông thầy cần bảo vệ « nhân vị và nhân phẩm » của dân chúng bằng biện pháp ấy để tránh các cảnh lừa bắt người trước cặp mắt khó chịu của người ngoại quốc.

● Kwame Nkrumah : « He Never Dies » !

— Kwame Nkrumah — con người bất diệt !

Đối với dân chúng Ghana, Nkrumah chẳng khác nào một vị thánh sống hay một linh thần, bên cạnh cái gương mặt

rắn rỏi với nét khắc khổ của một vị lãnh tụ, Nkrumah còn là một con người có dáng dấp « nho nhã » và biểu lộ cho người đôi diện một sức thu hút mãnh liệt. Ông ta lại có giọng nói hùng hồn hấp dẫn mỗi khi ra trước quần chúng.

Chính vì lẽ đó ngoài đường phố tại các ngã tư các công trường, trường học và cả trên màn ảnh tên ông ta luôn luôn xuất hiện với sự thiện cảm của hầu hết mọi người.

Ngay cả trên các tem thư, các biển quảng cáo và vách tường, ảnh ông cũng được phơi bày, riêng năm nay hơn bốn trăm ngàn đô-la đã được dân chúng chi tiêu trong việc mua tượng vị lãnh tụ khả ái tài ba của quốc gia. Đối với dân tộc Ghana, họ coi Nkrumah là một đấng con trời được công cử xuống trần phụng sự dân tộc và quê hương .. bàn tay ông đã giải phóng quê hương, bàn tay ông đã lôi họ từ trong sự nô-lệ ra vùng ánh sáng của tự-do, ông là một vị thần đối với dân tộc ông, chính vì thế mà họ đã hát rằng :

— « Nkrumah là vị nguyên thủ của chúng ta, Nkrumah không bao giờ sai lầm, Nkrumah là giáo chủ; và Nkrumah bất diệt bất tử ».

Nkrumah vốn là con của người có gốc vốn ở vùng Tây Phi thuộc bộ lạc « Juju » da đen, thờ phụng thần linh về sau di chuyển lần tới vùng vịnh Guinea trú lại đó và sinh cơ lập nghiệp. Nhờ đó chú Nkrumah đã chào đời tại một bộ lạc nhỏ gọi là Nkroful, con trai của một phu mỏ vàng, chú đã lớn lên trong sự nghèo khó cũng như hàng ngàn trẻ Ghana khác, nhưng chú đã có cái may mắn là được cho đến trường học, một trường do các thầy dòng truyền đạo giảng dạy. Rồi theo thời gian ông lớn lên, đi làm giáo viên tại thủ đô Accra để có tiền học thêm, có chí phấn đấu và kiên nhẫn, ông lại nhìn thấy cảnh đất nước đang bị đè nặng dưới gót giày đô hộ của ngoại bang nên quyết học cho thành tài để có hy vọng một ngày giải phóng đất nước, năm 1935 ông được học bổng đi Hoa kỳ theo học tại Đại học đường Lincoln một viện đại học dành cho người da đen gần tiểu

bang Philadelphia. Sau đó ông tiếp tục theo học tại đại học Pennsylvania chiếm được hai bằng cử nhân văn chương và Triết học. Thời gian này để có tiền theo đuổi việc học, ông đã phải xin một chân bồi bàn, rửa chén, dọn bàn và làm cả nghề... húi tóc cho đồng bạn tại viện đại học. Không nản chí ông đoạt lấy thêm bằng tiến sĩ Triết, đồng thời ghi danh học y-khoa.

Trở lại Ghana năm 1947, ông là một nhà chính trị trẻ tuổi, thành lập đảng «Nhân dân tranh thủ độc lập tự do», do đó ông rất mau được dân chúng đề tâm đến, ông cương quyết tranh đấu chống lại chánh quyền đô hộ và đòi hỏi Anh-quốc rời khỏi Ghana trao chủ quyền về cho dân tộc ông. Sau mười năm tranh đấu, năm 1957 ông thắng lợi.

Nhưng một đe dọa trầm trọng

Trước kia Nkrumah có khuynh hướng Trung Lập,



nhưng từ ngày được quốc-hội cho trọn quyền hành động, ông bắt đầu tỏ ra thiên tả rõ rệt, lần lượt ông đã viếng thăm thân hữu nào là Mạc-Tư Khoa, Budapest, Đông-Đức...

Ông đã tỏ ra quá trung thành cũng như sẵn sàng ủng hộ đường lối của chủ nghĩa Cộng sản một cách công nhiên mặc dù trước kia khi mới vừa độc lập ông đã đón nhận rất nhiều sự giúp đỡ và ủng hộ của Tây-phương.

Chính vì sự chuyển hướng chính trị này mà ba lần ông bị một số người khuynh hữu ám sát, nhưng Nkrumah vốn là con người cương quyết, ông nhất định đeo đuổi chủ trương của mình.

Vì vậy năm ngoái nhân lễ

PHONG-PHÚ

NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí não

575 BYT 28-11-63

khánh thành công-trường Lenin và trao giải thưởng Hòa Bình ông, đã bị một người Ghana ném bom ám sát may mắn chỉ bị thương nhẹ, quả bom làm bốn người tử thương.

Báo chí Ghana đã nêu tin ấy với các lời bình luận chỉ trích thái độ bất nhất của ông và nêu rõ sự đe dọa nguy hiểm nếu ông quyết tâm theo đuổi chính sách thân Cộng.

Cũng từ sau vụ thoát chết đó, Nkrumah ít ra ngoài, ông làm việc nhiều hơn, hoạt động cho chủ trương của ông sớm thành quả, ông bỏ cả việc đi đền giáo đường xem lễ vì ông là tín đồ Thiên Chúa.

Trước các biến cố chính trị, trước sự hình thành một công phái : « Marxist-Nkrumanism » khỏi tự do trong đó có Liên-

Hiệp-Anh bắt đầu lo ngại con đường tiền của Cộng-sản, nhờ Ghana làm bàn đạp và điểm tựa mới.

Người ta tự hỏi Ghana càng lúc càng rơi vào áp lực Cộng-sản và sự giăng bẫy của Nga-sô sẽ rất tai hại nó có thể từ Ghana xâm lấn các tiểu quốc khác.

Khôi Tự do đồ tháo gỡ hời nhưng liệu Hoa-Kỳ và Liên hiệp Anh đòi phó cách nào đây?

Điểm quan trọng là sự độc lập, công bằng và dân chủ của Ghana trong tương lai có còn « bình yên » hay sẽ bị chủ nghĩa xã-hội... của Cộng-sản đánh ngã gục! Và người ta sẽ buồn mà thấy Ghana sẽ là Cuba thứ hai chăng?



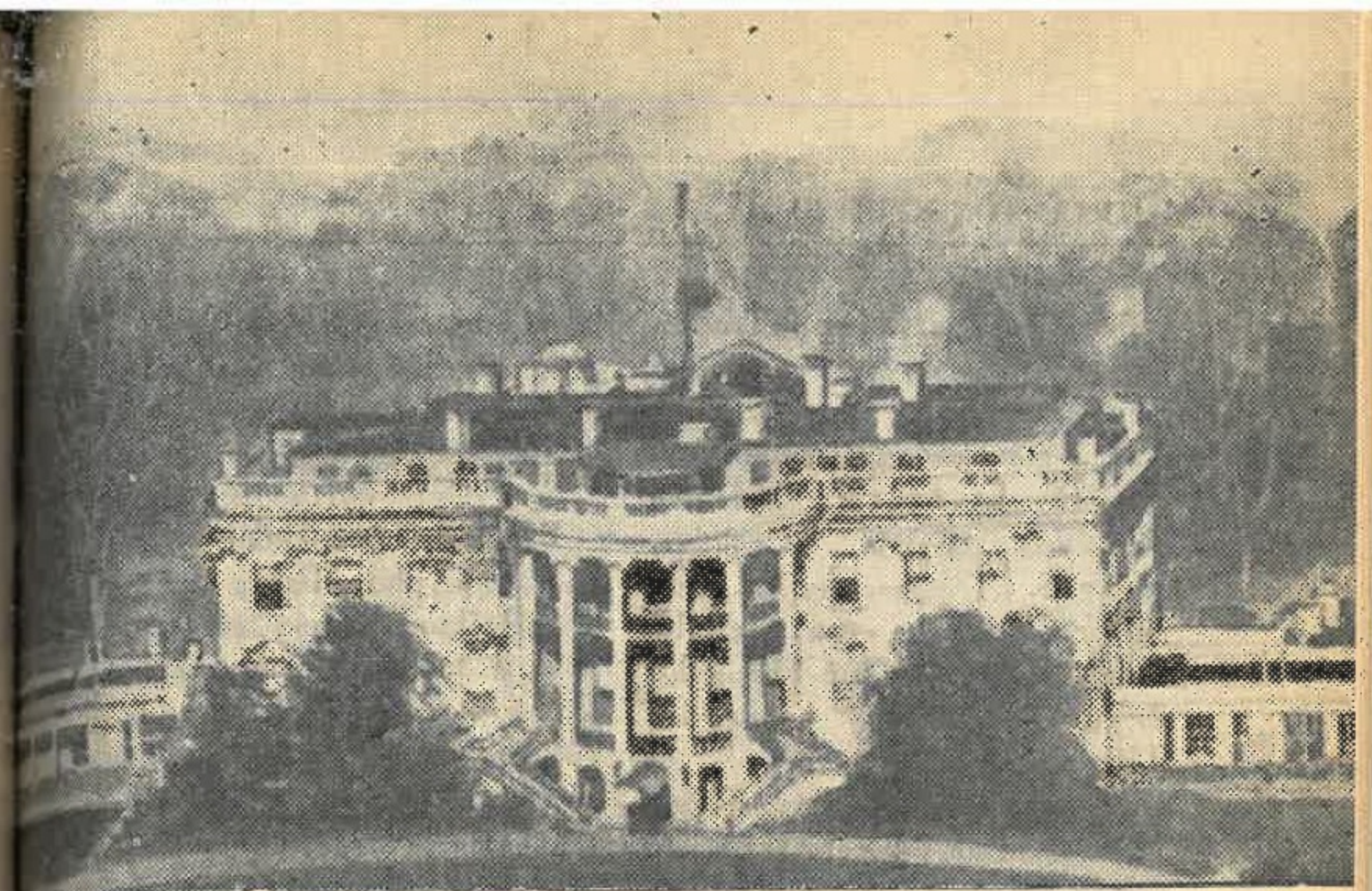
* DANH NGÔN

Cha vay con trả
(Niggard father ? Spendthrift son)

(Tục ngữ Anh)

Kể từ khi dựng nền độc lập đến nay, nước Mỹ tổng cộng có 36 vị Tổng Thống. Ba mươi sáu vị Tổng-Thống đó, từ 1789 đến 1964, theo thứ tự trước sau là :

1.— George Washington	(ở chức vị từ 1789 đến 1797)
2.— John Adams	(— 1797 — 1801)
3.— Thomas Jefferson	(— 1801 — 1809)
4.— James Madison	(— 1809 — 1817)
5.— James Monroe	(— 1817 — 1825)
6.— John Quincy Adams	(— 1825 — 1829)
7.— Andrew Jackson	(— 1829 — 1837)
8.— Martin Van Buren	(— 1837 — 1841)
9.— William H. Harrison	(— 1841 — 1841)
10.— John Tyler	(— 1841 — 1845)
11.— James Knox Polk	(— 1845 — 1849)
12.— Zachary Taylor	(— 1849 — 1850)
13.— Millard Fillmore	(— 1850 — 1853)
14.— Franklin Pierce	(— 1853 — 1857)
15.— James Buchanan	(— 1857 — 1860)
16.— Abraham Lincoln	(— 1860 — 1865)
17.— Andrew Johnson	(— 1865 — 1869)
18.— Ulysses S. Grant	(— 1869 — 1877)
19.— Rutherford B. Hayes	(— 1877 — 1881)
20.— James A. Garfield	(— 1881 — 1881)
21.— Chester A. Arthur	(— 1881 — 1885)
22.— Grover Cleveland	(— 1885 — 1889)
23.— Benjamin Harrison	(— 1889 — 1893)
24.— Grover Cleveland	(— 1893 — 1897)
25.— William McKinley	(— 1897 — 1900)
26.— Theodore Roosevelt	(— 1900 — 1909)
27.— William H. Taft	(— 1909 — 1913)
28.— Woodrow Wilson	(— 1913 — 1921)
29.— Warren G. Harding	(— 1921 — 1923)
30.— Calvin Coolidge	(— 1923 — 1929)
31.— Herbert Hoover	(— 1929 — 1933)
32.— Franklin D. Roosevelt	(— 1933 — 1945)
33.— Harry S. Truman	(— 1945 — 1952)
34.— Dwight Eisenhower	(— 1952 — 1960)
35.— John F. Kennedy	(— 1960 — 1963)
36.— Lyndon Johnson	(— 1963 — ?)



★ NHÂN CUỘC BẦU CỬ TỔNG THÔNG MỸ

MƯỜI hai ông : George Washington, Thomas Jefferson, James Madison, James Monroe, Andrew Jackson, Abraham Lincoln, Ulysses S. Grant, Théodore Roosevelt, Woodrow Wilson, Calvin Coolidge, Harry S. Truman, Dwight Eisenhower, đều được tái cử hai nhiệm kỳ liên tiếp. Riêng ông Franklin Roosevelt đắc cử năm 1933, rồi tái cử năm 1936, 1940, 1944. Ông là người ở tòa Bạch-ố lâu nhất : 12 năm. Ông Grover Cleveland thì đắc cử Tổng-Thống thứ 20 của nước Mỹ vào năm 1885 lúc ông 47 tuổi rồi đến kỳ bầu Tổng-Thống thứ

từ
WASHINGTON
đến
JOHNSON

★ Từ-trăm-lệ

22 ông lại đắc cử, nghĩa là ông nhảy một nhiệm kỳ. Tám ông : John Tyler, Millard Fillmore, Andrew Johnson, Chester A. Arthur, Théodore Roosevelt,

Calvin Coolidge, Harry S. Truman Lyndon Johnson, từ địa vị phó Tổng-Thống lên thế chức Tổng Thống mất khi còn đang nhiệm kỳ, và ba ông : Théodore Roosevelt, Calvin Coolidge, Harry S. Truman, sau đó được tái cử. Hai cha con ông John Adams, cha làm Tổng-Thống thứ 2, con (John Quincy Adams) làm Tổng-Thống thứ 6.

Trong số tám vị Tổng-Thống Mỹ mất khi còn đang nhiệm kỳ, bốn ông bị ám sát : Lincoln, Garfield, Kinley, Kennedy.

Người cao tuổi hơn hết lúc vào tòa Bạch-ốc là ông William H. Harrison, lúc đó ông 68 tuổi. Ông Théodore Roosevelt lúc từ địa vị phó Tổng-Thống lên nắm quyền Tổng-Thống thế ông William Mc Kinley, ông được 42 tuổi, như vậy ông là vị Tổng-Thống Mỹ trẻ tuổi hơn hết. Còn ông Kennedy (43 tuổi lúc vào tòa Bạch-ốc) là vị Tổng-Thống Mỹ trẻ tuổi hơn hết do dân bầu.

Vị Tổng-Thống Mỹ thọ hơn hết là ông John Adams, chết lúc 90 tuổi. Chết non hơn hết là ông Kennedy, lúc chết ông mới 45 tuổi.

Trong 36 vị Tổng-Thống Mỹ từ 1789 đến 1964, mười bảy ông thuộc đảng Cộng-hòa, mười hai ông thuộc đảng Dân-chủ, còn

lại những người khác thuộc hai đảng giờ đây không còn nữa là đảng « Wigs » và đảng « Fédéraliste ».

Bảy ông Tổng-Thống cưới vợ là một góa phụ. Riêng ông Andrew Jackson tái hôn với một bà ly dị chồng, thêm nữa, sau hôn lễ, người ta được biết sự ly dị của ông với bà vợ trước không có hiệu lực vào lúc ông cưới bà sau. Cũng « may », bà Jackson có « ý tứ » chết đi một năm trước ngày ông được bầu vào tòa Bạch-ốc, thành thử cái « si-căng-dan » duy nhất trong lịch sử tòa Bạch-ốc không mang tánh cách « chánh thức » nào hết, và không ảnh hưởng đến cuộc vận-động tranh cử của ông. Bà Chester A. Arthur cũng không được biết tòa Bạch-ốc vì bà mất một năm trước ngày ông Arthur lên làm Tổng-thống. Đám cưới của ông Grover Cleveland cử hành ở tòa Bạch-ốc. Bà John Tyler và hai bà vợ trước của hai ông Benjamin, Woodrow Wilson đều mất ở tòa Bạch-ốc. Đến bà Kennedy, tòa Bạch-ốc không còn chỉ tiếp giới chánh khách và giới ngoại giao, mà lại mở ra tiếp giới nghệ sĩ, giới văn sĩ và giới đại học. Vị Tổng-thống thứ 15 của Mỹ, ông James Buchanan, là vị Tổng-thống

duy nhất sống độc thân (1791-1868).

Năm ông Tổng-thống Mỹ, trong đó có Washington, không có con. Mười ông xuất thân từ những gia đình dân quê, bốn ông ra đời trong một túp lều nghèo nàn, cha ông Andrew Johnson là một phu vác, ông thì trước tiên làm thợ may. Mười ông Tổng-thống Mỹ là quân nhân cấp tướng trước khi vào tòa Bạch-ốc : George Washington, Andrew Jackson, William Henry Harrison, Zachary Taylor, Franklin Pierce, Ulysse Simson Grant, Rutherford B. Hayes, James A. Garfield, Benjamin Harrison, Dwight Eisenhower.

Trong tám năm tại chức, Tổng-thống George Washington không hề bắt tay ai một lần nào, vì ông cho rằng cái cử chỉ thân mật ấy không xứng đáng cho một vị Tổng-thống, ông chỉ nghiêng đầu để chào. Ông mặc những bộ đồ bằng nhung lông lầy, đi một cỗ xe sáu ngựa và tự thấy mình ngang hàng với bất cứ vị hoàng đế nào. Nhưng ông luôn luôn tự xem mình là « kẻ tồi tệ hèn mọn

nhất và phục tòng nhất » của dân tộc Mỹ. Ông mất hai năm sau khi mãn nhiệm kỳ thứ hai. Trong những phút cuối cùng chợt sáng suốt lại, ông nói : « Tôi sẽ chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. » Ông còn đếm mạch của ông thì tim ông ngưng đập. Tên ông được dùng đặt cho thủ đô Hợp-chúng-quốc.

Ông John Adams được xem như là cha sanh của ngành hải quân. Trong nhiệm kỳ của ông, trụ sở chánh phủ dời vào năm 1800, từ Philadelphie đến Washington.

Là một nhà đại tư tưởng và một thông thái uyên - thâm, ông Thomas Jefferson có vẻ một triết gia hơn là một Tổng-thống. Ông rất chuộng sự giản dị. Ngày nhận chức, ông đi ngựa đến, chỉ một mình, buộc cương ngựa vào một hàng rào rồi đi vào tuyên thệ bằng một dáng điệu bình nhiên như là ông đi dạo mát. Hùng sáng là ông đã dậy rồi, và thường viết và đọc cho đến bữa điềm tâm, sau đó lại dành một tiếng đồng hồ để đọc sách nữa. Và sau một ngày làm việc, ông đi đến

PHONG-ĐỒ

Đông **NEUROTONIC** *BỔ ỨC*
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-05

cho đến nửa đêm để đọc những sách chữ La-tinh, chữ Pháp, chữ Y-phá-nho, chữ Ý, hay chữ Anh. Từ sự hoạt động phi thường của ông, để ra những tác-phẩm, những phát minh, những tư tưởng và những sáng kiến mới liên hệ tất cả các ngành của tinh thần con người. Năm 1796, ông được bầu làm chủ tịch Hội học-thuyết Mỹ mà trong số hội viên có những bậc danh vọng như ông David Rittenhouse, người sáng tạo nhà hành-tinh (planétarium) đầu tiên trên thế giới, bác-sĩ Benjamin Rush, người tiên-khu của ngành tinh-thần bệnh học, Joseph Priestley, người khám phá ra dưỡng-khí. Tất cả mấy người này đều xem ông Jefferson như bậc thầy của họ, vì không một chuyên môn nào của họ mà ông không biết. Ông là người thảo bản Tuyên-ngôn Độc-lập, năm 1776, ở Philadelphie: « Chúng tôi xem như hiển nhiên cái chân-lý, rằng mọi người sanh ra đều bình đẳng... » Về vấn đề kiểm duyệt, ông có nói « nếu tôi phải chọn giữa một chánh phủ không báo chí và những báo chí không chánh phủ,

tôi không chút ngần ngại mà chọn ngay giải pháp thứ nhì. » Ông mất ngày 4 Juillet 1826, đúng năm mươi năm sau ngày ra đời của bản Tuyên-ngôn Độc-lập Hợp-chủng-quốc. Chính ông tự thảo những giòng sau đây để ghi lên tấm bia mộ của ông: « Nơi đây yên nghỉ Thomas Jefferson, tác giả bản Tuyên-ngôn Độc-lập Mỹ, bản Pháp Quy của tiểu-bang Virginie (1) về sự tự-do tôn-giáo (2) và cha sanh đại học đường Virginie ». Tại sao mấy giòng trên mộ chí ấy không có nói ông cũng là Thống đốc tiểu bang Virginie, đại sứ Mỹ ở Ba-Lê, Quốc-vụ-khanh và Tổng-thống Hợp-chủng-quốc? Ông đã giải thích điều ấy cho cô con gái của ông như sau: « Điều gì không có ghi trên mộ chí của cha, đó là điều

(1) Quê hương của ông Jefferson.

(2) Trước hết, ở Virginie, kể đó ở khắp trong nước, ông Jefferson hoạt động nhằm mục đích bãi bỏ những phụ cấp cho những Giáo-hội, nhờ đó khiến cho có được một tự do tôn giáo thật sự.

PHONG-PHÚ

Đúng **NEUROTONIC** *BỔ ỨC Tăng cường trí nhớ*

575 BYT 20-11-63

mà dân chúng đã làm cho cha. Điều gì có ghi lên đó, đó là điều mà cha đã làm cho dân-chúng ».

Trong nhiệm kỳ ông James Madison, xảy ra cuộc chiến-tranh với nước Anh. Thủ-đô Hoa-thịnh-đốn bị đốt phá.

Tên ông Jame Monroe dính liền với cái « thuyết Monroe » do ông đưa ra ngày 2 tháng 12 năm 1823, chủ trương Châu-Mỹ của người Mỹ, không nhận một sự can thiệp nào của Âu châu vào các vấn đề của Mỹ. Một bức rào dựng lên giữa Hợp-chủng-quốc và Âu châu, và khởi đầu chánh sách biệt lập của Mỹ đối với các nước ngoài. Về ông James Monroe, ông Jefferson có nói: « Ông ấy rất thanh bạch đến nỗi người ta lật tâm hồn của ông ra, người ta sẽ không tìm thấy một cái vết nào hết ».

Ông John Quincy Adams tiếp tục chánh sách biệt lập của ông Monroe, tăng cường quyền trung ương. Ông là kẻ thù của chế độ mại nô. Ông không biết sợ là gì, và có tự ái quốc gia đến cao độ.

Ông Andrew Jackson đặt ra chánh sách « bè đảng » (népotisme de parti), nghĩa là ông Tổng thống, khi được bầu rồi, đem người của đảng mình vào chánh quyền. Lề lối này vẫn được

thành hành ở nước Mỹ cho đến giờ đây.

Trong nhiệm kỳ của ông John Tyler, mở đầu những biến cố sẽ đưa đến cuộc chiến-tranh với Mễ-tây-cơ, và sự trầm trọng của vấn đề mại nô.

Trong nhiệm kỳ của ông James Knox Polk, xảy ra cuộc chiến-tranh với Mễ tây cơ (1846-1848). Hợp-chủng-quốc có thêm sự sáp nhập của Californie, Utah, Nouveau-Mexique. Ông Polk là người chủ trương bành trướng quốc gia. Ông được mệnh danh « Nã-Phá-Luân của rừng núi. » Là người Thanh giáo, ông cấm vũ và rượu ở tòa Bạch-ốc.

Ông Franklin Pierce là một người can đảm, người ta đợi chờ ở ông một sự êm dịu của tình hình, nhưng vấn đề mại nô càng trầm trọng thêm.

Ông James Buchanan là người của sự dàn xếp. Nhưng người ta không tỏ ra có chút biết ơn nào đối với những cố gắng hòa giải của ông. Nội chiến đe dọa bùng nổ.

Trong nhiệm kỳ của ông Abraham Lincoln, xảy ra trận giặc Nam Bắc ở Mỹ (1861-1865). Người nô lệ da đen được giải phóng, ông Lincoln bị ám sát bởi

một kịch sĩ tự gọi mình là "kẻ phục hận của miền Nam".

Ông Andrew Johnson tiếp tục chánh sách hòa giải. Ông là nhân vật rất bị chỉ trích, lại còn cả bị tố cáo về phương thức thi hành nhiệm kỳ của ông.

Ông Ulysses S. Grant là vị tướng lãnh chiến thắng trong trận giặc Nam-Bắc. Ông cũng chiến thắng trên mặt trận chánh trị là được tái cử mặc dù bị tấn công dữ dội. Ông có xuất bản hai quyển ký ức.

Ông Rutherford B. Hayes là một trong những Tổng thống Mỹ mất lòng dân hơn hết. Ở Nghị-viện xảy ra những cuộc tranh chấp mãi trong suốt nhiệm kỳ của ông. Những phong trào thợ thuyền bắt đầu xuất hiện.

Một tên cuồng-tín đã bắn chết ông James A. Garfield trong năm đầu nhiệm kỳ Tổng thống của ông. Đời ông có cái nét kiêu-mẫu đặc Mỹ: từ một kẻ nô bộc ở một trại rầy, lên đến bậc đại tướng rồi Tổng thống.

Trong nhiệm kỳ của ông Chester A. Arthur, công bố đạo luật Pend-

leton-Act giới hạn phần nào phương-sách «bè dăng», trong chiều hướng những điều kiện thông thường đề vào làm việc và sự thăng thưởng trong ngành hành chánh. Là kẻ học rộng, tác phẩm của ông vượt trên tiếng tăm của ông về mặt chánh trị.

Ông Grover Cleveland bảo vệ Quốc-gia và giới nghèo đô-la chống lại những nhà đại kỹ-nghệ, những tổ-hợp đầu cơ thương mại. Ông ban hành những đạo luật về sự giao dịch giữa các Quốc-gia (chống lại giá-mục của bọn đầu cơ). Người thời ấy có một lời đẹp đẽ sau đây nói về ông: «Trong khi tất cả đều nghiêng ngã, ông vẫn luôn luôn thẳng đứng.»

Ông Grover Cleveland khai mạc vào tháng 5 năm 1893. Hội chợ triển lãm Chicago, đề kỷ niệm năm 400 của ngày tìm ra Châu Mỹ.

Trong nhiệm kỳ của ông William McKinley, cuộc chiến tranh với Tây-ban-nha được đưa đến thắng lợi. Ông bị ám sát bởi một kẻ theo chủ trương vô chánh phủ.

Lời cuối cùng ông thốt ra là: «Xin tuân theo ý Chúa».

Ông Théodore Roosevelt chống lại bọn đầu cơ thương mại và giới đại tài phiệt. Ông làm trung gian hòa giải, năm 1905, cho sự hòa bình giữa Nga và Nhật. Ông là người có rất nhiều ý kiến và sáng kiến, nhưng người ta thường trách ông không luôn luôn đi đến nơi đến chốn sự việc.

Ông William H. Taft chiến đấu chống với những hoạt động bất hợp pháp của bọn đầu cơ thương mại. Sự bãi bỏ những hàng rào quan thuế mà ông hy vọng không thành hình. Ông là vị Tổng Thống Mỹ «bự» nhất: ông cân nặng đến 150 kí. Cái cười «truyền nhiễm» của ông rất được truyền tụng.

Ông Woodrow Wilson được tái cử để giữ cho nước Mỹ ở ngoài cuộc chiến tranh. Tuyên chiến với nước Đức ngày 6 tháng 4 năm 1917. Đưa ra ý kiến thành lập Hội Quốc Liên để giải quyết những sự tranh chấp giữa các nước. Công bố 14 điểm về hòa bình. Ông được giải Nobel về hòa bình.

Trái với ông Wilson, ông Wa-

ren G. Harding nghịch với sự thành lập Hội Quốc Liên. Ông triệu tập, năm 1922, hội nghị Tàibình đầu tiên. Cuộc đời ông khởi đầu là một giáo viên, rồi ký giả.

Ông Calvin Coolidge đã bỏ thăm chống Hội Quốc Liên.

Ông Franklin D. Roosevelt nói rộng quyền trung ương. Ông đứng trên lập trường chống Hitler trước khi nước Mỹ bước vào vòng chiến.

Trong nhiệm kỳ của ông Harry S. Truman diễn ra cuộc hội nghị Potsdam năm 1945; quả bom nguyên tử đầu tiên ngày 6 tháng 8 năm 1945. Gởi quân đội sang Triều tiên năm 1950.

Với giọng máu chiến-dấu của người Ái-nhĩ-Lan chảy trong mình, ông Kennedy không thể nhận sự thua sút — quá xa — một cách cam chịu trong cuộc chạy đua không gian như các ông già trong chánh phủ Eisenhower, nên trong ba năm ở chức vị Tổng Thống Mỹ, ông đã đuổi bắt kẻ cận người Nga. Một vụ Cuba tưởng đâu khói lửa sẽ bốc ngút quả địa cầu, nhưng nhờ sự cương quyết vừa khéo léo của ông, mọi việc qua êm, và

PHONG-PHÚ

NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-63

PHONG-PHÚ

NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-63

tăng thêm thanh thế cho phe Tự do. Lại như lúc bức tường Bá-Linh dựng lên bất ngờ làm nước Mỹ ngơ ngác, ông liền cho lệnh một đơn vị thiết giáp đóng ở Tây-Đức lên đường đi đến Tây-Bá-Linh do xa lộ Autobahn chạy ngang vùng đất Đông-Đức. Ông cũng dự biết là nếu đoàn công-voa bị chặn lại thì súng sẽ có thể nổ. « Trong những giờ phút đó mở lời với ông là chuyện vô ích, một phụ tá của ông ở tòa Bạch ốc kể lại. Chẳng khác nói với một pho tượng. Người ta thấy rằng sự việc đó có thể biến chuyển thành xung đột trong vòng đêm đó. » Đoàn xe chiến đấu đó do xa lộ Autobahn tiến đi từng nhóm 60 chiếc. Đại tướng Bruce Clarke, tổng tư lệnh quân lực Mỹ ở Âu châu, đặt tổng hành dinh của mình trong khu rừng cách Helmstedt lối 800 thước. Ông liên lạc trực tiếp với tòa Bạch ốc. Đại tướng Chester Clifton, tùy viên quân sự của ông Kennedy, được lệnh túc trực suốt đêm. Chính ông Kennedy cũng thức cho đến nửa đêm. Khi ông thức dậy, vào lúc 8 giờ sáng, ông được báo tin rằng tốp tiền-đội của đoàn công - voa đã vượt qua cánh cửa Tây Bá-Linh mà không có xảy ra gì hết. Với ông Kennedy, ông coi trọng những

người biết thu-hoạch những kết quả thực tế hơn những kẻ tư tưởng thuần túy. Ông nói : « Chúng ta lúc nào cũng thiếu những người có tầm quyền và những người thực hiện. Chúng ta cần những người có phán đoán chắc chắn. Chúng ta đã có nhiều, nhưng chẳng bao giờ có đủ. » Ông chỉ có sự coi khinh dành cho những lý-thuyết gia chỉ chỉ-trích mà không đưa ra một giải pháp đòi lại.

— Ông ta đậu ở chỗ nào vậy ? Ông Kennedy đã nói một cách cộc lốc như vậy khi được nghe kể lại với ông những lời chỉ-trích của một nhân vật đại-học — Ở đại-học của ông ta, hẳn rồi, đậu phải ở đây là nơi phải lấy những quyết định kia.

★ QUYỀN HẠN

Theo Hiến-Pháp của nước Mỹ: Tổng-thống Mỹ là người cầm đầu nước hùng cường nhất thế giới.

Ông là Tổng tư lệnh tối cao cả quân lực Mỹ gồm ba triệu sáu trăm ngàn người thuộc hải, lục và không quân.

Ông nắm trong tay then chốt các ngành hoạt động của 155 triệu người Mỹ.

Ông tự quyền định đoạt một ngân sách khổng lồ hơn bảy mươi ngàn triệu đô-la. Ông có quyền tăng hay giảm thuế thương chính, cùng sửa đổi tiền lời về quốc-trái.

Ông trọn quyền chọn cử công chức các cấp tùy theo ý ông và nếu có người mất thành lĩnh ở Thượng-nghị-viện, ông được phép tùy ý chọn người thay thế cho đến kỳ tuyển cử nghị-viện tới.

Ông được quyền tuyên chiến khi có sự thỏa thuận của Quốc hội.

Khi có chiến tranh, ông được quyền ra lệnh tổng động viên, dùng khí giới nguyên tử, sung công kỹ-nghệ để dùng vào việc Quốc-phòng.

Ông có trọn quyền ký kết hiệp ước với các nước ngoài và quyền ân xá những tội phạm tử hình.

Về vấn đề tuyên chiến, theo trong Hiến Pháp thì phải có sự thỏa thuận của Quốc-hội, nhưng những lúc sau này, vì tình trạng phức tạp, rắc rối trên thế giới, ông Tổng thống Mỹ có thể tự quyền tuyên chiến mà không cần hỏi qua Quốc-hội. Nhưng trường hợp ông Roosevelt đã đem áp dụng những biện pháp

tương đương với sự lâm chiến, như ông Truman tham chiến ở Triều-tiên, đều không có hỏi qua Quốc-hội...

Tổng Thống Mỹ lại không cần có sự biểu quyết của Quốc hội về một đạo luật đề hành động, và ông còn có quyền phủ quyết những đạo luật do Quốc hội biểu quyết.

Quyền hạn của Tổng Thống Mỹ rất to tát, có thể còn hơn những nhà độc tài mạnh mẽ nhất. Ngược lại, Thượng nghị viện có thể kiểm soát ông bằng cách không chấp thuận sự bổ nhiệm những bộ trưởng, những đại sứ và những công chức cao cấp nào đó. Kề ra thì ông Tổng thống cũng có thể không màng đếm xỉa đến sự từ chối đó, nhưng ông ngại Quốc-hội có thể không bỏ thăm cho những kinh phí ông yêu cầu. Tối-cao pháp viện cũng giới hạn phần nào quyền hạn của ông Tổng Thống. Cơ quan này có thể quyết định những hành động nào đó của ông là trái với Hiến-Pháp, và có thể tố cáo ông tội phản-quốc.

Tổng Thống Mỹ không những là người đứng đầu một quốc gia

PHÒNG-PHÚ

NEUROTONIC BỔ ỨC Tăng cường trí não

575 BYT 20-11-65

trên thực tế ông còn là thủ-lãnh của cả một công đồng gọi là thế giới Tự do. Do đó, cũng tự ở những hành động của ông tùy thuộc nền hòa bình và nền văn minh của thế giới.

Lương của Tổng Thống Mỹ được 100 000 đô la mỗi năm, thêm 90.000 đô la tiền đại diện.

Trong khi ông Tổng Thống Mỹ nắm trong tay những quyền hạn ghê gớm, ông Phó Tổng Thống Mỹ lại không có một quyền nào hết. Nhưng nếu ông Tổng Thống chết đi khi còn đang nhiệm kỳ, và ông Phó Tổng Thống lên thay, thì từ một nhân vật không quan trọng gì, ông đã trở nên vị lãnh tụ tối cao của quốc gia với những quyền hành to tát. Lương ông Phó Tổng Thống là 30.000 đô la mỗi năm và 10.000 đô la tiền sở phí.

★ Vài chuyện nho nhỏ

Tòa Bạch-ố, dinh của Tổng thống Mỹ, khởi sự xây cất ngày 13-10-1792. Người vẽ kiểu cho tòa nhà này là kiến trúc sư James Hoban.

Năm 1817, tòa Bạch-ố đã được sơn toàn màu trắng, nhưng mãi đến năm 1902, theo lời yêu cầu của Tổng thống Theodore Roosevelt, hai tiếng « Bạch-ố » (Maison blanche) mới được chánh thức nhìn nhận.

Tuyên cử ở nước Mỹ có một điểm đặc biệt là phòng bỏ thăm được đặt ở khắp nơi, bất luận công sở hay tư gia; miễn tiện cho cử tri thôi. Do đó, có phòng bỏ thăm được đặt ở khách sạn, ở tiệm hớt tóc, ở phòng tiếp khách. Bầu cử ở Mỹ có máy bầu (machine à voter). Ở các châu thành lớn đều có đặt máy này. Thay vì cầm lá thăm có ghi tên ứng cử viên bỏ vào thùng thăm, cử tri chỉ có việc nhận vào cái nút có đề tên ứng cử viên mà mình chọn, tức khắc máy bầu sẽ ghi thêm một « lá thăm » vào con số những lá thăm đã được bỏ. Nhờ đó công cuộc soạn đếm số thăm dễ dàng và mau chóng. Máy bầu cử này được áp dụng lần đầu tiên vào năm 1898 ở Rochester.



PHÒNG-PHỤ

NEUROTONIC

BỘ ỚC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-63



★ Nguyễn-văn-Côn
(Paris)

THƠ và MIÊU TẢ

(Tiếp theo P.T. 136)

Lần trước tôi đã nói về thuật miêu tả trong văn thơ nước ta. Trong số này tôi sẽ nói về miêu tả qua vài bài thơ ngoại quốc.

Trong văn chương Pháp, tóm tắt lại, ta thấy thế-kỷ 17e là thế kỷ cổ điển (époque classique) quan-trọng nhất là nghệ thuật viết Kịch với những thi-sĩ đại tài như Corneille, Racine, Molière, hay nhà thơ ngụ ngôn La Fontaine.

Thế-kỷ 18 là thế-kỷ triết lý với các nhà triết học lừng danh như J.J. Rousseau, Voltaire, Montesquieu mà những tư tưởng bình đẳng, tự-do, bác ái đã thành những nguyên tắc căn-bản cho bao nhiêu cuộc Cách Mạng đại chúng trên thế giới.

Thế-kỷ 19, quan hệ bởi phong trào lãng-mạng (romantique) là một thời-kỳ tình-hoa phong phú vào bậc nhất trong văn-chương nước Pháp và văn-chương Thế-giới. Trong thời-kỳ này tâm hồn và tự-do cá nhân được phát triển toàn diện. Cảm tình của con người từ chỗ vui mừng, buồn đau cho đến nỗi yêu thương, mơ mộng được biểu lộ một cách tự nhiên, không bị văn-lệ và khuôn khổ của thời cổ-diễn dằn buộc. Nên người ta vì yêu và được yêu mà vui cười, ca hát, thì cũng

không ai cho đó là lỗi bịch ; trái lại nếu bị đau khổ, thất vọng vì tình mà than van, khóc lóc như Lamartine, Musset thì cũng không ai cho là ươn hèn. Còn nếu, do cảm hứng và lửa thiên mà người ta ca lên những thiên anh-hùng, hay đứng lên bênh vực những kẻ nghèo nàn hay những người bị hà hiếp, như Victor Hugo, thì cũng không sợ làm phật ý các nhà cầm quyền.

Ngoài ra, người ta không lãnh đạm với cảnh vật xung quanh, và đã dùng cảnh vật làm khung-cảnh của nguồn thơ và các tiểu thuyết.

Rồi theo đà ấy, sự phát triển về tư tưởng, tâm tình và văn nghệ được tiếp tục qua các phong trào « parnassiens », hay tượng trưng (symbolisme). Những phát triển ấy vẫn còn dồi-dào, kể tiếp đến ngày nay, và làm cho văn chương nước Pháp luôn luôn lãnh bước tiên phong trong văn-chương Âu phương.

Khuôn-khổ loạt bài này là « *Thơ và Miêu tả* », vì vậy ta nên nhắc đến vài nhà thơ với lối thơ tả cảnh như Victor Hugo với hai tập thơ : « Feuilles d'automne » (lá thu), « Chansons des rues et des bois » (những bài ca ngoài đường và trong rừng); như Leconte de Lisle với tập thơ « Poèmes barbares » (những bài thơ cổ sơ) hay « Poèmes antiques » (những bài thơ xưa) hay như Albert Samain, với tập thơ « Au Jardin de l'Infante » (Trong vườn công-chúa), hay tập thơ « Aux flanes du Vase » (cạnh bình hoa).

Khi khảo sát về tính chất văn-chương một nước, người ta đã nghiệm thấy văn chương cũng như một dòng nước. Nếu dòng nước ấy bị ứ đọng, giam cầm, không được lưu-thông, thì dần dần sẽ mất sinh lực, tinh túy và chỉ còn lại hương xưa, hoa cũ. Trái lại, nếu dòng nước ấy được chuyển động, giao tế với nhiều miền, lan tràn giữa những chân trời rộng rãi, thì sự phong phú và khả năng mỗi ngày một tăng thêm.

Xét kỹ ra, người ta có thể nói được không có văn-chương một nước nào có thể một trăm phần trăm do vốn liếng riêng quốc-gia xây dựng lên. Như văn-chương Âu-châu, Pháp, Anh, Đức, không những nền tảng do ở văn học La-mã, Hy-Lạp, mà còn do ở sự đóng góp giữa nước này với nước kia. Còn về văn-chương nước ta, thì một phần là sự thâm nhập những từ điển và văn-sử-liệu Trung Hoa, và Trung Hoa cũng đã thâm nhập danh từ, tài liệu của Mông cổ và Ấn-Độ, vân vân...

Bởi thế, tại nước mình cũng như ở nước khác, bồn phận của một thể-hệ là phải làm cho vốn liếng căn bản quốc gia thêm giàu mạnh,

và bồn phận của một văn đoàn hay cá nhân là cố gắng, tìm kiếm hầu đem một phần đóng góp mới vào sự-nghiệp văn-chương chung.

Không cần nói đâu xa xôi, ta cứ lấy tỷ-du Nguyễn Du, nhà thơ bất hủ của nước ta. Khi viết xong quyển Kim-Vân-Kiều, Nguyễn Du cách đây gần 100 năm đã đem lại cho văn-chương ta biết bao danh từ mới, biết bao là gốc tích cổ điển của văn hóa Trung Hoa. Ta có thể đem so sánh lượng phong phú của truyện Kim-Vân-Kiều đối với văn-chương nước ta, với hai thiên-hùng-ca « Iliade » và « Odyssée » của Homère đối với văn chương Âu-phương.

Ngày nay, nhờ sự hiểu biết ngoại ngữ, chúng ta có thể dịch ra Việt ngữ những áng văn chương nước ngoài và xu hướng văn nghệ của các phong trào tư tưởng trên thế giới. Phần đóng góp ấy sẽ mở rộng chân trời văn học của nước ta.

Theo đây và vẫn nằm trong khuôn khổ đề tài « *Thơ và Miêu tả* », tôi xin giới thiệu bài thơ tả cảnh « *Chiều hè* » (Soir d'été) của Albert Samain (1858-1900) trong thi văn Pháp.

Soir d'été (Chiều hè)

Le ciel comme un lac d'or pâle s'évanouit ;
On dirait que la plaine au loin déserte, pense ;
Et dans l'air élargi de vide et de silence
S'épanche la grande âme triste de la nuit.
Pendant que ça et là brillent d'humbles lumières,
Les grands boeufs accouplés rentrent par les chemins ;
Et les vieux en bonnet, le menton dans la main,
Respirent le soir calme aux portes des chaumières.
Le paysage, où tinte une cloche, est plaintif
Et simple comme un doux tableau de primitif.
Où le bon Pasteur mène un agneau blanc qui saute.
Les astres au ciel noir commencent à neiger,
Et là-bas, immobile au sommet de la côte,
Rêve la silhouette antique d'un berger.

(Au Jardin de l'Infante)

Trong bài này ta nhận thấy cách dùng chữ rất chặt chẽ, cần thận. Như câu đầu : « Le ciel comme un lac d'or pâte s'évanouit » (Dáng trời như mặt hồ vàng nhạt, dần dần lặn, hay dần dần biến mất); hay là câu thứ bảy : « Cảnh vật trong tiếng chuông ngân nga, như than van », và câu « Les astres au ciel noir commencent à neiger » (trời đã bắt đầu đen tối, những ngôi sao bắt đầu mọc hàng hà sa số, trông như những cánh tuyết rơi.)

Trong lúc dịch bài này ra thơ « Song thất lục bát », tôi đã gặp nhiều chỗ khó khăn, vì câu thơ mình chỉ có 6, 7, 8 chữ đôi khi không đủ tả hết ý của câu thơ Pháp, nên tôi đã phải chia ra làm hai câu. Xin hiến bạn đọc bài thơ « Soir d'été » tôi xin tạm dịch sang thơ mình :

Chiều hè

Trời vàng nhạt như hồ dần lặn
 Đồng vắng xa có dáng trầm ngâm,
 Quãng trời trống rỗng, âm thầm
 Hồn đêm bao phủ nghìn tâm sâu bi.
 Đèn lỏi xóm leo-teo, lác đác
 Vài cặp bò chậm chạp về chuồng
 Người tuổi tác, mũ che sương
 Tựa cằm, ngồi thở nhẹ nhàng trước sân.
 Cảnh vật lắng chuông ngân than thở
 Đơn-sơ như bức họa thời xưa
 Mực-ông dáng điệu hiền từ
 Một con trầu nhỏ nhớn như nhảy đùa
 Trời đen tối nghìn sao mưa tuyết
 Và bên kia nổi bật giữa trời
 Lặng im, mơ mộng trên đồi
 Bóng người mực-tử của thời xa xưa ».

Trong khi dịch bài này, tôi đã phải thêm mấy chữ như « mũ che sương », vì buổi chiều, sợ sương lạnh mấy người già thường đội cái mũ nhỏ bằng nỉ để khỏi bị sương lạnh.

Toàn bài thơ tả một phong cảnh êm đềm, nhẹ nhàng của buổi chiều hè, với một cảm giác buồn xa xăm, triền miên. Và giữa cảnh ấy bóng một người mực tử đứng trên đồi như tự ngàn xưa không đời đời.

(còn tiếp)



★ Trịnh-văn-Tiến



Con đường đó xuyên lục-địa, cắt đôi Châu Phi từ Tây sang Đông. Khởi hành ở hải-cảng Walvis Bay, đi sâu vào đất liền...

Thoạt tiên, vẫn chỉ là sa-mạc, vùng Namib, đụn cát trùng điệp, ảo-ảnh chớp chóa. Bên trái, núi Erango cao ngất trời (2350 thước), nếu nhìn xa nữa, chếch lại đằng sau, mạn Tây-bắc, sẽ thấy ngọn Brandberg cũng khá quan trọng (2000 thước), ở chặng này, ngoài hai quả núi vừa kể, đồ định hướng, không còn gì đáng lưu ý. Toàn những lũy cát chạy dài, khoảng 100 cây số.

Bắt đầu từ Usakos trở đi, rồi Karibib, mới gặp các bộ-lạc khá dĩ cần tìm hiểu. Nhưng trước hết chỉ thấy một vài sắc dân chưa mấy khác lạ, chẳng hạn, giống người Damara, thì cũng da đen, sinh sống bằng cách chăn nuôi, săn bắn, thờ Trời gọi « gamab » và thờ tổ tiên gọi là « gaga »... Phải vào đến bộ-lạc Hottentot, ở sâu bên trong, mới đích thực là những đất mọi chính-thống. Người Hottentot không hắc da đen, da màu đồng - của mới đúng, nghĩa là có đen nhưng còn ửng đỏ, và lại hơi vàng nữa. Họ nói theo thổ-âm « nama », thờ độc thần « Tui-

goab» (thần què chân). Vẫn theo con đường xuyên lục địa ấy, qua thủ-đô Windhoek, qua cả thị-trấn Gobabis, rồi đi tiếp chừng 100 cây số nữa, đến vùng Olifant-Kloaf, địa thế bằng phẳng khác thường, trên cao độ 1200 thước, từng cánh rừng thông lác-đác, một trời khô cạn...đấy là đất nước của sắc dân Bushmen: Giống người cổ nhất, hiếm nhất ở Phi Châu, tức «mọi da vàng».

Người Bushmen vẫn được xem là sắc dân nguyên thủy ở Phi Châu, rồi về sau bị mai một, đồng hóa dần qua những lần thất trận; bây giờ chỉ còn sót lại một nhân số chính thống độ 10 hay 15 nghìn người.

Người Bushmen tầm thước, với-vóc-dáng «anh-đô-nê-diên», tóc xoăn (tóc bụt ốc). Cách trang phục của người Bushmen rất cổ sơ; họ hầy còn mặc da thú — đóng khố hoặc để nguyên bộ lông của con vật mà quấn quanh mình. Cả phương-pháp làm đóm cũng «đại khái» một cách thượng cổ thời đại, thường thường chỉ có những cổ vòng, đai lưng làm bằng mảnh vỏ trứng đà điều xâu vào lông đuôi ngựa. Nhưng đặc biệt hơn hết là con gái có tới 4 núm vú (mỗi bên đầu vú, đầu chia hai) và khi nào có con cho bú mới trở thành bình thường.

Về tín-ngưỡng, người Bushmen thờ 2 vị thần song song, «Ông Thiện» gọi là *Nna*, và «Ông Ác» gọi là *Ngaoua*. Người Bushmen không hiểu chiến, hiểu sát, trái lại, bản tính rất trầm tĩnh và xuề-xòa. Nhưng nếu kẻ nào động chạm tới quyền lợi của họ, thì hối không kịp. Chẳng hạn giữa họ với bộ-lạc lác-giềng, người Maparo, đã xung sát nhiều phen chỉ vì «nước bạn» đã vi phạm đường ranh giới phân định vùng săn bắn. Có thể nói, người Bushmen chỉ động binh vào khi nào cần bảo vệ vùng săn bắn của họ, hoặc nói cách khác, đó là động lực căm thù hơn hết của họ.

Người Bushmen chuyên sử dụng cung tên và dáo có tầm thuốc độc. Thuốc độc nặng nhẹ tùy theo mức độ căm thù, đại loại có 3 thứ: nọc rắn hồ-mang, nọc bọ-cạp và chất nước nhiễm trùng lấy ở thịt thối.

Như vậy, ngoại trừ các cuộc chém giết vì lý do bắt buộc, người Bushmen vẫn thích ăn chơi hơn là chinh chiến. Họ khai hội bất cứ lúc nào. Đặc biệt trong cuộc vui chỉ có toàn đàn ông, con trai và chỉ đóng «kịch câm». Một vòng tròn, người trưởng đàn dẫn đầu, các đàn em theo sau, họ bước những bước ngúng nguẩy, bắt chước từng nét đi của các loài



Đôi bạn «đồng minh»: người Bushmen (trái) và người Bantou (phải).

thú rừng. Tuy vậy, những vũ điệu tưởng rằng nhằm chán, nhưng sự thật cũng có từng «bài» riêng biệt, có khi để thờ lộ tình yêu, có khi là một tấn tuồng ra quân. Đàn bà con gái chỉ đóng vai châu rìa, vỗ tay đánh nhịp và réo gọi líu-lo.

Sau những thời dài nhảy múa, chừng đã thấm mệt, các «nghệ sĩ» lại giải lao bằng cách hút thuốc. Cái ống điều làm bằng khúc xương, đặt vào nõ nhúm thuốc

bào lấy ở cây gai, mỗi lửa, hít dài, trông đến thú vị. Cũng có «điều cây» nữa, họ chế biến chiếc sừng con bò tốt — hoặc sừng con vật nào khác có hình dáng tương-tự, một phần ba đựng nước, nõ điều cắm vào ống điều sao cho vừa gần với mực nước bên trong, không xa, không ngập.

Môn nhảy múa không hẳn chỉ để giải trí hoặc tỏ tình, mà còn để dùng... chữa bệnh nữa! Người Bushmen hay mắc chứng điên nhất. Họ vật gã điên nằm xuống sân. Trước hết, lão phù-thủy phun lên con bệnh một thứ lá rừng đã nhai kỹ, rồi lão bắt đầu «đánh gió» tầm quất riêng ba chỗ: gan, lá lách, cật! Chung quanh, bọn đàn ông con trai, vẫn chỉ có đàn ông con trai, nhảy múa, cái vũ điệu huyền thiên, từng bước ngắn và nhanh «cà tung» như chim nhót. Và đàn bà con gái cũng lại vỗ tay, hò hát, có điều khác thường là âm độ hết sức cao nghe đến chói tai. Như vậy trong khoảng hai giờ, rồi không hiểu nhờ phù-phép đức tin, một trận xoa bóp dễ chịu, hoặc vũ điệu, lời ca hay... chẳng biết «khoa» nào hiệu nghiệm, nhưng gã điên đã trở lại bình thường.

Thế mới tài!



Những túp
lều của người
Bushmen, chỗ
ở tạm trên
đọc đường
săn bắn.

↓ Người Bush-
men đang hút
« điều cây ».

Người Bushmen lại còn có
kiểu hội họa. Cứ theo con đường
cũ, đi đến cái ngã ba giáp giới
bờ hồ Ngami, rẽ tay trái — nếu đi
thẳng thì tới thành phố Maun—
ngược lên phía Bắc, về mạn
cặp núi Tsodillo, tục gọi là Hòn
Đục và Hòn Cái; ở đó, người
ta sẽ gặp trên các vách đá những
bức vẽ hầu hết đều lấy đề tài
« con giống » còn đượm vẻ cổ
quái, nên thơ. Nếu bắt đầu từ
chân núi phía Đông của Hòn-Cái
lên theo những bậc đá lên cao
thì dọc đường, trên thành núi,
đều thấy rải rác nhiều tác phẩm
tương tự, và trèo tới cùng, sẽ
đụng phải một tảng đá đã được



*Thiến-nữ Bushmen, một gái
lồng trĩnh, cho nên ở đầu nhũ-
hoa còn nguyên 2 núm.*

đeo gọt thành hình cái đầu gối.
Đây hẳn là biểu tượng của thần
« Tui-goab » (Thần « Què chân »
của Hottentot). Chắc rằng « cái
đầu gối » đặt ở chỗ đó với ngụ
ý bùa yểm cho Tui-goab phải qui
phục Thần Nna (« Ông Thiện »,
của người Bushmen. Tuy nhiên
nhận định của các nhà khảo cổ
thì lại cho rằng những hình nét
đó là di tích lưu vết từ 7000 hoặc
vài thế kỷ trước, mà trong số có
cả sự đóng góp của sắc dân
Bantou, một « đồng minh » của
người Bushmen.

Nói đến người Bantou, tức
là con đường lại trở ra cửa ngõ
văn-minh, vì vua Mamitoua của
họ qui phục nữ hoàng Elizabeth
thì phong hóa nước Anh dù sao
cũng đã thoảng đến đấy rồi. Còn
đất nước của người Bushmen,



giống « mọi da vàng » còn nhất,
hiếm nhất Phi Châu, thì chỉ lan
xa đến những bức « thủ ấn họa »
trên vách đá của cặp núi
Hòn Đục và Hòn Cái, là
« cuối trời. »



★ DANH NGÔN

Chớ bao giờ hện đến ngày mai những việc gì chúng ta
có thể làm hôm nay.

(Never put off till to-morrow what you can do to-day).

Tục ngữ Anh

đi chúc của người sống



Vẫn coi mình đã chết
Từ mấy năm nay rồi
Làm sao mà quên được
Tiếng ru buồn trong nôi.

Tuổi tôi giờ hai tám
Em bây giờ bao nhiêu
Đôi bàn tay khối nắm
Ôi quê hương tình yêu.

Nhiều đêm đi giữa phố
Như đi trong cuộc đời
Con đường đen sâu đó
Con đường riêng cho tôi.

Có khi nào em nghĩ
Trọn đời tôi đi tìm...
Có khi nào em nghĩ
Máu lại về trong tim.

Có người xem thơ hỏi
—Sao tôi còn đắng cay
—Thưa rằng xưa lắm rồi
Nên mang mãi đau này...

10 — 64

* LÂM-VỊ-THỦY
(Trong Tao-Đàn Bạch-Nga)



bi thương

Trời hỡi ! Lòng tôi u-uất quá,
Người thân có sẵn sao nói năng !
Khò đau đọng lại từng năm tháng,
Thồn thức từng đêm máu lệ tràn !

Sao tôi không là loài chim bé nhỏ ;
Xoải cánh tung bay trên vạn nẻo đường
Sao tôi là người đàn bà bé nhỏ,
Chán nản vầy về phủ kín tình thương !

Tôi muốn tôi là loài chim tung cánh.
Bay khắp trần gian tìm tri kỷ ngàn phương ;
Hồn của tôi không một lần xa lánh,
Nhưng người thân làm chưa xót tuổi Thiên-Đường !

Tôi không muốn làm người đàn bà trẻ,
Thân giam cầm hồn mòn mỏi sầu đau,
Với thời gian bỗng dần dần gục ngã,
Một ngày xa thương dĩ vãng phai màu !

Tôi ao ước... Trời hồn tôi hiện tại,
Buồn rã rời và tâm trí mông mênh !
Tháng năm dài ! Ôi ! Năm tháng không tên
Đã giết chết rồi thời xưa mộng ảo !!!

* PHƯƠNG-DUYÊN



CHIẾM LẠI QUÊ HƯƠNG

(Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây dùm lại thành hòn núi cao.)

KỊCH NGẮN 2 MÀN 2 CẢNH ★ MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

CÁC VAI :

Tráng sĩ
Chủ quán
Châu Nương (con gái chủ quán)
Ông Già
Một số người đi theo.
Kịch xảy ra ở một chốn biên thùy
hẻo lánh.

MÀN I CẢNH I

(Tráng sĩ, chủ quán, Châu Nương, ông già)

Cảnh một quán rượu nghèo, vài chiếc ghế mấy cái bàn cũ kỹ, một tủ rượu. Mở màn thấy người chủ quán và cô gái đang lau chén bát. Trong góc quán một ông già ngồi uống rượu im lặng không nói gì. Tráng sĩ nghênh ngang bước vào.

Tráng sĩ.— Chủ quán.
Chủ quán.— Vâng.
Tráng sĩ.— Rượu đây.
Chủ quán.— Vâng. (quay nói một mình)

Lại vẫn cái anh chàng điên
Nhưng điên mà trả tiền sòng phẳng
Còn hơn ai tỉnh táo để gạt lường

Mang xác người mà lòng lang dạ rắn
Suốt đêm ngày toan tính chuyện bắt lương.

(Vừa nói vừa soạn rượu mang ra để trước mặt tráng sĩ)

Tráng sĩ.— (Rót rượu uống xong đôi mắt nhìn ra xa rên rĩ)
Ôi quê hương, quê hương

CHIẾM LẠI QUÊ HƯƠNG

Mẫu tre xanh, mẫu sắc của
yêu đương
Mãi nhà ai khói lam chiều
vương
Mùi hoa cau ngát ngào dâng
dâng hương
Ôi quê hương quê hương
Sao ngày nay phải nhuộm màu
thê lương

Mây nghìn năm găm vóc
Nay vì ai mà huynh đệ tương tàn
Nay vì ai mà điêu linh thảm khốc

Nay vì ai, vì đâu mà nghiêng
ngửa giang san
Quê hương ta ơi, quê hương ta
Đâu rồi, đâu rồi những bóng
ma
Đâu anh hùng Liệt nữ đâu
Kinh Kha

Các người còn chờ chi
Không ra tay trong một phút
Về giúp ta dẹp loạn chốn quê nhà
(Đôi sang giọng hùng mạnh hơn)

Ô mà ta đây
Mang danh tráng sĩ
Không trở về sao còn mãi miết say

Nhưng về làm sao
Về làm sao
Đôi bàn tay trắng không gươm đao
(Quay vào trong gọi lớn)
Chủ quán,

Châu Nương.— Vâng
Tráng sĩ.— Rượu nữa đây.
Châu Nương.— Vâng.
(Cô gái mang rượu ra)

Tráng sĩ.— (Nhìn Châu Nương, nhưng không để ý lắm)
Cô em ơi mang ra đây rượu
nữa
Rồi cùng ta cạn chén, cùng ta
say
Thương giùm ta cho bao nhiêu
đôi lứa
Đã vì ai chịu nghìn nỗi đắng cay

Châu Nương — (Lắc đầu)
Tráng sĩ say lắm rồi
Sao còn đòi thêm rượu
Men nồng lên đôi môi
Say lắm rồi
Mắt ngầu, mơ xa xôi
Tráng sĩ.— Không ta chưa
say.

Mà dẫu cho ta có say rồi
chẳng nữa
Thì cô em ơi, rượu cũng
chẳng làm quên
Những mối hận thù đang
cuồn quay trong khói lửa
Những cảnh ngục tù
Nơi quê nhà em hỡi, ai làm
nên

(Tráng sĩ gục mặt xuống bàn, chủ quán bước ra đến gần con gái)

Chủ quán.— Châu Nương
con có biết chàng là ai?

Châu Nương. — Con không
biết
Có phải là một tráng sĩ thiếu
quê hương
Cũng như ta, như bao người
biến biệt
Tuy xa quê lòng không nguôi
nhớ thương.

Chủ quán. — Tội nghiệp.
Anh hùng khi thất thế
Chiến sĩ không gươm đao
Còn đâu phút giờ ngạo nghễ
Tuốt gươm trần ngồi ánh
muôn vì sao.

Tráng-sĩ. — (ngẩng đầu lên
nói vu vơ)

Ngồi ánh muôn vì sao
Ai mơ quyền thế cao
Ai thêm công danh phú quý
Mà ta thêm một ngọn đao.
Nhưng để làm chi, chí lớn
Khi có mình ta toan tính
chuyện hưng vong
Chung quanh ta, người vui
cuộc đời trâu lợn
Vinh thân phì gia là điều
chúng nó cầu mong

(cười say)

Ha ha ha, vinh thân phì gia,
là đều chúng nó cầu mong.

Chủ quán. — Kỳ lạ thay
Trong lúc mọi người cầu công
danh phú quý
Có mình chàng mơ ước chuyện
gươm đao

Ở tuổi ấy, người ta trở về
hoan hỉ
Chôn vùi lương tâm để xin
chức quyền, xin nhà rộng
ghê cao.

Châu Nương. — Nét mặt
chàng tuấn tú
Dáng điệu chàng hiên ngang
Xưa hân giòng cao sang
Vì ai mà lam lũ
Vì ai mà lâm than
Vì ai gieo loạn lạc
Vì ai gây cảnh tương tàn
nước non

Tráng-sĩ. — (lại ngẩng lên nói
vu vơ)

Một tâm lòng son, một mối
tình son
Nhìn về thăm thăm đâu còn
thời oanh liệt xưa
Ba giòng sông đời tình mưa
Mang về no ấm hai mùa cho
người dân

Sông Hồng ơi, con sông Hồng
rất thân
Hai bờ xa vắng biết bao lần
ta yêu thương

Ôi sông Hương, sông Hương
ôi sông Hương
Người về với bến sông
Hương

Nhấn giùm ngọn nước dậm
trường ta chờ mong
Tiếng hò ơi trên sông Cửu
Long

Nào tình sáu xứ, gọi lòng
xót xa
Quê Hương ta ơi, đâu rồi
quê Hương ta
(Cục xuống bàn)

Chủ quán. — Lại ngủ rồi.

Châu Nương. — Làm sao
mà ngủ
Khi quê hương đang lam lũ
điều tàn

Chủ quán. — Nhưng một
mình, một thân đành cam
thúc thủ
Tội nghiệp thay, người chiến
sĩ hiên ngang.

Châu Nương. — Khuya lắm
rồi
Con hãy vào để mình cha suy
nghĩ
Liệu có mưu chước gì giúp
được người chiến sĩ không
gươm đao.

Châu Nương. — Trên trời
lạc một vì sao
Mà vì sao ấy, lạc vào tim ta
Nghe giọng ai buồn để lòng
xót xa

Nhìn dáng ai gầy thương mỗi
tình bao la
Nhưng tình gì đây
Tình đồng chí
Hay tình yêu thơ ngây
Rượu chưa uống mà say.

Chủ quán. — Con hãy nên
dẫn lòng
Đừng bước chân vào lời cảm
Ánh mắt đang ngồi trong
Chờ để lệ tình hoen làm
Tuổi đôi mươi xuân trẻ
Ngập ngừng lữ bướm ong
Đừng nghe ai cho sầu lên
gôi lệ
Đừng mơ chi chuyện ân ái
chờ mong,

Châu Nương. — Nhưng
thừa cha
Mỗi lần nghe sao rặng ngoài
sông
Nghe chim cười trong lá nghe
tiếng lòng cô đơn
Nhìn quanh lữ bướm ong
Rất những phường tục tử
Từ quê hương về toàn tin
hung dữ
Nào nghe ai bàn chi mỗi hận
thiên thu

Lần đầu tiên, có một người
điên vì giận vì thù
Xót thương ai đầy đọa chôn
ngục tù nơi quê hương
Tình chưa hẹn mà thương
Tơ chưa giăng mà vương
Ngày nào đẹp tan mỗi loạn
Hết cảnh chiến trường cho
chàng trở về đây.

Chủ Quán. — (hét lên)
Con bé nầy hay !

Điện rồi sao.

Tráng Sĩ.— (giật mình)
 Đây là đâu ta đang ở đâu đây
 Ngoài sương khuya đang triu
 nặng xuống rừng cây
 Đẹp con sấu ta đang uồng,
 ta đang say
 Chồn trần gian chứ nào có
 phải chín từng mây

Chủ quán.— Khuya lắm rồi.
 Chúng tôi cần đóng cửa
 Xin mời tráng sĩ hãy dời gót đi

Tráng Sĩ.— Rượu chưa
 tràn bờ li

Chủ quán.— Nhưng ngày mai
 phải mở sớm đón kỳ chợ phiên

Tráng Sĩ.— Ta không say,
 ta không điên
 Ta đã nghe rồi từ ban nãy
 Thực không ngờ khi lạc đến
 nơi đây

Ta được gặp một tâm hồn
 không phụ rầy

Không thêm quyền cao, danh
 vọng không mê say

Ta cảm ơn nàng từ nay
 Dấu xa cách muôn trùng
 Dấu đao binh khói lửa
 Dấu tù ngục thâm cung
 Một lời ai đã hứa

(Cởi thắt lưng lấy chiếc nhẫn
 trao tay Châu Nương)

Đây món quà duy nhất

Của mẹ già trao tặng lúc chia
 tay

Xin gửi lại nàng gọi là tín vật
 Dấu ngày mai có khác hẳn
 với hôm nay.

(Châu Nương và chủ quán
 đều ngơ ngác)

Màn từ từ hạ

MÀN II CẢNH II

(Tráng sĩ, ông già, Châu
 Nương, chủ quán và một số
 người đi theo)

Cảnh một đêm trăng núi
 hoang vu, những phiến đá to
 nhỏ rải rác, lối đi mòn, một vài
 bụi cây. Người tráng sĩ đang
 ngồi mài con dao to sét rỉ trên
 một phiến đá. Giọng tráng sĩ
 vừa mài dao vừa ca.

Tráng sĩ.— Mài kiếm dưới
 trăng ha ha ha ta mài kiếm
 dưới trăng

Mài kiếm dưới trăng ta giờ
 đây giòng máu đang hằng
 Trở về quê hương ta quyết
 thể dẹp yên môi loạn

Ổn định sơn hà cho muôn dân
 được hạnh phúc làm ăn

(Đưa con dao lên nhìn thử
 xem bén chưa rồi mài tiếp)

Mài kiếm dưới trăng ha ha
 hạ ta mài kiếm dưới trăng

Kiếm thần, kiếm thần mi thấu
 lòng ta chẳng

Ta chờ mong mi đến giúp ta
 diệt trừ lũ giặc

Mài kiếm dưới trăng, ta chờ
 đây, đang mài kiếm dưới trăng

Một cái đầu rơi ha ha ha là
 một vì sao băng

Kiếm thần Kiếm thần mi thấu
 lòng ta chẳng

(Vung kiếm lên, múa rồi lại
 mài nữa)

Vung kiếm lên hôm nay ta
 thể diệt trừ lũ giặc

Quân tham tàn bao nhiêu năm
 thêm khát máu lương dân

Một lưỡi gươm đưa ha ha
 ha một chiếc đầu loạn tặc

Kiếm thần, kiếm thần sức mi
 là sức của muôn quân.

(Ngồi xuống mài con dao, vừa
 mài vừa ca lại đoạn trên, mài
 một lúc rồi gục vào tay ngủ
 quên.)

Một ông già tóc bạc bước
 ra đứng lắng nghe, ông già này
 ta đã thấy trong quán rượu)

Ông già.— Giọng ai ngâm
 trong đêm trăng bằng bạc

Lời thơ oai hùng nhưng giọng
 người sao bị đất thê lương

Giọng ai đây, thôi phải rồi
 giọng kẻ thiếu quê hương

Ta còn nhớ hôm nào trong
 quán vắng

Người tráng sĩ điên cuồng với
 giọng ngâm cay đắng

Chính đây rồi, người tráng sĩ
 không gươm đao

Người hiền ngang, mắt tỏa ánh
 ngàn sao

Người tráng sĩ điên, điên vì
 hận thù chưa được trả

Điên vì nước vì nhà, điên nơi
 quê người xa lạ

Điên vì buồn khi chí cả gặp
 cô đơn

Ai vui phù hoa cho ai ngâm
 cảm hờn

(Đi lần đến chỗ tráng sĩ đang
 ngủ gục cạnh phiến đá mài cúi
 nhìn con dao lặc đầu)

Tội nghiệp cho người tráng sĩ
 Một con dao hoen rỉ

Nào đâu phải kiếm thần
 Mà mơ màng xây đắp mộng

cứu muôn dân
 Mà mơ chuyện trở về dẹp cơn

binh lửa
 Giàu can đảm nhưng không

giàu tiền của.
 Không bạn bè thân thuộc

không yêu thương
 Thì làm sao toan tính chuyện

lên đường
 Về dẹp loạn nơi quê hương

Điên cuồng chi quá lắm
 Đường về quê thăm thăm

Vượt bao đèo ải chập chùng
 Diệt kẻ thù cần sức mạnh của

muôn quân
 Một tráng sĩ, đâu anh hùng

nhưng cô thế
 Thì làm sao, tráng sĩ ơi, làm

sao có thể
 Nhưng thương cho chàng

Người chí cả hiền ngang
 Đêm đêm mài kiếm rỉ

Ôm cuồng vọng thênh thang.
Ta (cau mặt suy nghĩ)
Có giúp gì được chăng?
Nhà còn thanh bảo kiếm
Xưa oanh liệt một thời
Cùng tỏ tiên từng xông pha
chinh chiến
Tiếng anh hùng còn ghi lại
khắp nơi
Ta sẽ mang ra đây
Nhân lúc chàng đang say
Đặt vào con dao hoen rỉ
Tỉnh giấc rồi, tha hồ mà cuồng
đại ngất ngây
Rồi biết đâu, biết đâu nhờ
thanh bảo kiếm
Chàng sẽ trở về sẽ chiêm lại
quê hương
Sẽ diệt hết quân thù sẽ xây lại
giang sơn
Ha ha ha trời ơi già như ta
Mà cũng còn xây mộng
Nhưng biết đâu, biết đâu cuộc
đời đáng sống
Tuy đã già ta cò sông để nhìn
xem

(Đi vào một lúc rồi trở ra
với thanh bảo kiếm, đến gần
chỗ tráng sĩ đang ngủ rút kiếm
ra khỏi vỏ, đặt lên phiến đá thay
chỗ con dao rồi cầm con dao
ra ẩn sau bụi cây. Có tiếng gà
gáy xa xa trời sáng dần.)

Tráng sĩ.— (Tỉnh dậy vươn
vai nhìn trời, ca tiếp theo)
Mài kiếm dưới trăng ha ha ha
ta mài kiếm dưới trăng

Ha ha ha một cái đầu rơi là
một vì sao băng
(cúi nhìn xuống tìm con dao
định mài, chợt trông thấy thanh
bảo kiếm, ngơ ngác dụi mắt)
Ô hay, có lẽ nào, ta còn đang
mơ chẳng
Kiếm thần đây mà, đâu phải
con dao hoen rỉ

(Quỳ xuống run run nâng bảo
kiếm cảm động)

Ôi Kiếm thần, kiếm thần cùng
ta trở về diệt quân xâm lăng

(Vung kiếm múa một lúc rồi
ngừng, ông già sau khóm cây gật
gù bằng lòng, rồi lặng lẽ lui
vào trong, tráng sĩ ngừng múa
nâng kiếm lên ngắm nghía)

Đây quả là báu vật
Trời đã trao cho ta
Đề trở về khi quê hương
đang u uất
Diệt quân thù, ngâm khúc
vinh quang ca

Ta sẽ trở về quê hương
Mang lại bao nhiêu tình thương
Cho đôi lứa uyên ương
Cho gia đình hạnh phúc
Đập xích xiềng phá tù ngục
cứu lương dân
Bảo kiếm này là sức mạnh của
vạn nghìn quân

(Vung kiếm lên múa thì Châu
Nương ra)

Châu Nương.— Tráng sĩ.

Tráng sĩ.— (ngạc nhiên)
Nàng lên đây làm chi.

Châu Nương.— Em biết
chàng đang sửa soạn ra đi.

Tráng sĩ.— Nàng làm sao
biết được?

Châu Nương.— Em theo dõi
chàng từng bước

Suốt ngày đêm mong ước có
hôm nay

Đề mừng chàng, dẫu trong
một phút giây

Rồi ngày mai chia cách

Tráng sĩ.— Châu Nương,
Châu Nương lòng ta run sợ

Như cảnh khô trước thử
thách quay cuồng

Sứ mệnh này nếu không thành,
ôi thể lương, thể lương

Đừng làm nhụt chí anh hùng
Khi quê hương bùng khói lửa

Châu Nương.— Ngày mai
không còn nữa

Ngày mai chàng lên đường
Trở về với quê hương

Quyết diệt trừ lũ giặc
Đề mình em thắc mắc

Biết tin lành hay tin dữ sẽ
chờ em...

Tráng Sĩ.— (vỗ kiếm tin
tưởng)

Có kiếm thần theo dõi suốt
ngày đêm

Châu Nương.— Một chút
tình bé nhỏ

So chí lớn hăng say
Đường về quê thăm thăm

chân mây
Cho em đợi ngày tái ngộ.

Tráng Sĩ.— Sau một thời
gian khó

Sẽ có cuộc liên hoan
Ngày nào từ Ai Nam-Quan

Đền mũi Cà Mau thông nhất
Ta trở về giành lại quê hương

đang mất
Ôi Cà Mau, ôi Nam Quan,
Nam Quan

Ta phải về chiêm lại giang san
Quê Hương, ời ta phải về khâu

vá lại
Quê hương. xin chờ ta, chờ

mãi mãi
Thôi nàng đi, đường quan ải

còn xa.

(Có tiếng ngựa hí, Châu
Nương chạy trốn vào trong.
Chủ quán với bao nhiêu người
thường dân mang tặng phẩm
trong tay ra)

Chủ quán.— Chào tráng sĩ.
Nghe tin người muốn trở lại

quê hương

Chúng tôi vội vàng tìm tuần
mã với yên cương

**Chút lòng thành cầu chúc
người lên đường may mắn,
Chúng tôi đây, nơi quê
 người xa vắng
Cầu xin cho ai toàn thắng vượt
 gian nguy**

Một tráng sĩ ra đi
Bao nhiêu lời cầu nguyện
Bao nhiêu tình lưu luyến
Bao nhiêu lòng xao xuyến
Ai ly hương mà không mong
ước chuyên hồi hương !

(Thêm ông già và Châu-Nương)



★ **TÂM LÝ**

Một nhà tâm-lý-học danh tiếng đang đàn diễn thuyết trong một cơ sở của một hội Phụ nữ, trước hàng trăm thính giả đàn bà. Sau buổi diễn thuyết rất là hấp dẫn, có bà hỏi nhà diễn giả rằng: « Ông có tin là muốn tìm hiểu và đánh giá những người đàn bà khác, chỉ có đàn bà là vị thẩm phán tốt nhất hay không ? »

Diễn giả trang trọng trả lời :

— Chẳng những là thẩm phán tốt nhất, nhưng cũng lại là người đao phủ thủ tốt nhất a.

Tráng sĩ. — (cảm động).

Tạ ơn các người.

Ông già,— Chúng ta đây
toàn những kẻ thiếu quê hương

Giọng của tất cả mọi người.—
Thiền quê hương là thiền vạn
tình thương

Ôi quê hương, quê hương,
ôi quê hương,
Chúng ta phải về chiêm lại quê
hương.

MÀN HẠ



những bí mật
trong
THÊ CHIẾN
thứ hai.

* Thien-Son

● **Có chúng tôi đây !**

TỜ-chức « *Quân đoàn chí
nguyện Pháp* » bị nhân dân Pháp
lên án gắt gao và coi như một
bọn đánh giặc mướn cho Đức.
Nhưng dựa vào thế lực của Hit-
ler, Doriot và bè lũ hiêu-hiêu tự-
đắc và chi phối cả chánh phủ
Vichy. Bản tâm Thống-Chế Pé-
tain không ưa gì bọn này nhưng
ông buộc lòng phải để cho chúng
hoạt động ở ngay trong phần đất
« tự-dò » dưới quyền kiểm soát
của chánh-phủ Vichy.

Doriot còn sáng chế thêm một « *Quân-đoàn tam sắc* » (Légion tricolore) lấy quốc-kỳ in lên một tờ-chức phản-quốc để cho nó có vẻ chánh thức và cho

tướng-sĩ trong quân đoàn được hưởng tất cả quyền lợi và danh dự của quân đội chánh quy. Do đó mà chánh phủ Vichy đã có lần tuyên-dương công-trạng và gả huy-chương Bắc-đầu Bội-Tinh cho hai chí-nguyện-quân trong quân-đoàn.

Hành động này đã làm thương tổn uy-tín của chánh phủ Vichy rất nhiều. Ông Edouard Herriot, nguyên chủ tịch Quốc-Hội Pháp, nguyên Đô-trưởng thị-xã Lyon và là một nhân vật có uy-tín ở Pháp đã gởi cho Thống-chế Pétain một bức thư phản-kháng kịch liệt cho rằng ông đã làm như bần huy-chương Bắc-đầu là một huy-chương cao-quí nhất của nước Pháp. Đồng-thời ông

Ed. Herriot còn gởi trả chính-phủ Vichy tấm huy chương Bắc-dầu, cho rằng nó đã mất hết giá-trị rồi, không đáng cho ông đeo nữa.

Hành-động của ông Ed. Herriot được người Pháp hoan-nginh và tán-thưởng bao nhiêu thì lại bị bọn lãnh tụ quân đoàn bất bình và lên án. Họ công-kích ông, « chụp mũ » cho ông là thân Anh, thân De Gaulle, chống lại chánh phủ Vichy, chống Đức-Quốc và « Quốc-Trưởng » Hitler.

Bọn Doriot còn tuyển mộ chí-nghĩa-quân ở những thuộc địa Pháp tại Bắc-Phi nhưng nhà cầm quyền Pháp không cho phép mộ dân bản xứ nên họ chỉ mộ được người Pháp thôi. Mà coi bộ số người ứng mộ cũng không đông-đúc là bao. Một nhà văn Pháp hồi đó đã thuật trên báo một chuyện như sau :

Bọn Doriot tuyển mộ quân lính để đi đánh giặc ở bên bọn Đức đã qui tụ một cách khó khăn được lối một đại-đội kéo đi diễn hành ở đường phố thành Tunis. Họ vừa đi vừa hát vang: « *Thống-chế có chúng tôi đây!* » Bất đồ lúc đó cũng có một đoàn người Pháp bị Đức bắt làm tù-binh vì đã theo đồng minh đánh lại Đức. Đoàn-tù binh này gặp đoàn chí-nghĩa kia cũng hô to :

« *Thưa Thống chế, có chúng tôi đây!* »

Cũng thời một khẩu hiệu mà hai đoàn người ngụ hai ý-nghĩa khác nhau. Một đảng muốn nói: *Thưa thống-chế, có chúng tôi đây theo ngài để phục vụ quân thù.*

Một đảng khác nói: *Thưa Thống chế, có chúng tôi đây chống ngài để giải-phóng đất nước.*

Lãnh-tụ Doriot hai lần phải qua mặt trận Nga. Lần thứ nhứt để thamchiến một cách tượng-trưng. Lần thứ hai để nhận lãnh huy-chương « *Chữ Thập sắt* » (Croix de Fer) do chính tay Hitler gắn lên ngực chàng với những lời tuyên-dương như sau :

« *Mặc dầu tuổi cao ông đã xung phong làm chí-nghĩa-quân ở tiền tuyến tại mặt trận phía Đông, ngay trước thành Mạc-Tư-Khoa trong mùa Đông lạnh buốt của năm 1941-42. Ông là nhà chánh khách duy nhất trong những người sáng lập đoàn quân chí-nghĩa đã đích thân dự chiến trong hàng ngũ quân đội Đức chống kẻ thù chung của chúng ta là Cộng-sản chủ nghĩa...* »

● Chí-nghĩa-bản chí-nghĩa

Quân đoàn chí-nghĩa Pháp hăng những bị nhân-dân Pháp nguyện rửa, chính nó còn bị những người đã lầm lỡ vào đoàn, oán-ghét vì thái-độ của các nhà lãnh tụ. Một thanh niên tên là Colette là một chí-nghĩa-quân ngày 27-8-1941 đã dùng súng sáu bắn vào hai bực « yếu nhân » là Laval và Déat.

Ngày đó có cuộc diễn binh thứ nhứt của đoàn quân chí-nghĩa xuất phát từ trại Borgnis-Desbordes ở Versailles. Quan-khách có Laval, de Brinon và những người tình nguyện danh dự như Deloncle Déat, Costantim... những nhà lãnh tụ của phe hiệp tác, những người bạn của Đức quốc-xã của «Quốc-Trưởng» Hitler.

Quan khách được mời vào nhà bếp để nếm món « xúp » của binh-sĩ. Hết thầy đều khen ngon rồi cùng đi trở ra để bước lên khán đài. Chính lúc đó là lúc Colette núp sau một cây cột bắn rạ năm phát trúng Laval và Déat, cách chàng có mấy thước. Laval bị một phát vào cánh tay mặt, một phát gần trúng tim. Déat bị trúng ngực. Cả hai đều bị trọng thương nhưng không chết.

Hết giặc Colette được trả tự-do và đã viết lại khúc phim của chàng đại khái như sau :

Chàng thi-hành phận-sự xong thì liền bị bao vây, không chạy thoát. Quần chúng phản ứng một cách cuồng nhiệt áp lại muốn xé xác chàng. Vừa kịp cảnh sát vào can thiệp, hạ chàng rồi trói chàng lại như trói heo đi giết. Nhưng khi chàng được đưa lên xe có hai người lính Pháp hộ-tống thì chính hai người đó cởi trói cho chàng, siết chặt tay chàng mà nói : « *Bạn ơi, việc anh làm thật là rục rở vô cùng. Chúng tôi thật lòng hoan-nginh anh. Nhưng anh ơi, chúng tôi vẫn là loại chó săn lính kín...* »

Colette bị giam vào khám Versailles. Ngay chiều hôm đó de Brinon vào khám thăm chàng. De Brinon là một Pháp-gian hạng bự.

De Brinon hỏi :

— Phải mầy muốn nhắm bắn tao phải không, đồ khốn.

Colette đáp :

— Không, mầy nhỏ quá, không đáng cho ta phải quan tâm.

Hỏi :

— Mầy đã nhận được bao nhiêu tiền để bắn Laval.

Đáp :

— Ít hơn mầy, đồ bán nước.

Hỏi :

— Mầy Do-Thái phải không?

Đáp:

— Không, tao người Pháp, theo đạo Gia-Tô. Nhưng, nói đi, phải mày có vợ Do-Thái không?

Hôm sau ra Dự-Thầm Colette biết thêm là ngoài Laval anh còn bắn trúng Déat. Thế là một lúc anh đã hạ được hai tên bán nước. Anh mừng lắm. Đức phản-đối không chịu cho xử anh ở tòa Đại-hình vì ở đây quan Tòa Pháp chắc chắn sẽ tha anh. Anh phải xử ở Tòa án quốc-gia và bị lên án tử-hình.

Lấy quyền Quốc-Trưởng Thống chế Pétain đã ký giấy ân-xá cho anh khỏi tử hình và chịu chung thân khổ-sai. Anh bị lưu đầy qua Đức, ở trong trại tập trung. Đức thua, anh được phóng thích và viết lại chuyện của anh đăng lên báo *France-Dimanche* ngày 15-8-1946. Tướng De Gaulle đã viết thư khen anh như sau:

«Colette thân mến, chuyện của anh làm cho tôi đặc-biệt chú ý. Tôi đã đọc lời tự thuật của anh một cách vô cùng cảm động. Anh hãy tin ở những tình cảm chơn thành của tôi...»

● Người Pháp đi khu

Ngày 1-4-1946 Tổng-Trưởng

tuyên truyền Đức, Bác sĩ Goebbels tuyên bố: «Chúng ta không thể chịu lâu một sự lưu-huyết như thế này. Nếu người ta thấy rằng ở mặt-trận phía đông; chúng ta đã tổn thất 3 triệu người, vừa chết, vừa bị thương, vừa mất tích thì người ta không thể phủ nhận rằng chúng ta đã phải trả rất đắt cuộc chiến tranh này.»

Chẳng những Đức thiếu chiến sĩ mà còn thiếu cả nhân-công. Họ yêu cầu Pháp cho tuyền mộ nhân công tình nguyện. Pháp đòi đòi nhân công lấy tù binh. Cứ tuyền mộ được 150.000 nhân công thì Đức phải phóng-thích và cho hồi hương 50.000 tù binh, nghĩa là 3 đổi một mà đổi ngựa lành lấy ngựa què. Vì những công-nhân tuyền mộ đều là những người lành-mạnh, biết nghề, còn tù binh trả lại thì hầu hết là những người thân tàn, ma dại. Đã vậy mà Đức thường ăn gian, không bao giờ chịu giao trả đủ số theo tỷ lệ 1x3 đúng như lời cam kết. Và lại người công nhân Pháp cũng không thích làm cho Đức nên cuộc tuyền mộ rất khó khăn.

Déat, tên Pháp gian bị bắn mà không chết liền viết trên báo *Oeuvre* của hắn đề nghị phải thiết lập một sở

cưỡng-bách nhân công. Ý kiến này liền được tên Sauckel tán-thành. Sauckel là Ủy-viên Đức phụ trách động-viên công-nhân Đức và Âu-Châu. Sauckel buộc chánh-phủ Pháp phải ra một đạo luật cưỡng-bách nhân-công cho tất cả người Pháp từ 18 tới 60 tuổi đối với đàn ông và từ 21 tới 35 tuổi đối với phụ-nữ.

Căn cứ theo đạo luật đó người Pháp bị săn bắt như thú vật mà chánh phủ Pháp cứ bị Sauckel, thúc-hối hoài. Được miễn dịch những người công-nhân hỏa-xa, những người làm trong ngành cảnh-sát và những chúa ngục coi tù. Một hôm Laval đã khoe với nhân-dân Pháp câu này: «Không bao giờ bằng lúc này, việc tuyền mộ chúa ngục rất được dễ dàng.»

Nghề gác khám là nghề bị

người Pháp khinh-bĩ nhưng thà làm chúa ngục chứ không chịu đức khí giới cho kẻ thù trong những nhà máy của Đức. Hồi đó nhà máy Đức thường bị phi cơ đồng minh oanh-tạc. Cứ mỗi lần như thế là lại được dịp cho công-nhân trốn khỏi sở làm ra khu đề kháng-chiến.

Sự cưỡng-bách nhân-công gây công phần nặng nề. Người nào trốn khỏi là đi khu. Người nào bị dính cũng lần-lần tổ chức phá hoại làm cho quân Đức điên đầu. Càng điên chúng càng làm dữ. Chúng càng dữ người Pháp càng chống đối quyết liệt. Mặt trận kháng chiến phát triển khắp nơi, mới đầu còn riêng rẽ từng khóm nhưng kết quả là thống nhất lại thành một lực-lượng đáng kể đặt dưới quyền lãnh đạo của De Gaulle.



* KHÔNG PHẢI ANH !

Một ông Quan Tòa mắt lé nặng (mắt lát) ngồi xử 3 phạm nhân. Ông đồng đặc hỏi người phạm nhân thứ nhứt:

— Tên họ anh là gì?

Người phạm nhân thứ hai ngồi bên cạnh đứng dậy thưa:

— Thưa Nguyễn văn Mít ạ.

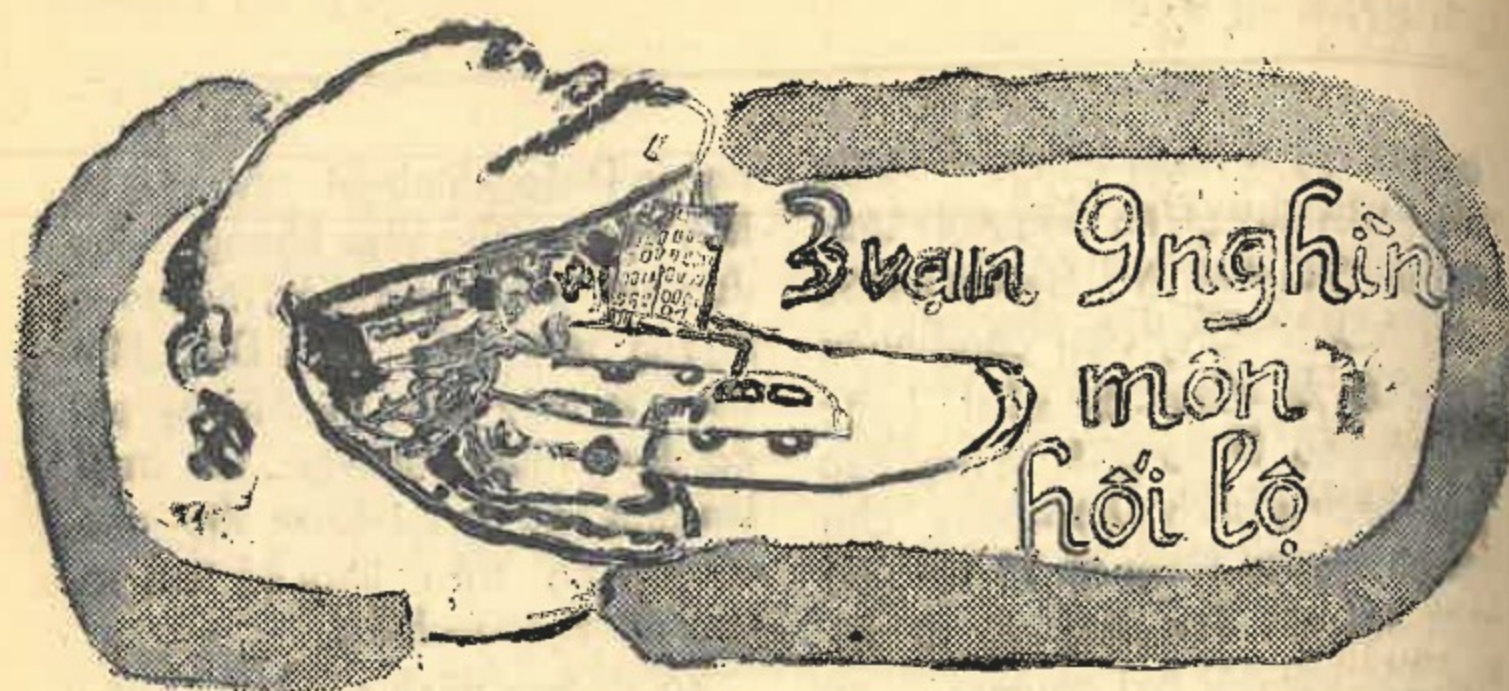
Quan Tòa tức mình đập bàn quát:

— Tôi không phải hỏi anh.

Người phạm nhân thứ ba, đứng dậy thưa:

— Bẩm Quan Tòa, dạ tôi đã mở miệng thưa bẩm gì đâu.

Mọi người đều ngơ ngác nhìn không hiểu Quan tòa hỏi ai?



* Trọng-Tấu

● Ăn tiền trên xác chết

ĐỀ mở đầu cho lời ăn « ba vạn chín nghìn » của các tay hồi lộ lưng danh, kẻ viết thiên phóng sự xã hội này xin khởi sự bằng một « miếng » ở nông thôn. Sở dĩ tác giả muốn « hướng về nông thôn » là vì tự cô chí kim, nơi đây vẫn thường được mọi người cho là chôn xảy ra nhiều vấn đề « xôi thịt » nhất, và là nơi ăn uống dễ giữ được an-toàn.

Việt-Nam là một xứ nông nghiệp, phần nhiều sống nhờ nông nghiệp, và có miếng ăn — theo nghĩa rộng — cũng nhờ nông nghiệp. Hơn nữa, nông thôn yên tĩnh và nếu có muốn ăn uống gì thì cũng kín đáo hơn. Nơi đây không có cờ, báp, không có lính kín và cũng

không có cả các cơ quan ngôn luận — trừ mấy bà hay sẵn váy quai công để chửi nhau vì mấy con gà — cho nên nếu là kẻ « quyền uy một cõi » thì dù cho có ăn hết cả lẫn trong lẫn ngoài, cũng không ai dám ho he nửa tiếng...

*

Câu chuyện « Ăn tiền trên xác chết » không hiểu đáng cười hay đáng khóc, nhưng chỉ biết rằng nó đã xảy ra ở nông thôn, nơi mà người dân sống cơ cực nhất và bị áp bức nhiều nhất. Chuyện này được diễn ra tại một làng nhỏ ở vùng đồng bằng Bắc-Việt, trong khi áp-chê thời-đại đang cực thịnh (nói rõ hơn : Thời Thực Dân). Nó có thể dùng làm câu

HỎI LỘ

chuyện điển hình cho muôn ngàn câu chuyện « lộng quyền, tham nhũng » khác của những ông « vua con địa phương », trấn cứ tại các vùng xa đô-thị.

Năm đó là năm kinh tế, nên khô người dân đen đã rách lại càng rách thêm, rách một cách công khai, không nề nang gì thuần phong mỹ tục nữa cả. Người dân nông thôn đói, cần cơm gạo ; nhưng ông có quyền thế trong làng, tuy lòng không đói nhưng « tiền vào » hơi ít hơn trước, nên cần tiền. Người ta nghĩ ra đủ mọi kiểu ăn tiền để vơ vét cho đầy túi.

Vào một buổi trưa mùa hạ, mùa hạ oi bức khó thở của xứ Bắc, tất cả những người nông-dân-cần-làm-thì-mới-có-ăn, đang hí hục ngoài đồng, đánh vật với mây hôn đất, thử lửa với sức nóng mặt trời...

Bỗng đứng từ phía bờ sông cái, một thằng bé con vừa chạy vừa khóc, miệng la thất thanh :

— Ôi giới đất ôi ! Ôi làng nước ơi ! Có ai cứu bu tôi ! Có ai cứu bu tôi !!!

Tất cả những người đang làm việc gần đó, nghe thấy có tiếng kêu, đều không ai bảo ai nhất loạt ngừng tay cuộc, tay

cây, chạy lên bờ, tới chỗ thằng bé, hỏi cho ra tự sự. Thằng nhỏ vừa thốt ra những tiếng kêu cứu đó là con anh Mỗ Uyên. Sau khi hỏi han, người ta được biết là mẹ thằng bé, trong khi tắm sông không may đã xảy chân ngã xuống chỗ cừ đá, bị nước xoáy cuốn đi mất.

Người dân quê mùa chất phác khác dân đô thị ở chỗ là không bao giờ làm ngo trước bất cứ một tai nạn gì của xóm giềng. Họ thích tương trợ nhau, nên khi nghe con anh Mỗ Uyên cho hay là mẹ nó gặp tai nạn, mọi người đều tự động bỏ dở công việc đồng áng, chạy ra sông cái lo cứu cấp người chết đuối. Khi họ chạy được ra tới nơi thì chị Mỗ Uyên đã mất tăm. Chỉ còn một giải nước mênh mông với những cụm sóng bạc vỗ mạnh vào cừ đá, dội lên những điệp khúc rào rào thảm khốc.

Người ta dùng thuyền con đem chài ra chài khắp cả một khúc sông rộng lớn, nhưng vô ích. Từ khi bị chìm lìm trong xoáy nước, xác chị Mỗ Uyên không hiểu đã bị sóng đánh trôi đi đâu ? Mãi tới sáng hôm sau, một nông dân

mới thầy xác chị Mỗ Uyên nổi lên, bập bênh lẫn vào đám bèo Tây, ở cách xa cừ đá đèn mây cây sô.

Thì hải người đàn bà được vớt lên, đắp chiếu để trước sân đình, chờ cho các chức việc khám xét. Anh Mỗ Uyên, và mấy đứa con anh khóc lóc thảm thiết. Có người biết chuyện lên tiếng khuyên can :

— Đẳng nào thì chị ấy cũng đã chết rồi ! Bây giờ có khóc bao nhiêu cũng chẳng cứu sống lại được. Tốt hơn hết, anh nên *chạy đi lo* việc tống táng cho chị ấy, sớm được giờ nào hay giờ này !

Anh Mỗ Uyên vẫn khóc rưng rức. Trong ý nghĩ dân dị của người dân quê chắt phác, Mỗ Uyên cho rằng tống táng thì có gì đâu mà phải *chạy đi lo* ? Giầu thì cỗ hậu sự son son thếp vàng, còn nghèo thì mấy tấm ván mộc đóng thành chiếc áo quan đơn sơ ; còn không thì cùng lắm anh bó chiếu chôn vợ...

Nhưng Mỗ Uyên đã lắm ! Thật ra công cuộc tống táng vợ anh sẽ gặp nhiều trở ngại mà anh không biết.

Theo lời khuyên của bà con thân quyền, Mỗ Uyên làm đơn đền trình ông Lý-Trường Mai

và lo xin phép tống táng vợ. Như tất cả những người dân chu đáo thời đó, Mỗ Uyên không quên kèm theo lá đơn một bao chè Chính Thái và một hào bạc (1) để « gọi là vi thiếng » trà nước cho ông Lý Mai.

Cắm lá đơn của Mỗ Uyên, Lý Mai xem qua rồi bỗng lắc đầu quấy quấy, mặc dầu hào bạc và gói chè đã được Lý Mai « vì quá nể » mà cắt đi rồi. Ông Lý Trường nói :

— Ấy chết ! Việc này tôi chưa dám quyết định ngay đâu ! Vì còn nhiều chỗ khả nghi lắm. Có người đã tới đầu cáo với làng là chị mỗ bị đánh chết rồi đẩy xuống sông cho phi tang. Việc này tôi còn phải đệ trình lên quan huyện đề nghị cho người về khám nghiệm xem có thương tích gì không đã, rồi anh mới được đem chôn. Tôi còn sợ rồi đây phải mồ tử thì không biết chừng ?

Ông Lý Mai lại còn làm bộ nhân đức nói tiếp :

(1) Một hào bạc (1 cắc) thời kinh tế rất to. Tiền công một người đi ở chỉ độ 3 đồng bạc một năm.

— Dù sao thì tôi cũng cố thu xếp dùm anh cho việc này được chóng thành.

Anh Mỗ Uyên chết lặng người đi. Pây giờ anh mới hiểu tại sao người ta đã khuyên anh *chạy đi lo* ? Thì ra lão Lý Mai muốn cỗ tình bươi chuyện để xoay sở.

Mỗ Uyên chợt nhớ ra là mình có được nửa sào ruộng ở ngay sát cạnh dãy ruộng của thầy Lý. Lý Mai đã nhiều lần ngò ý muốn mua lại để nhập thửa điền đó luôn vào dãy ruộng ông ta, nhưng Mỗ Uyên cương quyết chối từ. Vì đó là ruộng hương hỏa nhà anh nên dù chết Mỗ Uyên cũng kháng kháng không chịu để mất.

Giờ đây, Lý Mai đã có cơ hội chiếm đoạt của đó một cách dễ dàng. Lý Mai cho Mỗ Uyên biết rằng nếu y muốn chôn cất vợ một cách mau chóng thì y cần phải « biết điều » với quan huyện. Dù muốn dù không thì việc này cũng phải trình lên quan chứ Lý Mai không thể nào ếm-nhem được, — theo lời y nói — e rằng sau này có chuyện gì xảy ra y sẽ bị « trách nhiệm ».

Một thằng dân đen, khi muốn « biết điều » với quan to, chắc chắn không phải là

chuyện dễ làm. Một mồm ăn tiền quá rộng giống miệng cá ngao của ông huyện, thì cái khô rách của Mỗ Uyên đâu có thâm tháp vào đâu ?

Mỗ Uyên thiểu não lay van thầy Lý :

— Lay cụ Lý, xin cụ thương cho được phận nào con nhờ phận này. Nếu chờ quan về khám nghiệm thì xác vợ con đành để phơi mưa phơi nắng cho ruồi bu kiến đậu mãi thế này hay sao ?

Ông Lý dở luật :

— Luật nhà nước đâu phải ai muốn làm gì thì làm. Nếu thương anh thì tôi cũng chỉ có thể xin xỏ với quan cho đừng mồ tử thi và chôn mau hơn thôi, chứ còn việc che đậy cho anh thì quả là tôi không dám. Tôi còn sợ rằng, nếu có gì đáng nghi, anh còn lòi thối nữa là đẳng khác ấy...

Mỗ Uyên không còn biết làm sao hơn, chỉ đành lay ông Lý như tẻ sao : « Xin cụ Lý thương cho ».

Hút một hơi thuốc lào vào tới tận cùng cuống ruột già, Lý Mai lim dim từ từ thả khói ra như một nhà hiền triết đang nghiên cứu về đạo đức học. Lý Mai gật gù lắm bả :

— Việc này phải tính khéo lắm họa may... Anh chắc có sớm cũng phải vài ba bữa mới chôn được! Chắc anh cũng không lạ gì quan Huyện sở tại này: Ngài khó lắm. Và việc này thì thề nào Ngài cũng phải đích thân về tận nơi xem xét rồi. Nếu không lo lẽ lạt và thù tiếp quan lớn cho chu đáo, tôi thử hỏi anh có yên thân được với Ngài không?

Mỗ Uyên vừa khóc vừa gãi đầu gãi tai:

— Lạy cụ Lý, con nghèo sơ nghèo xác, không có lấy một miếng đất cắm dùi thì làm sao lo...

Lý Mai vội cười nhạt cắt ngang câu nói của Mỗ Uyên:

— Hề hề! Anh nói là không có một miếng đất cắm dùi? Thề còn nữa sào ruộng ở đồng đập, bên cạnh mấy mẫu ruộng tôi, thì là của ai đây?

— Lạy cụ Lý, đó là ruộng hương hỏa, để con lo việc cúng quải ông bà, đâu có quyền bán đi

Lý Mai khoát tay:

— Tôi biết! Tôi biết rồi! Ruộng hương hỏa thì không có quyền bán thật đấy, nhưng đảng này trong họ anh đâu còn ai. Anh có bán đi cũng chẳng

ai kiện. Chẳng lẽ việc này là việc của anh mà tôi lại phải ứng tiền nhà ra lo cho anh hay sao? Vậy thì tôi tính như thế này nó giản tiện lắm: Tôi sẽ bỏ tiền của tôi ra lo lót hộ cho anh. Tiền dứt lót cho quan huyện sở tại cũng như tiền chèn cho sai nha lính tráng khi họ về làng này, cũng phần tôi chịu. Anh chỉ cần làm cho tôi một cái giấy bán đứt nửa sào ruộng của anh cho tôi là đủ rồi!

Nghĩ tới xác vợ nằm chơng xinh lên trước sân đình, anh Mỗ Uyên biết không còn làm cách nào hơn được nữa, nên sau một hồi lâu nài nỉ không xong, anh đành làm giấy bán đứt nửa sào ruộng hương hỏa của mình cho Lý Mai vậy.

Đúng như lời Lý Mai nói, quan huyện sở tại đã cùng thầy thừa và hai tên lính lệ về tận nơi điều tra về cái chết của vợ Mỗ Uyên. Một bữa tiệc linh đình đã được bày ra để thết đãi quan lớn. Chả mấy khi ngài có dịp về làng mình, Lý Mai muốn tỏ cho mấy thằng dân đen thầy là ông ta thân thích với quan... như bạn, ông ta bèn đề nghị tổ chức những cuộc du hí để

quan giải trí. Xa quan-bà là dịp rất hiếm, quan lớn không bỏ lỡ cơ hội tốt, vui vẻ nhận lời ngay. Đêm hôm đó, quan được hưởng những cuộc du hí đích đáng: tài bàn, hút sách và thú « tom chát » có kèm theo châu mận; và Lý Mai đã được dịp « thân » hơn với quan thêm một bậc nữa. Quan huyện bảo Lý Mai:

— Thôi, tất cả những công việc khám nghiệm tử thi kẻ bạc mạng, tôi giao cho thầy Lý toàn quyền. Tôi tin ở sự làm việc mẫn cán và chu đáo của thầy Lý. Thấy Lý cứ làm sẵn biên bản đi rồi tôi ký là đủ rồi.

Thề là xác chị Mỗ Uyên chẳng cần phải được ai khám nghiệm cả. Nếu có khám nghiệm thì đó chỉ là mấy con ruồi con nhặng mà thôi. Sau hai ngày rong rã bị phơi trước sân đình, xác chị Mỗ đã được quan cho phép đem chôn.

Quan huyện và đoàn tùy tùng ra về lòng vô cùng hí hửng và thắm phục tài làm việc của Lý Mai. Nếu y không mưu mô biến vụ chết đuối của chị Mỗ Uyên thành một « nghi án » thì làm gì quan ông có dịp được xa quan bà, lúc nào cũng cứ chẳng chẳng bám theo sát bên

đít ngài? Nếu Lý Mai không có nhiều kế hoạch xoay sở thì ngồi trên ở cái Huyện nghèo nàn này quan làm gì có ăn có đớp? Bởi vậy quan huyện rất thương yêu Lý Mai, mà một khi đã được quan trên thương rồi thì phải biết! Lý Mai trở thành một viên chức quyền uy vào bậc nhất trong làng. Ông sẽ hét ra lửa và nắm quyền sanh quyền sát những thằng dân đen trong tay.

Lý Mai không quên trao cho quan huyện một « lễ mọn » bằng tiền, trước khi ngài chia tay với lão ta để về huyện đường. Tất cả những sổ tiền chi phí nói trên đều là tiền của Lý Mai cả, nhưng như ta đã thấy rõ, y không bị thiệt đi đâu tí nào cả. Y đã nắm được trong tay tờ giấy bán ruộng của Mỗ Uyên. Không cần phải đoán người ta cũng hiểu rằng, tổng sổ tiền chi tiêu không thể nào quá giá mua nửa sào ruộng. Lý Mai được mua ruộng rẻ, được dịp làm vừa lòng quan trên để ngài thân với mình hơn; quan huyện được dịp du hí lại có tiền vi thiếng; các sai nha lính tráng được dịp chèn chèn phì phê, anh Mỗ

Uyên được phép chôn vợ mà không bị ở tù. Thề là vui vẻ cả làng, vui trong tiếng người chồng khóc vợ, lũ con khóc mẹ... Chị Mỗ Uyên được mỗ yên mà đẹp sau hai ngày bị phơi xác chương sinh, có lẽ cũng ngậm cười nơi chín suối, mặc dầu hôn chị biết rằng từ nay chồng mình không còn tác ruộng hương hỏa nào để lo việc thờ cúng nữa.



★ KIỂM VIỆC LÀM

Trong một nhật báo lớn, một hôm người ta thấy đăng trong mục « rao vặt » như sau :

KIỂM VIỆC LÀM : Tôi là một thằng ngu ngốc. Các ông bà hãy mượn cái trí thông minh ngu độn của tôi, cái vụng về của tôi để tỏ cho các bạn bè, khách khứa của các ông bà thấy rằng họ là những người thông minh, khôn khéo, xứng đáng là những bậc thượng lưu.

TIẾNG NÓI GÁI
TRAI THỀ - HỀ

ĐI

VÀO

THỰC
TẠI

● những cảm nghĩ
của người Sinh-viên
sau một năm cách mạng

1-11-63

★ Đinh-Thư

(Đại học Văn-khoa — Đà-lạt)

HÂN hoan. Chào mừng. Niềm tin và sự bảo đảm đã chảy mạnh vào các thớ thịt, vào những mạch máu. Người ta đã nói đến tất cả những danh từ ghê tởm để ghê tởm bao nhiêu xấu xa độc ác. Bây giờ là bóng mát, là những đêm ngủ không lo, kéo dài và thõ. Một ngày trong một tháng, một tháng trong một năm : 1-11-1963, — là cái mốc thời gian để cho con người được cời mở, được nhìn cuộc đời bằng con mắt tự nhiên. Dư âm của tháng ngày ấy như vang vang. Nó kêu gọi và thiết tha. Nó nuôi dưỡng, giải thoát và đem lại áo cơm; đem lại cái gì gọi là « thật sự », gọi là « tự do ». Nó làm cho chúng ta tất cả tương lai, — đã nói Tương lai nhất định phải là bao nhiêu tươi đẹp, bao nhiêu tung bừng sáng lạn. Nó cũng làm cho chúng ta nghĩ đến thực tại. Thực tại. Thật là một vùn đề rộng lớn. Nó rộng lớn như gồm cả văn-hóa, nghệ thuật, kinh-tế, xã-hội — nghĩa là

tất cả của Con Người. Thực tại còn phải kể đến Tình Thương, đến đoàn kết. Ở đây, chúng ta chỉ dám nêu lên thực tại nhỏ bé mà tiềm tàng của sinh viên học sinh. Trước khi đi vào thực tại, chúng ta thử đặt lại niềm tin.

“Ai bảo sinh viên học sinh là vô tư? Tôi muốn nói cái vô tư về ý nghĩa cuộc sống đây. Những cái gì trong sạch đã bị bóp méo, bị dày vò đến tận xương. Tình cảm là cái gì thiêng liêng nhất đều cũng bị uốn cong, bẻ gãy. Nhưng bao nhiêu mất mát ấy có thấm gì trước đau thương của dân tộc, trước cái lở lóe của thời đại. Sự thật ế chế, ớn lạnh, có nước mắt và máu, có tù đầy và chôn sống ấy, đã bị đánh tan tành gờm rữa trong ngày lịch sử 1-11-63.

Người ta đã ước, đã căm hờn và chỉ chờ có thể.

Bây giờ chúng ta được yên tâm mà học, thầy cả sự bao dung, sự hướng dẫn thân mật. Tình thương đã đi về đây và đang tưới vun cho chúng ta. Chúng ta không còn nghe thầy chửi chóc, đau thương; không còn phải thầy chán chường của lừa bịp. Chúng

ta đang thanh thoát, khoan thai như đi trong con đường có bóng cây, và tự nhiên nhìn, tự nhiên nghĩ, không có ại rình mò, bắt chột. Những cái rọ, những cái bao chực để nhốt chúng ta, chực trói gò chúng ta..., các thứ quái gở ấy đã bị đốt thành tro than cùng với những «tra tấn» những «thủ tiêu» trong khói lửa và ý-chí thánh Mười Một. Bây giờ chúng ta có quyền nghĩ điều mình muốn nghĩ, thương tiếc và truy-diệu cái chết của những Người đem lại sống còn cho dân tộc, cho tình thương.

Đẹp để của những buổi sáng đã về đây. Và tất cả đang bắt đầu.

Như thế rồi, chúng ta phải làm gì? Đặt vấn đề vai trò của người học sinh ở? Trong giai đoạn hiện tại ở? Thật là to lớn và quá sức. Chúng ta hãy thực hiện, hãy vâng lời, và thực tại chúng ta mong ước gì? Chúng ta nghĩ rằng như thế. Cũng không phải chỉ muốn có mong ước mà quên mình trong hiện tại. Nhưng mong ước cho Tươi Vui, cho Đoàn Kết nhất trí —, nếu không muốn nói là thiết tha đòi

hỏi, — thì cũng là nhiệm vụ rồi. Bây giờ lại còn vấn đề ước muốn nơi chúng ta và ước muốn nơi Quý Vị.

Chúng ta. Chúng ta phải hàn gắn cái gì đã rạn nứt, đã lở lóe. Đừng cho nó có mùi hôi. Hãy sống cho đoàn kết, trong siết chặt thân ái và vị tha. Sức mạnh ấy giúp ta làm nên tất cả. Tình thương ấy sẽ làm cho tươi vui có màu, làm cho tiếng nói có giọng, có điệu ngọt. Đừng bao giờ đi vào đường mòn xấu xa của thói nát ngày trước. Hãy hưởng ứng Cách-mạng bằng bao nhiêu sáng suốt, bao nhiêu tình thương làm nòng cho sự học, sự hiểu biết.

Đó là ở chúng ta. Còn ở những vị khác, — đàn Anh chúng ta, mới là vấn đề khó nói. Khó nói ở chỗ nếu sợ rằng «Phạm Thượng». Nhưng Tình thương và Xây dựng có thể cho phép chúng ta. Làm sao để «thiết

tha» được sự ấy? Dư luận và nội bộ có quyền hơn chúng ta, nhưng chúng ta mới là tiếng kêu cứu có hiệu lực hơn cả. Nếu quý vị ấy có nghĩ rằng: «Phải làm cho học sinh chúng nó nhờ vả chúng nó sợ». Vấn đề đặt ra không phải là sự hiềm khích nhỏ nhen, cũng không phải là những ganh tị cá nhân, — mà là những gì không có tên gọi đích xác. Sự lũng củng, lỏng lỏng, cọt xát ấy có thể thành hai, thành ba và nhiều nữa... Vấn đề chỉ có thể. Tôi không muốn nói nhiều ở đây, vì tôi e có người cho là tôi điên mất.

Các bạn nghĩ sao? Chúng ta ngửa cổ chờ bao nhiêu «Mong ước» ấy, hay là chúng ta phải nói lên những gì?... những gì?

PHONG-PHU

NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-63

PHONG-PHU

NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-63



Mình ơi! ngủ.

BÀ Tú mấy bữa nay không ngủ được. Phần thì tàu bay cứ bay vù-vù suốt đêm ở sát mái nhà, phần thì bà có tật xem báo ban đêm trước khi ngủ, tâm thần bị xúc động quá mạnh bởi các tin thời-sự trong nước khiến bà cứ lo nghĩ vẩn-vơ. Một giờ khuya. Ông Tú nằm ngáy khò-khò bên cạnh, bà Tú cũng mặc, cứ đánh thức ông dậy :

— Mình ơi, em không ngủ được... Làm sao cho em ngủ, hả Mình ?

Bà nắm vai ông Tú, lắc qua lắc lại, làm ông Tú phải mở mắt lim-dim, nửa tỉnh nửa mê :

— Cái gì vậy, bồ ?

— Cái... tui không ngủ được đây nè... Hai con mắt của tui cứ thao-láo không chịu nhắm lại đây nè... Bồ nói chuyện gì cho tui... ngủ đi.

Bà Tú hôn trên má ông Tú, như để tìm giấc ngủ trong chút tình âu-yếm... Bà gục đầu vào vai ông, cố nhắm riết đôi mắt, nhưng miệng vẫn lầm bầm :

— Tại hai cái máy-bay làm ầm-ầm trên trời mà em ngủ không



Mình ơi! NGỦ!

được đó... Em nhắm mắt lại, em đếm : một con cừu ...hai con cừu, ba con cừu..., bốn con cừu... em đã đếm tới 999 con cừu rồi mà em vẫn chưa buồn ngủ.

— Ai bày cho em cái phương pháp đếm con số để cho dễ ngủ đó ?

— Cô giáo của em hồi em học Đệ-nhút Gia-long.

— Phương-pháp đó, theo danh từ khoa-học gọi là *Stimulation rythmique*, một nhà thần-kinh-học tên là Oswald đã thí nghiệm nhiều cách. Ông cho rằng những cái gì có tiết-điệu kích-thích thần-kinh, một cách đều đều là có thể làm cho ta dễ buồn ngủ. Thí-dụ như nghe giọt mưa rơi trên mái nhà, tiếng đồn ru-dương trầm-trầm một giọng. Cũng như bà mẹ ru con ngủ trong nôi, trong vồng, hoặc lấy hai ngón tay xoa nhẹ-nhẹ trên giữa trán đứa bé, chỉ trong chốc lát là nó ngủ liền. Đó là phương pháp *Stimulation rythmique* (Tiết-điệu kích-thích). Nhưng nếu chính mình nằm nhắm mắt đếm 1,2,3,4... thì dù mình đếm đến số 100, 1000, cũng không ngủ được. Vì đếm như thế khác nào mình bắt buộc trí nhớ của mình phải đếm cho đúng và phải thao thức để làm công việc đếm ấy thì làm sao ngủ được nữa ? Muốn ngủ, phải để cái tâm trí được yên tĩnh chớ.

— Ngày mai Mình mua thuốc ngủ cho em vậy nhé ?

— Cái đó lại càng không nên ! Tuy có nhiều người ngủ không được phải dùng đến các loại thuốc ngủ, các ông bác-sĩ cũng thường cho toa thuốc ngủ, nhưng đó chỉ là tạm thời, trong một vài đêm thì được, chớ uống liên tiếp mỗi đêm thành thói quen thì rất có hại. Em nên nhớ rằng thuốc ngủ không phải là thuốc bổ nhé.

— Vậy thì làm thế nào cho em ngủ được ?

— Có nhiều cách, tùy theo bầm chất của mỗi người. Có kẻ không quen uống rượu thì tỉnh thoàng không ngủ được thì uống một chút rượu bồ, như Quinquina, hay bia chẳng hạn, một lúc ngà-ngà say là ngủ được liền. Có kẻ xem sách, nhất là sách dở, chỉ đọc vài trang là buồn ngủ. Nhưng tốt hơn hết là cứ để tự nhiên rồi sẽ ngủ được. Sách Y-khoa cũng có nói : *Le meilleur remède à l'insomnie, c'est l'insomnie elle-même*. (Vị thuốc hay nhất chống sự mất ngủ, chính là sự mất ngủ đó). Vì ngủ là một nhu-cầu thiên-nhiên, em không ngủ được ban đêm thì trưa hôm sau em sẽ buồn ngủ, hoặc mất ngủ hai ba đêm liên-tiếp thì qua đêm thứ tư thế nào em cũng ngủ được. Không thể đêm nào cũng thức mãi được.



— Chắc cũng có nhiều người có những đêm không ngủ được vậy chớ ?

— Dĩ-nhiên, sự mất ngủ chỉ là nhất thời, do một vài hoàn cảnh bất thường nào đó sinh ra là do sự làm việc quá sức (*surmenage*) trong một thời-gian nào đó, hoặc là do những lo-nghĩ việc riêng. Những trường-hợp ấy, ai cũng bị một đôi lần, không tránh khỏi. Nhưng nhiều người vì quá lo nghĩ nên mất ngủ vài ba đêm, đâm ra hoảng-hốt, vội vàng đi mua thuốc ngủ về uống. Làm như thế chỉ càng có hại cho sức khỏe, và có thể thành ra thói quen. Cứ để tự-nhiên rồi sẽ ngủ được. Không cần phải đếm 1 con cừu... 2 con cừu... để tự mình bắt buộc mình phải thức hàng giờ để đếm một cách vô-lối, hoặc uống một vài viên *Somnifères* để đem

độc vào trong cơ thể. Như đã nói lúc nãy, trời sinh ra con người có thức phải có ngủ, và không ai thức mãi được liên tiếp 36 hoặc 40 tiếng đồng hồ.

— Cũng có người bị bệnh mất ngủ trầm trọng chớ ?

— Không có bệnh mất-ngủ. Chỉ có những bệnh khác, những bệnh nặng như đau tim, đau sườn chẳng hạn, khiến cho cơ-thể bại-hoại, do đó mà mất ngủ. Khi nào chữa lành bệnh, thì lại ngủ được. Hoặc Bác-sĩ sẽ tùy theo bệnh mà cho thuốc bổ để có thể ngủ được ngay trong thời gian chữa bệnh.

— Mình ơi, đúng theo vệ-sinh thì mỗi đêm phải ngủ mấy giờ ?

— Theo thông thường ai cũng biết rằng cần phải ngủ 7 hoặc 8 tiếng đồng hồ. Nhưng cũng tùy theo bầm-chất của từng người. Nhiều người chỉ ngủ 6 tiếng đồng hồ là đủ. Trái lại có nhiều người, cả những bạn trai tráng khỏe mạnh

MÌNH ƠI

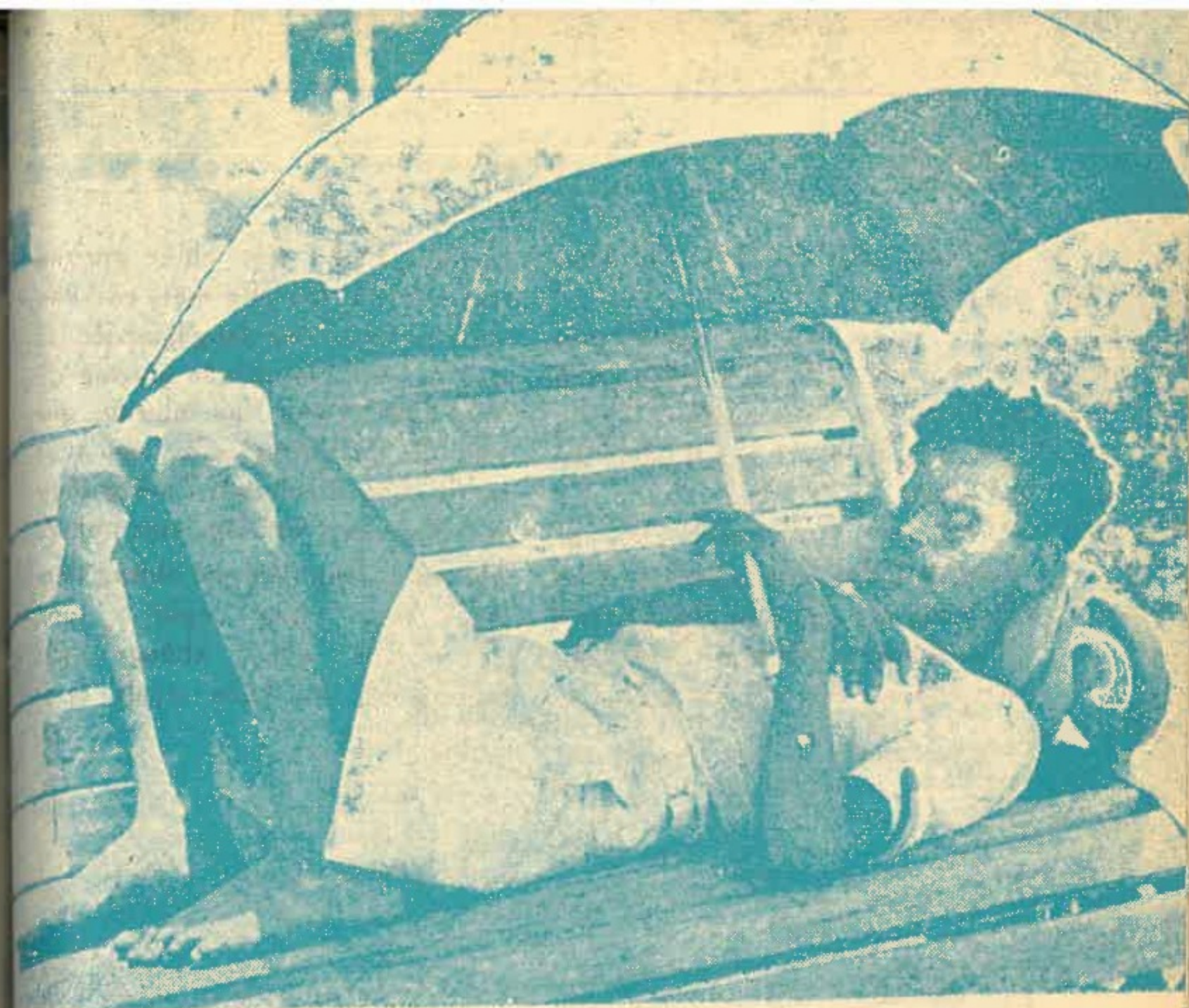
phải ngủ đến 9 hoặc 10 tiếng đồng hồ.

— Sao em thấy có người mỗi đêm chỉ ngủ 4 hoặc 5 tiếng đồng hồ mà họ vẫn khỏe mạnh?

— Họ khỏe mạnh là nhờ họ ngủ thêm giấc trưa.

Nhà bác-học trứ danh Quốc-tế, **Thomas Edison** thường khoe rằng ông chỉ ngủ mỗi đêm 3 hoặc 4 tiếng đồng hồ. Nhưng sự thực thì trong phòng thí nghiệm khoa-học

của ông có kê một chiếc giường nhỏ, cứ mỗi lần ông mệt, cả ban ngày trong lúc ông đang làm việc, là ông lại nằm dài ra trên giường để nghỉ-ngơi. Cộng lại những giờ nghỉ đó với những giờ ngủ thật sự thì cũng thành ra 6,7 tiếng đồng hồ. Napoléon 1er làm việc nhiều khi thức trắng đêm, có những đêm liên tiếp ông ngồi luôn nơi bàn giấy, không ngủ. Nhưng ông vẫn khỏe mạnh, là vì



ban ngày có nhiều lúc ông ngồi ngủ ngay trong văn-phòng 30 phút hay một giờ. Có khi ở mặt trận ông thức suốt đêm trong Tổng Hành Dinh để tính toán điều khiển một trận giặc lớn, nhưng rồi ông ngồi ngủ ngay trên ghế một tiếng, hoặc nửa tiếng đồng hồ trước khi cầm quân ra trận.

— Hình như về vấn đề ngủ có nhiều người khó tính lắm chứ không phải ngủ dễ như thế đâu, phải không Minh?

— Ừ. Nhiều người chịu ngủ trong tối, có một chút ánh sáng lơ-mờ họ cũng không ngủ được. Nhiều người lại quen đề một ngọn đèn liu-hiu trong lúc ngủ. Người

thì ngủ không gối, người thì phải gối thật cao. Người thì phải đợi thật yên tĩnh chung quanh mình mới nhắm mắt được, trái lại có người ngồi dựa lưng vào vách tường một nhà máy điện chẳng hạn, hay ở ngay bên cạnh một rạp cải lương, rạp hát bội, vẫn ngủ ngon lành. Đó chỉ là thói quen. Nhưng người khỏe mạnh thường làm chủ được những thói quen ấy, cho nên bất cứ trong trường hợp nào, ở địa điểm nào vẫn ngủ được như thường.

Trái lại, có những người đến chỗ lạ không thể nào ngủ được, phần nhiều những người ấy thiếu

tự chủ, hoặc nghị lực không dồi dào.

Bà Tú phì cười :

— Như em đây, hồi còn con gái sao em ngủ một mình được, mà từ khi em về làm vợ Minh, đêm nào không có Minh là em biệt có ngủ được đi ! Như dạo nọ Minh đi Phú-Quốc, ở nhà em thao thức suốt đêm. Còn Minh ở ngoài đảo Phú-Quốc đêm vắng em Minh có ngủ được không ?

— Anh vẫn ngáy ồ-ồ không cho người khác ngủ thì có !

Bà Tú dấy nẩy lên :

— Ừ, em biết mà ! Minh ngủ thẳng cẳng chớ Minh đâu có nhớ em !

— Tại ban ngày anh leo núi, anh tắm biển, anh đi chơi chỗ này chỗ nọ, tối mệt là anh ngủ. Anh ngủ nhưng anh vẫn nhớ em...

Bà Tú véo ông Tú một cái :

— Thôi đi, bồ ơi ! Bồ đừng có nói dối ! Ngủ ngáy như sấm mà còn nhớ cái gì !

— Nói đùa chớ anh nhớ em anh phải uống cà-phê anh mới ngủ được.

— Sao người ta bực uống cà-phê không ngủ được ?

— Tùy theo người chớ. Đành rằng cà phê là một món kích thích mạnh. Thông thường, nhất là với những người hay mất ngủ, uống

cà-phê vào là cặp mắt thao-láo suốt đêm. Nhưng có những người như anh, có thể gọi là ghiền cà-phê, thì lúc phủ ngũ tạng đã lưu-luyến với hương vị cà-phê rồi, cho nên uống nó vào lại ngủ ngon.

Nhưng anh thấy có những người sợ cà phê đến nỗi ăn cơm tối xong mời họ uống một tách cà phê sữa, họ cũng không dám uống, sợ ngủ không được.

— Đúng chứ. Em đây cũng vậy nè. Tối mà uống cà phê là khỏi ngủ đi.

— Không. Đó là một thành kiến sai lầm. Là vu-cáo cho cà phê, là mạt-ly cà-phê. Với những

người không quen uống cà phê, thì cà phê kích thích là khi nào uống cà phê đen trước giờ đi ngủ. Thí dụ em thường ngủ lúc 11 giờ, mà 10 giờ em uống một tách cà phê đen, thì đêm ấy em có thể nằm đếm 1 con cừu... 2 con cừu... cho đến 1 triệu con cừu thì vừa gà gáy sáng ! Nhưng nếu ăn cơm xong lúc 8 giờ em uống một tách cà phê sữa, đó là em uống một chất bõ, làm cho khí huyết được kích thích một tý, tinh thần sáng thêm lên một tý, trí óc minh mẫn hơn một tý... Đó là anh nói thật, chứ không phải anh quàng cáo cho cà phê đâu nhé. Anh cho rằng một giấc ngủ không có cà phê, không khác nào một đêm

không có sao. (Un sommeil sans café, c'est comme une nuit sans étoiles).

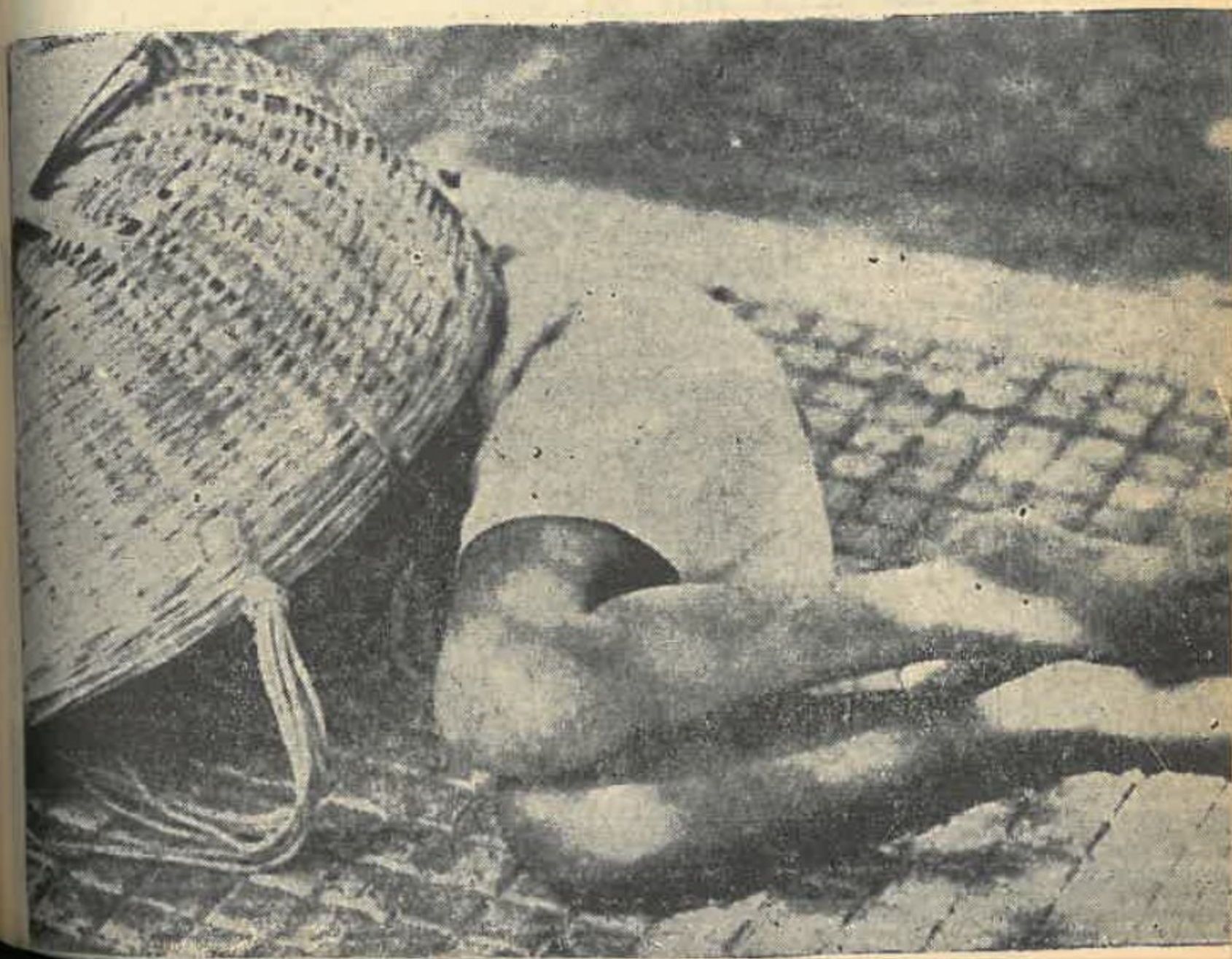
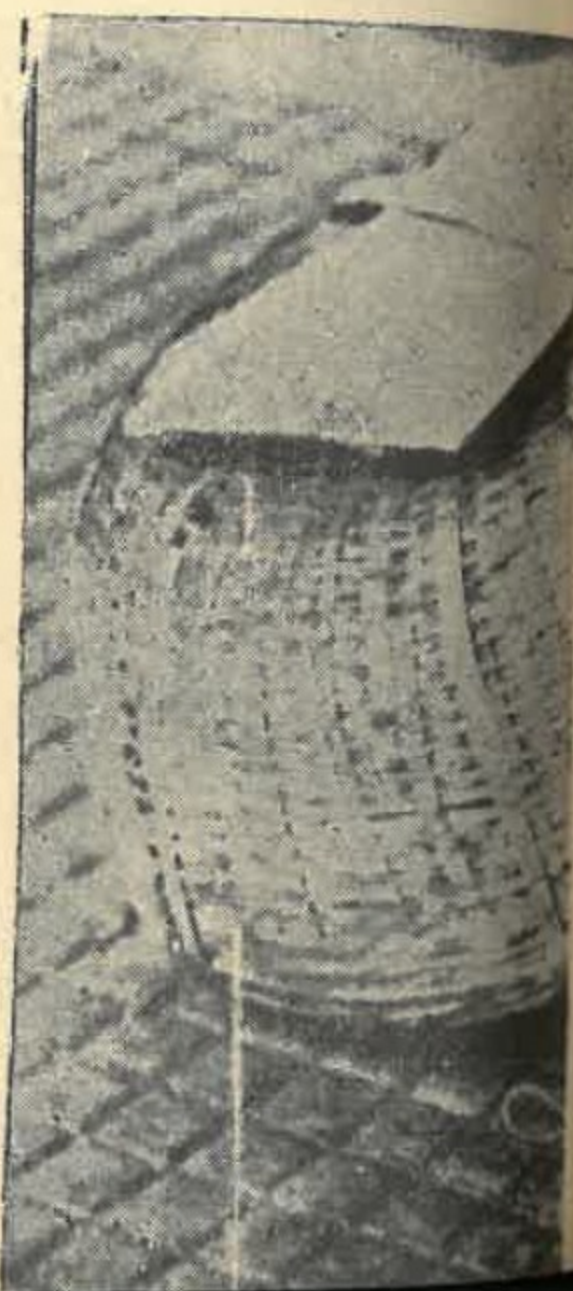
— Thôi. Mình chỉ thơ mộng. Em mà hể có một giọt cà phê vào là đêm đen biến thành ra đêm trắng.

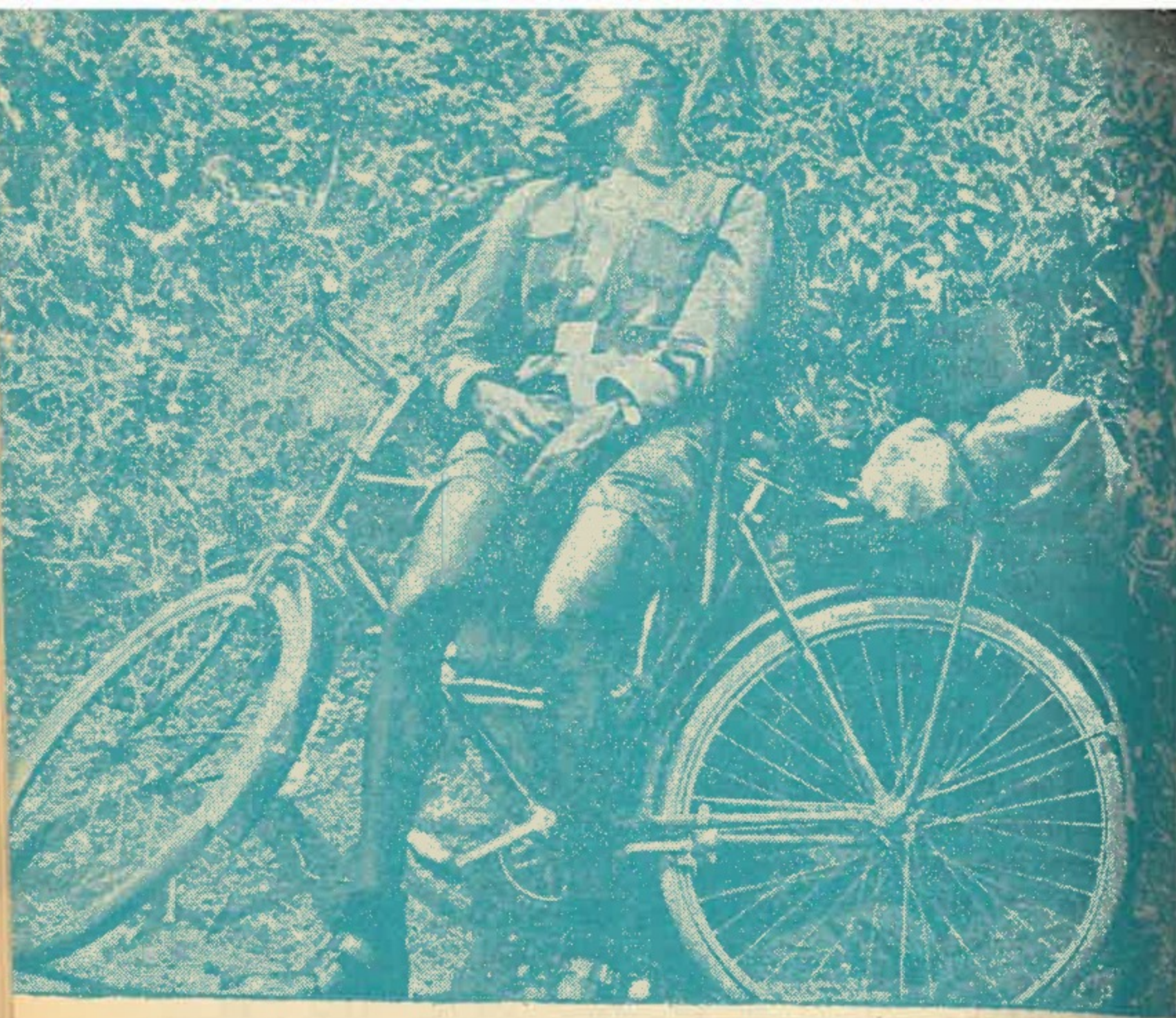
— Em có biết giấc ngủ của con người ta biến hóa như thế nào không ?

— Ta thường nói : « Ngủ một mạch cho đến sáng » thì em tưởng hể nhắm mắt ngủ là ngủ. Khi nào ngủ đã rồi thì mở mắt dậy, chớ biến hóa thế nào ?

— Khoa-học phân tách giấc ngủ biến chuyển từ giai đoạn *alfa* đến giai đoạn *delta*.

Thí dụ ! 1 giờ đêm ta sắp sửa





đi ngủ. Thời gian ấy ta hãy còn thức nhưng đã hơi buồn ngủ, gọi là giai đoạn *alfa*. Ở giai-đoạn này, cái óc-não của ta có những tiết-điệu đều-đặn và yên-tĩnh, cứ mỗi giây đồng hồ nó toát ra nhanh độ mười lần sóng điện (fréquence électrique d'environ à 10 périodes par seconde). Đến khi sóng điện của óc-não chậm chậm lại một nửa, thì tiết điệu *alfa* (le rythme *alfa*) biến dần đến lúc mắt mình lim-dim rồi nhắm hẳn. Mình ngủ 45 phút đầu thì làn sóng điện của óc não truyền ra mạnh hơn, nhưng lại 10 lần

chậm hơn, chỉ 1 vòng trong một giây đồng hồ. Đây gọi là giai đoạn *del'a*, tinh thần đã bất tỉnh, kéo dài đến 30 phút có khi 40 phút. Kế sau đó là mình ngủ say mê trong 90 phút. Sóng điện của óc não lại lan ra mau lẹ như lúc hãy còn thức, mới lim-dim buồn ngủ. Giai đoạn 90 phút này thường phát sinh ra những giấc mơ.

— Nghĩa là 90 phút + 30 phút + 45 phút = 165 phút, tức là 2 giờ 45 phút sau khi mình nhắm mắt ngủ là xuất hiện những giấc mơ?

— Đó là đại khái. Có khi

MÌNH ƠI

giấc mơ phát hiện 2 giờ sau, có khi 3 giờ sau.

Giai-đoạn *alfa* và *delta* cứ luân chuyển như thế có khi nhiều lần trong một giấc ngủ. Cho nên nếu tâm hồn mình thành thoi, giấc ngủ ngon, lành, yên tĩnh, thì mỗi đêm xuất hiện 3, hoặc 4 lần giấc mơ khác nhau, nhưng vẫn trong thời gian bằng nhau. Giấc mơ cuối cùng của giấc ngủ (tức là gần sáng) thì thường thường chỉ lâu được 30 phút.

Theo Bác-sĩ William Dement, Đại-học-đường Stanford ở Californie trong giai đoạn *delta* xuất hiện các giấc mơ, người ngủ thỉnh thoảng nằm nghiêng qua nghiêng lại. Mỗi lần quậy cựa thân thể như vậy là mỗi lần giấc

mơ biến chuyển. Bác sĩ Dement tính ra rằng mỗi một giấc mơ hiện ra có mạch lạc như thế, như một đoạn phim chẳng hạn, lâu được 10 phút hoặc 12 phút là cùng. Cứ như thế, trong mỗi giấc ngủ của chúng ta bình thường 8 tiếng động nố, xuất hiện ra bốn hoặc năm giấc mơ ngắn. Ít khi có một giấc mơ duy nhất liên tục từ đầu đến cuối... Em nghe rõ không?

Không có tiếng bà Tú trả lời, ông Tú lắng nghe hơi thở và tiếng ngáy đều đều... Ông khẽ quay lại nhìn bà Tú đang... chìm trong giấc điệp. Ông đã nói một câu chuyện thật buồn-ngủ, để cho bà Tú ngủ! Ông mỉm cười, nhắm mắt, tiếp tục ngủ lại.

★ *Diệu-Huyền*



★ LỜI KHUYÊN : ĐỪNG UỐNG RƯỢU

Một ông Tuần-Kiểm già nói với anh em Dân-vệ :

— Chúng ta không nên uống rượu ! Uống rượu có 3 cái hại. Hại thứ nhất là uống rượu phải tốn tiền và có khi say quá không trả tiền cho chủ quán. Hại thứ hai là uống rượu vào ta trở nên hung dữ, có thể vô cớ xách súng bắn người ở chung quanh ta, nhưng lúc ấy tay run, không hy-vọng bắn trúng ai cả. Hại thứ ba là uống rượu thì bị vợ la rầy, mà bị la rầy là mất cả thú thì làm sao thưởng thức được chất ngon của men rượu.

P.C.



TRUYỆN THẦN THOẠI HY LẠP - LA MÃ

★ Đàm-quang-Thiên

● những thiên truyện hùng tráng của Hy-lạp và thành La-mã. Sự bắt cóc Hélène

NGÀY xưa thành Troie, cửa ngõ của Hellespont, có một ông vua tên là Priam. Vua có năm chục người con. Một đêm, hoàng hậu là Hécube nằm mộng thấy sinh ra một bố đước đốt cháy kinh thành. Sợ mộng đó thực hiện, lúc đứa nhỏ ra đời, bà sai người đem giết nó đi. Nhưng người đầy tớ không giết mà lại bỏ nó ở sườn núi Ida. Trong năm ngày đứa bé được một con gấu cái cho bú. Sang ngày thứ sáu một người chăn cừu gặp thấy nó đem về nhà nuôi và đặt tên cho là Pâris. Nó càng lớn lên càng khoẻ mạnh

khôi ngô. Nó thường chăn súc vật cho bố nuôi trên núi. Một hôm đang thối sáo ở dưới bóng mát, chợt Pâris thấy Hermès cùng ba vị nữ thần đến bảo: « Pâris, đừng sợ hãi gì cả. Chính Zeus sai chúng ta đến đây. Ông biết người đẹp và thạo về khoa thẩm mỹ nên đã chọn người để phân giải sự tranh giành giữa ba vị nữ thần đây. Vị nào cũng tự nhận là đẹp nhất và Zeus vì yêu cả ba vị bằng nhau nên không muốn phân xử. Ông bảo giao cho người quả táo này và người hãy đưa nó cho vị nào người cho là đẹp nhất ».

Athéna chạy đến nắm tay

THẦN THOẠI HY LẠP

chàng mà bảo: « Pâris, nếu anh chọn ta, ta sẽ giẫy anh về quân sự, anh sẽ thành một chiến sĩ anh hùng và anh sẽ là bức thành trì chắc chắn nhất che chở cho dân tộc thành Troie. »

Đến lượt Héra: « Nếu anh chọn ta, Pâris, nhân danh là hoàng hậu của các vị thần, ta hứa sẽ cho anh cai trị toàn cõi Á-Đông. Hãy đề những sự đánh nhau đầy nguy hiểm đó mà cai trị như Zeus, ngồi trên một ngai vàng chắc chắn rực rỡ ».

Aphrodite tiến đến sau cùng. Bà cỡi bỏ chàng mạng che cổ ra, đưa bàn tay búp măng lên chỉ vào vai trắng nuột như ngọc mà bảo: « Pâris, anh hãy trông mọi vẻ đẹp của ta đây. Nó há lại không đáng giá hơn những chiến công về quân sự và những của cải của tất cả châu Á hay sao? Anh hãy chọn ta đi. Ta sẽ cho anh một người vợ xinh đẹp. Ta sẽ cho anh không phải bước lên một ngôi vua, nhưng vào giường của nàng Hélène. »

Bị quyến rũ bởi bao vẻ đẹp trước mắt lại say mê với lời hứa êm ái đó, Pâris chọn Aphrodite và đưa quả táo cho bà. Để thưởng cho Pâris vị nữ thần làm phép cho một sự ham muốn ghê gớm đốt cháy tâm can chàng: chàng chỉ nghĩ đến sự

đi chiếm người mà chàng yêu tuy chưa biết mặt bao giờ. Chàng bèn mượn thợ đóng một chiếc tàu hết sức chắc chắn. Chàng đang mải với công việc đó thì có tin Priam sai đến nhà bố nuôi Pâris bắt một con bò mộng làm phần thưởng cho người nào sẽ thắng trong một cuộc đánh vật. Vì Pâris quý con bò đó nhất nên theo đến chỗ thi. Chàng dự cuộc và thắng tất cả mọi người. Trong bọn này có Déiphobe chính là anh ruột chàng, ghen tức rút gươm định giết chàng. Pâris vội chạy trốn sau bàn thờ thánh thì chị gái chàng là Cassandre nhận ra em. Từ đó chàng ở lại với gia đình thật của mình. Ít lâu sau Pâris cưới Ænone, nhưng chàng đâu có nghĩ đến vợ, chỉ ngày đêm mơ tưởng Hélène. Sửa soạn xong tàu bè, chàng nhất định đi tìm người yêu. Một hôm, tàu chàng cập bến Thérápne. Chàng mặc những y phục rực rỡ nhất tiến về phía Sparte, một thành phố nổi tiếng về sắc đẹp của phụ nữ và về lòng dũng cảm của giới nam nhi. Dãy núi Taygète che chở Sparte như một bức thành kiên cố. Vua Sparte lúc đó là Ménélas, con của Atreé và anh của vua Mycènes là Agamemnon.

Vợ Ménélas, nàng Hélène, là con gái của Zeus và Léda. Hélène xinh đẹp không kém gì bà Aphrodite. Trước khi lấy Ménélas, tất cả các vị thủ lĩnh các xứ trong miền Hellade đến cầu hôn nàng. Họ ghen tỵ nhau đến nỗi đe dọa sẽ giết chết người nào chiếm được nàng. Cha nuôi nàng là Tyndare do dự mãi trong sự kén rể.

Sau nghe theo lời khuyên của Ulysse, một hôm ông yêu cầu họ ăn thề với nhau là nếu sau khi lấy chồng mà nàng bị ai quyến rũ hay bắt cóc thì tất cả sẽ họp nhau lại giúp đỡ chồng nàng mà đánh kẻ chiếm đoạt. Họ bằng lòng như vậy.

Khi Pâris đến lầu đài của vua Sparte thì chính Hélène ra tiếp chàng. Dung mạo tươi đẹp của chàng làm cho nàng ngẩn người ra mà nhìn. Hồi lâu sau nàng hỏi đến tên tuổi và quê quán của khách. Pâris nói :

« Thừa hoàng hậu có lẽ nàng đã nghe nói đến một tỉnh ở biên thùy Phrygie tên là Ilion. Chính Apollon và Poséidon đã xây những bức tường kiên cố che chở cho thành đó. Cha tôi là vua ở đây tên là Priam. Ông là dòng dõi của Dardanos. Vị này là con trai của Zeus và là ông tổ

dân thành Troie. Vì tôi bầu bà Aphrodite làm hoa hậu của các vị nữ thần nên bà đã hứa cho tôi một người vợ xinh đẹp. Hélène là tên nàng. Vì nàng tôi đã mạo hiểm vượt bể đến đây. Nàng hãy theo tôi đi, vì Aphrodite muốn như vậy. Hélène bằng lòng và sáng tinh sương hôm sau Pâris đem nàng thẳng về quê quán. Cuộc hành trình thật là hoàn toàn. Nhưng khi Cassandre đứng trên lầu cao trông thấy em đưa Hélène về, nàng đoán biết sự tàn phá mỹ nhân đem lại cho quê hương yêu dấu nên khóc lóc rất là thảm thiết.

Thật vậy ở Sparte khi Ménélas biết tin Hélène bị bắt đi, ông nổi cơn lôi đình ghê gớm. Agamemnon cũng tức giận vô cùng. Hai anh em liền kêu gọi tất cả các vị anh hùng Hy-Lạp giúp sức để đi đánh trả thù. Tất cả các vua và tướng miền đó đều coi cái nhục của Ménélas như nhục riêng của mình. Họ họp nhau lại thề sẽ phá tan thành Troie lấy lại Hélène cho Ménélas. Sau hai năm sửa soạn rất là châu đáo, họ tập trung mọi quân đội vào cửa bể Aulis, ở Béotie. Thật là một rừng tàu, mộc, xe, ngựa, gươm, giáo, che kín cả mặt bể. Trước khi khởi hành họ

họp nhau lại bầu một người làm chủ. Vì nề Ménélas nên họ bầu em ông là Agamemnon. Sau họ làm lễ tế thần. Bàn thờ bày dưới gốc một cây tiêu huyền gần suối. Họ đang sửa soạn giết các vật để tế thì tự nhiên ở chân bàn thờ hiện ra một con rồng. Con vật này mồm há hốc leo lên cây tiêu huyền. Trên ngọn cây một đàn tám chim sẻ con đang riu rít kêu một cách sợ hãi. Chim mẹ vừa rên rỉ vừa bay quanh tổ. Con rồng nuốt đàn chim tám con và một mẹ xong trở xuống đất hóa thành đá. Calchas, thầy đoán giỏi nhất, giải nghĩa điềm ấy như sau này: « Đây là điềm Zeus báo cho chúng ta biết rằng chuyến đi này sẽ lâu dài và vất vả vô cùng, nhưng sẽ đem lại cho chúng ta chiến thắng và vinh quang. Con rồng nuốt bao nhiêu chim thì chúng ta sẽ chiến đấu ngần ấy năm. Đến năm thứ mười, chúng ta sẽ phá được thành Troie bằng sắt và lửa rồi trở về quê hương yêu dấu. Thật vậy, chúng ta phải thắng và không khi nào những con của Hellade lại để quân Barbares chiếm mất vợ con. »

Họ làm lễ tế thần xong và chờ khi nào có gió thuận sẽ nhổ neo. Mỗi buổi sáng Agamemnon lại

lên cao quan sát trời. Khi thì không có chút gió nào, khi thì chỉ có gió ngược lại thôi. Quân sĩ thấy đều nóng ruột. Chính Agamemnon cũng lolảng vô cùng. Ông liền hỏi Calchas xem duyên do từ đâu thì ông này trả lời :

« Nhà vua không cần tìm đâu xa lạ mà chính tại ngay nhà vua đó. Vì ngài đã giết con hươu cái quý nhất trong rừng của bà Artémis nên bà đã giữ không cho gió thuận thổi. Muốn cho bà nguôi giận mà cho nổi gió thì ngài phải hy sinh ái nữ của ngài là Iphigénie cho bà. Mọi sự sửa soạn để đi báo thù cho Ménélas đều thành ra vô ích nếu ngài không chịu dẫn Iphigénie đến bàn thờ làm lễ tế vị nữ thần đó. Agamemnon nghe Calchas nói xong lặng người đi và khóc. Một bên là tình phụ tử, một bên là lòng ái quốc, biết làm sao bây giờ? Sau ông tự nhủ: « Nếu ta từ chối sự hy sinh đó, biết bao nhiêu tướng tá và chiến sĩ sẽ cho ta là hạng người thối nào? Và khi họ biết điều yêu cầu của vị nữ thần, tất họ sẽ đến bắt con gái yêu của ta mang đi hy sinh. Và lại danh dự của ta há lại không bắt buộc ta phải rửa nhục cho xứ Hellade hay sao? » Nghĩ thế rồi ông sai người đến bảo vợ

ông là bà Clytemnestre hãy dẫn ngay Iphigénie đến Aulis, lấy cơ là Achille vua những Myrmidons muốn cưới ngay nàng làm vợ. Chẳng bao lâu, Clytemnestre dẫn con gái đến. Cô gái kiêu diễm ngây thơ đó đến đón cuộc tình duyên thơ mộng với bao niềm vui tươi trong lòng! Nhưng than ôi, sự vui mừng của nàng thật ngắn ngủi! Lúc biết sự thật dữ dội, nàng thoát đầu than khóc tiếc cuộc đời êm đẹp mới chớm nở, nhưng sau biết rằng sự hy sinh của mình là điều kiện cần thiết cho vinh quang của tổ quốc, nàng tỏ ra rất can đảm. Bàn thờ tế thần, được thiết lập trong rừng của Artémis. Khi thấy con gái tiến đến, Agamemnon quay đầu đi lấy áo che mắt mà khóc. Iphigénie đến gần ông nói: « Thưa cha con xin vui lòng hy sinh cho tổ quốc. Con xin chúc cha thành công trong cuộc viễn

chinh. Nhưng con xin đừng cho một người lính nào động đến người con Con muốn tự con vươn cổ trước lưỡi gươm trần. » Tất cả mọi người có mặt đều im phăng phắc. Sau khi khấn khứa, người cầm dao nhìn xem sẽ hạ nhất dao xuống chỗ nào. Toàn thể quân đội nhìn xuống đất... Nhưng Artémis ngay lúc nhất dao bổ xuống đã làm phép đem Iphigénie đi. Lưỡi gươm đã làm chết một con hươu cái. Thấy thế Calchas kêu gọi: «Vị nữ thần ném con hươu này vào đây tức là bà đã nhận sự hy sinh của Iphigénie rồi. Hỡi quân lính, hãy can đảm lên. Hãy lên tàu cả đi vì chúng ta phải rời bỏ Aulis ngay hôm nay để tiến về phía Troie». Ông chưa nói dứt lời thì gió nổi lên đưa đoàn thủy quân Hy-Lạp đi. Họ ca hát vang lừng cả một góc trời.



★ DANH NGÔN

*Trên biển lặng, ai ai cũng có thể là hoa tiêu được cả
(In a calm sea, every is a pilot).*

Tục ngữ Anh

mẹ lau nước mắt

(Mến tặng các em mồ côi cha và những người vợ sớm khóc biệt chồng, nhưng vẫn lau khô nước mắt để nuôi con đến ngày khôn lớn)

Ngày cha còn sống

Ấm gối nóng chăn

Kê tay con ngủ, con nằm tay cha

Ngày con bập bẹ chữ a

Đêm nằm con mơ thấy cha dạy dỗ

Bây giờ cha bỏ con thơ

Cha nằm cha ngủ trong mồ với ai?

Ngàn năm yên phận cha rồi

Trăm năm, riêng mẹ thở dài đêm đêm...

Lạy trời chân cứng đá mềm

Mẹ lau nước mắt, mẹ quên ưu sầu...

Nuôi con khôn lớn về sau

Đường đời vững bước, qua cầu đặng cay

Cha đã đi rồi, ai dẫn dắt

Cây cô, dì, chú, bác, ông bà

Thương con thương cháu đành côi cút

Máu mủ tình thâm: khúc ruột rà

Con nguyện đáp đền ơn tấc đất

Nghĩa dài từ-mẫu tợ trùng dương

Còn lo ăn học cho vinh hiển

Đề thỏa hồn cha chốn tuổi vàng

Con cúi lạy cha khi hạ huyết

Khắc ghi lời nguyện ở lòng con

Kẻ rằng còn dính cơm cha mẹ

Chim nhớ rừng xưa, nước nhớ nguồn.

★ Kiên-Giang

PHỎ - THÔNG PHỎNG VẤN

thiếu
tướng

NGUYỄN
VĂN-THIỆU

★ Thái-Dương

Vừa xuống xe thì gặp ngay Thiếu Tướng đang bước ra sắp sửa đi đâu. Nghe lời năn nỉ của ký giả, Thiếu Tướng nhìn đồng hồ và chịu hy sinh cho 15 phút. Không cần nhăn, không cau có mà trái lại rất hòa nhã, rất thẳng thắn, đưa ngay ký giả vào phòng làm việc của Thiếu Tướng để cho ký giả phỏng vấn.

— Xin Thiếu Tướng cho biết lý do gì đã thúc đẩy Thiếu Tướng

tham dự vào cuộc Cách-Mạng 1-11-1963 ?

— Cuộc Cách-Mạng 1-11 không phải ý kiến của một mình tôi mà ý kiến chung của cả quân đội, dĩ nhiên đó là do lòng dân mong muốn. Trước khi làm cuộc Cách-mạng ấy thì tôi là một trong những người có tinh thần muốn làm và khi làm thì tôi là một trong những người có bổn phận phải chỉ huy trông coi.



— Thiếu Tướng có thể cho biết độ ấy Thiếu Tướng đang ở đâu.

Tư lệnh sư đoàn 5. Tôi chỉ huy hai chiến đoàn, 1 chiến đoàn Vạn kiếp ở Vũng Tàu do Chuẩn Tướng Vĩnh Lộc điều khiển và 1 chiến đoàn ở Biên-Hòa

PHỎ T ỎNG PHỎNG VẤN

— Thiếu Tướng có thể cho biết vì lý do gì Thiếu Tướng trở thành quân nhân ?

— Vì lý tưởng, tôi là người đã tình nguyện đi vào quân nhân và chúng tôi là số sĩ quan đầu tiên gia nhập quân đội quốc gia thống nhất Nam Trung Bắc, với mục đích chống Cộng bảo vệ đất nước. Hơn nữa tôi chuộng nghề võ vì xét thấy nó hợp với con người của mình nhất.

— Thiếu Tướng nghĩ gì về cuộc chiến tranh của nước ta, Thiếu Tướng có tin rằng sẽ đưa đến thắng lợi...

— Tôi rất tin tưởng ở sự thắng lợi về sau, tôi thường nói với các anh em binh sĩ rằng: dầu cho một cuộc chiến tranh nào chẳng nữa, cũng phải nhằm mục đích thật xa, và chiến tranh thường chia ra nhiều giai đoạn. Có thể một vài khi thất thế vì chiến thuật chiến lược nhưng không phải thế gọi là mất hết. Dầu cho Cộng sản có thắng vài lần, có chiếm một vài nơi đất đai cũng không nên cho đó là quan trọng. Bề nào chẳng nữa chúng ta cũng không thua, người dân có hiểu lầm họ cũng không hiểu lầm mãi và rồi thắng lợi cuối cùng sẽ là của chúng ta.

— Thiếu Tướng nghĩ gì khi

đứng trước cái xác của đối phương ?

— Tôi thấy thương hại họ vì tôi biết chắc chắn rằng họ bị lợi dụng. Ngoại trừ những người Cộng Sản chính cống còn có ý nghĩ tranh đấu cho chủ nghĩa, còn 99% đều bị gạt cả. Họ nghe những lời tuyên truyền ngất lảng ngày xưa chống thực dân Pháp thì bây giờ chống đế quốc Mỹ v.v... Sự thật họ không mơ gì hơn một cuộc sống yên lành, nếu họ không bị lợi dụng, bị tuyên truyền xuyên tạc của C.S.

— Về sự kỳ thị Tôn-giáo ?

— Tôi không tin rằng có kỳ thị Tôn giáo vì trong thâm tâm người Việt Nam từ trước đến nay không có những ý nghĩ ấy. Một vài sự hiểu lầm đáng tiếc đã xảy ra cũng chỉ có giới hạn mà thôi, dầu sao nó cũng mang tính cá nhân địa phương chứ không phải là toàn thể.

Và tôi vẫn chắc rằng những sự đáng tiếc ấy có thể chấm dứt một ngày gần đây...

— Xin Thiếu Tướng kể cho chúng tôi một kỷ niệm trong cuộc đời quân nhân.

Đến đây Thiếu Tướng có vẻ ngập ngừng... Sự ngập ngừng của người mang theo mình nhiều kỷ niệm đó-chẳng ?

— Nếu về chiến sự thuần túy thì những năm sống ở Bắc là quãng thời gian ghi lại nhiều kỷ niệm nhất, về kỷ niệm chính trị thì chỉ có ngày 1-11 là đáng kể. Kỷ niệm tình cảm thì... không có. Không có hay không muốn kể, đó là ý riêng của Thiếu Tướng, ký giả không dám đi quá sự tò mò, chúng ta chỉ biết rằng Thiếu Tướng Nguyễn Văn Thiệu sinh trưởng ở Phan-rang đã từng theo

học ở Pháp, ở Mỹ, mặc dầu năm nay mới có 41 tuổi mà Thiếu Tướng đã tự thấy già hơn nhiều đồng nghiệp khác. Tuy vậy chúng ta cũng biết rằng khi người nói đến chữ «già» tức là đang nghĩ đến chữ «trẻ», nhất là với nét mặt tươi cười và không xua đuổi ký giả như nhiều người khác. Thiếu Tướng đã tự phản lại chữ già của mình...



trung-tá tình-trưởng vĩnh-long

NGUYỄN



TRUNG Tá thiếu nợ ký giả, nhưng trốn ai còn dễ chứ trốn ký giả là một chuyện rất khó nên Trung Tá đành phải trả nợ kỷ này cho xong vậy.

Trả lời câu hỏi vì lý do gì đã thúc đẩy người làm Cách Mạng?

KHẮC

TUÂN

Trung Tá Nguyễn Khắc Tuân có vẻ trầm ngâm nghĩ ngợi.

— «... Sống trong tình trạng lúc đó tôi thấy con người bị nhiều sự tủ nhục uất ức, nhất là về tinh thần... Tôi tự thấy ai cũng phải làm một cái gì... một cái gì để chấm dứt cái tình trạng u uất đó. Họ có thể đối xử thế nào cũng còn được, ăn tiền bạc, rút của cải nhưng áp lực Tôn giáo thì không nên... nhắc lại hôm nay tôi còn thấy khổ sở, những cảnh tượng này phải chứng kiến tận mắt nghe tận tai chứ bây giờ kể lại không thể hiểu được. Tôi chỉ hận rằng ngày ấy tôi không được bắn một phát nào cho thỏa dạ vì bồn phẫn ở lại chỗ.

— Lý do vì sao tôi làm quân nhân ư? Vì ngành này được đi nhiều nhất, tôi không muốn mọc rễ ở đâu cả, chẳng muốn sắm ruộng mà chỉ muốn đi. Nhờ ở nghề này, tôi mới có mấy lần xuất ngoại, nếu không, thì chắc đến bây giờ tôi cũng chưa thỏa mãn được cái mộng hải hồ.

Tin tưởng ở sự thắng lợi cuối cùng? Tôi bắt đầu tin tưởng vì nếu ai cho 100 vạn mà không có đại đoàn kết thì cũng gọi là con số không. Đây là cái điều kiện «sine, qua non (không thể không có) người ta nói nhiều

đến chữ đại đoàn kết nhưng từ trước vẫn chưa có, bây giờ nó mới bắt đầu thành hình và cố nhiên có Đại-đoàn kết mới mang về được sự thắng lợi...

— Đứng trước cái xác của đối phương? Tôi không giống những người khác, một cái xác chết là một cái xác chết. Người con trai Việt-Nam nào cũng có vợ con, cha mẹ, cũng là cái cột trụ chính của gia đình, thế mà chết đi, đứng trước những cái xác ấy tôi chỉ thấy tội nghiệp và thương. Theo giáo lý nhà Phật chết là hết vì thế trong những cuộc hành quân tôi vẫn cho chôn luôn cả hai bên và đốt hương luôn cho cả hai bên...

— Sự kỳ thị tôn giáo ư? Đây cũng có một phần nào nhưng ít và bị thời phồng, bị xuyên tạc và bị lợi dụng. Cố nhiên là đối phương đã khai thác để gieo thêm nhiều sự phức tạp, và một vài phần tử nông nổi đã làm rối thêm, sự thực không quá quắt đến như thế...

— Một kỷ niệm đã làm cho tôi cảm động và sung sướng nhất... Hôm ấy tôi đi hành quân ngang qua làng Đức-Tôn, máy bay tôi bị dưới bắn lên. Nếu tôi chỉ kêu cứu mấy tiếng thì làng ấy có thể bị san phẳng thành bình địa. Chiều đó tôi

xuống làng gạo các đồng bào, tôi có giải thích « tôi xin đồng bào đừng bắt buộc chúng tôi phải bắn phá đồng bào... » Một tuần sau, tôi lại đi hành quân ngang qua đây nhưng đi chia ra làm hai cánh quân, đến đầu làng ngang nhà một bà già, bà ấy nhận được tôi và chạy ra nói « Tội nghiệp ông này, ở trong kia đông lắm... »

Tôi nghi ngờ cho phổi kiểm và quả thật ở trong làng đang có mấy trăm đối phương. Nhờ

thế mà quân của tôi khỏi bị gì cả, nếu không chắc đã chết hết rồi, thế mà chính đối phương đã bị thất bại... Tôi tin vào nhân tâm và trời đất.

Mộng của Trung Tá là ngày thái bình sẽ tiếp tục đi chu du, Trung Tá hẹn gặp lại ký giả ở một chân trời khác. Niềm vui nhất của ngài là được ôm cô con gái lên ba vào lòng đi khắp nơi.



★ NẾU ÔNG LÀ CHỒNG TÔI...

Trong một buổi diễn thuyết về vấn đề phụ-nữ, diễn giả đã rất khôn khéo đưa ra nhiều khía cạnh để chứng tỏ nội tâm và tâm tình rất phức tạp của đàn bà, ai nấy đều lấy làm thích thú về những lời nói duyên dáng và những ví-dụ xác đáng của diễn giả. Bỗng có một bà (thuộc loại máu nóng) đứng dậy, mặt đỏ phừng-phừng, chỉ vào diễn giả quát lớn :

— Nếu ông là chồng tôi hả, tôi cho ông uống thuốc độc cho rảnh đời.

Diễn giả điềm tĩnh, mỉm cười trả lời rất dịu dàng :

— Thưa bà, nếu tôi hân hạnh được làm chồng bà thì tôi rất lấy làm sung sướng được uống chén thuốc độc do bàn tay ngài ngọc của bà tặng cho ạ.

một niềm thắc

mắc trong

lịch-sử

CÁI CHẾT CỦA NGÔ ĐÌNH NHU và NGÔ ĐÌNH DIỆM

★ Nguyễn-Vũ

Cố nhiên, tôi làm sao biết được những bí-mật quân sự. Đây là chuyện nội-bộ của các vị Tướng lãnh chỉ huy cuộc Cách-mạng 1-11-63 lật đổ chế độ Ngô-đình-Diệm. Người ta chờ đợi một ngày sau, trong 10, hay 20 năm nữa không biết chừng, một vị Tướng lãnh nào đó trong Hội-Đồng Quân nhân Cách Mạng sẽ tiết lộ tất cả các bí mật, để giúp những nhà viết sử có những tài liệu đích xác về cuộc Cách-mạng vĩ đại ấy.

Những điều tôi sẽ viết ra đây chưa chắc đã đúng hoàn toàn với

sự thật. Nhưng trong lúc đồng bào thắc mắc về cái chết của hai anh em nhà Ngô, tôi hy vọng rằng những điều tôi tường thuật sẽ được bổ túc, và nếu có một vài chi tiết sai lầm thì sẽ được đính chánh.



Một điều lạ nhất là 6 giờ sáng ngày 2-11-63 Quân đội cách-mạng đã ủa vào chiếm dinh Gia-Long rồi mà các Tướng lãnh vẫn yên trí rằng ông Diệm và ông Nhu hãy còn ở trong dinh, chưa biết sống hay chết đó thôi. Nhưng họ tin rằng còn sống. Các Tướng

lãnh yên trí như vậy vì có lý do : lúc 6 giờ kém 15 ở Tổng Tham Mưu còn nghe trong điện thoại rõ ràng tiếng của ông Diệm nói : « Mời các Tướng lãnh vô đây thảo luận với tôi ».

6 giờ 15 một chiếc khăn muso trắng dùng làm cờ đầu hàng đã bay phấp phới nơi một cửa sổ mặt sau dinh, quân đội cách mạng tiến vào chiếm trọn dinh Gia Long, thì Trung Tướng Mai-hữu-Xuân và Trung Tướng Nguyễn-ngọc-Lễ cũng vào dinh để tìm anh em ông Diệm. Nhưng hai ông Tướng hoảng hốt lên, vì Diệm và Nhu đã biến đi đâu mất. Hai ông tướng xuống hầm tìm cũng không thấy đâu, xác chết cũng không có. Thế là hai vị tướng vội về Tổng Tham Mưu báo tin cho Trung Tướng Dương văn Minh và các Tướng lãnh khác tức trực ở đó, rằng ông Diệm và ông Nhu đã trốn thoát được rồi. Có lẽ Đại tá Tung và một vài sĩ quan hầu cận cũng thoát với hai anh em họ Ngô.

Thế là cổ mặt điện cấp tốc đánh đi Thủ Đức, Biên Hòa, Bình Dương, Mỹ Tho và các đơn vị đóng ở kế cận Saigon, đề chặn bắt bọn người thoát ly.

Nghĩa là trong lúc Đài Phát Thanh loan tin Cách mạng thành công, và Quân đội cách mạng đã

chiếm dinh Gia-Long rồi, dân chúng Saigon đêm ấy không ngủ, ủa ra đường phố để hoan hô Cách mạng, thì các Tướng lãnh ở Tổng Hành Dinh đang lo ngại không biết ông Diệm và ông Nhu trốn được hồi nào, và trốn đi đâu ! Họ cho là một điều cực kỳ bí mật vì trước đó 15 phút còn nghe tiếng ông Diệm trong điện thoại « mời các tướng lãnh vô đây thảo luận với tôi » !

Quân đội tiếp tục lục soát khắp nơi trong Dinh Gia Long, vẫn không thấy bóng dáng ông Diệm ông Nhu đâu cả.

Té ra, Diệm và Nhu đã ra khỏi Dinh Gia Long từ 8 giờ 15 đêm 1-11, trốn trong một chiếc xe Camionnette. Chiếc xe này của nhà bếp thường ngày dùng đi chợ, đã thoát ra được là nhờ lúc đó mặt tiền Dinh Gia Long còn được Liên đoàn phòng vệ Tổng Thống phủ giữ vững thế thủ, quân Cách mạng chưa lọt vào được.

Xe Camionnette đưa Diệm, Nhu vào trốn trong nhà Hoa-Kiều Mã-Tuyên, gần nhà thờ Cha Tâm.

Tiếng điện thoại của ông Diệm gọi Tổng Hành Dinh hồi 6 giờ 15 sáng ngày 2-11, không phải từ Dinh Gia Long, mà chính là từ nhà Mã Tuyên.

Trong lúc các Tướng lãnh lo sợ và bối rối không biết Diệm Nhu trốn đi đâu thì 8 giờ điện thoại

của Tổng Hành Dinh lại reo...

Tiếng ông Diệm : « Đây, tôi là Tổng Thống và ông Cố vấn, chúng tôi ở tại nhà thờ cha Tâm, Chợ-lớn. Các ông vô đây đón chúng tôi về Dinh ». Thì ra hai anh em họ Ngô liệu bề thoát không được nữa, và cũng tưởng rằng còn có thể điều đình được trong phút chót để bảo toàn danh dự và tính mệnh, đành phải gọi các Tướng lãnh vào Chợ-lớn « để đón Tổng Thống về dinh ».

Bán tín bán nghi, nhưng lập tức, Hội Đồng Quân Đội Cách Mạng phái Trung Tướng Mai hữu Xuân và một chiếc M-113 vào nhà thờ Cha Tâm, Chợ-lớn, do một Trung tá điều khiển.

Đến nơi, quả thật có anh em Diệm Nhu đang chờ. Trông thấy

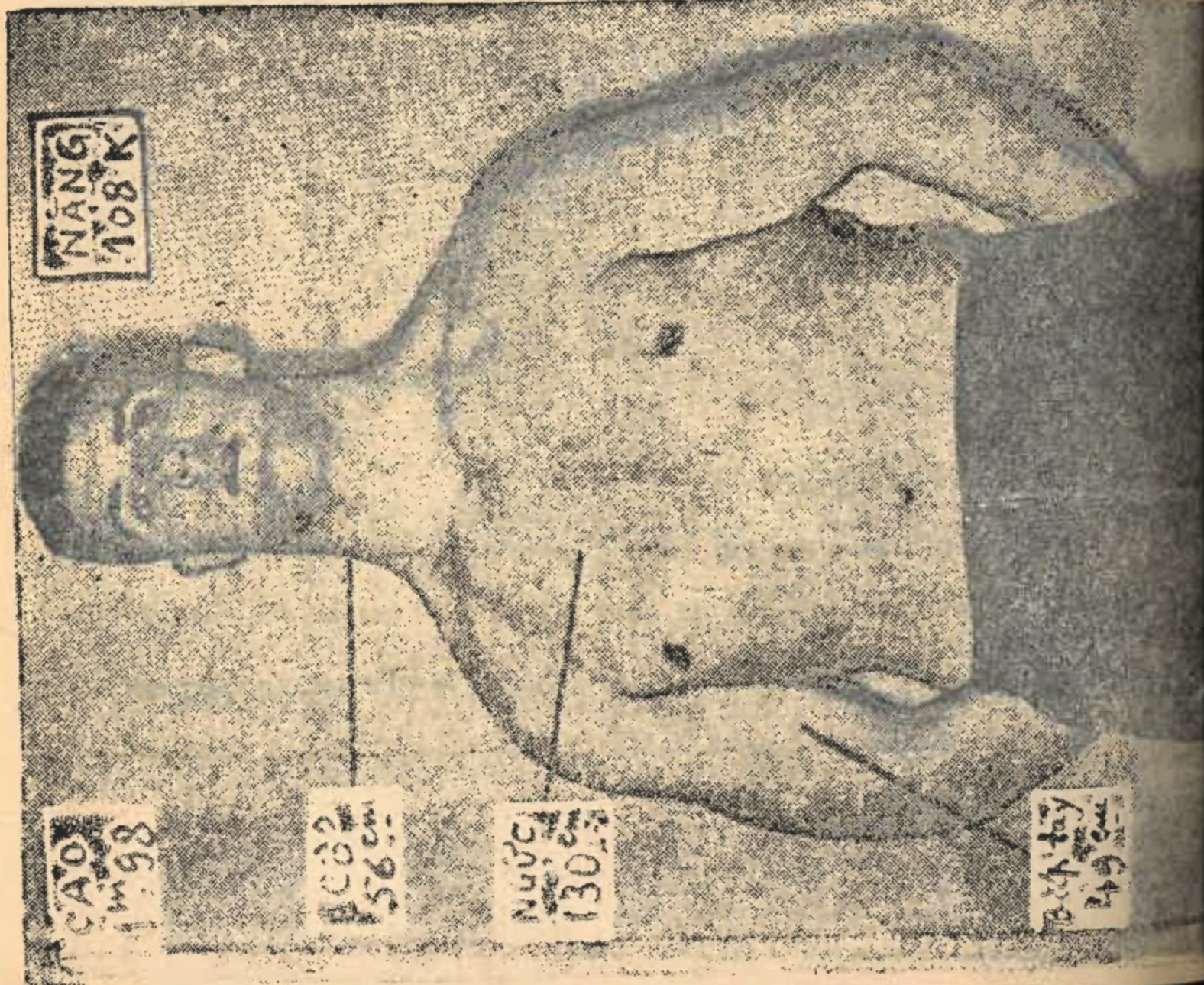
chiếc xe M-113, Ngô-dinh-Nhu còn khiến trách : « Các ông đem xe này đón Tổng Thống à ? ». Nhưng vị Trung tá kia và Trung tướng Xuân không cần trả lời, đẩy hai anh em họ Ngô vào chiếc xe M-113. Lệnh của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng là bắt sống anh em họ Ngô đem về Tổng Hành Dinh. Viên Trung tá điều khiển chiếc xe M-113 trong đó có nốt Diệm và Nhu, theo đường Cây Mai rồi quẹo ra đường Hồng thập Tự, gần sau Nhà thờ Huyện Sĩ. Đến đây, Trung tá nghĩ rằng nếu để Diệm Nhu còn sống, hoặc ở tù, hoặc đày đi Hải-ngoại, thì sợ hậu quả sẽ rắc rối vô cùng, nên Trung tá giết luôn cả « Tổng Thống » và « Cố Vấn »...



★ DANH NGÔN

*Ở chòi tranh mà vui cười còn hơn ở lầu son mà than khóc.
(Chaumière où l'on rit vaut mieux que palais où l'on pleure).*

★ Tư tưởng Tây phương



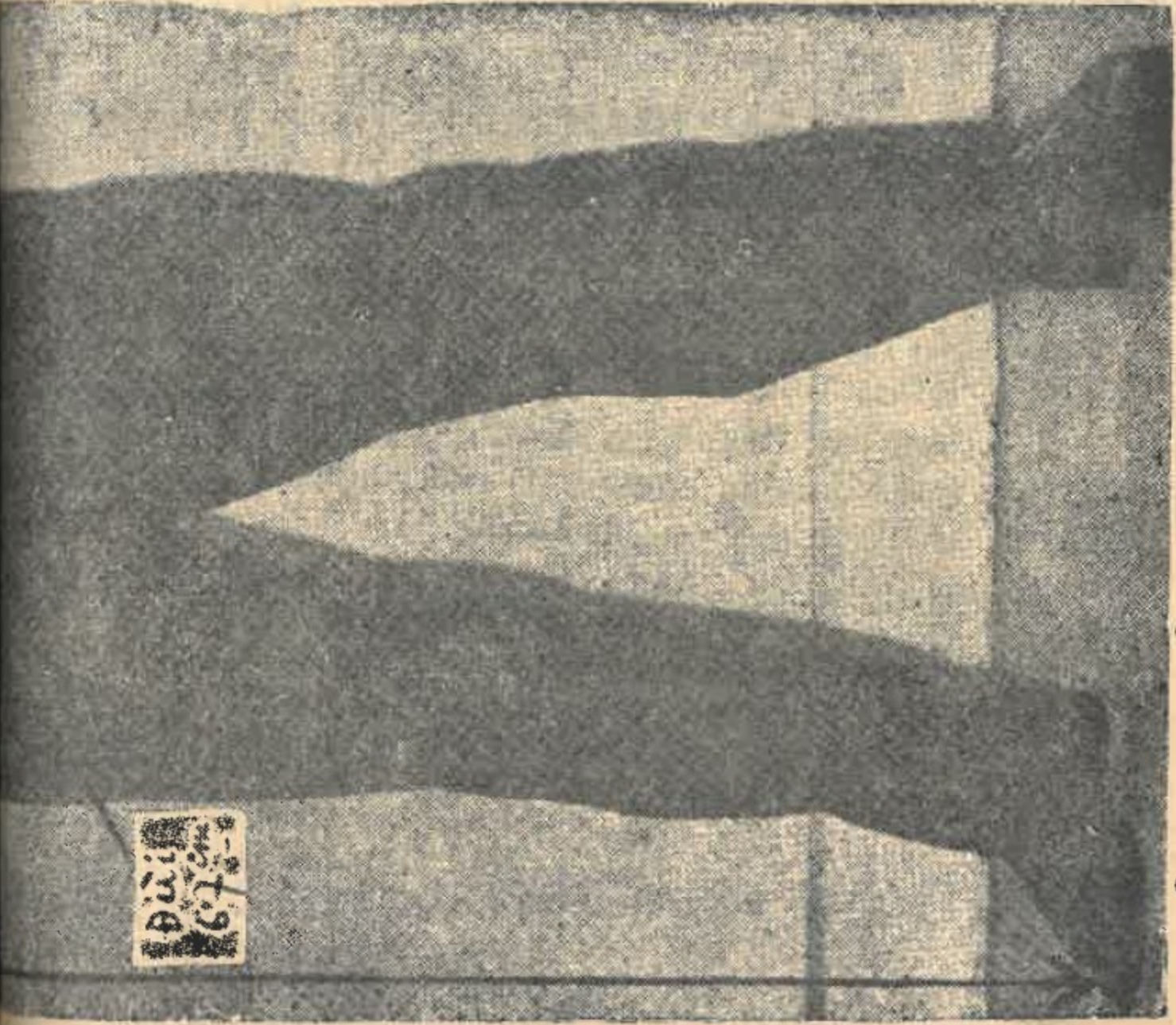
TRANG
108 K

CAO
1m 98

1932
156 cm

NƯỚC
130 cm

BẮC KỲ
249 cm



ĐUÔI
108 K



VÔ - ĐỊCH
QUỐC - TẾ
NHU - ĐẠO

ANTON GEESINK

(Hòa - Lan)

Có ai ngờ Nhật-bồn là ông Tồ của Nhu-Đạo từ xưa từ xưa, là vị Thầy được sùng kính của Nhu-đạo quốc-tế, mà người đã chiếm giải vô địch quốc-tế của Nhu-đạo lại là một người Hòa-lan-

Geesink, học Nhu-đạo ở Hòa-lan, từ 1950. Năm 1956 anh sang Nhật, luyện thêm võ-nghệ, xin vào ngành cảnh sát Nhật, và học tiếng Nhật mà hiện nay anh nói rất thạo. Sau cùng anh được nhận vào Đại-học Nhu-đạo Tenri, sống chung với các võ sư trứ danh của đất Phù-tang. Đến năm 1961, có cuộc thi vô địch quốc-tế Judo tại Paris trước mấy triệu khán giả vô-tuyến truyền hình ở khắp thế giới, con người Hạng võ ấy cao gần 2 mét, cân 108 kí-lô, đã thắng chung kết vô địch Nhật-bản SONE. Một chuyện hi-hữu, làm kinh ngạc cả hoàn cầu. Lần đầu tiên trong lịch sử thểthao, Nhu-đạo Nhật-bồn bị một trái bom nguyên-tử. Lòng tự-ái dân-tộc của chín chục triệu người Nhật bị một vết thương vô cùng đau đớn.

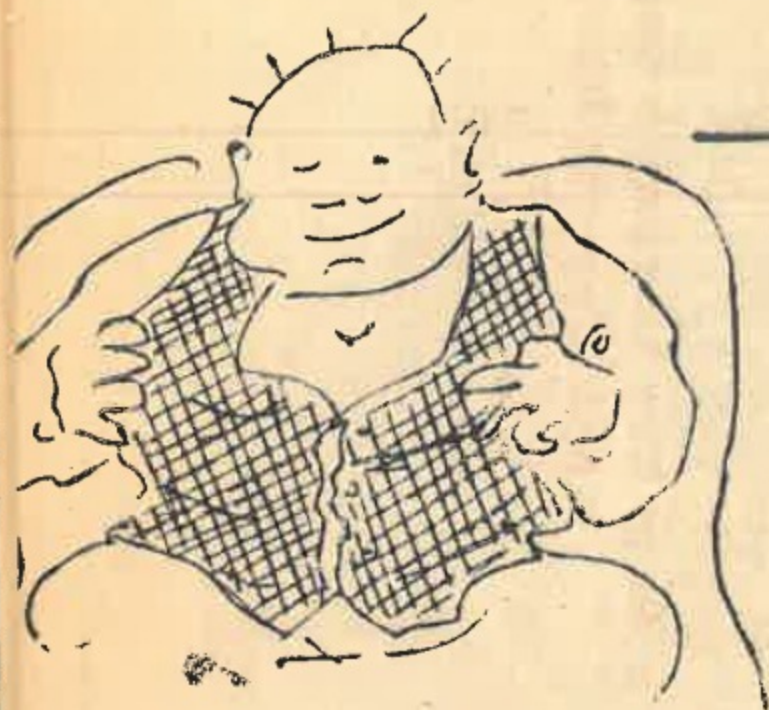
Anton Geesink hiện làm giáo-sư Nhu-đạo ở xứ anh, và có đi dự Thế-vận Tokyo năm nay, ở trại số 532 làng Thế-vận.

Cả người ngoại-quốc, lẫn người Nhật, ai cũng biết trước rằng Anton Geesink sẽ lãnh đủ các loại Huy-chương vàng!

● Geesink đoạt huy chương vàng
nhu đạo các hạng

Tranh vô địch nhu đạo các hạng. Vô địch thế giới Geesink (Hòa lan) chiếm hạng nhất sau khi thắng Kamiga. Geesink đã quật ngã địch thủ sau khi đôi bên cầm cự được 9'20".

Đồng hạng ba là Boronovskis (Úc) và Klaus Gianh (Đức).



một bài toán... trọc hòng

Paris, ngày 15-9-64

Kính gửi ông NGUYỄN-VỸ
giám-đốc tạp-chí PHỒ-THÔNG
231 đường Phạm-ngũ-Lão — SAIGON

Thưa Ông,

Tôi xin gửi về ông một bài giải-trí kèm đây. Loại này thường thấy trong báo chí quốc-tế. Đây ông NHI-BẮT-ÀUN đã Việt-nam-hóa nó để làm vui thêm.

Nếu ông không ngại điều gì thì có thể đăng nó trong một số Phồ-Thông, để bạn đọc đoán chơi cho vui.

NGÔ - HÀ

● BÀI TOÁN ĐỐ : NGŨ HỔ TRANH TU

Sau đây là một bài trong loại toán đố không cần phép tính. Chỉ cần lý-luận thường để tìm giải nó mà thôi. Trong lúc đồng bào tư-lự vì nhiều duyên cớ, tôi xin hiến vài giờ suy nghĩ lại có tính-cách giải sâu :

1) Năm ông Tá ở năm doanh, đồng dọc đường từ Nam đến Bắc. Mỗi ông có một bộ râu, một xe riêng khác nhau, và sở-thích mỗi ông mỗi khác.

- 2) Tá tham-muru đóng ở cực-bắc.
- 3) Tá nhảy-dù có râu mép.
- 4) Tá không-quân thích đánh cờ.

MỘT BÀI TOÁN...

- 5) Tá đóng doanh Cây Mít thích hát bội.
- 6) Tá đóng doanh chính giữa mê chiều bóng.
- 7) Tá đóng doanh Cây Mai có xe Ben-lê.
- 8) Tá râu dê đi xe Lô-tuyết.
- 9) Tá mê đàn có xe Méc-xê-đét.
- 10) Tá bộ-binh đi xe Ca-đi-giắc.
- 11) Tá râu ba chòm ở cạnh tá có xe Fe-ra-ri.
- 12) Tá râu quai nón ở cạnh tá có xe Ben-lê.
- 13) Tá tham-muru ở cạnh doanh Cây Xoài.
- 14) Tá thủy-quân ở doanh Cây Cam.
- 15) Hai doanh Cây Mít và Cây Quít ở kề nhau về phía Nam.

Xin hỏi : Tá nào đã cạo râu ?

Tá nào thích vọng-cổ ?

Xin nhắc lại rằng đây là một bài toán đố hoàn-toàn chính-xác, có thể làm đầu-đề môn toán-học cho bất cứ một khóa thi nào, từ cấp trung-học đến trường tối-cao binh-bị. Nó chỉ bắt buộc ta lý-luận hoàn-toàn dựa theo lý-trí của kẻ không bị loạn óc, nghĩa là không bỏ sót một cạnh, nào, không bịa đặt một điều gì, không đọc đoán một điểm-nào, và không lúc nào phỏng-đoán tạm mà không thử lại xem mình có lý hay không.

Xin độc-giả hãy lấy bút giấy, ngẫm nghĩ, suy đoán kỹ-càng chốc lát sẽ trả lời. Các nhân-vật ở đây đều bịa đặt. Xin mời từ tiểu-sinh, đến sinh-viên, đến giáo-sư, từ bộ-đội, đến tá, đến tướng hãy tìm chơi bài toán vui này. Khi tìm được giả lời, hoặc có kẻ dục mình vứt bút mà thét rằng « Cái thằng kia đã ngạo tao nè ! » thì chốc cũng chỉ gãi cằm mà cười rồi quên giận cái thằng

NHI - BẮT - UẦN
(Paris)

Lời tòa-soạn : Bạn đọc có thể gửi bài giải đáp về tòa soạn trước ngày phát hành số báo sau. Sẽ có Giải đáp của tác-giả trong số báo ấy.

bài thơ gửi cho thế hệ mai sau

L'enfant de mon vivant
savoir de pluie et de beau temps
Chante toujours son chant lunaire ensoleillé
son chant vulgaire, envié et méprisé
JACQUES PRÉVERT

Con sắp sửa ra đời
Ba mẹ mong đợi
Tiếng kêu đầu lòng của con ôi diệu-vời
Ba thêm nhạc khúc sơ-sinh thời tiền-sử âm-thanh
con lên giọng khai-nguyên
ca-ngợi tình yêu nhân-loại trưởng-thành

Ba chờ đó sẵn-sàng rồi mời con tham-dự
Đời sống này nhăn-nheo nếp hằn lịch-sử
con bắt đầu bằng tiếng khóc chứng-nhân
vóc dáng nhỏ nhoi
con chở núi cao ôi sức nặng tinh-thần

Con nằm đó
lớn dần lên trong giấc ngủ
lớn dần lên trong nghĩa-vụ tương-lai
Mắt con xanh trong sáng cả da trời
Hơi con thở hương thơm bầu khí quyền
Ba tìm lại tuổi thơ
bồng bế ru con thu mình nhận diện
Lẽ sống toàn năng từ khởi điểm nhiệm-màu
ba rừng mình thoát xác thương đau

Với hoài-vọng ấy
ba sẵn-sàng rồi mời con tham-dự
Đất nước này từ lâu im tiếng cười lịch-sử
Trong khói súng mịt mờ
Tiếng hài-nhi khóc nước non
Ba bàng-hoàng trước sự hiện-hữu của con,

* Huy Lực

bước chân lịch sử

* HOÀI-KHANH

Kính tặng toàn thể nam nữ sinh-viên, học
sinh và Phật-tử đã đem lại một trong những
ngày đẹp nhất của lịch-sử : 25 - 8 - 1964

Các anh các chị hôm nay lại xuống
đường
bắt đầu từ một Việt Nam nhục
nhân đau khổ
bắt đầu từ một Tình Thương vô
biên
năm ngàn năm Hồng Hà, Cửu
Long thăm đượm
chúng ta tuổi trẻ của Á Châu
xiềng xích trăm năm còn nặng nề
ám ảnh
mỗi đêm tự thắp hồn thay gương
thấy khuôn mặt già nua cần cỗi
nghe niềm đau trong linh hồn nhức
nhối
ôi, cánh đồng xanh và em bé chần
trầu
đến hôm nay vẫn còn bữa sau bữa
cháo
Bóng Tối vẫn còn che lấp Dòng
Sông
những bà mẹ quê tần tảo vun
trồng
từng củ khoai trái bắp
vẫn suốt đời nheo nhóc lăm than
đêm đêm ác quỷ hiện hình
giấc ngủ chập chờn ác mộng
Các anh các chị hôm nay lại
xuống đường
đề thấp sáng triệu linh hồn nguyên
trinh
xua Bóng Tối đi về quá vãng
ôi những bước chân rộn ràng
nghe đại lộ ở muôn ngàn tinh tú
những tiếng gào đã kinh hồn thú
dữ

những nụ cười đã bùng tỉnh khối
sân si
các anh đi cho Lê Sống miên
trường
cho mặt đất khô cần Tình
Thương này nở
các anh đi cho bạo tàn tan vỡ
cho Tự Do, Công Lý, Hòa Bình
cho Dân Chủ, Nhân Quyền đẹp
nghĩa
các anh đã đi và còn đi mãi mãi
nếu ngày mai Bóng Tối lại hiện
hình
đe dọa kiếp dân lành nheo nhóc
các anh đi trong thời gian bất tận
trong mùa Xuân vĩnh viễn vô cùng
Trong Đại Thề, Hòa Đồng tuyệt
diệu

các anh đi
Hòa Đàm nở khắp ba nghìn thế giới
và Á Châu đau khổ bỗng nghiêng
mình chào đón bước uy linh về mở
hội bóng Từ Bi ngự trị khắp năm
châu các anh đã bắt nguồn từ Ánh
Sáng Thích Quảng Đức Đại Hùng
các chị đã chan hòa dòng máu
Quách Thị Trang Trinh Liệt
từ hôm nay một thế hệ huy hoàng
Sẽ xua đuổi bốn phương trời đến
tối

Sẽ mở lối Từ Bi Giác Ngộ
các anh đi rực rỡ bóng Đại Hùng
trong lòng đất quê hương mới mọc
một vầng dương chan chứa nghĩa
Bao Dung
26-8-64

VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ

ĐÔNG

KINH

(thủ - đô Nhật - bản)

★ Châm-Sữ

Lấy tên «ĐÔNG-KINH» đặt cho thủ-đô thời tại Á-châu, ba nước : Trung-Quốc, Nhật-Bản và Việt-Nam đều có cả. Tại Trung-Quốc, thành Lạc-Dương là Đông-Kinh dưới thời nhà Hán; tại Việt-Nam thời Đông-Kinh nói chung là toàn cõi Bắc-Phần, mà nói riêng là Hà-Nội. Tại Nhật Bản thời Đông-Kinh là thủ-đô hiện tại.

Bởi có điểm trùng-danh giữa thủ-đô của ba quốc-gia cùng lấy Hán-văn làm tự-dạng của văn học, nên về phần người Nhật-Bản, tuy cũng viết Đông-Kinh như Trung Quốc và Việt-Nam, nhưng đến phát-âm lại có trại giọng để người nước họ biết mà phân biệt là Đông-Kinh của nước mình hay nước ngoài. Khi nói đến Đông-Kinh của Trung-Quốc hay Việt-Nam thời họ gọi «TÔKEI», còn «TÔKYO» là Đông-Kinh của nước họ. Tỉ như :

- | | |
|---------------------|----------------------------|
| — ChũKoku No Tôkei | : Đông-Kinh của Trung-Quốc |
| — Việt-Nam No Tôkei | : Đông-Kinh của Việt-Nam |
| và — Nihon No Tôkyô | : Đông-Kinh của Nhật-Bản. |

ĐÔNG KINH

☉ Trại giọng giữa «kei» và «kyô» ấy, tuyệt-đối, lòng người Nhật không có chút ý thức nào về tự-thị dân-tộc, chẳng qua vì sự cần trọng xác định địa-diểm cho người nước họ thoáng nghe là hiểu, khỏi bận tâm suy xét đấy thôi. Trại giọng như thế mà không sợ sai là bởi chữ Kinh, đối với người Nhật, muốn đọc là KEI hay KYO cũng được.

Nay, trước gương cần trọng ấy, về phần chúng tôi, đứng trên phương-diện phân tách, mới ghi chú thêm ở dưới đầu đề, rằng : *Đông-kinh, Thủ-đô Nhật-bản.*

★

Thủ-đô Nhật-Bản hiện tại, tuy đã giữ vai trò trọng-địa của những cơ-sở trung-ương về hành chánh, chính-trị và hải-lực công-thương liên trong vòng tám thế-kỷ nay, nhưng chỉ từ sau ngày Mười Ba tháng Bảy năm Minh-Trị nguyên-niên, 1868, khi phái quân-phiệt quyết-định rước vua Minh-Trị thiên từ Kinh-Đô miền Tây lên, mới đổi tên gọi là Đông-Kinh, chứ từ ngày Mười Ba ấy trở mãi về bao thế kỷ trước, vẫn nguyên-danh là GIANG-HỘ (Edo).

Tại Nhật-Bản, tính từ khởi trung-cổ-thời ở đầu thế kỷ XIII dl, khi phái vũ-gia thắng phe quý-tộc rồi đoạt lấy quyền chỉ-huy thiên hạ, là từ ngày ấy đến năm 1867, trong khoảng 7 thế-kỷ, nước này có hai thủ-phủ. Một là Kinh-Đô, ở sâu trong lục địa dưới miền Tây, nơi ngự-cung của Hoàng-Gia và quý-tộc chỉ còn hư-vị với chút dư quyền Thần-Thánh; một nữa, là tại khu vực Giang-Hộ ở miền Đông nơi căn cứ trung-ương của những dòng họ vũ-gia Tướng-Quân cầm quyền sinh sát và quyết-định vận-mệnh nhà-nước.

Năm 1192, thủy-tổ của chính-quyền Tướng-Quân là vũ-gia Nguyên-Lại-Triều (Minamoto Yoritomo) khởi lên cầm quyền thiên-hạ là cũng bắt đầu thời-kỳ lưỡng-đô, tách thực quyền của vũ-gia ra khỏi hư-vị của Hoàng-Gia mà kiến-nghiệp ở Liêm-Xương (Kamakura) trong Xứ Tướng-Mô. Xứ này tức phạm vi của Hoành-Tân hiện tại, cách Giang-Hộ không đầy hai mươi cây số, do đấy, Giang-Hộ thuộc về tư-sản, vừa là lâm-viên vừa là thương-cảng của riêng dòng họ Tướng-Quân này. Danh-từ «Giang-Hộ» được nhập vào lịch-sử từ đấy. Rồi dòng họ Bắc-Điền (Hô ô-shi) lên kế-nghiệp dòng họ Nguyên thời Giang-Hộ cứ giữ nguyên-trạng đến hơn một thế-kỷ về sau,

Sang thế-kỷ XV, đương thời đại-loan Chiến-Quốc, mỗi vũ-gia cát cứ một khu nhỏ nhỏ, cắt nước Nhật thành ngót một trăm khu-vực tự-trị để đánh lẫn nhau tùy tình và mặc sức, thời Giang-Hộ đã chuyển chủ, thành căn cứ của dòng họ vũ-gia Thái-Điền (Ôda-shi). Năm 1457, tướng Thái-Điền Đạo-Quán (Ôda-Dôkan) huy động hàng ngàn dân phu mỗi ngày, xây đắp tòa thành to lớn tại Giang-Hộ, gọi là Giang-Hộ Thành (Edo Jô), hay là Thiên-Đại-Điền Thành (Sendai Den Jô), rồi chiêu mộ tứ-giới dân gian về quy tụ, khởi kiến tạo Giang-Hộ thành đô-trấn trung-tâm hải-vận từ mạn Đông lên Bắc đảo Bản-Châu.

Tướng Thái-Điền Đạo-Quán mất vào năm 1486, Giang-Hộ bị ợt về dòng họ vũ-gia Thượng-Sam (Uesugi-shi). Ba mươi tám năm sau, 1524, một ngành họ Thượng-Sam trấn tại đây bị con cháu dòng vũ-gia Bắc-Điền tái quật khởi lên đánh chiếm mất. Năm 1590, dòng họ Bắc-Điền bị liên-quân Đức-Xuyên Gia-Khang (Tokugawa Yeyasu) và Phong-Thần Tú-Cát (Thô-yô-tô-mi Hideyoshi) đánh bại, nên Giang-Hộ Thành bị cắt thuộc khu tự-sản của Đức-Xuyên Gia-Khang.

Năm 1603, khi Đức-Xuyên Gia-Khang đã chính-thức lên ngôi Tướng Quân nhất-thống, bèn từ tư-phủ tại trấn Nhật-Quang (Nikkô) cách Giang Hộ khoảng 100 cây-số về hướng Bắc về kiến-dô tại đây. Giang-Hộ, thế là thành thủ-phủ của chính-quyền Tướng-Quân suốt 263 năm trường-trị của dòng họ Đức-Xuyên. Đến 1867, dòng họ này bị đổ và Hoàng-Gia di-dô từ Kinh-Đô lên, bèn xử dụng luôn Giang-Hộ Thành, nơi ngự-thất của dòng Đức-Xuyên làm Hoàng cung cho đến bây giờ. Thế nên, sử liệu mới ghi rằng, nơi ngự-tâm của vua Chiêu-Hòa (Shôwa Tennô) hiện tại là di-sản thế-truyền của các dòng vũ-gia Tướng-Quân thời trước, đã trên 600 năm nay, khởi từ Thái-Điền Đạo-Quán kia vậy. Và cũng từ 1868, Giang-Hộ mới cải-danh là Đông-Kinh như trên kia đã sơ-thuật.

Nay (1963) thì Đông-Kinh là thủ-phủ rộng và đông dân-cư nhất thế-giới, còn tổ-chức về sinh-hoạt và kiến-trúc thời Âu-hóa vào bậc nhất Á-Đông. Hoàng-cung hiện là trung-tâm-diểm của Đông-Kinh, chạy dài sang bốn phía, mỗi phía là 15 cây-số đường tên phóng thời gồm tất cả 23 Khu hành-chính (mỗi Khu cũng tương tự

như một quận ở Sài-gòn), trên diện tích 579 cây số vuông với 8 triệu 30 vạn dân-số. Nếu lại kể cả ngoại-ô thời diện-tích Đông-Kinh là khoảng 2.000 cây-số vuông với dân-số 9 triệu 68 vạn người.

Cũng ngày nay, bên kia nửa thế-giới là Nữ-Uớc, bên này nửa thế-giới là Đông-Kinh mới là hai đầu trục hoạt động mạnh nhất thế-giới, làm lu mờ hẳn vai trò của Luân-Đôn, Ba-Lê hay Boon. Chúng tôi trình bày sơ-lược như vậy để quý độc giả rõ tầm quan hệ của vai trò Đông-Kinh đối với hoàn-cầu vậy. Nếu Luân-Đôn chỉ sản-xuất cho khối Liên-Hiệp-Anh và thị-trường Trung-Cộng, thì ngược lại, Đông-Kinh nắm tay với Nữ-Uớc để sản xuất cung ứng cho cả năm Châu.

Đông-Kinh hiện chia thành 23 Khu hành-Chính. Hai mươi ba Khu ấy, với dân-số, là :

1 — Sendai Den Ku	: Thiên-Đại-Điền Khu	: 117.000 người
2 — Chu-Ô Ku	: Trung-Uơng Khu	: 161.000 —
3 — Minato Ku	: Cảng Khu	: 267.000 —
4 — Shinjuku Ku	: Tân-Túc Ku	: 414.000 —
5 — Bunkyo Ku	: Văn-Kinh Khu	: 256.000 —
6 — Daitho Ku	: Đài-Đông Khu	: 318.000 —
7 — Sumida Ku	: Mặc-Điền Khu	: 332.000 —
8 — Kôtho Ku	: Giang-Đông Khu	: 350.000 —
9 — Shinagawa Ku	: Phạm-Xuyên Khu	: 428.000 —
10 — Meguro Ku	: Mục-Hắc Khu	: 294.000 —
11 — Ôda Ku	: Đại-Điền Khu	: 706.000 —
12 — Setagaya Ku	: Thế-Điền Cốc Khu	: 653.000 —
13 — Shibuya Ku	: Sáp-Cốc Khu	: 282.000 —
14 — Nakano Ku	: Trung-Dã Khu	: 351.000 —
15 — Suginami Ku	: Sam-tĩnh Khu	: 486.000 —
16 — Tôshima Ku	: Phong-Đảo Khu	: 362.000 —
17 — Kita Ku	: Bắc Khu	: 418.000 —
18 — Aragawa Ku	: Hoàng-Xuyên Khu	: 285.000 —
19 — Itabashi Ku	: Bản-Kiều Khu	: 413.000 —
20 — Remba Ku	: Luyện-Mã Khu	: 305.000 —
21 — Ashi-thachi Ku	: Túc-Lập Khu	: 408.000 —

ĐÔNG KINH

22 — Katsu-Shika Ku	: Cát-Sức Khu	: 377.000	—
23 — Edogawa Ku	: Giang-Hộ Xuyên Khu	: 317.000	—
Cộng		8.300.000	người

Hay mười ba Khu này chạy ngang dọc trên 30 cây-số đường kính với mật-độ dân-số vào hàng nhất thế-giới, không phải ngày nay mới kiến-tạo nên mà vốn do công-phu khuếch-truởng kế tiếp từ các tiền-đại, đáng kể nhất là công-phu của dòng họ Đức-Xuyên. Dòng họ Tướng Quân này vốn chia ra thành 4 ngành, ngành trưởng ngự trên ngai tướng-quân ở trong thành Giang-Hộ đã đành, còn ba ngành dưới là:

- Vỹ-Trương-gia — (Owari-ge)
- Kỹ-Y-gia — (Ki-Y-ge)
- Thủy-Hộ-gia — (Mito-ge)

tiếng rằng chia nhau đi cai-trị tại ba lĩnh-địa riêng biệt, nhưng ngành nào cũng còn chiếm những khoảnh cực rộng lớn ở đây, tân hồ san gò, xây cất lâu đài cho con cháu chắt chít, đồng thời với sự kiến lập những ngự-viên, lâm-viên (vườn hoa, rừng cây nhân tạo) để làm nơi thừa lương cho cả dòng họ theo nếp sống quý-phái. Vị thủ, ngành trưởng thời ngự cả tòa thành Giang-Hộ thênh thang ở giữa; tiến sang mạn đông-bắc, nơi mà gọi là Hậu-Lạc-Viên (Gôroku En) với sân đá-cầu bây giờ thời chính là khu lâu đài ngày trước của ngành Thủy-Hộ-Gia. Rồi chuyển sang mặt tây-nam thủ-phủ là khu lâu đài của ngành Kỹ-Y-gia chẳng hạn. Như vậy, vị-trí cùng diện-tích toàn 23 Khu hành-chính ngày nay vốn đã do dòng Đức-Xuyên tạo-hoạch từ trên ba thế-kỷ trước kia rồi.

Ngoài ra, để dập tắt nội loạn, chế-độ Đức-Xuyên còn bắt tất cả 160 dòng vũ-tướng Đại-Danh Mạc-thần, tiếng rằng bản thân đi cai-trị địa-phương nào xa mấy cũng mặc, nhưng phải lưu toàn dòng họ cùng vợ con ở cả Giang-Hộ làm con tin. Cho nên, Giang-Hộ lại còn chia thành 160 tiểu khu nữa, mỗi Khu đầu nhỏ cũng phải đủ ở cho cả dòng họ của một vị lĩnh-chúa Đại-Danh. Lại, để bảo vệ cho ngai Tướng-Quân, ngoài hàng hà số vũ-sỹ hạ đẳng không kể, dòng Đức-Xuyên còn kén tuyển đến tám vạn tướng tá trung thành có thành-tích phục-vụ lâu đời, xếp vào hàng ngũ chân tay dưới cờ, gọi là hàng ngũ Kỳ-Bản (Hatamoto), cấp cho mỗi gia-đình kỳ-bản đủ nhà cửa

ĐÔNG KINH

lấn quân hầu đầy-tớ, tàu ngựa và kho chứa. Do đấy, Giang-Hộ thời ấy chia thành 808 đường phố (Chô) thời nguyên dòng Tướng-Quân cùng gia-thần chiếm trên 500 đường, còn lại mới là khu cư ngụ của một triệu dân thương-công-kỹ các giới.

Năm 1868 chính-quyền Minh-Trị thiết lập tại Giang Hộ với sự cải danh sang Đông-Kinh là cũng đồng thời bãi phế chế-độ đường phố, bắt đầu chia tân thủ-phủ thành 50 Khu, chế-độ khu duy-trì đến bây giờ... Năm 1878, sửa đổi 50 Khu dồn lại thành 15 đại-khu. Năm 1888, bắt đầu đặt Tòa Thị-Trưởng (Shi-Chô Za) để cai trị và từ năm 1898 thì Đông-Kinh theo chế-độ tự-trị cho đến bây giờ.

Năm 1923, toàn cõi Quan-Đông bị động đất lớn lao nhất lịch sử, Đông-Kinh cũng bị tổn thất nặng nề. Để chỉnh trang, nhà đương cục sáp-nhập hết thảy các làng mạc ngoại-ô vào chương-trình tân-thiết cho tiện thăm-mỹ và giao-vận của thủ-đô. Năm 1932, các phố xá ngoại-ô ấy được sáp nhập vào nội-thành, xếp đặt lại thành 35 khu hành-chính, gọi tất cả là Đại Đông-Kinh (Dai Tôkyô) Từ 1947, sau mấy năm bị oanh-tạc liên tiếp, Đông-Kinh lại trải qua lần trùng-tu và tân-thiết nữa với nền hành-chính thu gọn từ 35 xuống 23 khu hành-chính.

Bây giờ, thì một Đông-Kinh mới, Đông-Kinh đẹp, Đông-Kinh độ sộ, Đông-Kinh hùng cường, Đông-Kinh làm lu mờ cả Luân-Đôn của phía trời Tây là vấn-đề mà quý độc-giả đều đã rõ cả; duy có việc tổ chức đại học là câu chuyện thiết tưởng cần trình bày đôi chút. Nền đại-học chuyên-khoa các ngành hiện có ở Đông-Kinh là 61 trường; chia ra, 10 trường do quốc-gia thiết-lập 1 trường của Đông-Kinh, còn 50 trường nữa là tư-thực.

Tại một quốc-gia thi-hành cưỡng-bách giáo-dục đến hết trình độ trung-học mà tại thủ-đô, số đại-học tư-thực nhiều đến gấp năm lần công-lập, không phải chính-phủ Nhật-Bản không có khả năng thiết lập, duy chỉ tại các tư-thực có giá-trị hơn công-lập, giá trị hơn về nhiều phương diện, nhất là về kết quả thời khả-năng người sinh-viên tốt-nghiệp đại-học tư-thực hơn hẳn người sinh-viên tốt-nghiệp công-lập một bậc. Tại Nhật-Bản, trong nhiều năm nay, công-sở cũng như tư-sở, người ta thu dụng hết sinh-viên tốt-nghiệp đại-học tư-thực rồi còn thừa chỗ mới đến phần sinh-viên tốt-nghiệp công-lập. Thế nên,

chính-phủ nghĩ rằng, khi đại-học tư-thực đã giá-trị hơn công-lập thời thà trợ cấp nhiều cho tư-thực khoáng trương cơ-sở còn hơn là tự mình xây cất nên đề rồi đào tạo ra sinh-viên lại kém khả năng.

Đến cái « thuật » khiến đại-học tư-thực giá-trị hơn công-lập, là bởi các nhà giám-đốc tư-thực đều làm việc với chương trình tính toán tỉ mỉ, thấy quốc-gia yếu về ngành học-thuật nào là tự xuất-dương học về ngành nấy ; khi trở về nước mở trường phổ-biến thời trường của họ phải là trường có tổ-chức tránh hết những khuyết-điểm của đại-học công-lập thường mắc phải. Thế nên, việc thi vào đại-học tư-thực ở Đông-Kinh bây giờ, khó khăn và chật vật quá đỗi, khó khăn đến độ mà thí-sinh đâm ra mê tín, cầu vọng cả hên xui, ngày sắp thi thời lễ bái xin sâm thủ quẻ, hôm đi thi thì chọn giờ hạp tuổi để xuất hành, có khi vì giờ hạp mà phải đứng chờ thâu đêm ở cổng trường cũng cứ phải ra đi cho được yên tâm.

Chả vì, thi lọt vào được một đại-học tư-thực thời chắc chắn nên người mà !!!

★ Những giờ phút thăng trầm của Lịch sử Đông-Kinh

Giang-Hộ được nổi tiếng kể từ ngày dòng họ Đức Xuyên lấy làm thủ phủ. Tuy nhiên, trong 263 năm — (1603 - 1867) — cầm quyền của dòng họ này, đất nước Nhật Bản đã chịu đựng trên 130 trận đói liên tiếp, nên Giang Hộ cũng đã từng chứng kiến cả ngoài 130 năm mà hàng đoàn, hàng đoàn cơ dân đói rách thảm hại từ các làng lẻ thân đến thủ đô chờ chút gạo chần đề rồi chết gục trên khắp các vỉa hè, dĩ chí cả nội-phủ Tướng Quân mà dân đói cũng lần vào xin bố thí. Giang-Hộ cũng đã chứng kiến không biết cơ man nào, mỗi ngày không biết là mấy lần những vụ dân đói nổi lên đánh phá các nhà giàu, các nhà quan lớn, các hiệu buôn, các nhà cho vay lãi, các tiệm cầm đồ ngay giữa ban ngày và ngay trước Phủ Tướng Quân mà dòng Đức Xuyên không dám cho quân ra tiêu diệt, e rồi sinh loạn lớn.

Cũng trong 263 năm cầm quyền của dòng Đức Xuyên thời Giang Hộ chịu trên 200 vụ hỏa hoạn lớn, có ghi chép. Tự trung-

thê thảm hơn cả là ba vụ trong những năm 1657, 1772, 1806. Riêng vụ năm 1657 mà lịch sử gọi là Minh Lịch Đại Hỏa — (Meireki No Thaika) — xảy vào ngày 18 tháng Giêng, phát từ chùa Bản Diệu Tự — (Honshô Ji) lan ra mấy giấy phố chung quanh. Bất hạnh gặp luôn trận bão khan, chỉ gió lớn chứ không mưa nên lửa lửa thiêu tàn Giang Hộ trong hai ngày hai đêm liền. Thủ đô có 808 đường phố thời cháy hết 800 giấy, lửa đỏ bốc hồng trên diện tích ngoài 20 cây số đường kính, không nói gì nhà cửa dân gian mà đến bao nhiêu lâu đài của các ngành Đức Xuyên cùng Mạc thần cũng đều tiêu sạch. Số người chết cháy lên tới 10 vạn, đầy Giang Hộ vào cảnh điêu tàn khốn khổ không thể nào tả xiết. Vụ hỏa hoạn năm 1772 cũng phát từ chùa Đại Viên Tự — (Ôen Ji) — mà ra, tuy không thiêu tận Giang Hộ nhưng lửa cũng tàn hại hàng mấy cây số đường kính xung quanh chùa.

Đến chuyện đụng chạm với Tây phương, thời trước là Giang Hộ sau là Đông Kinh, đều chứng kiến những sự việc khiến người ta có cảm tưởng rằng, cứ mỗi lần đụng độ với người Mỹ là một lần người Nhật bị thất bại. Tháng 6 năm 1853, tướng Matthew C. Perry đem quân hạm đến thả neo ngay trước Giang Hộ khiến Mạc Phủ cuống cuống vội vã phứt bỏ lệnh tỏa quốc, mở cửa cho Tây-phương tới lập nghiệp buôn bán, đặc hường trị ngoại pháp quyền. Ngày mùng hai tháng chín năm 1945, cũng quân-hạm Mỹ đến đầu trước Đông-Kinh để người Nhật tới ký-nhận đầu hàng đồng-minh không điều-kiện. Sang tháng Mười năm này, khi Chiêu-Hòa Thiên-Hoàng bận riều phục đến yết kiến tướng Douglas Mc. Arthur tại tư dinh ở Đông-Kinh thời cũng là ngày Đông-Kinh chứng kiến số 2.000 thanh niên tạch bụng tự-sát để đánh dấu ngày quốc hận của dân tộc.

Và bây giờ trên con đường song song nắm tay chặt chẽ với Nữ Ước, Đông-Kinh đương tiến triển vượt mức, tới độ làm lu mờ cả vai trò của Luân-Đôn như chúng tôi đã trình bày.



TUYÊN - NGÔN

của

TAO-ĐÀN BẠCH-NGA

LỊCH sử xã hội ngày xưa có khác với lịch sử xã hội hôm nay, đời sống và nghệ-thuật cũng có khác biệt, thăng tiến rất nhiều. Tuy nhiên có một điểm duy nhất, mà nếu người hôm nay đã hoàn toàn đề lạc mất đi, thì sẽ bị thiệt thòi lớn. Đó là cái bản chất hào hoa của thi-nhân, cái đạo Tình của người Thi-sĩ đối với xã-hội loài người. Đạo Tình ở đây, không có nghĩa mang nặng tính chất của một tôn giáo, nó không có những giáo điều cứng nhắc, bất biến, khô khan của một thời gian nào đó mà đến nay cần phải xét lại để phù hợp với quần chúng tín-đồ. Đạo Tình của Thơ, hay nói rõ hơn là cái bản chất của thi-nhân, là một thứ ánh-sáng tự nhiên của mặt trời phát ra, ánh sáng đó xua lẫn khoảng thâm u của đêm tối, rọi khắp nơi, tạo nên sinh khí cho loài vật, cỏ cây, bầu trời tươi thắm và sinh động. Thời đại nào có nhiều thi-sĩ, là thời đại huy-hoàng nhất, chẳng hạn như Thời Minh-Hoàng, đến nay lịch-sử văn-học còn ghi lại những nét đậm đà về cái Tình của thi-nhân,

BẢN TUYÊN NGÔN

cái Mộng của đời người diễm tuyệt cao viễn — *Mộng Đường Minh-Hoàng* du *Nguyệt-diện*; *Lý-Thái-Bạch* hào hoa phong nhã, *Dương-Quý-Phi* nhan sắc tuyệt vời. Tất cả những khung cảnh thơ mộng đó, loài người luôn hoài vọng đến, nhất là giữa lúc Lịch-sử hỗn mang, xã-hội tào loạn, lòng người điên đảo này; Bản chất của Thi-sĩ cần thiết vô cùng. Nhưng không riêng gì những *giấc mộng* (tượng trưng cho sự cảm thông giữa con người và vũ-trụ, con người hào hoa với nhau) mà người thi-sĩ hôm nay cần phải nói lên: *tiếng nói thực hiện đời sống xã-hội, công bằng, no ấm của loài người*. Có nhiều quan điểm nghệ-thuật, nhiều trường phái mà chúng ta đã biết như ở Pháp, thi ca tiến triển nghệ thuật của nó từ thơ *cổ điển* đến *lãng mạn*, *tượng trưng*, *hiện thực*, *đa-đa* (dadaisme), *siêu thực*, *tự-do*, và cứ mỗi trường phái đều có những quan điểm nghệ thuật riêng biệt về thơ của họ. Tuy nhiên, bản chất của thơ đều hiện ra bằng bạc trong tất cả các nghệ-thuật thi-ca đó, trong thơ *lãng-mạn* có mang chất *tượng-trưng* hay *siêu hình*, trong thơ *tượng trưng* ngoài cái hình thức xử dụng ngôn ngữ nhạc thơ, cũng có mang tính chất *siêu hình* rất nhiều. Nói chung là *bản chất thi-ca thuần túy bao giờ cũng phải có trong mọi hình thức thi-ca từ xưa đến nay*.

Vì tìm hiểu rõ bản chất của thi-ca như thế, và sau nhiều lần trao đổi những nhận xét về tình trạng, tâm linh của con người, về đời sống xã-hội, đặt định một đường hướng nghệ thuật thi-ca cho phù hợp với tình yêu thương, nói lên tiếng nói khẩn thiết của đời sống hiện tại. Tất cả chúng tôi, những người trong ban sáng lập *Tao-Đàn Bạch-Nga*, đều đồng ý, cùng chung nhau một lập trường, một tiêu chuẩn vững chắc về thơ, dựa trên những quan điểm cần thiết của nghệ thuật thi-ca đối với cuộc đời, thảo ra bản *Tuyên-ngôn của Tao-Đàn Bạch-Nga*. Vừa để tìm hiểu thơ *Bạch-Nga*, vừa để đặt cho chúng tôi một trật tự giữa mọi khuynh hướng, và đồng thời góp lên tiếng thơ chung trong nghệ thuật thi-ca hiện đại *Bản Tuyên Ngôn của Tao-Đàn Bạch-Nga* đã lấy thi phẩm *Hoang-Vu* của Nguyễn-Vỹ ra đời vào tháng 11, 1962, làm tiêu chuẩn cho nghệ-thuật và bản chất thi-ca. Thực ra, khởi điểm của Trường thơ *Bạch-Nga* từ thời *tiền chiến*, liên tục đến ngày nay

trên một căn bản phát huy càng ngày càng thêm vững chắc, phổ quát, với một xu-hướng càng thích hợp, và những khả năng sáng tạo trên một lĩnh vực rộng rãi mà thơ Bạch Nga đã đạt tới. Đề bạn đọc có một khái niệm rõ ràng về nghệ thuật thơ Bạch Nga, chúng tôi xin khơi mở ý nghĩa của danh từ *Bạch-Nga* dùng tượng trưng cho trường thơ này trước hết.

Trường thơ Bạch Nga mang một dấu hiệu tượng trưng đặc biệt, điểm phát nguyên của Bạch Nga với hình ảnh và màu sắc thanh bạch của nó, như chúng ta thường thấy loài thủy điều mà tiếng Pháp gọi là « Le Cygne », tự điển Tàu chép là Thiên Nga. Trong tự điển Đào-Duy-Anh cũng thấy chép là Thiên Nga theo tự điển Tàu. Nhưng nhóm Nguyễn-Vỹ và Trương Tửu ở Hà-Nội năm 1936 không chịu ý nghĩa và danh-từ đó. Vì người Tàu gọi Thiên Nga (loài Ngỗng Trời) cốt ý để phân biệt với con Nga cùng một loại, mà người Pháp gọi là « L' Oie ». Nhưng con Ngỗng cũng bay được như Ngỗng Trời, thì gọi riêng con Cygne là Thiên Nga sao được, danh từ ấy tất nhiên là ép gượng và không xác nghĩa.

Vả lại trong lúc Trương Tửu và Nguyễn-Vỹ muốn mượn con Cygne làm tượng trưng cho lối thơ mới của mình thì hai chữ Thiên-Nga lại càng không thích hợp. Vì thế khi Nguyễn-Vỹ đưa ra danh từ *Bạch-Nga*, thì Trương-Tửu tán thành ngay. Chữ Nga chỉ chung các loại Ngỗng, có Ngỗng trắng, đen, xám, Ngỗng Bắc-âu, Ấn-Độ, Bắc-Mỹ v.v... Riêng danh-từ *Bạch-Nga* chỉ con Cygne toàn trắng để phân biệt với con Hắc-Nga (Cygne Noir), lông toàn đen. Đó là ngữ nguyên của hai chữ *Bạch-Nga*. Về ý-nghĩa văn-nghệ, thi ca theo người Latin và Hy-Lạp thời Thượng Cổ, con *Bạch-Nga* là tượng trưng cho *Thơ và Nhạc thuần túy, tinh khiết, uyển chuyển, và diễm lệ*. Pindare, thi-sĩ trữ tình Hy-Lạp, 521-441 trước J.C. nổi danh về cách dụng ngữ táo bạo và lời thơ ngân lên nhạc điệu thời bấy giờ, ý thơ thanh cao, thuần túy, đã được gọi là con Bạch Nga ở Dirce (Le Cygne de Dirce).

Virgile thi-sĩ La Tinh, 71-19 trước J.C. mà trải qua bao nhiêu thế kỷ người ta còn thường thức say mê lối thơ ca ngời thiên nhiên, cảm thông với vũ trụ, câu thơ tinh vi, lời thơ trong sáng,

ý thơ mộng mên, nhạc thơ du dương êm ái, đã được gọi là con *Bạch Nga ở xứ Mantoue*.

Fénelon, nhà văn của Pháp, giữa thế kỷ 17, đầu thế kỷ 18 (1651-1715) không bao giờ làm thơ, nhưng câu văn đầy cảm khái êm đẹp, trong suốt, ý văn dồi dào, tư tưởng thuần túy vượt qua thời đại của ông và đã dọn trước con đường cho thế kỷ 18 với lối văn bóng bẩy, mà mạnh mẽ, tiến bộ. Người ta cũng gọi Fénelon là con *Bạch Nga ở xứ Cambrai*.

Nói chung trong văn-học nghệ thuật, *Bạch Nga tượng trưng cho Thi Văn Nhạc thuần túy, tinh khiết như màu trắng của nó, uyển chuyển như dáng điệu của nó*.

Đêm Trung Thu năm Bính-Tý (30-9-1936) trên một gác trọ nhỏ hẹp ở Khâm-Thiên, ngoại ô Hà-Nội, nhóm Nguyễn-Vỹ — Trương-Tửu và sau có thêm vào Mộng Sơn, đã thành lập *Tao Đàn Bạch Nga*, lấy con Bạch Nga làm tượng trưng cho một trường thơ có tính chất và nghệ thuật khác với lối thơ đang thịnh hành lúc bấy giờ.

Đây là hai đặc điểm của thơ Bạch Nga :

★ *Thơ Bạch Nga là thơ thuần-túy* (poésie pure). Không cần phải tranh luận và bảo vệ về những danh từ « vi nghệ thuật » « vi nhân sinh » hay « vi » một yếu tố nào có tính chất quá khích mà giả tạo.

Thuần túy là *chuyện sự tự nhiên cảm xúc mà phát xuất từ tâm hồn thi nhân*, như giòng suối trong vắt, từ mạch nguồn tinh khiết chảy ra, từ những tình cảm thiết tha, thầm kín trong nội tâm, chuyển qua các phù trầm của số kiếp con người, của toàn thể nhân loại và vươn lên hòa hợp với vẻ thanh cao huyền bí của vũ-trụ.

Thơ Bạch Nga không đặc biệt chú ý đến Duy Tâm hay Duy Vật, không xu hướng sáng tác theo lý thuyết nào riêng, từ Trữ Tình hay hùng tráng, hoặc siêu thực, tượng trưng hay Siêu hình... Thơ Bạch Nga phản ánh những suy tư và những cảm xúc khắp các chân trời; từ thực tế nhân sinh đến hiện tượng giới khơi rộng Tâm Thức con người mang theo định mệnh, tiến tới viễn tượng

sâu thẳm của Thơ, một hồn thơ, một chất thơ, song song với sự hướng thượng của loài người và sự vô cùng vô biên của vũ trụ. Hiện tượng của thơ Bạch Nga có thể là từ một giọt sương rơi đến một vì sao chết, từ tiếng sáo vi vu trong đêm khuya đến tiếng kinh động khủng khiếp của các mộng nguyên tử. Từ con người với số phận con người, qua con người xã hội, đến con người của vũ trụ và con người đối với hư vô, con người bắt được biên giới chên vênh của cõi hư vô cùng.

Thơ Bạch Nga là ánh sáng điều hòa với bóng tối, là mây gió hiền diệu, là tiếng rên rỉ xót xa của muôn loài, là nhịp thở hồi hộp phập phồng của trần gian, là thơ của loài người cảm thông với thơ của Thượng-đế.

Cần hiểu thêm những đi ềm tiên khởi về xu hướng và sự đạt định tiêu chuẩn của thơ Bạch Nga, chúng ta nên trở lại thời tiền chiến, nhất là khoảng 1932-1937 bấy giờ hai phong trào « thơ cũ » và « thơ mới » đang xôn xao. Cũng như, đồng thời ở Nhật-Bản và ở Indonesia cũng đã nảy ra phong trào « Thơ mới » tương tự như ở Việt-Nam, đều do ảnh hưởng của thơ Tây Phương. Ở Indonesia, Thơ mới mệnh danh là « *Thế hệ 1925* », chịu ảnh hưởng của thi ca Hollandia. Thơ mới của Nhật gọi là *tenshi* thì bắt nguồn ở thơ Anh và thơ Đức. Riêng ở Việt-Nam thì các thi sĩ làm « thơ mới » thời tiền chiến đều ở lớp thanh-niên trí thức đã được đào tạo khá đầy đủ nơi học đường Pháp. Họ được thấm nhuần nhiều nhất thi ca lãng mạn và trữ tình Pháp của Thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, từ André, Chénier, Lamartine, Musset đến Verlaine, Rimbaud, Beaudelaire. Ảnh hưởng của Paul Fort, Eluard, Aragon, chưa có mấy, hay là có thể nói chưa có gì. Vì thế các loại « Thơ mới » của Việt-Nam tiền chiến, nói đúng là trong khoảng 1932-1937, đều có tính chất trữ tình và lãng mạn. Đồng thời, thơ cũ vẫn còn được thịnh hành với chất cổ điển theo truyền thống của nó.

Hai phong trào cũ mới đi song song với nhau, mỗi bên theo khuynh hướng tự nhiên của mình, chứ thật ra không có sự chống đối náo nhiệt như ở Pháp giữa Thế kỷ XIX, hay gay gắt như ở Indonesia đầu Thế kỷ XX. Giữa lúc đó, năm 1936, lần đầu

tiên người ta nói đến thơ Bạch-Nga, làm xôn xao cả lớp Thơ mới, lẫn Thế hệ Thơ Cũ. Bởi cái bản chất của Thơ Bạch Nga là thuần túy cho nên nó không chia rẽ Đông Tây, không phân biệt Mới, Cũ, không đeo một chiêu bài riêng biệt của bè phái nào, về hình thức cũng như tinh thần mà nó chủ trương và bảo vệ. Thơ Bạch Nga đưa ra ý thức về sự trường tồn vĩnh viễn của Thơ. Trong thi ca người ta thường hay phân loại theo thời gian tính, đặt trong khoảng không gian nào đó. Thơ thuần túy không phải như thế. Có những l ời thơ cách nhau ngàn năm vẫn gặp gỡ nhau, nói chung một tiếng thơ. Chẳng hạn một bài thơ đậm tình của Sapho, nữ thi sĩ Hy-lạp 3.000 năm trước J.C. và một bài thơ lãng mạn, tả chân, siêu thực của Hồ-xuân-Hương ở Việt-Nam 1800 năm sau J.C. vẫn cùng chung một cảm hứng. Một vài ý thơ của Paul Eluard đã có trong Nguyễn-Du, của Nữ sĩ phù tang Yosano Akiko đã có trong nhà thơ Ba-tư Omar Khayyam, của Hàn-mặc-Tử trong Dante, trong Edgar Poe, trong Beaudelaire, của Charles d'Orléans trong Lý-thái-Bạch v.v...

Bởi Thơ có tính chất vĩnh viễn, và thuần túy, trong như ngọc thạch, sáng như sao, dù đau thương, dù vui, buồn, oán, giận cũng bộc lên một sự thành thật cảm hứng, nên Tao Đàn Bạch Nga chủ trương không có tính cách nương theo thời đại, thời gian uyên náo, phù phiếm, hoặc với thời thế mà biến chuyển. Thơ không là cái áo mặc của con người thế-hệ hôm nay hay ngày mai, mà là tiếng nói tinh khiết của con người trong xã-hội nhân gian, con người trước thiên-nhiên của sự vật. Khoảng 1932-1937, một số đông thi-sĩ Việt-Nam đua nhau làm thơ Trữ tình (*poésie lyrique*), một vài thi-sĩ tách ra làm thơ tượng trưng (*poésie symbolique*), một thi-sĩ khác thí nghiệm thơ hùng tráng (*poésie épique*). Tất cả đều chịu ảnh hưởng nhiều hay ít của Thơ Tây-phương.

Thơ Bạch Nga cũng không tránh được ảnh hưởng tự nhiên ấy, nhưng vẫn chủ trương thơ *thuần túy*, không hòa mình vào *cuộc tiến triển của các môn phái quay cuồng trong khuôn khổ giả tạo mà chính họ tự bao vây họ cho đến lúc cùng cạn, không lối thoát, mất cả cảm hứng.*

(còn tiếp)



★ Antoine Blondin

• N. H. dịch

Là một văn sĩ thuộc lớp mới của văn nghệ Pháp hôm nay, ông có lối văn rất sâu sắc cay đắng, với những mẫu chuyện về xã-hội đen.

Qua tác phẩm « La Fin de Tout » gồm những chuyện ngắn, Blondin đã được coi như văn sĩ nổi tiếng tiêu biểu cho hướng tả chân hiện thực. Sau L'Humeur vagabonde đây là tác phẩm giá trị đã đoạt giải thưởng : chuyện hay của nhà xuất bản La table Ronde. Chúng tôi trích dịch một mẫu chuyện của ông để hiến bạn đọc.

NORMAN bước vào Ngân-hàng, bác tùy phái chỉ dẫn ngồi ở chiếc bàn ngoài cũng như thường lệ chào chàng :

— Mạnh giỏi thấy Ký.

Thường lệ Norman không thấy gì, chàng gần như đứng đưng là khác, thế mà hôm nay bỗng nhiên chàng tưởng nó ra làm sao ấy, qua một giây luồng cuồng, Norman đáp :

— Ở mạnh giỏi, có bác Gilbert tới chưa ?

— Có, ở trong quầy !

Norman gật gù đi thẳng lại phòng phát ngân, một bà mập béo, gương mặt đầy những thịt ngổ ở quầy nhìn Norman, chàng nhận ra đó là mẹ Monique, chồng mẹ từng tham chiến trong trận đệ nhị thế chiến và bỏ mình ở Alsace, nhờ đó hàng tháng mẹ xuất hiện ở ngân hàng để lãnh tiền tử tuất. Norman không ưa mẹ ta vì phải cái tội bẻm mép, mẹ vừa thấy Norman đã dõn dẽ :

— À, ông Norman hôm nay đi lãnh tiền về phát thấy thợ đầy hả. Norman không muốn đáp nhưng sợ sự im lặng sẽ có hại, chàng đành đáp xuôi :

— Ở lãnh tiền về phát cho nhân công.

Vừa lúc đó viên phát ngân gọi tên mẹ Monique, giải thoát hộ chàng, Gilbert thò đầu sát mí mảnh-mảnh hỏi Norman :

— Bác chưa lĩnh à ?

— Tôi chờ cụ đây !

— Chi phiếu đâu...

Norman run run mở cặp lấy tờ chi phiếu trao cho Gilbert, năm phút sau chàng đã có trong cặp năm triệu quan sô tiền suốt đời chàng dù tận tụy, dù cò găng bỏ hơi tai cũng chẳng đào đâu ra.

Lúc rời ngân hàng đã 15 giờ 35 phút, hai chân Norman run lên, chàng bước đi gấn không nổi vì vừa surg sướng vừa hồi hộp các việc bất thường, ra khỏi ngân hàng, Norman thò phào khoan khoái, một cơn gió mát thổi qua khiến chàng dễ chịu lại, vẫy tay gọi một chiếc tắc-xi Norman dặn :

— Ra thẳng ga nhé...

Norman là thư ký cho một công ty xuất nhập cảng tại tỉnh Toulouse, chàng hãy còn trẻ, độc thân, mái tóc màu hung lòa xòa phủ vầng trán rộng thông minh, người gốc Marseille nhưng mẹ chàng vốn có họ hàng với viên giám đốc công ty là ông Jean Chagall, nên chàng được thu nhận vào một chân thư ký kê toán. Thoạt đầu Norman chỉ là một nhân viên hiền lành chắt phác lại cần mẫn, làm việc đặc lực nên ông Chagall lần

hồi tin cậy và giao cho việc đi ký gửi hoặc rút tiền từ nhà ngân hàng về phát cho thợ thuyền, nhân công.

Cuộc sống của Norman cứ thế êm trôi cho đến một ngày chàng được đi Ba-Lê với ông giám đốc, chính một tuần lưu lại kinh thành, những nàng con gái thủ đô đẹp mặn-mà của khu Saint Marc, khu Poissonnière quận nhì, hoặc những hộp đêm ở Saint Michel, Grande Année, các xóm Pigalle, Montparnasse đã lôi cuốn Norman quên cả cương vị chàng là một thư ký quèn lương tháng không hơn ba chục nghìn quan, nhưng đó cũng chưa phải là yếu tố khiến Norman quyết định liều lĩnh. Nguyên động lực chính là nàng Jacqueline ở khu Castelot. Norman chưa hề gặp một người con gái nào đẹp như vậy, chàng đã đắm đuối say mê nàng cũng như hứa hẹn sau khi về Toulouse sẽ lên lại Ba Lê chung sống với nàng.

★

Trở lại Toulouse, suốt mấy ngày liên tiếp Norman nhai nét bút và chữ ký của ông Chagall, chưa hết, chàng còn thử bắt chước giọng nói ồ ồ của ông giám đốc, vì đó là những điểm cần thiết cho dự định lớn lao của Norman, chàng quyết phải thực hiện cho được.

Sau cùng Norman đã thừa lúc ông Chagall đi vắng, chàng thử giọng với viên chủ sự phòng kinh tế của công ty, quả nhiên ông ta bị lâm ngay, mới có một thành công, Norman lấy giấy của ông giám đốc viết vài chữ và ký tên ra lệnh cho viên thư ký hành chánh dẫn một chỗ trên tàu hỏa Toulouse — Ba-lê vào ngày thứ bảy, quả nhiên mười phút sau chàng vào phòng giám đốc đã thấy vé tàu hẵn hoi.

Công việc giả mạo đã có kết quả. Norman yên chí chờ đợi tới thứ năm chàng viết một bức thư cho viên giám đốc Ngân hàng báo tin sắp rút năm triệu quan vào chiều thứ bảy để có việc cần dùng, chưa hết, để tránh việc hỏi lại của ngân hàng, Norman giả dạng nói của ông chủ gọi giấy nói xác định là thư và cho biết sẽ lấy đúng 15 giờ 30 trước khi ngân hàng đóng cửa.

Norman làm như vậy không phải là không có dụng ý, sở

đi chàng dặn đúng 15 giờ 30 cho người tới lấy, như vậy dù sau đó ông Chagall có phát giáe cũng không được vì ngân hàng đóng cửa nghỉ việc tới sáng thứ hai, hoặc nếu ông Chagall có thấy mặt chàng trong thành phố vào ngày chủ nhật, có nghi ngờ điều chi cũng phải chờ thứ hai, một khoảng thời gian đủ để Norman tung bay xa chạy tận Ba-lê.

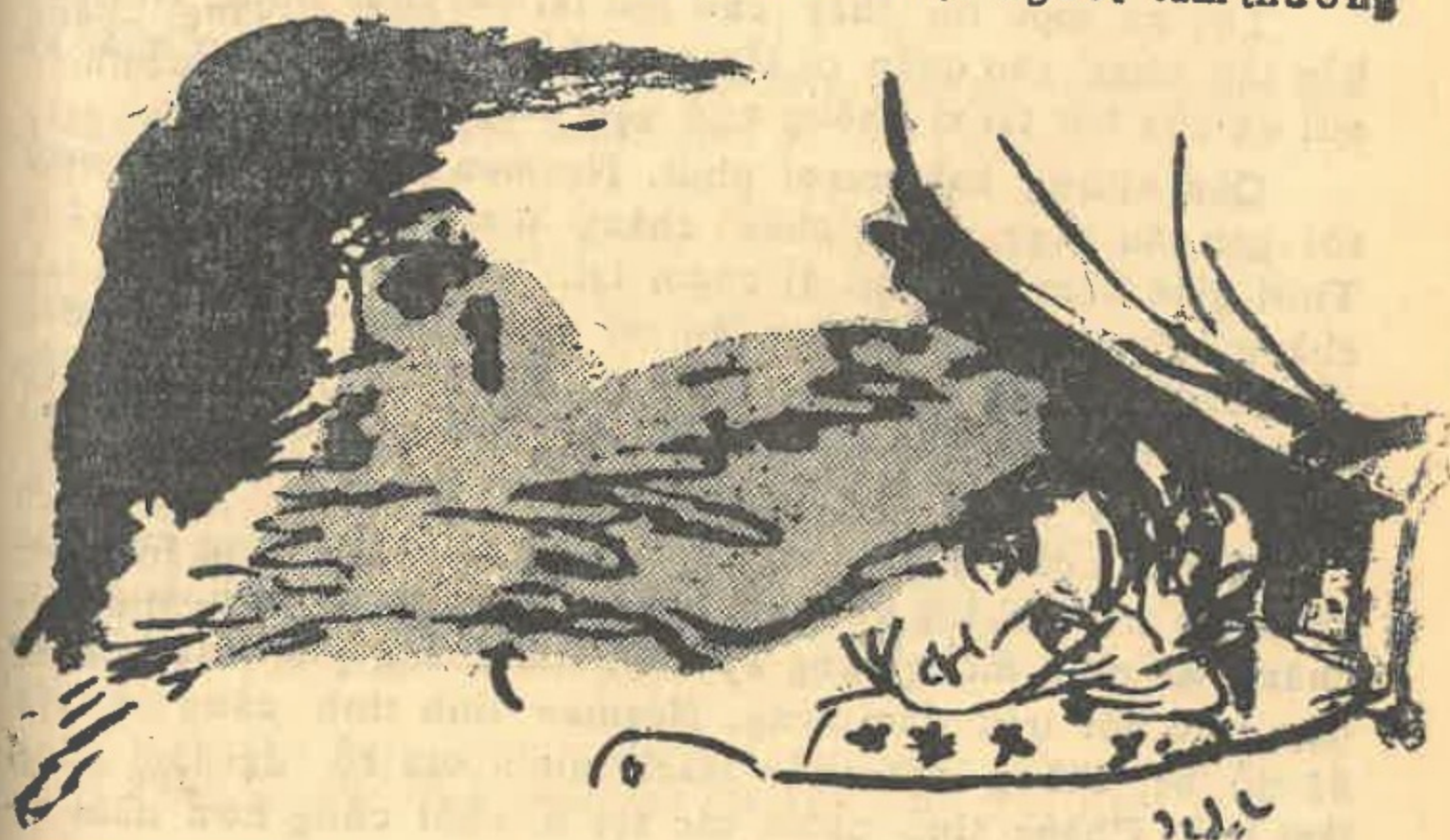
Rồi ngày thứ bảy tới, Norman xin phép ông Chagall về sớm năm phút, đó là lệ thường các nhân viên hay về sớm vào chiều thứ bảy, lẽ dĩ nhiên ông Chagall làm sao nghi ngờ chàng sắp làm một việc tày trời cho được.

Tuy vậy để chắc kết quả, Norman lại gọi điện thoại cho viên giám đốc ngân hàng nhắc là sắp cho người tới lấy tiền.

Quả nhiên sau đó Norman đã có trong cặp da sờ tiền to tát mà chàng âm mưu lấy hết sức dễ dàng.

Đọc đường từ nhà băng tới ga, Norman miên mang nghĩ ngợi, đôi mắt chàng hoa lên với bao nhiêu màu sắc chói chang, tim chàng đập mạnh và nhanh hơn, chàng thấy rộn rã gần như muốn hét thật to và vang dậy một vùng trời.

Thường ngày ra phố chàng chỉ là một người tầm thường



một gã thư ký như muôn ngàn thư ký khác an bày với số phận, nhưng hôm nay thì khác hẳn, chàng đã là một người giàu có, một người đang ôm trong tay số bạc kết sù, chàng có thể làm cho mọi người cúi đầu quỳ phục chàng vì số tiền ấy, chàng ao ước phải chỉ có phép màu gì để khiến người ta nhìn thấy chàng là kẻ đang ôm tiền, số tiền lớn lao hiếm có.

Chàng muốn móc ra mấy xấp rãi tung dọc đường như bướm bướm để vui mắt, để coi thiên hạ tranh nhau giựt, lẫn nhau dành và xâu xé nhau tới đâu, bất giác Norman ngã dài ra mềm lằm bằm :

— Ta giàu rồi, ta sắp sung sướng rồi !

Bác tài ngồi phía trước ngó chàng hỏi chuyện nên nói to :

— Dạ ông hỏi gì ạ ?

Norman giật mình chàng đáp vội :

— Không... không... ai hỏi gì đâu !

Ngang một ngã tư Norman chợt hoảng hốt, mặt tái mét, trước mắt chàng ông Chagall đậu xe lại, ông ta nhìn chàng dò hỏi, rồi vẫy tay chào khi đèn bật xanh, xe lao đi, Norman nhò phào thoát nạn.

Tới ga, móc túi thấy cho bác tài hai chục đồng, Norman hấp tấp chạy vào quên cả lấy tiền thời trước, về ngơ ngác và vui vẻ của bác tài vì không ngờ gặp ông khách sộp.

Còn những hai mươi phút, Norman náo nức trông mau tới giờ tàu chạy, chốc chốc chàng đưa tay nhìn đồng hồ, Thời gian hôm nay sao đi chậm lại, Norman lại sợ đồng hồ, chàng ngừng máy, vội đưa lên tai nghe tiếng tí-tách vẫn đều đặn, bách bộ qua lại trước thềm ga, Norman áy náy vì sợ gặp người quen hoặc ông Chagall bất ngờ tới nhà ông chủ ngân hàng hay gặp thẳng cha lẽ mếp Gilbert thì nguy cho chàng.

Norman còn đang nóng ruột, bỗng từ phía cổng một bác cảnh sát tiền thẳng về phía chàng, Norman có vẻ hoảng hốt, chàng vờ nhìn móng lưng kỳ thật tìm chàng gần như ngừng đập, mồ hôi ướt đầm lưng, Norman linh tính công chuyện đã đổ bể, chàng chán nản trách mình sao rõ đại làm xằng làm bậy. Chàng tính nhăm các tội ít nhất cũng hơn năm tù

ở, nhưng viên cảnh sát tới gần Norman quá mau và chỉ cách vài với tay, chàng không kịp phản ứng thì hắn ta đã hỏi :

— Xin lỗi, ông có phải là ông Norman không ?

Norman lo âu đáp :

— Phải, rồi sao ?

Viên cảnh sát chợt dồn dả :

— Trời ơi anh quên tôi rồi sao, Daniel đây... tôi với anh hồi đó cùng học ở Marseille đây mà.

Norman tuy không nhận ra người bạn cũ nhưng mắt chàng sáng hẳn lên và nét mặt tươi hơn, Norman không ngờ mấy phút vừa qua đã suýt khiến chàng nghẹt thở. Cầm tay Daniel. Norman vờ cảm động hỏi :

— Thề anh về đây bao lâu ?

— Hai năm. Tôi có nghe cụ bảo anh làm ở đây nhưng hỏi dò không ai biết cả. Thề nào, có khá không ?

Norman đã lấy lại bình thần, thái độ dồn dả ban đầu lắng lại, chàng ậm ừ cho qua chuyện trong lúc Daniel huyên thiên.

Một hồi còi tàu rít lên, Norman vội từ giã Daniel, viên cảnh sát còn níu tay chàng dặn dò :

— Anh đi xong khi về tới tôi nhé... bình nhật Daniel ty cảnh sát thành phố.

Norman gật gù bước lên toa tàu, những tiếng bánh sắt nghiền lên mặt rầy kêu nhưc óc.



Norman tới Ba-lê thì trời cũng đã tối, màn đêm buồng xuống kinh thành, những ngọn đèn muôn màu muôn sắc tỏa sáng rực rỡ, Norman gọi xe tới nhà Jacqueline, chàng ngạc nhiên nghe tiếng cười vui rộn rã trong phòng riêng của nàng, cơn ghen tự nhiên nổi dậy. Chàng định bỏ nàng đi tìm người khác, vì bây giờ chàng đã là kẻ có tiền cơ mà. Nhưng Norman chưa hề biết rành thủ đô, chàng ái ngại, sau cùng quyết định phải gặp Jacqueline đem tiền mua nàng, may ra chàng sẽ yên thân.

Thoạt đầu Jacqueline nghe nói tên chàng, nàng cười bảo :

— Norman ở Toulouse, chà cái thằng cha nhà quê nào vậy ?

Norman có hơi tức, nhưng cô dần lòng :

— Jacqueline, anh là Norman đây, em còn nhớ anh không ?

Jacqueline trợn mắt ngạc nhiên :

— Norman... Norman... anh là thằng cha nào hở ?

— Trời ơi, anh ở Toulouse, anh là... là... công ty Chagall ý mà.

Jacqueline chừng như nhớ ra, nàng cười ngặt nghèo :

— Ủa anh đây hả... em xin lỗi anh nhé.

Nói xong, nàng nhào tới bá cổ chàng hôn đánh chụt lên má Norman, sượng quá quên cả giận, mấy chàng trai kia ngồi ngẩn ra. Jacqueline quay lại giới thiệu Norman với mấy chàng trai :

— Đây là anh Norman yêu quý của em, còn đây là các bạn của Jacqueline đây, anh bắt tay họ đi.

Norman vừa cười vừa bắt tay từng người; sau đó mấy chàng trai rút lui, Norman liền ôm Jacqueline vào lòng thủ thủ :

— Em ơi mình sắp giàu có rồi, mình sắp thành một nhà vương giả, em hãy đi thay quần áo và trang điểm cho thật đẹp, anh sẽ đưa em đi ăn và mua sắm...

Jacqueline cắn yêu trên vành tai Norman, âu yếm :

— Mà tiền ở đâu hả anh ?

— Nhiều lắm... Nhiều lắm... năm triệu quan lận em ơi.

Vừa nói Norman vừa mở cặp liền ra trước mắt Jacqueline, cô ta ngồi im sững mấy giây rồi bất ngờ ôm chầm lấy Norman, đè chàng xuống giường hôn như mưa vừa rền rĩ :

— Anh ơi, anh đáng yêu lắm, em yêu anh suốt đời.

Thế là tối hôm đó, Norman bỗng nhiên trở thành một tay ăn chơi hào hoa phong nhã, một bá tước bất ngờ của kinh đô ánh sáng với cái tên De Norman vốn dòng đại đế De Charlemagne.

Norman rất sung sướng được kể cạnh Jacqueline vì nàng rất sành sỏi, rất diễm lệ, lại quen toàn các bậc phong lưu. Do đây Norman đã sắm cho nàng gần hơn hai trăm ngàn quan nữ trang.

Một ngày chủ nhật huy hoàng lại trôi qua, số bạc năm

triệu của Norman mới hao hơn ba trăm ngàn, chàng thấy đời có tiền thật nhiều quả thần tiên thật, nhưng tới sáng thứ hai khi chàng ngủ dậy, ánh nắng ngoài cửa sổ ủa vào chối chàng, sờ sang bên cạnh tìm Jacqueline, Norman giật mình thấy giường trống, ngỡ nàng dậy sớm, Norman kêu gọi vang nhà :

— Cưng ơi... cưng ơi...

Nhưng «cưng» của Norman đã mất hút, chợt nhớ số bạc chàng vội nhồm dậy thì ô hô chiếc cặp da đã bay theo người đẹp.

Norman như điên dại, chàng mặc vội quần áo và chạy ngay xuống phố. Ngang một ngã tư chàng giật mình nghe một thằng bé rao báo :

— Tin tức vụ đánh cắp năm triệu bạc ở Toulouse đây. Mọi đô, tin tức vụ đánh cắp ở Toulouse.

Móc túi vài đồng còn sót lại, chàng trao cả cho thằng bé cầm vội tờ báo chạy về phòng ngồi đọc :

— Ông Chagall sáng thứ hai tới ngân hàng ký ngân phiếu lấy tiền, ngạc nhiên khi được biết chiều thứ bảy ông sai Norman lãnh năm triệu.

Thế là rồi, thế là nội vụ đồ bề, nhưng Norman đâu có sợ bằng sự việc Jacqueline đã cuốn số bạc to tát của chàng, thật là đồ đều cán, thật là thứ đàn bà bất lương. Norman nghĩ như vậy. Chàng định tới ngay bóp cảnh sát nộp mạng và tố cáo Jacqueline nhưng chàng do dự, bản khoản không biết có nên hay không.

Còn đang nghĩ ngợi, bỗng nhiên có tiếng đập cửa thỉnh thịch, Norman quỳnh quáng, chàng vội chạy lại phía cửa sổ; Trời ! cao quá, liễu lĩnh có thể mất mạng, mà ai bên ngoài mới được. Norman hỏi to :

— Ai !

— Đồ ăn trộm, mở cửa mau...

Một giọng đàn bà, rõ là giọng Jacqueline. Norman vội chạy đi mở cửa, hai nhân viên cảnh sát và Jacqueline hiện ra, một người báo :

— Ông là Norman phải không ?

— Phải.

— A lê, về bót...

NĂM PHÚT QUYẾT ĐỊNH

— Còn tôi, mày ông định giữ tôi à ?
— Chớ sao, về bắt tất cả, sẽ phân giải sau.
Đọc đường ngồi trên xe cây, Norman quát vào mặt Jacqueline :

— Cô là đồ điếm, đồ ăn trộm.
— Hừm, còn mấy đồ đánh cắp, đồ biển thủ...

Ít hôm sau ra tòa, Norman lãnh hai năm về tội giả mạo chứng thư và trộm, còn Jacqueline được tha bổng về tội đồng lõa với Norman nhưng bị phạt ba tháng tù ở về tội mãi dâm và trộm.

Ngồi trên xe bít bùng, Norman trầm tư nghĩ ngợi, phải chi chàng dậy sớm năm phút thì đầu đèn nổi, phải chi năm phút quyết định vì một con đàn bà tệ bạc như Jacqueline của chàng được suy nghĩ thì chàng đâu đã ra thân tù tội.

Norman thở dài chán ngán, chàng nhìn qua khung xe khe khẽ chép miệng thở dài trong khi Jacqueline luôn mồm mắng :

— Đồ đều... đồ trộm...

Chiếc xe vẫn chạy đều trên các đường phố, cuối cùng vạt hai tội phạm vào khám đường, bóng tối bắt đầu trùm lên đầu họ. Riêng Norman có lẽ đã thấm thía về quyết định của chàng bằng khoảng thời gian hai năm đến tội.

Các bạn xem mỗi ngày trong nhật báo



- ★ XÃ THUYẾT CHÍNH TRỊ. của N.V.
- ★ THẠCH-BÍCH-SƠN, truyện bằng tranh của NGUYỄN-VỸ
- ★ NHẬT KÝ của DIỆU-HUYỀN

Chủ nhiệm; Chủ bút: NGUYỄN-VỸ

người tù



(Tiếp theo P.T. 136)

Hôm sau, « vô tuyến điện » của Cachot phụ nữ cho hay cô Đào thị... nhắn với tôi rằng anh em chánh-trị phạm ở Xà-lim số 6 và số 5 muốn gặp tôi để nói chuyện.

Đại biểu của anh em sẽ đợi tôi tại nhà-thương của lao-xá tám giờ sáng mai. Muốn đến đó thì chiều nay tôi phải giả vờ khai có bệnh, (trong tù thường gọi quen là khai malade) tám giờ sáng sẽ có một người lính đến mở cửa đưa tôi đi nhà thương. Tôi gõ « vô tuyến điện » nhận lời.

Thế là hôm sau, nhờ khai gian là « malade », tôi được đưa đi nhà thương của lao-xá, nơi đây đã có chín mười anh em chờ tôi. Họ cũng là những người có bệnh, bệnh thật hay bệnh giả, đều vui vẻ được đôi chút « tự-do » ngoài xà-lim. Một anh hỏi tôi :

— Anh là anh N. V. ?

Tôi gật đầu đáp lại bằng một nụ cười. Trong khi chờ đợi mấy anh tù khác đang được khám bệnh trong phòng, mấy anh

với tôi ngồi ngoài hiên tha hồ trò chuyện. Kể hồi chuyện này, người hỏi chuyện khác, dĩ nhiên là chuyện chiến tranh, chuyện Nhật, chuyện Tây, và tình hình trong nước, đời sống thực-tế hằng ngày, v.v... Anh em bu lại hỏi rất đông và nghe say-mê. Mình biết gì nói nấy. Vì trong tù không được đọc báo và anh em không có dịp được ra ngoài nên mỗi khi có một người tù mới bắt vào là anh em xôn-xao hỏi-han về tin tức. Nhân tiện, anh em khế bày cho tôi vài ba mưu mẹo cần phải biết trong tù mà mấy anh ở đây lâu năm đã có nhiều kinh nghiệm.

Vì biết tôi bị giam ở Cachot chỉ được mặc một bộ đồ độc nhất, không có đồ thay, anh em có lòng tốt cho lén tôi hai cái quần và một sơ-mi mà mấy anh còn nhét giấu trong xó cửa, dặn tôi chốc nữa xin thuốc xong ra về mấy anh sẽ dúi vào cho, và tôi phải nhét trong lưng quần, đừng để lính trông thấy. Mấy anh còn dặn tôi mỗi khi cần dùng cái gì thì cứ « gõ vô tuyến điện » sang Cachot phụ nữ sát Cachot tôi, ở phía sau. Từ đây, các chị em sẽ truyền tin qua các xà-lim khác bằng những phương tiện khác. Đây là cả một hệ-thống tổ chức trình thám giữa các khu biệt-lập trong lao-xá.

Đến phiên tôi được gọi vô khám bệnh. Ông Y-sĩ (1) hỏi tôi đau gì.

Tôi xin thú thật với các bạn rằng tôi chưa quen các mưu mẹo và hôm ấy tôi không có bệnh gì cả. Sức nhớ hồi nhỏ còn đi học mỗi lần lười biếng học thì xin thầy cho đi nhà thương uống thuốc ho. Nhà thương cho uống một thứ sía-rô thơm và ngọt lắm. Lần này tôi cũng khai với ông y-sĩ lao-xá rằng tôi đau bụng. Tức thì ông cho tôi uống thuốc xổ Sulfate de soude. Tôi hoảng hốt, vì mình ở trong phòng giam kín, mỗi ngày chỉ được cho đi cầu một lần, lúc 7 giờ sáng, và mỗi lần chỉ được ngồi 5 phút. Bây giờ uống thuốc xổ vào thì... chết rồi ! Làm sao đi cầu ? Tôi phải giả vờ bụng lý thuốc xổ ra ngoài hiên

1. Thời tiền-chiến, ở Đông-dương có một loại Y-sĩ « lô canh » do Đại học Hà-nội đào tạo ra, và được gọi là Médecin Indochinois (Y sĩ Đông-dương).

để uống, kỳ thực là để lén đổ đi. Nhưng ông Y-sĩ bắt buộc tôi phải uống ngay trước mặt ông.

Tôi nhất định không uống, viện lý-do chính đáng là tôi bị giam ở cachot, cả ngày lẫn đêm đều không được ra ngoài. Nhưng ông Y-sĩ không nghe.

Ông bảo người lính ôm chặt tôi, bắt tôi há mồm để ông trút thuốc xổ vào. Ông cộn hăm : « Không chịu uống, lần sau ông bắt uống gấp đôi ! »

Hôm ấy vì tôi phải uống thuốc xổ nên họ không phát phần cơm của tôi. Tôi phải nhịn đói. Bắt đầu từ trưa, tôi nghe kêu ọt... ọt trong dạ dày. Rồi từ khoảng 2, 3 giờ chiều cho đến tối, và từ tối cho đến sáng. Suốt đêm, một cuộc nội loạn nổ bùng trong ruột tôi. Tôi khổ quá !

Các bạn đoán hiểu việc dĩ nhiên đã xảy ra trong cachot của tôi đêm hôm ấy, do một ly thuốc xổ uống vào ban sáng. Tôi đành làm một việc không thể tránh được, để sáng hôm sau nghe anh tù rửa phòng tặng cho tôi một bài tứ-đại-oán thật là lâm-ly não-nuột. Anh tù này có phạm sự mỗi buổi sáng sớm xách một thùng nước và một cái chổi để rửa các phòng cachots. Mấy lần trước không có chuyện chi thì anh tù tề với tôi lắm. Có khi còn đem lén một điều thuốc Méliá cho tôi. Hôm nay vừa mở cửa cachot, trông thấy cảnh tượng bắt thường, anh la om-sòm, và chửi rửa tôi, thiếu điều đập cái chổi bần vào người tôi nữa.

Rút kinh nghiệm hôm ấy, mỗi lần tôi muốn đi nhà thương để gặp anh em nói chuyện chơi thì tôi phải nghĩ trước một chứng bệnh tưởng tượng cho thích hợp với lục phủ ngũ tạng của tôi. Thường thường tôi khai ho, hoặc nhức đầu. Có hôm tôi khai « thiếu máu », ông y-sĩ phì cười lấy cho tôi một viên thuốc đau bụng.

Một hôm chị em bên cachot phụ-nữ gọi qua cho tôi một miếng giấy trắng nhều nát, như đã bị ướt được phơi khô, to bằng lòng bàn tay, một khúc bút chì thật ngắn, và một cục

kẹo cau nhuộm sọc xanh sọc đỏ. Chị em gọi « vô tuyến điện » yêu cầu tôi làm một bài thơ trong tù, chép trên tấm giấy kia rồi trao lại chị em.

Tôi làm xong thơ như sau đây :

*Thơ thơ thần thần ở trong tù,
Chẳng thần thơ, thì chán chết ru !
Nói chuyện hồn ma kêu cách-cạch, (1)
Nghe còi xe lửa khóc hu-hu.
Buồn duyên văn tự, tài hoa lụy
Tủi hận non sông, huyết lệ thù.
Ai mở giùm ta dây xích sắt
Cho hồn thoát khỏi chốn âm-u ?*

Tôi chép lên giấy trao sang cachot phụ nữ.

Tôi không biết bài đó có anh chị em nào trong Lao Huê họa lại không, vì ngay hôm sau tôi bị giải đi « an trí » Trà-Khê.

Lúc lính đưa tôi đi qua sân giữa, anh em trong hai giầy xà.lim, và chị em trong hai giầy cachots, tự nhiên đồng thanh trỗi lên bài hát từ biệt bằng tiếng Pháp :

*Ce n'est qu'un au-revoir,
Mes frères, ce n'est qu'un au-revoir*

Tôi không hiểu tại sao anh chị em trong tù lại hát bài đó bằng tiếng Pháp, có lẽ tại vì chưa có bài tiếng Việt theo điệu ấy. Nhưng dù tiếng nào cũng rất cảm động. Tôi dừng chân lại một phút, ngó sân lao vắng vẻ, đầy ngập lá vàng, ngó mây giầy lao tù, và nghe từ trong các ngục thất tiếng anh chị em hát lên lời tiễn biệt, tự nhiên tôi rơm rớm lệ.

Cho đến bây giờ đây, mỗi lần tôi có dịp nghe ai hát bài « *Ce n'est qu'un au-revoir* » là tiếng hát vang dội trong lòng tôi, khiến tôi cảm xúc bồi ngùi, và tự nhiên rơm rớm lệ...

(còn tiếp)

(1) Nói chuyện bằng lối gõ morse trên vách tường, gọi là « vô tuyến điện ».



vào cuộc phiêu lưu

✱ HOA TỊNH LINH
K.B.C 4422

*Ngửa nghiêng thuyền ngược lên nguồn
buồn tênh lái gầy, gió dờn lênh đênh ..
một dòng nước lũ, triền miên
thuyền sao cuồng dại, rờ diên tay chèo ?
thác ghềnh cuộn nước cheo leo
âm ầm nổi sóng, thuyền neo xuôi dòng.
bến nào thuyền đỗ ? long đong ...
cuộc đời đen tối, ôm lòng cô-liêu !*

*nặng chiều ngả chênh tiêu-diêu,
vỡ vàng thế cuộc, đành phiêu lưu vào.*

Ông Hoàng Bé

* Saint Exupéry

• MẠC TRIỀU LINH dịch

(tiếp theo P. I. 136)

MỘT lát Hoàng Bé nói :

— Người đi đâu cả ? ở sa-mạc hơi cô-độc nhỉ...

— Ở giữa loài người cũng cô-độc, con rắn đáp.

Hoàng Bé nhìn con rắn giây lâu, rồi nói :

— Mi là con vật kỳ dị hỉ, nhỏ như ngón tay...

— Nhưng tôi có thể lực mạnh hơn ngón tay ông vua đấy ?... con rắn trả lời.

Hoàng bé mỉm cười :

— Mi thì thể lực gì ?... chân còn chẳng có... không đi du-lich được...

— Ấy thế mà tôi đưa anh đi xa hơn cả tàu bè kia. Nói xong, con rắn cuộn mình quanh mắt

cá chân Hoàng Bé, như một chiếc vòng vàng.

— Tôi mà đụng vào ai, tôi trả liền người ấy về đất là nơi hấn phát xuất. Nhưng anh trong sạch, anh từ một ngôi sao đến đây...

Hoàng bé không đáp.

— Trông thấy anh mà tôi thương, yếu đuối thế mà lạc loài trên cái địa-cầu những đá là đá này. Bao giờ anh nhớ tiếc hành-tinh của anh quá. Tôi sẽ có cách giúp anh. Tôi có thể...

— Ồ, tôi hiểu rồi, nhưng sao mi nói chuyện như ra câu đố thế.

— Tôi giải đáp được hết mọi

HOÀNG BÉ

câu đố, con rắn trả lời. Và cả hai lại yên lặng.

XVII

HOÀNG Bé đi ngang sa mạc mà chỉ gặp một bông hoa, một bông hoa có ba cánh, một bông hoa nhỏ tí xíu...

— Chào hoa.

— Chào anh.

Hoàng Bé lễ phép hỏi :

— Người đi đâu cả ?

Bông hoa nhớ lại đã có một ngày được thấy cả đoàn người đi qua, trả lời :

— Người ấy à ? Hình như có độ sáu hay bảy gì đó. Tôi đã thấy cách đây mấy năm rồi. Nhưng bây giờ chả biết tìm họ ở đâu. Gió thổi họ đi đâu cả. Họ không rề, thành ra phiền ghê.

— Thôi từ biệt hoa.

— Từ biệt anh.

XVIII

Hoàng Bé trèo lên một quả núi cao. Cậu mới biết ba ngọn núi phun lửa ở trên hành tinh của cậu, chỉ cao đến đầu gối. Đứng trước cậu hay dùng ngọn núi tắt để làm ghế ngồi. Bây giờ cậu nghĩ bụng : “ Trèo được lên ngọn núi cao thế kia chắc là mình sẽ nhìn được cả địa cầu và tất cả mọi người... ”

Nhưng cậu chỉ nhìn thấy lởm

chỗm đá núi nhọn hoắt như những mũi kim sắc.

— Chào, cậu chào bằng quơ ?

Có tiếng vọng vào các thành núi đáp lại.

— Chào... chào... chào...

— Ông là ai... ? Hoàng Bé hỏi.

— Ông là ai... Ông là ai...

Ông là ai... vẫn tiếng vọng trả lời.

— Các Ông hãy là bạn tôi, tôi có một mình.

— Tôi có một mình... tôi có một mình... tôi có một mình... tiếng vọng đáp.

Hoàng Bé suy nghĩ :

« Hành tinh chi mà kỳ lạ, khô khan, nhọn hoắt, mặng chát. Loài người quả không có trí tưởng tượng. Mình nói gì họ nhắc lại thế... Ở nhà mình có bông hoa bao giờ cũng nọi trước... »

XIX

Nhưng có một lúc, sau khi đã đi rất lâu qua bãi cát, qua núi đá, qua đồng tuyết. Hoàng Bé tìm thấy một con đường. Và bao nhiêu con đường đều đưa về với loài người cả.

— Chào, Hoàng Bé nói.

— Đây là một khu vườn đầy hoa hồng.

Các hoa hồng đáp lại :

— Chào anh.

Hoàng Bé ngắm nhìn các bông hoa, thấy bông nào cũng giống bông hoa của mình. Cậu ngần người hỏi :

— Các em là ai ?

— Chúng tôi là những bông hồng.

— À !

Hoàng Bé khờ lắm. Bông hoa của Hoàng đã nói với Hoàng rằng trong toàn vũ trụ chỉ có mỗi một mình hoa. Thế mà giờ đây có cả trăm cả nghìn bông giống nhau, trong một khu vườn !

Hoàng nghĩ bụng :

« Nếu hoa trông thấy thế này, chắc hoa sẽ giận lắm... hoa sẽ ho đến rớt cồ, sẽ già chết đề khô bị chế nhạo. Mình sẽ phải già vờ sắn sóc hoa, nếu không thì hoa sẽ chết thật đề làm cho mình mất mặt... »

Rồi lại nghĩ :

« Mình tưởng đã giàu có riêng một bông hoa duy nhất, mà thành ra chỉ là một bông hồng tầm thường. Bông hoa đó, với ba cái núi lửa cao bằng cái đầu gối, một cái có lẽ tắt vĩnh-viễn rồi, thì ra mình là một Hoàng tử không đáng kể là bao... » và Hoàng Bé nằm xuống cỏ, khóc...

XX

Bấy giờ có con chồn lên tiếng :

— Chào anh.

— Chào. Hoàng Bé lễ phép đáp lại, vừa quay mặt nhìn nhưng không thấy gì.

— Tôi ở đây, dưới gốc táo đây này.

— Mi là ai ? Trông mi đẹp mã nhỉ...

— Tôi là con chồn.

— Lại đây chơi với tôi, tôi buồn lắm.

— Tôi không thể chơi với anh được. Tôi chưa được thuần thực

— Thế à ! xin lỗi.

Suy nghĩ một lát, Hoàng Bé tiếp :

— Thuần phục nghĩa là gì ?

— Anh không phải là người ở đây hả ? Anh tìm ai ?

— Tôi tìm người. Mà « thuần thực » nghĩa là gì ?

— Người à ! Họ có sủng, họ đi săn. Khó chịu ghê ! Họ cũng nuôi gà nữa. Đó là cái lợi duy nhất của họ. Anh tìm gà hả ?

— Không tôi tìm bạn. « Thuần thực » nghĩa là gì ?

— Đó là một vấn đề bỏ quên quá lâu rồi. Làm cho thuần-thực nghĩa là « tạo ra những mối liên lạc... »

— Tạo ra những mối liên lạc ?

— Đúng thế. Như anh bây

giờ đối với tôi, anh chỉ là một

cậu bé giống như trăm nghìn cậu bé khác. Tôi không cần anh. Anh cũng không cần tôi. Đối với anh, tôi chỉ là một con chồn giống như trăm nghìn con chồn khác. Nhưng nếu anh làm cho tôi thuần thực, chúng ta sẽ cần nhau. Đối với tôi, anh sẽ là duy nhất ở thế giannày. Đối với anh, tôi sẽ là duy nhất ở thế gian này...

— Tôi bắt đầu hiểu rồi. Có một bông hoa... Hình như bông hoa ấy đã làm cho tôi thuần thực.

— Có thể. Ở Địa-Cầu này mình thấy đủ chuyện...

— Ồ ! Không phải ở địa cầu.

Con chồn có vẻ thắc mắc lắm.

— Thế ở hành tinh khác à ?

— Phải.

— Trên đó có người đi săn không ?

Không.

— Thật là hay ! có gà không ?

— Không.

Con chồn thở dài :

— Thật chẳng có gì thập toàn.

— Nói xong, con chồn lại trở về ý nghĩ của nó :

— Đời tôi thật là tẻ nhạt. Tôi chỉ săn gà, người ta săn tôi. Gà nào cũng giống gà nào. Người nào cũng giống người nào. Thành ra mình chán ghê. Nhưng nếu anh làm cho tôi thuần

thực, đời tôi sẽ rực rỡ như ánh mặt trời. Tôi sẽ biết một tiếng chân bước khác khiến tôi phải ần núp dưới đất. Tiếng bước chân của anh sẽ như tiếng nhạc gọi tôi ra khỏi tổ. Mà anh trông kìa ! Anh có thấy những cánh đồng lúa không ? Tôi không ăn bánh mì. Lúa đối với tôi vô-ích. Trông những cánh đồng lúa, tôi chẳng nhớ đến gì cả. Thế thì thật là buồn ! Nhưng anh có những tóc màu vàng óng ánh. Thế mà anh làm cho tôi thuần thực thì tuyệt biết bao nhiêu ! Lúa vàng sẽ nhắc tôi nhớ đến anh. Tôi sẽ thích tiếng gió thổi trong đồng lúa...

Con chồn nín thinh một lúc và nhìn mãi Hoàng Bé:

— Anh vui lòng làm tôi thuần thực nhé !

— Tôi cũng muốn lắm, nhưng ít thì giờ quá. Còn phải đi tìm bạn và biết bao nhiêu điều cần học nữa.

— Có làm cho cái gì thuần thực thì mới biết được cái đó. Loài người chẳng còn có thì giờ học biết cái gì cả. Họ mua các thứ làm sẵn ở các nhà bán hàng. Mà vì chẳng có cửa hàng nào bán bạn, cho nên họ không có bạn. Nếu anh muốn có một

người bạn, anh hãy làm cho tôi thuần thục đi!

— Phải làm thế nào?

— Phải kiên nhẫn lắm. Anh sẽ ngồi cách xa tôi một tí, như thế, trên bãi cỏ, thế... Tôi sẽ nhìn anh bên khoe mắt thế này và anh chẳng nói gì cả. Ngón ngừ hay gây sự hiểu lầm. Nhưng mà, mỗi ngày anh sẽ ngồi gần lại hơn một chút...

Hôm sau, Hoàng Bé trở lại.

Con chồn nói:

— Nền đến đúng giờ thì hơn.

Ví dụ, anh đến vào bốn giờ chiều chẳng hạn, từ ba giờ tôi đã bắt đầu sung sướng rồi. Thì giờ qua càng mau, tôi càng sung sướng. Bốn giờ rồi, tôi hồi hả, tôi lo âu, tôi sẽ khám phá ra được cái giá hạnh-phúc! Chứ nếu anh đến bất cứ lúc nào, thì tôi biết giờ nào trang điểm cho trái tim tôi... gì cũng phải có tục lệ.

— Tục lệ là gì?

— Đó cũng là một thứ bỏ quên từ lâu quá rồi. Đó là cái nó làm cho ngày nay khác với những ngày khác, giờ này khác với giờ khác. Ví dụ như các người đi săn ở đây có một tục lệ. Cứ ngày thứ năm họ khiêu vũ với phụ nữ trong làng. Thì ngày thứ năm thật là ngày tuyệt vời! Tôi đi chơi được ra tận vườn nho.

Nếu họ khiêu vũ bất cứ ngày nào và tôi chẳng có lúc nào để nghỉ ngơi.

Cứ thế con chồn dần dần trở nên thuần thục. Đến khi sắp phải chia tay, con chồn nói:

— Ồ !... Tôi sẽ khóc.

— Đó là tại mi chứ; ta có muốn làm cho mi khổ đau, nhưng mi lại muốn ta làm cho mi thuần thục.

— Hẳn tôi muốn thế chứ.

— Nhưng bây giờ mi sắp khóc!

— Chắc là sẽ khóc.

— Thế thì được lợi gì đâu?

— Có được chứ. Vì màu lúa.

Rồi con chồn lại tiếp:

— Thôi đi thăm lại những bông hoa hồng đi. Anh sẽ hiểu rằng bông hồng của anh là bông hồng duy nhất ở thế gian này. Anh sẽ trở lại từ biệt tôi, rồi tôi sẽ tặng anh một điều bí-mật.

Hoàng Bé đi thăm những bông hồng và nói:

— Các chị chẳng giống bông hồng của tôi chút nào. Các chị chưa là gì cả. Chưa ai làm cho các chị thuần thục. Các chị giống như con chồn của tôi dạo trước. Nó chỉ là một con chồn giống như trăm nghìn con chồn khác. Bây giờ nó đã trở thành bạn tôi và nó đã hóa ra duy nhất trên thế gian này.

Những bông hoa hồng lấy làm khó chịu lắm. Hoàng Bé lại nói:

— Các chị đẹp, nhưng các chị trống rỗng. Người ta không thể chết vì các chị. Dĩ nhiên bông hồng của tôi, người bình thường đi qua sẽ tưởng nó giống các chị. Nhưng một mình nó, nó quan hệ hơn tất cả các chị, bởi vì tôi đã tưới gốc cho nó. Bởi vì tôi đã lấy lòng kính che cho nó. Bởi vì tôi đã lấy bình phong chắn gió cho nó. Chính vì nó mà tôi đã giết mấy con sâu. Chỉ trừ hai ba con bướm. Chính tôi đã nghe nó than van, hay khoe khoang, hoặc có khi nín lặng nữa. Vì nó là bông hồng của tôi.

Xong, Hoàng Bé trở lại với con chồn:

— Từ biệt.

— Vâng, từ biệt. Đây điều bí-mật của tôi đây. Đơn sơ lắm. Muốn nhìn rõ phải nhìn bằng tấm lòng mình. Mắt chẳng thể nào trông thấy được những gì cốt yếu.

— Mắt chẳng thể nào trông thấy được những gì cốt yếu. Hoàng Bé nhắc lại câu nói của con chồn, để mà nhớ.

— Chính vì cái thời gian mà anh đã mất cho bông hồng của anh nó làm cho bông hồng của anh quan trọng đến thế.

— Chính vì thời gian mà tôi đã mất cho bông hồng của tôi... Hoàng Bé lại nhắc đề nhớ.

— Loài người đã quên cái chân lý đó. Nhưng anh đừng quên. Anh chịu vĩnh viễn những gì anh đã làm cho thuần thục. Anh chịu trách nhiệm về bông hồng của anh...

— Tôi chịu trách nhiệm về bông hồng của tôi?... Hoàng Bé nhắc lại đề nhớ.

XXI

— Chào ông.

— Chào cậu, người bề ghi đường sắt đáp lại.

— Ông làm gì ở đây?

— Tôi lựa khách du-lịch, từng nghìn người một lần. Tôi cho những chuyến xe hỏa chở họ đi, khi thì bên phải, khi thì bên trái.

Vừa khi đó một chuyến tốc hành đến, thấp đèn sáng trưng, ầm ầm như sấm động, làm rung chuyển cả căn phòng bề ghi.

— Sao họ vội vã thế? Họ tìm gì?

— Người lái đầu tàu cũng chẳng biết nữa.

Ông bề ghi vừa trả lời xong thì một chuyến tốc hành khác cũng thấp đèn sáng, ầm ầm chạy ngược chiều.

HOÀNG BÉ

Hoàng Bé hỏi:

— Họ đã trở về rồi à?
— Không phải những người lúc này đâu. Đó là một sự trao đổi.

— Họ bằng lòng chỗ họ ở trước sao?

— Không bao giờ có ai bằng lòng chỗ mình đang ở hết.

Một chuyến xe tốc hành thứ ba lại âm ỉ phóng qua, đèn chiếu sáng rực.

— Họ đuổi theo những người lúc này hay sao?

— Họ chẳng đuổi theo gì hết. Họ ngủ trong toa, hoặc là họ đang ngáp. Chỉ có trẻ con là dán mũi vào cửa kính thôi.

— Chỉ có trẻ con là chúng muốn tìm gì. Hoàng Bé nói. Chúng dễ mất thời giờ vì một con búp bê bằng gỗ rách, thế rồi con búp bê ấy trở nên rất quan trọng nếu ai lấy mất của chúng đi, là

chúng khóc...

— Thật là chúng còn may

XXII

— Chào ông.

— Chào cậu.

Đây là một người bán thuốc viên nuốt cho khỏi khát. Mỗi tuần nuốt một viên, khỏi cần uống nước.

— Tại sao ông bán thuốc đó

— Tiết kiệm thì giờ ghê lắm, các chuyên gia đã tính. Mỗi tuần như thế tiết kiệm được năm mươi ba phút.

— Thế năm mươi ba phút ấy làm gì?

— Muốn làm gì thì làm...

Hoàng Bé nghĩ bụng:

— Nếu mình có được năm mươi ba phút để dùng thì mình thông thả đi ra một vòi nước...

(còn tiếp)



POLYVIT C
TÉVÉTÉ

ĐÀN BÀ DƯỠNG THAI VÀ THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM. ỒN YẾU, ÉO-OT, CHÂN MỐC RÀNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆM TRUYỀN ĐƯỢC

K.N. số 251HYDQGD/18-10-62

HO,

Bổ-phế linh-dơn Thụy-Lâm loại A

TRỊ: Các chứng ho lâu năm, nhiều đàm, ho cảm, ho gió, yếu phổi, rang ngực, tự nhiên sút cân.

Bạch-Đới,

hoàn Thụy-Lâm

TRỊ: Cũng đau, cơn, ngứa của mình, ra huyết trắng (Các tiệm thuốc Bắc đều có bán)

Nhà thuốc **THUY-LÂM**, 191 Gia-Long Saigon

KN. số 425 ngày 25-9-63

Gần Đến kinh kỳ,

Bản thân đã dợt, hay là đang hành kinh mà đau bụng, nóng:

Lôi Công Hoàn « **ÔNG TIÊN** ».

Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt. Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc « **Ông Tiên** », Phú-Lâm Cholon

K.N. BYT. số 1— 9-5-63

Phong Ngứa,

Ghê chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà

hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « **ÔNG TIÊN** »** 30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.

Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3— 9-5-63)

1) CÁC CHỨNG HO Ho Phong, ho đàm, ho siêng Ho rang, các ngực, ho lâu ngày, ho sản hậu, nôn đống **HUỆT PHÁT PHÔNG LAO THAO** do Tang Nha chế tạo, để mệnh Phổi lành ho.

2) Yếu Tim, Đau Tim, Thẩn Kinh say yếu, dùng **AN THẦN BỬU** trị các chứng tim đập hồi hộp, mất ngủ, uể xâm chông mặt. Dùng để an thần dưỡng trí, mất gan dễ ngủ.

3) ĐẠI BỐ LONG PHỤNG TINH : Thuốc bổ cho người lạt lảm, lạt lực, mệt mỏi đau lưng, kém ăn ít ngủ, và các chứng thiếu máu.

4) Bệnh của Phụ nữ : Kinh nguyệt bất thường thiếu máu, mặt mét, đau lưng, bạch đới, ít ăn ngủ, nhức mỏi tay chân quí Bà dùng **PHỤ NỮ HỒI XUÂN TỐ**.

5) Bệnh Phong Thấp, đau khớp xương, nhức gân, tê bại, tay chân nặng nề mồ hôi trộm chỉ bài hoải dùng **THẢO LINH SƠN** Di An Hòa.

6) Quý Bà có thai bị bệnh thiếu máu sanh ra, già mứa, bản thân mệt mỏi, thai trắng đau lưng. Quý Bà dùng **DƯỠNG THAI BẢO SAN HOAN** Di An Hòa.

7) Ai có bệnh Phong ngứa, ghê chốc, lở loét ngoài da tìm thuốc **PHONG NGƯA** Di An Hòa để lượm máu giải gông.

(Có để bán ở các tiệm thuốc Bắc)

Tổng Phát hành Nhà thuốc **DI AN HÒA**

252 A, LÊ THÁNH TÔN Saigon. BYT/Kiểm Nhật ngày 18-12-1963

Nước Ngọt «CON CỌP»

Nguồn mạch Sức Khỏe
và Vui Tươi



Nước Ngọt «CON CỌP» mỗi chai
là nguồn Vui Mạnh kéo dài Tuổi Xuân

CÙ-LÀ



古
那
油

VIỆN BẢO CHẾ
NGUYỄN-CHÍ
KN 697.BYT/QCDP-21/2/64



GLUCOCÉ

TÉVÉTÉ

KEO SINH TỔ

CHỐNG MỆT-MỎI THÈ XÁC và TRÍ-ỨC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẦU-ĐƯỢC

Số 252 BYT/QCDP/18-10-62

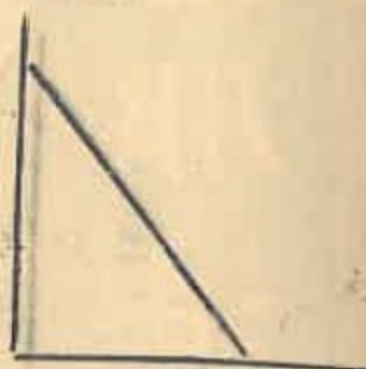


K.N. số 260 ngày 20-6-63

KINH - LÝ VĂN - PHONG

110, đại lộ Nguyễn-Huê — Saigon

Điện-thoại 23.187



Phạm - văn - Lạng

Giám-Định Trắc-dạ-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

Biểu phép số 292 CQV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VY

In tại THƯ LÂM AN THƯ QUÂN

231-233, Phạm Ngũ Lão — Saigon